BỘ Y TẾ **CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62 /QĐ-QLD	*Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1)

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Công văn số 429/BYT-QLD ngày 01/02/2023 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng từ ngày hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1), cụ thể như sau:

1. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc sản xuất trong nước được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc sản xuất tại nước ngoài được công bố tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Danh mục vắc xin, sinh phẩm được công bố tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc được công bố tại Điều 1 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ: https://moh.gov.vn/home, Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược tại địa chỉ: https://dav.gov.vn và được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt công bố tiếp theo.

Thông tin chi tiết của từng thuốc, nguyên liệu làm thuốc được tra cứu theo số đăng ký công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược tại địa chỉ https://dichvucong.dav.gov.vn/congbothuoc/index.

Điều 3. Trường hợp thuốc, nguyên liệu làm thuốc đã thực hiện thay đổi, bổ sung trong quá trình lưu hành hoặc có đính chính, sửa đổi thông tin liên quan đến giấy đăng ký lưu hành đã được cấp, doanh nghiệp xuất trình văn bản phê duyệt hoặc xác nhận của Cục Quản lý Dược với các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc, nguyên liệu làm thuốc được công bố tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT; Website Bộ Y tế; Website Cục Quản lý Dược;
- Lưu: VT, ĐKT.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
BỘ Y TẾ

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC TRONG NƯỚC CÓ GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG TỪ NGÀY HẾT HIỆU LỰC ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2024 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT SỐ 80/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 CỦA QUỐC HỘI (ĐỢT 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /QĐ-QLD ngày 08 / 02/ 2023 của Cục Quản lý Dược)

(*) Ghi chú: Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết 80/2023/QH15 đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt Quyết định tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	VD-22915-15	3B-Medi	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2	VD-26870-17	3B-Medi tab	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3	VD-20329-13	3BSTADA	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4	VD-26140-17	3BTP	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5	VD-28218-17	a - Chymotrypsin 5000	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6	VD-24206-16	A.C Mexcold	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
7	VD-24722-16	A.T Amikacin 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
8	VD-25622-16	A.T Arginin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
9	VD-25623-16	A.T Arginin 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
10	VD-24724-16	A.T Arginin 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
11	VD-24128-16	A.T Arginin 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
12	VD-25624-16	A.T Ascorbic syrup	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
13	VD-27786-17	A.T Atorvastatin 10 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
14	VD-27787-17	A.T Atorvastatin 20 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
15	VD-25625-16	A.T Bisoprolol 2.5	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
16	VD-24130-16	A.T Calci plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
17	VD-24725-16	A.T Calci sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
18	VD-26104-17	A.T Calmax	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
19	VD-24726-16	A.T Calmax 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
20	VD-25626-16	A.T Cetam 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
21	VD-25627-16	A.T Diosmectit	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
22	VD-26743-17	A.T Domperidon	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
23	VD-26744-17	A.T Esomeprazol 20 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
24	VD-27788-17	A.T Esomeprazol 20 tab	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
25	VD-24727-16	A.T Esomeprazol 40 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
26	VD-27789-17	A.T Esomeprazol 40 tab	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
27	VD-24728-16	A.T Famotidine 40 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
28	VD-25629-16	A.T Furosemide inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
29	VD-27790-17	A.T Gentamicine	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
30	VD-27791-17	A.T Glutathione 600 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
31	VD-24730-16	A.T Hydrocortisone	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
32	VD-25631-16	A.T Ibuprofen Syrup	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
33	VD-25632-16	A.T Lamivudin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
34	VD-26105-17	A.T Levofloxacin 250 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
35	VD-26106-17	A.T Levofloxacin 500 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
36	VD-24132-16	A.T Loratadin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
37	VD-24731-16	A.T Neltimicin inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
38	VD-25659-16	A.T Nitroglycerin inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
39	VD-27792-17	A.T Olanzapine ODT 10 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
40	VD-27793-17	A.T Olanzapine ODT 5 mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
41	VD-24732-16	A.T Pantoprazol	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
42	VD-25646-16	A.T Pantoprazol Tab	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
43	VD-26747-17	A.T Perindopril 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
44	VD-25634-16	A.T Rosuvastatin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
45	VD-25635-16	A.T Rosuvastatin 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
46	VD-26107-17	A.T Simvastatin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
47	VD-25636-16	A.T Sucralfate	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
48	VD-25637-16	A.T Tobramycine inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
49	VD-25638-16	A.T Tranexamic inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
50	VD-24740-16	A.T Zinc	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
51	VD-25649-16	A.T Zinc siro	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
52	VD-18416-13	A9 - Cerebrazel	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
53	VD-20749-14	ABAB 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
54	VD-8393-09	Abidal	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
55	VD-25525-16	Abiofen	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
56	VD-21272-14	Abioval-H 80	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
57	VD-25057-16	Abochlorphe	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
58	VD-16478-12	ABROCTO	Công ty cổ phần dược ATM	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
59	VD-18035-12	Abrocto	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
60	VD-28366-17	Abvaceff 200	Công ty cổ phần USpharma Hà Nội	Công ty TNHH US Pharma USA
61	VD-28367-17	Abvaceff 200	Công ty cổ phần USpharma Hà Nội	Công ty TNHH US Pharma USA
62	VD-24153-16	Acarfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
63	VD-23770-15	ACCDRUG-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
64	VD-28112-17	Aceblue 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
65	VD-27911-17	Aceclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
66	VD-25277-16	Acecontin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
67	VD-23483-15	Acecyst	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
68	VD-25112-16	Acecyst	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
69	VD-26968-17	Acedexphen 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
70	VD-26076-17	Acedolflu	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
71	VD-23528-15	Acefalgan 500	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm - Thành viên tập đoàn Valeant
72	VD-26134-17	Acefalgan 500	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
73	VD-17472-12	Aceffex	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
74	VD-24204-16	Acegoi	Công ty CPDP Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
75	VD-28535-17	Acehasan 100	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
76	VD-27730-17	Acemol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
77	VD-24693-16	Acemol fort	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
78	VD-20645-14	Acemol NDP 325	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
79	VD-20646-14	Acemol NDP 500	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
80	VD-25997-16	Acenews	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
81	VD-26588-17	Acenews	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
82	VD-22293-15	ACENOCOUMAROL 1	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
83	VD-22294-15	ACENOCOUMAROL 4	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
84	VD-20678-14	Acepron 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
85	VD-20680-14	Acepron 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
86	VD-22822-15	Acepron 650	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
87	VD-22122-15	Acepron 80	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
88	VD-20681-14	Acepron Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
89	VD-20824-14	Aceronko 1	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
90	VD-20825-14	Aceronko 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
91	VD-22437-15	Acetab 325	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
92	VD-27742-17	Acetab 325	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
93	VD-26090-17	Acetab 650	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
94	VD-19404-13	Acetaextra	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
95	VD-24239-16	Acetaphen 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
96	VD-24018-15	Acetate Ringer's	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
97	VD-27844-17	Acetazolamid	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
98	VD-20935-14	Acethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
99	VD-20936-14	Acethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
100	VD-23472-15	Acetylcistein 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
101	VD-27595-17	Acetylcystein	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
102	VD-18919-13	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
103	VD-23445-15	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
104	VD-23568-15	Acetylcystein 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
105	VD-14765-11	Acetylcystein 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
106	VD-21910-14	Acetylcystein 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
107	VD-26762-17	Acetylcystein Boston 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
108	VD-26763-17	Acetylcystein Boston 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
109	VD-24442-16	Acetylcystein EG 200mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
110	VD-20019-13	Acetylcysteine 200mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
111	VD-26619-17	Acetylcysterin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
112	VD-22364-15	AcezinDHG 5	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
113	VD-19639-13	Aciclovir	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
114	VD-20188-13	Aciclovir	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
115	VD-20321-13	Aciclovir	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
116	VD-28139-17	Aciclovir	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
117	VD-16803-12	Aciclovir 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
118	VD-22934-15	Aciclovir 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
119	VD-17856-12	Aciclovir 400 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
120	VD-18434-13	Aciclovir 5%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
121	VD-23266-15	Aciclovir Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
122	VD-26894-17	Acid tranexamic 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
123	VD-21216-14	Acigmentin 1000	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
124	VD-21619-14	Acigmentin 281,25	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
125	VD-21219-14	Acigmentin 562,5	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
126	VD-21220-14	Acigmentin 625	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
127	VD-27486-17	Acinmuxi Caps	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
128	VD-27299-17	Acinstad 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
129	VD-17551-12	Aciste 1MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
130	VD-17552-12	Aciste 2MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
131	VD-27084-17	Aciste 3 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
132	VD-26396-17	Acitonal 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
133	VD-19782-13	Aclocivis	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
134	VD-18521-13	Aclon	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
135	VD-25107-16	ACM Control 1	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
136	VD-25594-16	ACM Control 4	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
137	VD-26213-17	Acnemine	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
138	VD-19571-13	Acnequidt	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
139	VD-21788-14	Acnes medical Cream	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
140	VD-28098-17	Acneskinz	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
141	VD-26515-17	Acnol 10	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn tại tỉnh Bình Dương
142	VD-16313-12	Acocina	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
143	VD-21331-14	Acough	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
144	VD-21884-14	Actadol - Extra	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
145	VD-19584-13	Actadol 150	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
146	VD-20975-14	Actadol 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
147	VD-21438-14	Actadol 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
148	VD-21960-14	Actadol 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
149	VD-19585-13	Actadol 80	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
150	VD-21244-14	Actidine 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
151	VD-21245-14	Actidine 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
152	VD-25467-16	Actifif - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
153	VD-23306-15	Actifif-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
154	VD-24522-16	Actiso	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
155	VD-27354-17	Actiso DHĐ	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
156	VD-28159-17	Actiso PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
157	VD-20277-13	Activ - Gra	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
158	VD-18721-13	Actixim 1g	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
159	VD-26214-17	Actorisedron 35	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
160	VD-24819-16	Actorisedron 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
161	VD-18785-13	Acyacy 800	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
162	VD-24956-16	Acyclovir	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
163	VD-16621-12	Acyclovir 200	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex.
164	VD-26787-17	Acyclovir 200	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
165	VD-27017-17	Acyclovir 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
166	VD-27018-17	Acyclovir 5%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
167	VD-26788-17	Acyclovir 800	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
168	VD-26711-17	Acyclovir 800 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
169	VD-26113-17	Acyclovir Boston 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
170	VD-24572-16	Acyclovir Stada 200 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
171	VD-26553-17	Acyclovir Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
172	VD-27536-17	Acyclovir Stada 400 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
173	VD-21528-14	Acyclovir STELLA 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
174	VD-23346-15	Acyclovir STELLA 800 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
175	VD-25031-16	Acyclovir STELLA Cream	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
176	VD-22866-15	Acytomaxi	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
177	VD-20511-14	Acyvir	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
178	VD-21122-14	Aczandia	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
179	VD-18667-13	Adagrin	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
180	VD-28582-17	Adalcrem	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
181	VD-27207-17	Aderonat	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
182	VD-21885-14	Adhema	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
183	VD-19015-13	Adkold-new for children	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
184	VD-23739-15	Admed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
185	VD-25351-16	Adrenalin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
186	VD-27151-17	Adrenalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
187	VD-22521-15	Adrenalin 1mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
188	VD-21546-14	Adrenaline-BFS 1mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
189	VD-27817-17	Adrenaline-Bfs 5mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
190	VD-25284-16	Adretop	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
191	VD-20185-13	Aecysmux	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
192	VD-26777-17	Aecysmux 200 Effer	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
193	VD-23473-15	Aescin 20 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
194	VD-20502-14	Afulocin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
195	VD-23484-15	Agi- calci	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
196	VD-18220-13	Agi- Ery 500	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
197	VD-23485-15	Agi- neurin	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
198	VD-26720-17	Agi-Beta	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
199	VD-25601-16	Agibetadex	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
200	VD-19310-13	Agi-bromhexine	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
201	VD-25113-16	Agicardi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
202	VD-25114-16	Agicarvir	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
203	VD-26091-17	Agicetam 400	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
204	VD-25115-16	Agicetam 800	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
205	VD-24701-16	Agichymo	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
206	VD-25602-16	Agicipro	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
207	VD-25603-16	Agiclovir 200	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
208	VD-18693-13	Agiclovir 5%	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
209	VD-27743-17	Agiclovir 800	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
210	VD-25116-16	Agi-cotrim f	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
211	VD-26092-17	Agidexclo	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
212	VD-22438-15	Agifivit	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
213	VD-18925-13	Agifovir	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
214	VD-27744-17	Agifuros	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
215	VD-25523-16	Agilecox 200	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
216	VD-27745-17	Agilosart 12,5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
217	VD-24702-16	Agimdogyl	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
218	VD-25117-16	Agimesi 7,5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
219	VD-24111-16	Agimetpred 4	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
220	VD-25605-16	Agimfast 60	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
221	VD-26721-17	Agimlisin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
222	VD-25118-16	Agimlisin 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
223	VD-22790-15	Agimol 150	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
224	VD-22791-15	Agimol 325	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
225	VD-26722-17	Agimol 80	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
226	VD-22792-15	Agimosarid	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
227	VD-17880-12	Agimoti	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
228	VD-24703-16	Agimoti	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
229	VD-27746-17	Agimstan	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
230	VD-25119-16	Aginfolix 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
231	VD-27747-17	Aginmezin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
232	VD-24704-16	Aginolol 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
233	VD-25120-16	Agintidin 300	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
234	VD-25121-16	Agintidin 400	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
235	VD-27748-17	Agiremid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
236	VD-14666-11	Agirenyl	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
237	VD-25606-16	Agirofen	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
238	VD-25122-16	Agirovastin 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
239	VD-25123-16	Agiroxi 150	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
240	VD-23487-15	Agiroxi 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
241	VD-25607-16	Agisimva 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
242	VD-19753-13	Agitec-F	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
243	VD-13753-11	Agitritine 200	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
244	VD-27749-17	Agi-Tyfedol 500	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
245	VD-25608-16	Agivastar 40	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
246	VD-24705-16	Agi-vitac	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
247	VD-25609-16	Agivitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
248	VD-24706-16	Agoflox	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
249	VD-20653-14	AG-Ome	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
250	VD-26093-17	Ag-Ome	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
251	VD-21047-14	Agostini	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
252	VD-27924-17	Aguzar 400	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
253	VD-27400-17	AIRFLAT 80	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
254	VD-27093-17	Ajecxamic	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
255	VD-26184-17	Akavic 10	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
256	VD-18210-13	Akfedin 120	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
257	VD-18212-13	Akfedin 60	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
258	VD-25154-16	Akigol	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
259	VD-26280-17	Akitykity-new	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
260	VD-26633-17	Aladka	Công ty cổ phần Dược Khoa	Công ty cổ phần Dược Khoa

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
261	VD-20613-14	Alaginusa	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
262	VD-23414-15	Alaxan	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
263	VD-26854-17	Albenca 400	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
264	VD-28197-17	Albendazol 400	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
265	VD-22647-15	Albendazol 400 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
266	VD-20647-14	Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
267	VD-26554-17	Albendazol Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
268	VD-25032-16	Albendazole STELLA 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
269	VD-25348-16	Albinax 70mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
270	VD-21193-14	Alchysin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
271	VD-22714-15	Alchysin 8400	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
272	VD-28391-17	Alcixan	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
273	VD-19398-13	Alcool 90	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
274	VS-4855-12	Alcool 90°	Công ty cổ phần dược phẩm OPC	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
275	VD-21001-14	Aldoric fort	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
276	VD-28326-17	Aldozen	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
277	VD-17356-12	Alecizan	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
278	VD-21342-14	Aledats 35 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
279	VD-25969-16	Alenbe Plus 70mg/2800 IU	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
280	VD-25970-16	Alenbe plus 70mg/5600 IU	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
281	VD-24424-16	Alenbone	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
282	VD-26397-17	Alenbone Plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
283	VD-27329-17	Alendro-D	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
284	VD-22169-15	Alendronat	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
285	VD-26438-17	Alenocal	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
286	VD-26521-17	Alermed-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
287	VD-28518-17	Alertin	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
288	VD-24391-16	Aleucin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
289	VD-27655-17	Alexdoxim 100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
290	VD-20035-13	Alfacef 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
291	VD-25185-16	Alimazin 5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
292	VD-23569-15	Alimazin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
293	VD-24820-16	Alipid 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
294	VD-24240-16	Alipid 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
295	VD-22715-15	Aliricin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
296	VD-21036-14	Aller fort	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
297	VD-26522-17	Aller fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
298	VD-26523-17	Aller fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
299	VD-22828-15	Allerfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
300	VD-26969-17	Allergex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
301	VD-19696-13	Allerphast	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
302	VD-27426-17	Allopsel 300	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
303	VD-25704-16	Allopurinol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
304	VD-26712-17	Allopurinol 200	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
305	VD-25103-16	Allopurinol 300	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
306	VD-26572-17	Allopurinol Stada 100 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
307	VD-23985-15	Allopurinol STELLA 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
308	VD-23962-15	Almasane	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
309	VD-22771-15	Almipha 8,4 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
310	VD-19920-13	Alodip 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
311	VD-19115-13	Alorax	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
312	VD-26635-17	Alovirum	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
313	VD-21465-14	Alpha - Chymotrypsin - US	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
314	VD-25906-16	Alpha chymotrypsin	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
315	VD-25998-16	Alpha Chymotrypsin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
316	VD-14647-11	Alpha chymotrypsine	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
317	VD-18056-12	Alphabiotic	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
318	VD-19250-13	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
319	VD-20138-13	Alphachymotrypsin	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
320	VD-22104-15	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
321	VD-23997-15	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
322	VD-28392-17	Alphachymotrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
323	VD-16529-12	Alpha-Chymotrypsin	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
324	VD-27670-17	Alphachymotrypsin - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
325	VD-27671-17	Alphachymotrypsin - BVP 4200	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
326	VD-20618-14	Alphachymotrypsin - BVP 8400	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
327	VD-26456-17	Alphachymotrypsin Doren	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
328	VD-28404-17	Alphachymotrypsin Éloge	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
329	VD-19771-13	Alphachymotrypsin Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
330	VD-17892-12	Alphachymotrypsin-CGP	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
331	VD-21084-14	Alphadaze	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
332	VD-23938-15	Alphadaze	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
333	VD-25019-16	Alphadaze - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
334	VD-25962-16	Alphadaze-Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
335	VD-20546-14	AlphaDHG	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
336	VD-24286-16	Alpha-EnteroEXT	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
337	VD-28123-17	Alpha-Ktal	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
338	VD-27074-17	Alphatrypa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
339	VD-26281-17	Alphatrypa DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
340	VD-26282-17	Alphatrypa-Fort DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
341	VD-23296-15	Alphausar	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
342	VD-22391-15	Alphausarichsin	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
343	VD-26343-17	Alramgin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
344	VD-26589-17	Alstuzon	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
345	VD-23773-15	Altamin	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR)
346	VD-18786-13	Althax	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
347	VD-27252-17	Alton C.M.P	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
348	VD-20654-14	Alumag-S	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
349	VD-28444-17	Aluminium phosphat gel	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
350	VD-24208-16	Alu-P Gel	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
351	VD-23529-15	Aluphos	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
352	VD-20494-14	Alverin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
353	VD-28144-17	Alverin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
354	VD-22059-14	Alverin - US	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
355	VD-18326-13	Alzocalm 0,5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
356	VD-18327-13	Alzocalm 1,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
357	VD-18328-13	Alzocalm 2,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
358	VD-26474-17	AM Itori 60	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
359	VD-18858-13	Amapirid 2mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
360	VD-18859-13	Amapirid 4mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
361	VD-20665-14	Ambidil 5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
362	VD-24719-16	Ambihep	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
363	VD-15305-11	Ambroco	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
364	VD-25739-16	Ambrolex 0,3%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
365	VD-26215-17	Ambrolex 0,6%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
366	VD-25740-16	Ambrolex 30	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
367	VD-25959-16	Ambroxen	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
368	VD-21200-14	Ambroxol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
369	VD-22049-14	Ambroxol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
370	VD-24539-16	Ambroxol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
371	VD-24540-16	Ambroxol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
372	VD-27370-17	Ambroxol 30 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
373	VD-26489-17	Ambroxol RVN	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
374	VD-26246-17	Ambroxol SK	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
375	VD-23552-15	Ambuxol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
376	VD-28014-17	Amcoda 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
377	VD-26970-17	Amebismo	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
378	VD-26971-17	Amebismo	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
379	VD-23446-15	Amedred	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
380	VD-20229-13	Ameferex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
381	VD-20230-13	Ameferex folic	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
382	VD-22958-15	Amefibrex 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
383	VD-22191-15	Amefibrex 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
384	VD-20455-14	Amefibrex 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
385	VD-22504-15	Ameflu	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
386	VD-21869-14	Ameflu Day Time	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
387	VD-27253-17	Amelicol	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
388	VD-21875-14	Ameprazol 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
389	VD-21876-14	Ameprazol 40	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
390	VD-27965-17	Ameproxen 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
391	VD-25741-16	Ameproxen 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
392	VD-28655-18	Amerbic	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
393	VD-25226-16	Amesartil 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
394	VD-22960-15	Amespasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
395	VD-19406-13	Ametrazol spira	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
396	VD-19407-13	Ametrazol spira forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
397	VD-18981-13	Ametuss	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
398	VD-23626-15	Ametuss 5 cough relief	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
399	VD-25132-16	Amfastat 10	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
400	VD-24122-16	Amfastat 20	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
401	VD-26972-17	Amidorol	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
402	VD-27505-17	Amilavil 10 mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
403	VD-24006-15	Aminazin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
404	VD-24680-16	Aminazin 25mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
405	VD-25361-16	Aminoacid Kabi 5%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
406	VD-27298-17	Aminoleban	Công ty Cổ phần Otsuka OPV	Công ty Cổ phần Otsuka OPV
407	VD-19242-13	Aminosteril 10%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
408	VD-24404-16	Aminowel Kabi	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
409	VD-15932-11	Amiparen - 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
410	VD-28286-17	Amiparen- 5	Công ty Cổ phần Otsuka OPV	Công ty Cổ phần Otsuka OPV
411	VD-26114-17	Amiritboston 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
412	VD-26115-17	Amiritboston 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
413	VD-22600-15	Amisine 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
414	VD-26865-17	Amitriptylin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
415	VD-23998-15	Amkuk	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
416	VD-27371-17	Amlodipin 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
417	VD-22433-15	Amlo-Efti	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
418	VD-24881-16	AMMG-3B	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
419	VD-26805-17	Ammuson	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
420	VD-22220-15	Amogentine 250mg/62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
421	VD-25283-16	Amogentine 500mg/125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
422	VD-23669-15	Amogentine 875mg/125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
423	VD-23778-15	Amohexine	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
424	VD-17953-12	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
425	VD-18249-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
426	VD-18307-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
427	VD-18308-13	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
428	VD-23670-15	Amoxicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
429	VD-18309-13	Amoxicilin 250mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
430	VD-24941-16	Amoxicilin 500 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
431	VD-25811-16	Amoxicilin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
432	VD-17537-12	Amoxicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
433	VD-21369-14	Amoxicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
434	VD-18302-13	Amoxicillin 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
435	VD-25916-16	Amoxicillin 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
436	VD-17538-12	Amoxicillin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
437	VD-20313-13	Amoxicillin 250mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
438	VD-24948-16	Amoxicillin 250mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
439	VD-22625-15	Amoxicillin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
440	VD-20020-13	Amoxicillin 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
441	VD-14480-11	Amoxicillin MKP 500	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
442	VD-28113-17	Amoxividi 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
443	VD-20471-14	Amoxycilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
444	VD-20472-14	Amoxycilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
445	VD-22531-15	Amoxycilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
446	VD-17834-12	Amp - Ginine	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
447	VD-18072-12	Ampelop	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
448	VD-27926-17	Ampetox	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
449	VD-28687-18	Ampicilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
450	VD-16804-12	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
451	VD-16805-12	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
452	VD-18613-13	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
453	VD-25873-16	Ampicilin 250 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
454	VD-17539-12	Ampicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
455	VD-20849-14	Ampicilin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
456	VD-20888-14	Ampicilin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
457	VD-16806-12	Ampicilin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
458	VD-24396-16	Ampicilin 500 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
459	VD-17526-12	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
460	VD-20473-14	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
461	VD-21370-14	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
462	VD-22221-15	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
463	VD-22532-15	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
464	VD-28688-18	Ampicilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
465	VD-24980-16	Ampicillin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
466	VD-25878-16	Ampicillin MKP 500	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
467	VD-21123-14	Ampiryl 4mg	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm và sinh học y tế	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm và sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
468	VD-27750-17	Amquitaz 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
469	VD-25938-16	Amribazin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
470	VD-26579-17	Amsibed 20	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
471	VD-22688-15	Amucap	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
472	VD-20252-13	Amucopect-New for children	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
473	VD-24496-16	Amursolic	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
474	VD-18697-13	Amvifuxime 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
475	VD-25378-16	Amxolmuc	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
476	VD-27343-17	Amydatyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
477	VD-19755-13	Ancicon	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
478	VD-27656-17	Ancicon	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
479	VD-23570-15	Andol S	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
480	VD-17240-12	Andonmuc	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
481	VD-25709-16	Anduxtane	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
482	VD-19484-13	Anelipra 5	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
483	VD-22795-15	Anepzil	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
484	VD-26593-17	Angut	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
485	VD-22142-15	Anpemux	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
486	VD-20399-13	Antacil	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
487	VD-24738-16	Anticlor	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
488	VD-18221-13	Antidartre	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
489	VD-27794-17	Antifix	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
490	VD-26748-17	Antigmin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
491	VD-26749-17	Antilox	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
492	VD-26750-17	Antilox forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
493	VD-17774-12	Antimuc	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
494	VD-24134-16	Antimuc 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
495	VD-25639-16	Antimuc 100 sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
496	VD-27795-17	Antinat	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
497	VD-28705-18	Antipylo	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
498	VD-25640-16	Antirova plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
499	VD-24733-16	Antirova sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
500	VD-26108-17	Antivic 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
501	VD-26751-17	Antivic 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
502	VD-27091-17	Antopi 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
503	VD-27092-17	Antopi 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
504	VD-27487-17	Antoxcin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
505	VD-21719-14	Anyfen	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
506	VD-18939-13	APFFU	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
507	VD-25494-16	Aphacolin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
508	VD-18172-13	Aphacool	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
509	VD-21796-14	Apharmarin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
510	VD-28723-18	Apharmcetam	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
511	VD-25039-16	Apharova	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
512	VD-24010-15	Apitim 5	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
513	VD-26973-17	Apuric 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
514	VD-26974-17	Apuric 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
515	VD-25610-16	Arbosnew 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
516	VD-26639-17	Arclenxyl	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
517	VD-21509-14	Argide	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
518	VD-22649-15	Argide	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
519	VD-23307-15	Arginice	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
520	VD-20036-13	Arginin PMP	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
521	VD-20592-14	Arginine	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC
522	VD-23336-15	Argistad 1G	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
523	VD-20540-14	Argistad 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
524	VD-20372-13	Argistad 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
525	VD-23293-15	Aricamun	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
526	VD-26002-16	Arimenus	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
527	VD-25495-16	Arme-Rogyl	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
528	VD-19851-13	Aronatboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
529	VD-28015-17	Aronfat 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
530	VD-28016-17	Aronfat 200	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
531	VD-18560-13	Arotabin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
532	VD-24861-16	Arterakine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
533	VD-25402-16	Arthamin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
534	VD-20782-14	Arthrivit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
535	VD-20783-14	Arthrivit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
536	VD-19108-13	Arthrobic 15	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
537	VD-19109-13	Arthrobic 7,5	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
538	VD-17746-12	Arthur	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
539	VD-28445-17	Artreil	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
540	VD-23815-15	Artrofort 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
541	VD-22401-15	Arximuoc	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
542	VD-23738-15	Asakoya	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
543	VD-23882-15	Asapnano	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
544	VD-25618-16	Asasea 500mg/100ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
545	VD-28066-17	Asbuline 5	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
546	VD-21332-14	Asbunyl	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
547	VD-26217-17	Ascarantel 6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
548	VD-23530-15	Ascorbin-1000	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
549	VD-22528-15	Asemylove	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
550	VD-23151-15	Asigastrogit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
551	VD-24917-16	Aspartam	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
552	VD-26580-17	Asperlican 150	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
553	VD-17816-12	Aspilets EC	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
554	VD-27751-17	Aspirin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
555	VD-25257-16	Aspirin 81	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
556	VD-22339-15	Aspirin 81 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
557	VD-20261-13	Aspirin 81mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
558	VD-24048-15	Aspirin pH8	Công ty TNHH dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty cổ phần US Pharma USA
559	VD-27517-17	Aspirin Stada 81 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
560	VD-22495-15	Asthmastop 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
561	VD-21870-14	Asthmastop 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
562	VD-26556-17	Asthmatin 4	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
563	VD-26557-17	Asthmatin 5	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
564	VD-18938-13	ATASIC 200	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty Cổ phần US pharma USA
565	VD-19892-13	Atenolol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
566	VD-25980-16	Atenstad 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
567	VD-24734-16	Atersin	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
568	VD-28658-18	Atessen	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
569	VD-27796-17	Atibeza	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
570	VD-24592-16	Aticef 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
571	VD-26003-16	Aticef 500 caps	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
572	VD-27797-17	Aticizal	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
573	VD-27798-17	Atidogrel	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
574	VD-27799-17	Atiferlic	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
575	VD-25641-16	Atifolin 100 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
576	VD-24135-16	Atifolin inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
577	VD-24723-16	ATIGIMIN	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
578	VD-25642-16	Atiglucinol inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
579	VD-25643-16	Atigluco 1500 sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
580	VD-24735-16	Atigluco 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
581	VD-27800-17	ATIHEM	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
582	VD-25644-16	Atihepam 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
583	VD-24736-16	Atihepam 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
584	VD-26753-17	Atihepam inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
585	VD-26754-17	Atilene	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
586	VD-25645-16	Atileucine inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
587	VD-24136-16	Atimezon inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Nhà máy sản xuất dược phẩm An Thiên
588	VD-24737-16	Atinila	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
589	VD-27633-17	Atinon 10	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
590	VD-26029-16	Atinon 20	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
591	VD-26755-17	Atirin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
592	VD-25648-16	Atisolu 125 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
593	VD-26109-17	Atisolu 40 inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
594	VD-24739-16	Atizal	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
595	VD-27801-17	Atizet	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
596	VD-27802-17	Atizet plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
597	VD-20147-13	Atmethysla 250mg	Công ty cổ phần Dược ATM	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
598	VD-26975-17	Atorhinal	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
599	VD-22695-15	Atorlip 10	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
600	VD-23380-15	Atorlip 20	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
601	VD-25999-16	Atormax	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
602	VD-21312-14	Atorvastatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
603	VD-28160-17	Atorvastatin 10 mg	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
604	VD-28369-17	Atorvastatin 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
605	VD-21313-14	Atorvastatin 20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
606	VD-27080-17	Atorvastatin 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
607	VD-24479-16	Atorvastatin 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
608	VD-28136-17	Atorvastatin 20 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
609	VD-21985-14	Atorvastatin RVN 20	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
610	VD-25689-16	Atorvastatin TP	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
611	VD-25379-16	Atorvastatine EG 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
612	VD-25380-16	Atorvastatine EG 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
613	VD-25381-16	Atorvastatine EG 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
614	VD-24142-16	Atorvpc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
615	VD-24143-16	Atorvpc 20	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
616	VD-24241-16	Atovast 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
617	VD-24821-16	Atovast 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
618	VD-27208-17	ATP	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
619	VD-22582-15	Atropin sulfat	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
620	VD-24897-16	Atropin sulfat	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
621	VD-18616-13	Atropin sulfat 0,25 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
622	VD-21952-14	Atropin sulfat kabi 0,1%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
623	VD-24376-16	Atropin Sulphat	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
624	VD-24588-16	Atropine-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
625	VD-23415-15	Atussin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
626	VD-24046-15	Atussin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
627	VD-24000-15	Atzozem	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
628	VD-27672-17	Aucabos	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
629	VD-25779-16	Auclanityl 250/31,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
630	VD-27057-17	Auclanityl 562,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
631	VD-27058-17	Auclanityl 875/125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
632	VD-21844-14	Au-DHT	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
633	VD-17112-12	Augbactam 156,25	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
634	VD-23175-15	Augbactam 1g	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
635	VD-21430-14	Augbactam 625	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
636	VD-19318-13	Augbidil	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
637	VD-27254-17	Augbidil 1g	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
638	VD-26363-17	Augbidil 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
639	VD-25864-16	Augbidil 500mg/62,5mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
640	VD-28220-17	Augbidil 625	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
641	VD-20436-14	Augclamox 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
642	VD-22213-15	Augtipha 281,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
643	VD-22214-15	Augtipha 562,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
644	VD-17976-12	Augxicine 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
645	VD-22533-15	Augxicine 625	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
646	GC-237-15	Aulakan	(Cơ sở đặt gia công) Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
647	VD-21743-14	Auliplus	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
648	VD-25823-16	Aulox	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
649	VD-27278-17	Aumakin 625	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
650	VD-23252-15	Aumoxtine 625 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
651	VD-28140-17	Aupain 750mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
652	VD-26727-17	Aupiflox 400mg/250ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
653	VD-28406-17	Ausad	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
654	VD-27955-17	Ausginin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
655	VD-15084-11	Ausmezol 20mg	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
656	VD-20069-13	Austen	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
657	VD-23264-15	Austen-S	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
658	VD-19205-13	AustrapharmMesone 16	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
659	VD-23265-15	Austriol	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
660	VD-19756-13	Ausxicam	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
661	VD-27803-17	Autifan 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
662	VD-27804-17	Autifan 40	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
663	VD-26116-17	Avasboston 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
664	VD-26117-17	Avasboston 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
665	VD-27966-17	Averinal	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
666	VD-26728-17	Avicemor 750mg/150ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
667	VD-20405-14	Avimci	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
668	VD-27273-17	Avoir 120	Công ty cổ phần Gon sa	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
669	VD-22570-15	Avozzim	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
670	VD-21034-14	Axe Brand Inhaler (Ống hít mũi hiệu cây búa)	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Công ty Dược phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam
671	VD-20520-14	Ayite	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
672	VD-20976-14	Azibiotic	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
673	VD-20541-14	Azicine	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
674	VD-19693-13	Azicine 250 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
675	VD-20231-13	Azicrom 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
676	VD-21871-14	Azicrom 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
677	VD-20232-13	Azicrom 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
678	VD-25024-16	Azihasan 250	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
679	VD-23799-15	Aziphar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
680	VD-27557-17	Azithromycin 100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
681	VD-10806-10	Aztalxan	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
682	VD-17580-12	AZTRAM	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
683	VD-18367-13	B Complex C	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
684	VD-27106-17	B Complex C	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
685	VD-18904-13	B.Vitab	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
686	VD-22898-15	B1B6B12	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
687	VD-21255-14	Babemol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
688	VD-21256-14	Babemol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
689	VD-24822-16	Babi B.O.N	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
690	VD-24594-16	Baburex	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
691	VD-24113-16	Baburol	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
692	VD-18278-13	Babycanyl	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
693	VD-23627-15	Babyfever	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
694	VD-25742-16	Babygaz	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
695	VD-28175-17	Babysky	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
696	VD-25166-16	Babysolvan	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
697	VD-27075-17	Babytrim - New	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
698	VD-17543-12	Babytrim- New Alpha	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
699	VD-22897-15	Bactamox 1 g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
700	VD-28647-17	Bactamox 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
701	VD-20449-14	Bactamox 625	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
702	VD-28648-17	Bactamox 750	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
703	VD-22900-15	Bactamox 750 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
704	VD-25963-16	Bactocin Cap	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
705	VD-23792-15	Bài thạch T/H	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
706	VD-22506-15	Bakidol Extra 250/2	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
707	VD-25650-16	Bambuterol 10 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
708	VD-27927-17	Bamyrol 150 Sol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
709	VD-24287-16	Banago 10	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
710	VD-22515-15	Banago 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
711	VD-23070-15	Banalcine	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
712	VD-28176-17	Bangren	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
713	VD-22374-15	Banitase	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
714	VD-28368-17	Bantako fort	Công ty cổ phần USpharma Hà Nội	Công ty TNHH US Pharma USA
715	VD-21713-14	Bari sulfat	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
716	VD-18523-13	Baromezole	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
717	VD-18768-13	Basmicin 400	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
718	VD-27752-17	Bastinfast 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
719	VD-27753-17	Bastinfast 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
720	VD-22373-15	Batonat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
721	VD-23958-15	Bazato	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
722	VD-26035-17	Bcinnalgine	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
723	VD-20547-14	Bé nóng	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
724	VD-26061-17	Becacipro	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
725	VD-18900-13	Becacold - E	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
726	VD-18901-13	Becacold-S	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
727	VD-27695-17	Becaspira 1.5M UI	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
728	VD-19151-13	Beclopi 75	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
729	VD-18186-13	Beclozine 25	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
730	VD-18886-13	Beco-Arginine	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
731	VD-19641-13	Beco-Arginine	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
732	VD-25434-16	Becocef	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
733	VD-24499-16	Becohista	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
734	VD-21469-14	Becolitor 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
735	VD-21470-14	Becolitor 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
736	VD-26761-17	Becolorat	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
737	VD-22445-15	Becolugel	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
738	VD-22810-15	Becolugel - O	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
739	VD-18493-13	Becopanthyl	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Công ty liên doanh Meyer - BPC
740	VD-28410-17	Becorac	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
741	VD-28411-17	Becorace	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
742	VD-19148-13	Becoridone	Công ty CPDP Bến Tre	Công ty CPDP Bến Tre
743	VD-26475-17	Becorilid	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
744	VD-12504-10	Becoron C	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
745	VD-24500-16	Becosemid	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
746	VD-28412-17	Becosturon	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
747	VD-27402-17	Becotarel	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
748	VD-27403-17	Becovacine 1,5 MIU	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
749	VD-23295-15	Beenenit	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
750	VD-24020-15	Beetona	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
751	VD-18887-13	Befabrol	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
752	VD-23904-15	Befadol CF	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
753	VD-22446-15	Befadol Kid	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
754	VD-27404-17	Befaryl	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
755	VD-19154-13	Begaba 300	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
756	VD-18741-13	Belcozyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
757	VD-24464-16	Benate	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
758	VD-23877-15	Benate fort cream	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
759	VD-24209-16	Benca	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
760	VD-27896-17	Benca IMP 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
761	VD-22381-15	Benda 500	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
762	VD-28654-18	Benfosafe	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
763	VD-23879-15	Benita	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
764	VD-25948-16	Benitez	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
765	VD-22402-15	Benthasone	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
766	VD-24993-16	Benzatique 5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
767	VD-28178-17	Benzina 10	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
768	VD-25411-16	Benzosali	Công ty cổ phần Traphaco	công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
769	VD-19272-13	Benzydamin Throat Spray 0.15%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
770	VD-27140-17	Benzylpenicilin 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
771	VD-28414-17	Bephardin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
772	VD-20037-13	Bepracid 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
773	VD-25710-16	Bepromatol 2.5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
774	VD-25330-16	Bequantene	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
775	VD-20310-13	Berberin	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
776	VD-22275-15	Berberin	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
777	VD-22573-15	Berberin	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
778	VD-24397-16	Berberin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
779	VD-26036-17	Berberin	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
780	VD-27596-17	Berberin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
781	VD-22823-15	Berberin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
782	VD-21982-14	Berberin 100 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
783	VD-19572-13	Berberin clorid	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
784	VD-22592-15	Berberin EX	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
785	VD-16791-12	Berberin mộc hương	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
786	VD-17649-12	Berinthepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
787	VD-22796-15	Besalicyd	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
788	VD-27395-17	Besamux 200	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
789	VD-19603-13	Besfoben	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
790	VD-26809-17	Best GSV	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
791	VD-22516-15	Bestcadi	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
792	VD-27255-17	Bestdocel 20	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
793	VD-28179-17	Bestimac Q10	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
794	VD-23648-15	Bestpirin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
795	VD-28626-17	Betaclo	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
796	VD-27279-17	Betacylic	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
797	VD-19213-13	Betaderm - Neomycin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
798	VD-24741-16	Betahistin 16 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
799	VD-27033-17	Betahistin 24	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
800	VD-25651-16	Betahistin 8 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
801	VD-24501-16	Betahistin-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
802	VD-22365-15	Betahistine 16	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
803	VD-25487-16	Betahistine STELLA 16 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
804	VD-25488-16	Betahistine STELLA 8 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
805	VD-24694-16	Betalgine	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
806	VD-28278-17	Betamethason	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
807	VD-22734-15	Betamethason 0,5mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
808	VD-22735-15	Betamethason 0,5mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
809	VD-20977-14	Betamethason Exp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
810	VD-23268-15	Betamethason Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
811	VD-23269-15	Betamethason Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
812	VD-26045-17	Betamex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
813	VD-23939-15	Betanic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
814	VD-24541-16	Betanic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
815	VD-18187-13	Betaphenin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
816	VD-27705-17	Bethadesmin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
817	VD-24356-16	Betoflex 0,05%	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
818	VD-24220-16	Beuticystine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
819	VD-28180-17	Bevichymo	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
820	VD-21510-14	Bexilan 250	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
821	VD-26810-17	Bexinclin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
822	VD-26043-17	Bezarich	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
823	VD-28114-17	Bezati 150	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
824	VD-25414-16	Beziax 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
825	VD-24589-16	BFS-Cafein	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
826	VD-22023-14	BFS-Calciclorid	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
827	VD-21547-14	BFS-Calcium folinate	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
828	VD-24007-15	BFS-Drotaverine	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
829	VD-21548-14	BFS-Furosemide	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
830	VD-25669-16	BFS-Furosemide 40mg/4ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
831	VD-26122-17	BFS-Grani (không chất bảo quản)	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
832	VD-26769-17	BFS-Hyoscin 40mg/2ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
833	VD-23379-15	BFS-Naloxone	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
834	VD-24008-15	BFS-Neostigmine 0.25	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
835	VD-26770-17	BFS-Netilmicin	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
836	VD-26771-17	BFS-Noradrenaline 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
837	VD-21778-14	BFS-Noradrenaline 1mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
838	VD-27818-17	Bfs-Noradrenaline 4mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
839	VD-27819-17	BFS-Paracetamol	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
840	VD-21549-14	BFS-Piracetam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
841	VD-27820-17	Bfs-Salbutamol	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
842	VD-24750-16	BFS-Tranexamic 500mg/10ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
843	VD-19024-13	Biacefpo 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
844	VD-19025-13	Biacefpo 200	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
845	VD-22621-15	Bicanma	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
846	VD-28221-17	Bicebid 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
847	VD-27256-17	Bicebid 200	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
848	VD-18250-13	Biceflexin powder	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
849	VD-18368-13	Bicefnir 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
850	VD-28222-17	Bicefzidim 1g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
851	VD-28067-17	Bicelor 250 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
852	VD-28068-17	Bicelor 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
853	VD-28069-17	Bicelor 500 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
854	VD-26558-17	Bicimax	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
855	VD-21231-14	Bidi BC Complex	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
856	VD-28223-17	Bidiclor 125	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
857	VD-22118-15	Bidiclor 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
858	VD-28224-17	Bidicotrim F	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
859	VD-19768-13	Bidilucil	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
860	VD-20666-14	Bidilucil 250	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
861	VD-20667-14	Bidilucil 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
862	VD-19843-13	Bidimoxy 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
863	VD-28225-17	Bidinatec 10	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
864	VD-28226-17	Bidisamin 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
865	VD-25865-16	Bifacold	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
866	VD-28227-17	Bifopezon 1g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
867	VD-19844-13	Bifotirin 1g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
868	VD-25349-16	Bifucil	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
869	VD-24934-16	Bifumax 750	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
870	VD-21966-14	BigAvalo	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
871	VD-21233-14	Bigemax 1G	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
872	VD-21234-14	Bigemax 200	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
873	VD-21235-14	Bigentil 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
874	VD-21605-14	Bigiko 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
875	VD-23434-15	Bigiko 80	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
876	VD-28228-17	Bikozol	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
877	VD-27673-17	Bilclacin 300	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
878	VD-28229-17	Biloxcin Eye	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
879	VD-26365-17	Biluracil 250	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
880	VD-28230-17	Biluracil 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
881	VD-25563-16	Bimelid	Công ty TNHH dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty cổ phần US Pharma USA
882	VD-19019-13	Bimesta	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
883	VD-25258-16	Binystar	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
884	VD-19296-13	Biocalcium	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
885	VD-22274-15	Biofil	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
886	VD-27626-17	Biosride	Công ty TNHH TM dược phẩm Nguyễn Vy	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
887	VD-26524-17	Biotin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
888	VD-24862-16	Biotin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
889	VD-17752-12	Bipro	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
890	VD-23135-15	Biracin - E	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
891	VD-21236-14	Biragan 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
892	VD-23136-15	Biragan 300	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
893	VD-24392-16	Biragan 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
894	VD-24393-16	Biragan 650	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
895	VD-21237-14	Biragan codein	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
896	VD-25866-16	Biragan Codein	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
897	VD-28231-17	Biragan Kids 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
898	VD-24935-16	Biragan Kids 325	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
899	VD-28232-17	Biresort 10	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
900	VD-22050-14	Bisacodyl	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
901	VD-21129-14	BisacodylDHG	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
902	VD-24874-16	Bisalaxyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
903	VD-19431-13	Bisarolax	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
904	VD-28288-17	Biscapro 2,5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
905	VD-28289-17	Biscapro 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
906	VD-20933-14	Bisepthabi	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
907	VD-19942-13	Biseptol 480	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
908	VD-27257-17	Bisilkon	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
909	VD-21806-14	Bisinthvon 8	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
910	VD-28446-17	Bisnol	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
911	VD-22814-15	Bisoboston 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
912	VD-16168-11	Bisoloc	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
913	VD-16169-11	Bisoloc	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
914	VD-17805-12	Bisoloc plus	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
915	VD-18160-12	Bisoloc plus	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
916	VD-18530-13	Bisoplus HCT 5/12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
917	VD-22474-15	Bisoprolol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
918	VD-25595-16	Bisoprolol 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
919	VD-20806-14	Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)
920	VD-20807-14	Bisoprolol Plus HCT 5/6.25	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)
921	VD-24559-16	Bisostad 2.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
922	VD-22703-15	Bisufat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
923	VD-21772-14	Bitalvic	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
924	VD-25549-16	Bitanamic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
925	VD-19953-13	Biticans	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
926	VD-18930-13	Bitolysis 1,5% low calci	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
927	VD-18931-13	Bitolysis 2,5%	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
928	VD-18934-13	Bitolysis 4,25% Low calci	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
929	VD-22060-14	Bitrepso	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
930	VD-27674-17	Bivaltax	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
931	VD-25285-16	Bivantox inf	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
932	VD-15065-11	Biviantac	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
933	VD-22395-15	Biviantac	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
934	VD-19949-13	Bivibact 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
935	VD-19950-13	Bivibact 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
936	VD-25573-16	Bivicarbo	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
937	VD-27675-17	Bivicelex 200	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
938	VD-18600-13	Bivicetyl	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
939	VD-19803-13	Bivicipag	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
940	VD-21900-14	Bivicode 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
941	VD-25072-16	Bivicox	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
942	VD-18890-13	Bivicox 200	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
943	VD-19017-13	Biviflox	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
944	VD-27676-17	Biviflu	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
945	VD-20619-14	Biviflu - F	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
946	VD-18664-13	Bivikiddy +	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
947	VD-14900-11	Bivilans	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
948	VD-19472-13	Biviminal 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
949	VD-25286-16	Biviminal 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
950	VD-22717-15	Bivinadol	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
951	VD-25574-16	Bivinadol 325	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
952	VD-24668-16	Bivinadol 500	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
953	VD-26650-17	Bivipear 4	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
954	VD-26651-17	Bivitelmi 40	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
955	VD-26049-17	Bivitelmi 80	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
956	VD-21238-14	Bixicam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
957	VD-18602-13	Bixofen 120	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
958	VD-24875-16	Bixovom 8	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
959	VD-27276-17	Biztolbaby	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
960	VD-23100-15	Bluecap	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
961	VD-28070-17	Blue-Cold-Tab	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
962	VD-22366-15	Bocalex C 1000	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
963	VD-21239-14	Bocartin 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
964	VD-21240-14	Bocartin 50	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1
965	VD-18816-13	Bocinor	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
966	VD-27821-17	Bogamax	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
967	VD-18280-13	Bolivernew	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
968	VD-27500-17	Bominity	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
969	VD-26811-17	Bone-Glu	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
970	VD-24140-16	Bosrontin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
971	VD-23513-15	Bostrypsin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
972	VD-24687-16	Bột giải cảm	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
973	VD-23796-15	Bột Talc	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
974	VD-21048-14	Bourill	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
975	VD-22091-15	Bovega	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
976	VD-21049-14	Boyata	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
977	VD-28659-18	Bozypaine	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
978	VD-28071-17	Braicef 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
979	VD-21333-14	Braintrop 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
980	VD-26219-17	Braintrop 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
981	VD-17907-12	Bratorex-Dexa	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
982	VD-21050-14	Breakin	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
983	VD-23812-15	Bretam	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
984	VD-28272-17	Bretam	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
985	VD-21639-14	Brezimed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
986	VD-21797-14	Brikorizin	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
987	VD-12946-10	Brocamyst	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
988	VD-26812-17	Brodicef 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
989	VD-26813-17	Brodicef 500	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
990	VD-27405-17	Brofun	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
991	VD-23326-15	Brometic 2mg/10ml	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
992	VD-21130-14	Bromhexin 4	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
993	VD-21511-14	Bromhexin 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
994	VD-20548-14	Bromhexin 8	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
995	VD-22255-15	Bromhexin 8	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
996	VD-25415-16	Bromhexin 8 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
997	VD-25652-16	Bromhexine A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
998	VD-28627-17	Bromhexin-US 4mg	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
999	VD-27634-17	Bromhexin-US 8mg	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1000	VD-21334-14	Broncholax	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1001	VD-26976-17	Bronsolvin 8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1002	VD-27220-17	Brosuvon	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1003	VD-27107-17	Brown Burk Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1004	VD-27108-17	Brown Burk Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1005	VD-17042-12	Bucarvin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
1006	VD-27706-17	Budolfen	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1007	VD-28583-17	Burci	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1008	VD-24542-16	Busconic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1009	VD-24996-16	Bustidin 20	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1010	VD-22839-15	Butridat 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1011	VD-21308-14	Bvit 1 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1012	VD-26165-17	Bvit 6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1013	VD-27678-17	Bvpalin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1014	VD-21662-14	C - Calci	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1015	VD-21265-14	C 500 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1016	VD-16995-12	C.C.life	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.
1017	VD-28290-17	Caavirel	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1018	VD-21577-14	Cabendaz	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1019	VD-19399-13	Cabovis viên thanh nhiệt giải độc	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1020	VD-22061-14	Cadicefaclor 250 mg	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1021	VD-27635-17	Cadicefpo 100	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1022	VD-20400-13	Cadiconazol	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1023	VD-27636-17	Cadidox	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1024	VD-20100-13	Cadidroxyl 250	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1025	VD-21578-14	Cadidroxyl 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1026	VD-24657-16	Cadifamo	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1027	VD-28629-17	Cadifast 120	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1028	VD-24658-16	Cadiflex	Công ty TNHH dược phẩm Nam Thành Phố	Công ty cổ phần US Pharma USA
1029	VD-24050-15	Cadiflex 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1030	VD-24051-15	Cadifradin 500	Công ty TNHH Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1031	VD-21174-14	Cadigesic	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1032	VD-21175-14	Cadigesic	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1033	VD-23421-15	Cadigesic Extra	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1034	VD-19745-13	Cadimelcox	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1035	VD-28630-17	Cadimelcox 15	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1036	VD-21579-14	Cadimin C 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1037	VD-20102-13	Cadimusol	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1038	VD-24052-15	Cadimusol	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1039	VD-18263-13	Cadineuron	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty TNHH US pharma USA
1040	VD-22447-15	CADINICIN	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1041	VD-28631-17	Cadiperidon	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1042	VD-21173-14	CADIPHEROL 400IU	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1043	VD-25564-16	Cadipira	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1044	VD-18705-13	Cadipredson 16	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1045	VD-18706-13	Cadipredson 4	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1046	VD-22383-15	Cadiramid	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1047	VD-19235-13	Cadirizin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1048	VD-24659-16	Cadirocin 150	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1049	VD-22384-15	Cadirogyn	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1050	VD-17894-12	Cadirovib	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
1051	VD-20103-13	Cadirovib	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1052	VD-21580-14	Cadiroxim 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1053	VD-26630-17	Cadisimvas	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1054	VD-18264-13	Cadismectite	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1055	VD-20104-13	Caditadin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1056	VD-24660-16	Cadivastal	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1057	VD-20256-13	Cafein 70 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1058	VD-20987-14	Caflaamtil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1059	VD-23196-15	Cafunten	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1060	VD-21085-14	CALCI - D	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC	Công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm NIC
1061	VD-23447-15	Calci & Vitamin D	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1062	VD-27120-17	Calci 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
1063	VD-19573-13	Calci carbonat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
1064	VD-19097-13	Calci clorid	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
1065	VD-24898-16	Calci clorid	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1066	VD-25784-16	Calci clorid 0,5g/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1067	VD-25287-16	Calci clorid 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1068	VD-22935-15	Calci clorid 500mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1069	VD-25186-16	CALCI D	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1070	VD-24225-16	Calci folinat 100mg/10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1071	VD-24226-16	Calci folinat 50mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1072	VD-19098-13	Calci hydrogen phosphat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
1073	VD-20949-14	Calci lactate 650mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1074	VD-19845-13	Calci vita	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1075	VD-22961-15	Calcical	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1076	VD-21650-14	Calcido	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1077	VD-17012-12	Calcigenol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1078	VD-21824-14	Calcilinat F100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1079	VD-26977-17	Calcimax	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1080	VD-27401-17	CALCITRIOL ME-AUSPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
1081	VD-24823-16	Calcitron Plus Mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1082	VD-28536-17	Calcium Hasan 250mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
1083	VD-27518-17	Calcium Stada 500 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1084	VD-25981-16	Calcium STELLA Vitamin C, PP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1085	VD-26778-17	Calcium VPC 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1086	VD-26764-17	Calciumboston ascorbic	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1087	VD-21148-14	Caledo	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1088	VD-18680-13	CALISAMIN	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1089	VD-24695-16	Calyptin F	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1090	VD-18253-13	Camlyhepatinsof	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1091	VD-28697-18	Cammic	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1092	VD-25205-16	Camoas	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1093	VD-28698-18	Camphora	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1094	VD-20254-13	Canabios 25	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1095	VD-19473-13	Canabios 30	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1096	VD-20255-13	Canabios 50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1097	VD-18593-13	Canasone C.B.	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1098	VD-26185-17	Candesartan cilexetil 32 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1099	VD-25489-16	Candesartan STELLA 16 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1100	VD-28584-17	Cangyno	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1101	VD-21630-14	Canpaxel 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1102	VD-21631-14	Canpaxel 30	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1103	VD-19943-13	Canxi SBK 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1104	VD-20963-14	Cao đặc Actiso	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1105	VD-27722-17	Cao đặc Actisô	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1106	VD-21956-14	Cao đặc cà gai leo	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1107	VD-20964-14	Cao đặc Diệp hạ châu	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1108	VD-20965-14	Cao đặc Đinh lăng	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1109	VD-21435-14	Cao đặc nấm linh chi	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1110	VD-26378-17	Cao đặc ngải cứu (tương đương 50 kg ngải cứu) 5kg	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1111	VD-21957-14	Cao đặc nhân sâm	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1112	VD-26379-17	Cao đặc nhọ nồi	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1113	VD-21714-14	Cao đặc thiên niên kiện	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1114	VD-26652-17	Cao khô Chuối hột (1:20)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1115	VD-26653-17	Cao khô Hương phụ (1:20)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1116	VD-26654-17	Cao khô Ích mẫu (1:10)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1117	VD-26655-17	Cao khô Lá Sen (1:12,5)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1118	VD-26656-17	Cao khô Ngải cứu (1:12,5)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1119	VD-26657-17	Cao khô Nhân trần (1: 14,3)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1120	VD-26658-17	Cao khô Núc nác (1: 14,3)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1121	VD-26659-17	Cao khô Rau má (1: 8,33)	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
1122	VD-18321-13	Cao linh chi lingzhi extract	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1123	VD-20629-14	Cao sao vàng	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1124	VD-22992-15	Cao sao vàng	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1125	VD-24346-16	Cao sao vàng	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1126	VD-26922-17	Cao sao vàng	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
1127	V1429-H12-10	Cao sao vàng TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1128	VD-24914-16	Cao xoa định thống	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1129	VD-22062-14	Capesto 20	Công ty TNHH DP Uy Tín	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1130	VD-22063-14	Capesto 40	Công ty TNHH DP Uy Tín	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1131	VD-26814-17	Capriles	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1132	VD-19258-13	Capsicin gel 0,025%	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1133	VD-22085-15	Capsicin gel 0,05%	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1134	VD-23800-15	Captarsan 25	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1135	VD-28537-17	Captohasan comp 25/12.5	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
1136	VD-27519-17	Captopril Stada 25 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1137	VD-18524-13	Captoril	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1138	VD-25187-16	Carbocistein 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1139	VD-20464-14	Carbothiol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1140	VD-22496-15	Cardicare 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1141	VD-22497-15	Cardicare 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1142	VD-25227-16	Cardicare 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1143	VD-21663-14	Cardigix 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1144	VD-21664-14	Cardigix 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1145	VD-22720-15	Carditem	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1146	VD-23869-15	Cardivasor	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1147	VD-22841-15	Caretril 10	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1148	VD-22842-15	Caretril 30	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1149	VD-19933-13	Carlutin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1150	VD-20456-14	Cartijoints extra	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1151	VD-24955-16	Carvedol 12.5	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
1152	VD-19777-13	Carvedol 25 mg	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1153	VD-22843-15	Carvelmed 12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1154	VD-22844-15	Carvelmed 6.25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1155	VD-22669-15	Carvestad 12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
1156	VD-28519-17	Carvesyl	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
1157	VD-27434-17	Casilas-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1158	VD-23294-15	CATOLIS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1159	VD-23101-15	Caviar 40	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1160	VD-24425-16	Cazerol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1161	VD-28742-18	Cbizentrax	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Nguyễn Vy	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1162	VD-21814-14	Cebastin 10	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1163	VD-28338-17	Cebest	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1164	VD-28339-17	Cebest	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1165	VD-28340-17	Cebest	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1166	VD-28341-17	Cebest	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
1167	VD-20339-13	Cebral	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1168	VD-19139-13	Cebraton	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1169	VD-21453-14	Cebraton	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1170	VD-21454-14	Cebraton	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1171	VD-21980-14	Cebraton Liquid	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1172	VD-18359-13	Cecolfen F	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1173	VD-26685-17	Cédesfarnin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1174	VD-17929-12	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1175	VD-22170-15	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1176	VD-22906-15	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1177	VD-27912-17	Cedetamin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1178	VD-26866-17	Cedetamin tablets	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1179	VD-27913-17	Cedetamin XD	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1180	VD-28649-18	Cedex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1181	VD-19889-13	Cedipect	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1182	VD-20695-14	Ceditax 200	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1183	VD-21263-14	Ceditax 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1184	VD-21635-14	Ceditax 90	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1185	VD-19230-13	Ceelin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1186	VD-19743-13	Ceelin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1187	VD-20602-14	Ceelin +Z	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1188	VD-19744-13	Ceelin mới	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1189	VD-19503-13	Cefaclor 125 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1190	VD-22064-14	Cefaclor 125 - US	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1191	VD-24664-16	Cefaclor 125 mg	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1192	VD-18201-13	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1193	VD-20850-14	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1194	VD-21657-14	Cefaclor 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1195	VD-18203-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1196	VD-19627-13	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1197	VD-24144-16	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1198	VD-25416-16	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1199	VD-25417-16	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1200	VD-26895-17	Cefaclor 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1201	VD-18971-13	Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1202	VD-20474-14	Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1203	VD-25317-16	Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1204	VD-14047-11	Cefaclor 375mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
1205	VD-18204-13	Cefaclor 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1206	VD-20851-14	Cefaclor 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1207	VD-26398-17	Cefaclor Stada 500mg capsules	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1208	VD-21373-14	Cefaclorvid 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1209	VD-22233-15	Cefaclorvid 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1210	VD-24145-16	Cefacyl 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1211	VD-22824-15	Cefacyl 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1212	VD-23518-15	Cefacyl 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1213	VD-19474-13	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1214	VD-27477-17	Cefadroxil 500-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
1215	VD-22522-15	Cefadroxil 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1216	VD-25780-16	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1217	VD-26186-17	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1218	VD-28001-17	Cefadroxil 250mg	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Công ty cổ phần Dược S.Pharm
1219	VD-24480-16	Cefadroxil 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1220	VD-24981-16	Cefadroxil 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1221	VD-25418-16	Cefadroxil 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1222	VD-18972-13	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1223	VD-21371-14	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1224	VD-23712-15	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1225	VD-24001-15	Cefadroxil 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1226	VD-25382-16	Cefadroxil EG 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1227	VD-27300-17	Cefadroxil PMP 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1228	VD-27301-17	Cefadroxil PMP 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1229	VD-25929-16	Cefadroxil pp	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
1230	VD-26399-17	Cefakid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1231	VD-28670-18	Cefalemid 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1232	VD-25917-16	Cefalexin 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1233	VD-27372-17	Cefalexin 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1234	VD-23713-15	Cefalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1235	VD-22305-15	Cefalexin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1236	VD-27373-17	Cefalexin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1237	VD-19968-13	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1238	VD-23071-15	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1239	VD-24002-15	Cefalexin 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1240	VD-25743-16	Cefalox 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1241	VD-25228-16	Cefalox 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1242	VD-25795-16	Cefamandol 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1243	VD-28719-18	Cefamandol 1G	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1244	VD-25796-16	Cefamandol 2G	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1245	VD-28720-18	Cefamandol 2G	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1246	VD-21582-14	Cefantif 300 cap	Công ty TNHH thương mại dược phẩm quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US Pharma USA
1247	VD-26400-17	Cefastad 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1248	VD-23827-15	Cefastad 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1249	VD-26401-17	Cefastad 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1250	VD-22281-15	Cefastad 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1251	VD-20503-14	Cefatam 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1252	VD-20504-14	Cefatam 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1253	VD-23824-15	Cefatam Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1254	VD-24227-16	Cefazolin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1255	VD-25288-16	Cefazolin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1256	VD-27889-17	Cefazolin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1257	VD-24297-16	Cefazolin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1258	VD-20269-13	Cefazolin ACS Dobfar	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1259	VD-18399-13	Cefazolin VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1260	VD-20889-14	Cefbactam VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1261	VD-24119-16	Cefbuten 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1262	VD-24120-16	Cefbuten 400	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1263	VD-20690-14	Cefclor 250	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1264	VD-20692-14	Cefclor 500 mg	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1265	VD-24181-16	Cefdina 125	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1266	VD-23553-15	Cefdina 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1267	VD-25691-16	Cefdina 300	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1268	VD-22123-15	Cefdinir 125	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1269	VD-24160-16	Cefdinir 100 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1270	VD-27558-17	Cefdinir 125	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1271	VD-20603-14	Cefdinir 125 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1272	VD-24655-16	Cefdinir 125-MV	Công ty TNHH TM DP Quốc tế Minh Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
1273	VD-27559-17	Cefdinir 300	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1274	VD-20105-13	Cefdinir 300 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US pharma USA
1275	VD-22833-15	Cefdinir 300 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1276	VD-27851-17	Cefepim	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1277	VD-28689-18	Cefepim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1278	VD-24308-16	Cefimbrano 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1279	VD-22232-15	Cefimbrano 200	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1280	VD-18945-13	Cefini 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1281	VD-18946-13	Cefini 125	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1282	VD-18947-13	Cefini 300	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1283	VD-20251-13	Cefixim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1284	VD-21583-14	CEFIXIM 400-CGP	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1285	VD-12405-10	Cefixim 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1286	VD-18459-13	Cefixime MKP 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1287	VD-18460-13	Cefixime MKP 50	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1288	VD-22546-15	Cefixime Uphace 100	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1289	VD-24336-16	Cefixime Uphace 50	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1290	VD-18943-13	Cefjidim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1291	VD-18944-13	Cefjidim 2g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1292	VD-25155-16	Ceflodin 125	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1293	VD-24161-16	Ceflodin 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1294	VD-24757-16	Ceflodin 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1295	VD-25797-16	Cefmetazol 1000mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1296	VD-25798-16	Cefmetazol 2000mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1297	VD-19052-13	Cefmetazol VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1298	VD-18369-13	Cefnirvid 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1299	VD-23688-15	Cefnirvid 300	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1300	VD-23595-15	Cefodomid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1301	VD-23596-15	Cefodomid 100mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1302	VD-24228-16	Cefodomid 200	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1303	VD-23597-15	Cefodomid 50	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1304	VD-22936-15	Cefodomid 50mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1305	VD-28492-17	Cefoperazon 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1306	VD-23203-15	Cefoperazon Stada 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1307	VD-19969-13	Cefotaxim	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1308	VD-20837-14	Cefotaxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1309	VD-25289-16	Cefotaxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1310	VD-18400-13	Cefotaxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1311	VD-22937-15	Cefotaxime 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1312	VD-24229-16	Cefotaxime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1313	VD-24410-16	Cefotaxime 1g	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1314	VD-20270-13	Cefotaxime ACS Dobfar	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1315	VD-26187-17	Cefotiam 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1316	VD-25320-16	Cefotiam 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1317	VD-28671-18	Cefotiam 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1318	VD-26841-17	Cefoxitin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1319	VD-26842-17	Cefoxitin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1320	VD-19053-13	Cefpirom 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1321	VD-26816-17	Cefpivoxil 400	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1322	VD-20676-14	Cefpodoxim 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1323	VD-20106-13	Cefpodoxim 100 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1324	VD-27852-17	Cefpodoxim 100 mg	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1325	VD-20865-14	Cefpodoxim 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1326	VD-20866-14	Cefpodoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1327	VD-20107-13	Cefpodoxim 200 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1328	VD-20022-13	Cefpodoxime-MKP 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1329	VD-20023-13	Cefpodoxime-MKP 50	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1330	VD-27637-17	Cefprozil 250-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1331	VD-27638-17	Cefprozil 500-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1332	VD-18401-13	Cefradin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1333	VD-21584-14	Cefradin 500 - US	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
1334	VD-20772-14	Cefradin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1335	VD-25321-16	Cefradin VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1336	VD-22938-15	Ceframid 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1337	VD-24957-16	Ceftanir	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1338	VD-18402-13	Ceftazidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1339	VD-18403-13	Ceftazidim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1340	VD-23040-15	Ceftazidime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1341	VD-18774-13	CeftaZidime 2g	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1342	VD-25383-16	Ceftazidime EG 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1343	VD-25384-16	Ceftazidime EG 2g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1344	VD-25385-16	Ceftazidime EG Enfants et Nourrissons 0,5g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1345	VD-23016-15	Ceftibiotic 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
1346	VD-23017-15	Ceftibiotic 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
1347	VD-22820-15	CEFTIKAS 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1348	VD-20677-14	CEFTIKAS 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1349	VD-23726-15	Ceftizoxim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1350	VD-26843-17	Ceftizoxim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1351	VD-17035-12	Ceftizoxim 1G	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1352	VD-21699-14	Ceftizoxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1353	VD-26844-17	Ceftizoxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1354	VD-17036-12	Ceftizoxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1355	VD-27853-17	Ceftriaxon	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1356	VD-28493-17	Ceftriaxon 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1357	VD-28494-17	Ceftriaxon 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1358	VD-26402-17	Ceftriaxon EG 1g/10ml	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1359	VD-26403-17	Ceftriaxon EG 1g/3,5ml	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1360	VD-20272-13	Ceftriaxone ACS Dobfar	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1361	VD-28233-17	Ceftrione 1g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1362	VD-24426-16	Ceftristad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1363	VD-20253-13	Ceftume 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1364	VD-24936-16	Cefubi -100DT	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1365	VD-19945-13	Cefucofa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1366	VD-26031-16	CEFUKING	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1367	VD-24028-15	Cefurel 1.5g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1368	VD-27639-17	Cefurich 500	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1369	VD-23816-15	Cefuro-B 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1370	VD-23817-15	Cefuro-B 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1371	VD-20978-14	Cefurobiotic 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1372	VD-20979-14	Cefurobiotic 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1373	VD-13902-11	Cefurovid 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1374	VD-13904-11	Cefurovid 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1375	VD-25799-16	Cefuroxim 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1376	VD-23727-15	Cefuroxim 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1377	VD-26283-17	Cefuroxim 1,5G	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1378	VD-26779-17	Cefuroxim 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1379	VD-27836-17	Cefuroxim 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1380	VD-23204-15	Cefuroxim Stada 750 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1381	VD-22940-15	Cefuroxime 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1382	VD-27077-17	Cefwin 200 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1383	VD-24427-16	Cefzidimstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1384	VD-20108-13	Celecoxib 100 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1385	VD-23270-15	Celecoxib 100 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1386	VD-21911-14	Celecoxib 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1387	VD-25521-16	Celecoxib 100mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1388	VD-20109-13	Celecoxib 200 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
1389	VD-22066-14	Celecoxib 200 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1390	VD-26477-17	Celecoxib 200 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1391	VD-22773-15	Celecoxib 200 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1392	VD-19757-13	Celecoxib 200mg	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1393	VD-21912-14	Celecoxib 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1394	VD-27259-17	Celerzin	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1395	VD-23047-15	Celextavin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1396	VD-23308-15	Celezmin-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1397	VD-26644-17	Celezmin-Nic	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1398	VD-21828-14	Celormed 125	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1399	VD-21636-14	Celormed 250	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1400	VD-21637-14	Celormed 500	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1401	VD-27302-17	Celorstad kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1402	VD-25557-16	Celosti 200	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1403	VD-20686-14	Cemofar 150	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1404	VD-21634-14	Cemofar 325	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1405	VD-27845-17	Cemofar EF 150	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
1406	VD-27846-17	Cemofar EF 250	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1407	VD-27847-17	Cemofar EF 80	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1408	VD-24231-16	Cendromid 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1409	VD-23740-15	Cenesthen	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1410	VD-22360-15	Cenilora	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1411	GC-230-14	Centasia	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Cơ sở đặt gia công)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun (Cơ sở nhận gia công)
1412	VD-19376-13	Cent'Housand	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1413	VD-22498-15	Centocalcium vitamin D	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1414	VD-24163-16	Ceodox 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1415	VD-24164-16	Ceodox 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1416	VD-21658-14	Cepemid 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1417	VD-26896-17	Cepemid 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1418	VD-16807-12	Cephalexin 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1419	VD-17357-12	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1420	VD-18311-13	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1421	VD-20852-14	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1422	VD-23176-15	Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1423	VD-24752-16	Cephalexin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1424	VD-25148-16	Cephalexin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1425	VD-25149-16	Cephalexin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1426	VD-16808-12	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1427	VD-18300-13	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương
1428	VD-20880-14	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1429	VD-21904-14	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1430	VD-23079-15	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1431	VD-24337-16	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1432	VD-24890-16	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1433	VD-28072-17	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1434	VD-28115-17	Cephalexin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1435	VD-18312-13	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1436	VD-22534-15	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1437	VD-26306-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
1438	VD-26366-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1439	VD-27280-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1440	VD-28116-17	Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1441	VD-18812-13	Cephalexin 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1442	VD-17119-12	Cephalexin MKP 500	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
1443	VD-23826-15	Cephalexin PMP 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1444	VD-24429-16	Cephalexin PMP 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1445	VD-23828-15	Cephalexin PMP 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1446	VD-24430-16	Cephalexin PMP 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1447	VD-24958-16	Cephalexin PMP 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1448	VD-23205-15	Cephalexin Stada Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1449	VD-26188-17	Cephalothin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1450	VD-28495-17	Cephalothin 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1451	VD-28496-17	Cephalothin 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1452	VD-22187-15	Cephazomid 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1453	VD-24431-16	Cepimstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1454	VD-27837-17	Ceplorvpc 125	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1455	VD-24146-16	Ceplorvpc 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1456	VD-23394-15	Ceporel 1g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1457	VD-24432-16	Cepoxitil 100	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1458	VD-19116-13	Cepoxitil 100 Sachet	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1459	VD-24433-16	Cepoxitil 200	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1460	VD-19590-13	Cepoxitil 50 Sachet	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1461	VD-20038-13	Ceraapix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1462	VD-28450-17	Cerahead-F	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1463	VD-25566-16	Ceratex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1464	VD-19773-13	Cerepax 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1465	VD-21665-14	Cerepax 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1466	VD-21666-14	Cerepax 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1467	VD-26978-17	Ceretrop 10%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1468	VD-20457-14	Ceretrop 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1469	VD-23628-15	Ceretrop 800	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1470	VD-21003-14	Cerlergic	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1471	VD-25335-16	Cestasin	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
1472	VD-20314-13	Cesyrup	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1473	VD-20499-14	Cesyrup	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1474	VD-21667-14	Cetabudol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1475	VD-20829-14	Cetachit 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1476	VD-25260-16	Cetampir 800	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1477	VD-25770-16	Cetampir plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1478	VD-27879-17	Cetamvit	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1479	VD-28073-17	Cetasone	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1480	VD-23733-15	Ceteco glucosamin	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1481	VD-25836-16	Ceteco Prednisolon	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1482	VD-27173-17	Ceteco Prednisolon	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1483	VD-19704-13	Ceteco Rhumedol Fort 650	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1484	VD-26331-17	Cetecoarsena	Công ty cổ phần dược Trung ương 3	Công ty cổ phần dược Trung ương 3
1485	VD-23734-15	Cetecoasuta 21	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1486	VD-23735-15	Cetecoasuta 42	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1487	VD-23092-15	Cetecobeka	Công ty cổ phần dược Trung ương 3	Công ty cổ phần dược Trung ương 3
1488	VD-28165-17	Cetecocenfast 120	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1489	VD-28166-17	Cetecocenfast 60	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1490	VD-22691-15	Cetecocenpira 800	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1491	VS-4956-16	Cetecocetadin	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1492	VD-24347-16	Cetecoceticent 10	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1493	VD-28167-17	Cetecofermax	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1494	VD-28168-17	Ceteconeurovit Fort	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1495	VD-27174-17	Cetecoribavir	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1496	VD-27175-17	Cetecosusi	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1497	VD-28169-17	Cetecotitan	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1498	VD-23094-15	Cetecoviba 16	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
1499	VD-22692-15	CetecoViba 4	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
1500	VD-23629-15	Cetigam 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1501	VD-19819-13	Cetirizin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1502	VD-20648-14	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1503	VD-22736-15	Cetirizin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
1504	VD-22737-15	Cetirizin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
1505	VD-23701-15	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
1506	VD-25251-16	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
1507	VD-27597-17	Cetirizin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1508	VD-28046-17	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1509	VD-28047-17	Cetirizin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1510	VD-21586-14	Cetirizin - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1511	VD-24753-16	Cetirizin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1512	VD-19268-13	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1513	VD-22403-15	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1514	VD-24210-16	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1515	VD-25918-16	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1516	VD-28192-17	Cetirizin 10 mg	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1517	VD-22215-15	Cetirizin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
1518	VD-26119-17	Cetirizin Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1519	VD-24507-16	Cetirizin RVN	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1520	VD-21723-14	Cetirizine EG 10mg Tab.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1521	VD-27537-17	Cetirizine Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
1522	VD-21962-14	Cetrimaz	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1523	VD-25887-16	Cetrimaz	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1524	VD-23689-15	Cevit 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1525	VD-23690-15	Cevit 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1526	VD-27734-17	Cevita 500	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1527	VD-24663-16	CEVOCAME	CÔNG TY CỔ PHẦN USPHARMA HÀ NỘI	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1528	VD-25888-16	Cezinefast	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1529	VD-20881-14	Cezirnate 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1530	VD-23087-15	Cezirnate 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
1531	VD-22280-15	Cezmeta	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1532	VD-24516-16	Chalme	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1533	VD-26293-17	Chamcromus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1534	VD-26294-17	Chamcromus 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1535	VD-23925-15	Chè dây	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
1536	VD-27586-17	Chemacin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1537	VD-18254-13	Chitogast	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1538	VD-18255-13	Chitogast 60	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1539	VD-18805-13	Chloram-H	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1540	VD-27281-17	Chloramphenicol 250 mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1541	VD-25318-16	Chloramphenicol 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
1542	VD-25058-16	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1543	VD-26620-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1544	VD-26621-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1545	VD-27598-17	Chlorpheniramin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1546	VD-25366-16	Chlorpheniramine 4mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1547	VD-24781-16	Chlorpheniramine maleate 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1548	VD-24459-16	CHOLAREST 40	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1549	VD-24021-15	Cholina	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1550	VD-22146-15	Chymodk	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1551	VD-22871-15	Chymodk	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1552	VD-20980-14	Chymotrypsin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1553	VD-22580-15	Chymotrypsin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1554	VD-28291-17	Ciaflam	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1555	VD-27123-17	Ciatic 20	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
1556	VD-21833-14	Ciclevir 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1557	VD-22163-15	Cidetuss	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1558	VD-20549-14	Cifga	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1559	VD-25744-16	Cifitin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV
1560	VD-20693-14	Cifnir 300 mg	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
1561	VD-26030-16	Ciforkid 250	Công ty TNHH dược phẩm Nam Thành Phố	Công ty cổ phần US Pharma USA
1562	VD-26871-17	Ciheptal 1200	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1563	VD-24628-16	Cimacin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1564	VD-22256-15	Cimetidin	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
1565	VD-25290-16	Cimetidin 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1566	VD-23571-15	Cimetidin 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1567	VD-17977-12	Cimetidin 300mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1568	VD-20308-13	Cimetidin Kabi 200	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1569	VD-19565-13	Cimetidin Kabi 300	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1570	VD-22680-15	Cimetidin Stada 400 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1571	VD-26897-17	Cimetidine 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1572	VD-24949-16	Cimetidine 300mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1573	VD-17912-12	Cinarizin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1574	VD-19394-13	Cinarizin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1575	VD-20921-14	Cinarizin 25 mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1576	VD-28017-17	Cinasav 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1577	VD-28018-17	Cinasav 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1578	VD-26359-17	CinatamDNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1579	VD-22388-15	Cinatropyl	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
1580	VS-4973-16	Cineline	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1581	VD-22583-15	Cinepark	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa
1582	VD-20240-13	Cinnarizin	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1583	VD-16230-12	Cinnarizin 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1584	VD-24309-16	Cinnarizin 25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1585	VD-19297-13	Cinnarizine	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1586	VD-26799-17	Cinnarizine	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
1587	VD-27735-17	Cinnarizine	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1588	VD-27427-17	Cinnarizine RVN	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1589	VD-25493-16	Cipmedic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
1590	VD-21624-14	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1591	VD-22774-15	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1592	VD-23375-15	Ciprofloxacin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1593	VD-26239-17	Ciprofloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1594	VD-28717-18	Ciprofloxacin	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1595	VD-19322-13	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1596	VD-22941-15	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1597	VD-27230-17	Ciprofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1598	VD-24053-15	Ciprofloxacin 250-US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1599	VD-20110-13	Ciprofloxacin 500 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US pharma USA
1600	VD-22166-15	Ciprofloxacin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1601	VD-20634-14	Ciprofloxacin 500mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
1602	VD-22942-15	Ciprofloxacin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1603	VD-25785-16	Ciprofloxacin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1604	VD-21176-14	Ciprofloxacin 500-US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1605	VD-20943-14	Ciprofloxacin Kabi	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1606	VD-26248-17	Ciprofloxacin SK	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1607	VD-21941-14	Ciprofloxacin-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1608	VD-23132-15	Ciprolthabi 500 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
1609	VD-22816-15	Ciprom 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1610	VD-20937-14	Ciprothepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1611	VD-23818-15	Cipthasone	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1612	VD-26027-16	Cisteine 250	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1613	VD-28497-17	Cistinmed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1614	VD-27520-17	Citalopram Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1615	VD-27521-17	Citalopram Stada 20 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
1616	VD-12948-10	Citi- Brain 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1617	VD-18455-13	Citicolin Kabi	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
1618	VD-23397-15	Citimedlac 500	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1619	VD-27331-17	Citoles	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1620	VD-27560-17	Clabact 250	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1621	VD-27561-17	Clabact 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
1622	GC-244-16	Claforan	Công ty Roussel Việt Nam	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương
1623	VD-19380-13	Claminat 1 g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1624	VD-20745-14	Claminat 1,2 g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1625	VD-19381-13	Claminat 250 mg/ 31,25 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1626	VD-26856-17	Claminat 250 mg/62,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1627	VD-26857-17	Claminat 500 mg/ 125 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1628	VD-20204-13	Claminat 500 mg/ 62,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1629	VD-19382-13	Claminat 625 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1630	VD-27897-17	Claminat IMP 250/31,25	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1631	VD-21512-14	Clamixtan - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1632	VD-27141-17	Clamogentin 1,2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1633	VD-20550-14	Clanoz	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1634	VD-25867-16	Claritab 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1635	VD-21913-14	Clarithro 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1636	VD-27991-17	Clarithromycin 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1637	VD-22171-15	Clarithromycin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1638	VD-16044-11	Clarividi 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1639	VD-21914-14	Clarividi 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1640	VD-16809-12	Clatexyl 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1641	VD-16810-12	Clatexyl 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1642	VD-17359-12	Clatexyl 250 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1643	VD-17360-12	Clatexyl 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1644	VD-20938-14	Clathepharm 1000	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1645	VD-22584-15	Clathepharm 250	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1646	VD-23779-15	Clathepharm 625	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1647	VD-28632-17	Claxyl	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
1648	VD-26670-17	Clazidyne	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
1649	VD-24758-16	Cledamed 150	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1650	VD-23536-15	Cledamed 300	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1651	VD-18003-12	Clindacine 300	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1652	VD-18004-12	Clindacine 600	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1653	VD-18508-13	Clindamycin	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1654	VD-27552-17	Clindamycin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
1655	VD-21226-14	Clindamycin 150	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1656	VD-25420-16	Clindamycin 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1657	VD-26714-17	Clindamycin 300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1658	VD-23206-15	Clindamycin Stada 600mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1659	VD-24560-16	Clindastad 150	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1660	VD-23829-15	Clindastad inj. 300mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1661	VD-17650-12	Clindathepharm capsule	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1662	VD-17651-12	Clindathepharm capsule	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1663	VD-27680-17	Clobap	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1664	VD-24824-16	Clocardigel 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1665	VD-26660-17	Cloleo	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1666	VD-20522-14	CLONAFOS	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1667	VD-24692-16	Clonbate	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1668	VD-24141-16	Clopalvix	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1669	VD-25142-16	Clopalvix Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1670	VD-23672-15	Clopencil	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1671	VD-27026-17	Clopias	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1672	VD-28622-17	Clopias	Công ty TNHH TM DP Quốc tế Minh Việt	Công ty TNHH US Pharma USA
1673	VD-19238-13	Clopidogrel 75 - MV	Công ty TNHH thương mại dược phẩm quốc tế Minh Việt	Công ty cổ phần US Pharma USA
1674	VD-23964-15	Clopistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
1675	VD-22710-15	Clopivir	Công ty TNHH TM-DP Gia Việt	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1676	VD-19371-13	Cloramphenicol	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
1677	VD-19796-13	Cloramphenicol	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
1678	VD-26173-17	Cloramphenicol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1679	VD-23152-15	Cloramphenicol 0,4%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1680	VD-19466-13	Cloramphenicol 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1681	VD-22585-15	Cloramphenicol 250	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1682	VD-20241-13	Cloramphenicol 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1683	VD-24383-16	Cloramphenicol 250mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1684	VD-25145-16	Clorazer	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1685	VD-19586-13	Clorbiotic 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1686	VD-20030-13	Clorfast	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1687	VD-20031-13	Clorfast 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1688	VD-21513-14	Clorocid	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1689	VD-22361-15	Clorocid 250 mg	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1690	VD-20846-14	Clorocid TW3 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1691	VD-28246-17	Cloromycetin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa
1692	VD-27808-17	Clorpheboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1693	VD-19251-13	Clorpheniramin	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1694	VD-23940-15	Clorpheniramin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1695	VD-23941-15	Clorpheniramin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1696	VD-25108-16	Clorpheniramin 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1697	VD-20635-14	Clorpheniramin 4mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
1698	VD-22993-15	Clorpheniramin maleat 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1699	VD-27374-17	Clorpheniramin maleat 4 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1700	VD-25068-16	Clorpheniramin-bc	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1701	VD-25069-16	Clorpheniramin-sc	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1702	VD-25070-16	Clorpheniramin-t	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1703	VD-17187-12	Clotrimazol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1704	VD-19676-13	Clotrimazol 1%	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
1705	VD-20838-14	Clotrimazole 1% Cream	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1706	VD-26765-17	Clovirboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1707	VD-28680-18	Clovucire	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1708	VD-19055-13	Cloxacilin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1709	VD-18313-13	Cloxacilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1710	VD-26845-17	Cloxacillin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1711	VD-26156-17	Cloxacillin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
1712	VD-26318-17	Cloxaxim VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
1713	VD-28019-17	Clozotel 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1714	VD-26367-17	Clyodas	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1715	VD-28234-17	Clyodas 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
1716	VD-21614-14	Coafarmin 2	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
1717	VD-22745-15	Coatangaponin 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1718	VD-24212-16	Cobimol	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1719	VD-26649-17	Cobratoxan	Cơ sở sản xuất đông dược 408	Cơ sở sản xuất đông dược 408
1720	VD-28711-18	Codlugel plus	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
1721	VD-22962-15	Codofril	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1722	VD-27375-17	Co-Dovel 150 mg/12,5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1723	VD-21266-14	Co-Ferolic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
1724	VD-20706-14	Co-Ferolic Daily use	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1725	VD-26404-17	Co-Ibedis 150/12,5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1726	VD-24434-16	Co-Ibedis 300/12,5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1727	VD-28538-17	Coirbevel 150/12.5mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
1728	VD-20847-14	Coje cảm cúm	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1729	VD-16275-12	Coje ho	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1730	VD-22172-15	Colchicin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1731	VD-25291-16	Colchicin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1732	VD-18456-13	Colchicin 1	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1733	VD-27365-17	Colchicin 1mg	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1734	VD-19169-13	Colchicine	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
1735	VD-21917-14	Colchicine 1 mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1736	VD-24087-16	Colchicine ARTH 1 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1737	VD-24573-16	Colchicine STELLA 1 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
1738	VD-24597-16	Coldacmin Flu	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1739	VD-25497-16	Coldacmin Sinus	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
1740	VD-18940-13	Coldfed	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1741	VD-24076-16	Coldi	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1742	VD-24676-16	Coldi-B	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1743	VD-21587-14	COLEXIB 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1744	VD-22067-14	Colexib 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1745	VD-20074-13	Coliomax	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1746	VD-21825-14	Colirex 1MIU	Công ty Cổ phần Sundial Pharma	Công ty Cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
1747	VD-17544-12	Colistimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1748	VD-17545-12	Colistimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1749	VD-24642-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1750	VD-24643-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1751	VD-24644-16	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1752	VD-28603-17	Colistimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1753	VD-19946-13	Colistin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1754	VD-19947-13	Colistin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1755	VD-19812-13	Colitis	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1756	VD-26800-17	Collydexa	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1757	VD-21354-14	Colocol codein	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1758	VD-20816-14	Colocol sachet 150	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1759	VD-27027-17	Colocol suppo 300	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1760	VD-28609-17	Colonic	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dược Phẩm NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1761	VD-23942-15	Coloxvis	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1762	VD-23943-15	Coloxvis-Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1763	VD-26818-17	Colthimus	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1764	VD-26457-17	Coltoux 15 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
1765	VD-22638-15	Coltramyl 4mg	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1766	VD-27028-17	Co-lutem paediatric	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
1767	VD-21150-14	Colvagi	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
1768	VD-21311-14	Cốm hòa tan Hepagon	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.
1769	VD-26898-17	Combikit 3,1 g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1770	VD-21866-14	Combikit 3,2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
1771	VD-20989-14	Combimin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1772	VD-28623-17	Combizar	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1773	VD-27754-17	Comegim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1774	VD-25146-16	Companity	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1775	VD-17652-12	Comthepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1776	VD-27763-17	Comvir APC	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
1777	VS-4873-14	Cồn 70	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1778	VS-4961-16	Cồn 70	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1779	VS-4937-16	Cồn 70°	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1780	VS-4938-16	Cồn 70° Xanh	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
1781	VS-4874-14	Cồn 90	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
1782	VS-4892-15	Cồn 90	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1783	VS-4962-16	Cồn 90	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1784	VS-4921-16	Cồn 90°	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1785	VS-4939-16	Cồn 90°	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
1786	VS-4940-16	Cồn 90° Xanh	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
1787	VD-21072-14	Cồn Boric 3%	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
1788	VS-4945-16	Cồn BSI	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1789	VS-4963-16	Cồn BSI	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1790	VS-4964-16	Cồn Iod 1%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1791	VS-4965-16	Cồn Iod 5%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1792	VS-4897-15	Cồn Iod spray-SHD	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1793	VS-4914-15	Cồn sát trùng 70	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1794	VS-4899-15	Cồn sát trùng 70%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
1795	VS-4915-15	Cồn sát trùng 90	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1796	VS-4946-16	Cồn thuốc chữa hắc lào lang ben	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
1797	VD-21803-14	Cồn xoa bóp Jamda	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
1798	VD-26979-17	Conazonin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1799	VD-17473-12	Concmin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1800	VD-24551-16	Conipa Pure	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1801	VD-18257-13	Conoges 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
1802	VD-18603-13	Conrosol 2.5	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1803	VD-18604-13	Conrosol 5	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1804	VD-19269-13	Contussin New	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1805	VD-28591-17	Coolzz trẻ em	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1806	VD-18207-13	Co-Padein 30	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1807	VD-27657-17	Copdumilast	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1808	VD-23386-15	Coperil Plus	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
1809	VD-19758-13	Cophacefpo 100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1810	VD-22713-15	Cophacefpo 200	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1811	VD-19759-13	Cophamlox	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1812	VD-22380-15	Corcotab	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1813	VD-19044-13	Cor-F	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
1814	VD-21177-14	Corfarlex 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
1815	VD-20358-13	Corneil-2,5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1816	VD-27838-17	Cortebois	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1817	VD-21043-14	Cortibion	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1818	VD-25004-16	Cortimax	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.
1819	VD-21868-14	Cortonyl OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1820	VD-27221-17	Cossinmin	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
1821	VD-17809-12	Cosyndo B	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm - Thiết bị Y tế - Hóa chất Hà Nội	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
1822	VD-25520-16	Cotilam	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
1823	VD-23944-15	Cotilisol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1824	VD-23771-15	Cotrimbaby	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1825	VD-27731-17	Co-trimoxazol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
1826	VD-28002-17	Cotrimoxazol 960mg	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
1827	VD-22267-15	Cotrimoxazol-DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
1828	VD-26780-17	Cotrimxazon 960	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
1829	VD-21987-14	Courtois	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1830	VD-28451-17	Courtois-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1831	VD-26766-17	Covaprile 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1832	VD-24747-16	Covaprile Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
1833	VD-17096-12	Covenbu	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1834	VD-18662-13	Coxirich 200	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1835	VD-18668-13	Coxlec	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
1836	VD-25082-16	Coxlec	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
1837	VD-28718-18	Coxtone	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1838	VD-27928-17	Cragbalin 75	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1839	VD-28621-17	Crila	Công ty TNHH Thiên Dược	Công ty TNHH Thiên Dược
1840	VD-24654-16	Crila Forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược
1841	VD-27435-17	Cruzz-35	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1842	VD-19654-13	Cuellar	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1843	VD-23830-15	Cuine 1500 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1844	VD-23831-15	Cuine Caps	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1845	VD-27303-17	Cuine Caps. 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1846	VD-23246-15	CURMARIN	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1847	VD-20775-14	CV Artequick Viên sốt rét	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1848	VD-27822-17	Cynamus	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1849	VD-24104-16	Cynaphytol	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
1850	VD-23760-15	Cynara	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1851	VD-27293-17	CYSMONA	Công ty cổ phần JADOVIE	Công ty TNHH US Pharma USA
1852	VD-26772-17	Cystincap	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1853	VD-17177-12	Cytan	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.
1854	VS-4958-16	D.E.P	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1855	VD-26301-17	D3 care	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
1856	VD-25902-16	Dafidi	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam
1857	VD-28312-17	Dafidi 25	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
1858	VD-28292-17	Daflavon	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1859	VD-24682-16	Daglitin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1860	VD-25204-16	Dagocti	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
1861	VD-27231-17	Đại bổ nguyên khí	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1862	VS-4910-15	Dailycare	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
1863	VD-19131-13	Dailyvit multivitamin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1864	VD-27392-17	Daklife 75mg	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
1865	VD-18906-13	Dalekine 500	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1866	VD-25091-16	Dalyric	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1867	VD-26674-17	Danapha-Trihex 2	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1868	VD-20024-13	Danircap 125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1869	VD-22648-15	Danizane	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1870	VD-26675-17	Dantuoxin	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1871	VD-26676-17	Daquetin 200	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1872	VD-25580-16	Daquetin 25	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1873	VD-23945-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1874	VD-23946-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1875	VD-23947-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1876	VD-23948-15	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1877	VD-26525-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1878	VD-26526-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1879	VD-26527-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1880	VD-26528-17	Dasamax Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1881	VD-25567-16	Dasamex - DS	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1882	VD-21515-14	Dasavit A + D	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1883	VD-25760-16	Dasoltac 400	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1884	VD-27176-17	Datadol extra	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
1885	VD-19065-13	Datisoc 16mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
1886	V3-H12-13	Dầu gió gừng Thái Dương	Công ty CP Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
1887	V293-H12-13	Dầu gió gừng Trung Nguyên	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
1888	VD-20950-14	Dầu gió Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1889	VD-18941-13	Dầu gió nâu	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
1890	VD-22492-15	DẦU GIÓ OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1891	VD-17671-12	Dầu khuynh diệp Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1892	VD-18976-13	Dầu khuynh diệp OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1893	VD-26677-17	Dầu nóng Quảng Đà	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1894	VD-26124-17	Dầu Parafin BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1895	VD-22873-15	Davinfort-800 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
1896	VD-28668-18	Daviplus	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1897	VD-19655-13	Davyca-F	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1898	VD-24517-16	Davylox	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1899	VD-24760-16	Daygra 50	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1900	VD-22455-15	Dazoserc	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
1901	VD-26037-17	Deatexniod	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
1902	VD-24652-16	Debby	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
1903	VD-22507-15	Debomin	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
1904	VD-23870-15	Debora 325	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1905	VD-24088-16	Debutinat	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1906	VD-23448-15	Debutinat 200 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
1907	VD-27762-17	Decazone 12 g/60 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
1908	VD-22057-14	Decolgen	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1909	VD-21573-14	Decolgen Forte	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
1910	VD-19304-13	Decolic	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1911	VD-19824-13	Decolic	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1912	VD-22205-15	Deducid 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1913	VD-24034-15	Deep heat rub plus	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
1914	VD-24458-16	DEFATON 20	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1915	VD-16998-12	Defechol 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
1916	VD-25654-16	Deferiprone A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
1917	VD-27583-17	Deferox 125	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1918	VD-27584-17	Deferox 250	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1919	VD-26015-16	Deferox 500	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1920	VD-20631-14	Deflucold Day	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
1921	VD-25534-16	Degas	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1922	VD-21414-14	Degevic	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1923	VD-28199-17	Degevic' S	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
1924	VD-26182-17	Degodas	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
1925	VD-17547-12	Delivir 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1926	VD-17548-12	Delivir 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1927	VD-21335-14	Delopedil	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1928	VD-25745-16	Delopedil 5mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
1929	VD-26686-17	Deltal - Amtex	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
1930	VD-21051-14	Dembele	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
1931	VD-27034-17	Demencur 150	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1932	VD-27035-17	Demencur 75	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
1933	VD-18670-13	Demensyn	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
1934	VD-28529-17	DENESITY	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1935	VD-25435-16	Denfer-S	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1936	VD-19912-13	Dentanalgi Thuốc trị đau răng	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1937	VD-18626-13	Dentimex	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1938	VD-20607-14	DENVIN 300	Công ty TNHH dược phẩm Nam Thành Phố	Công ty cổ phần US Pharma USA
1939	VD-22106-15	DEPNadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
1940	VD-22319-15	Derdiyok	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
1941	VD-22229-15	Derimucin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1942	VD-28432-17	Dermabion	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1943	VD-26096-17	Dermaderm	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
1944	VS-4941-16	Dermycol	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
1945	VD-26496-17	Deruff	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1946	VD-28433-17	Desalmux	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
1947	VD-27407-17	Deséafer 125	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1948	VD-27408-17	Deséafer 250	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1949	VD-27736-17	Deslohis	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
1950	VD-26406-17	Deslora	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1951	VD-25193-16	Desloratadin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1952	VD-25386-16	Deslostad 5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1953	VD-21336-14	Deslotid	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
1954	VD-18757-13	DESMODIN KIM TIỀN THẢO	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
1955	VD-28452-17	Desratel	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
1956	VD-26054-17	Desubos 2.5	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1957	VD-26661-17	Desubos 5	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
1958	VD-26756-17	Detanana	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
1959	VD-22276-15	Detcincyl	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
1960	VD-22224-15	Deuric 300	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
1961	VD-25568-16	Devaligen - ND	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1962	VD-17361-12	Devencol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
1963	VD-22651-15	Devirnic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1964	VD-19132-13	Devomir	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
1965	VD-26773-17	Dexalevo-drop	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
1966	VD-28604-17	Dexamed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
1967	VD-25874-16	Dexamethason	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
1968	VD-27599-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1969	VD-27600-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1970	VD-27601-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1971	VD-27602-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1972	VD-27603-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1973	VD-27604-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1974	VD-27605-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1975	VD-27606-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1976	VD-27607-17	Dexamethason	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
1977	VD-27696-17	Dexamethason	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
1978	VD-27697-17	Dexamethason	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
1979	GC-259-16	Dexamethason 0,5mg	(Cơ sở đặt gia công:) Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	(Cơ sở nhận gia công:) Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1980	VD-27109-17	Dexamethason 0,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1981	VD-28415-17	Dexamethason 0,5mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
1982	VD-19475-13	Dexamethason 4mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
1983	VD-25800-16	Dexamethason 4mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
1984	VD-25856-16	Dexamethasone	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
1985	VD-27152-17	Dexamethasone	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
1986	VD-28118-17	Dexamethasone	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
1987	VD-25701-16	Dexamethasone 0,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
1988	VD-27282-17	Dexamethasone 0,5mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
1989	VD-28260-17	Dexamethasone 0,5mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
1990	VD-26542-17	Dexamoxi	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1991	VD-28524-17	Dexa-Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
1992	VD-24435-16	Dexastad 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
1993	VD-28407-17	Dexcorin	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
1994	VD-23572-15	Dexipharm 15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1995	VD-23573-15	Dexipharm 15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1996	VD-27898-17	Dexipharm 15	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
1997	VD-22907-15	Dexlacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1998	VD-27914-17	Dexlacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
1999	VD-20162-13	Dexone	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2000	VD-27538-17	Dexpanthenol 5%	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
2001	VD-16911-12	Dexpin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2002	VD-23949-15	Dextanice	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2003	VD-17571-12	Dextromax	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2004	VD-22029-14	Dextromethorphan	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2005	VD-24219-16	Dextromethorphan	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2006	VD-27608-17	Dextromethorphan	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2007	VD-28416-17	Dextromethorphan	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2008	VD-24669-16	Dextromethorphan - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2009	VD-25851-16	Dextromethorphan 15	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
2010	VD-28074-17	Dextromethorphan 15	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2011	VD-17870-12	Dextromethorphan 15 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2012	VD-20315-13	Dextrose 10%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2013	VD-20316-13	Dextrose 20%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2014	VD-21715-14	Dextrose 30 %	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2015	VD-27546-17	DH-Alenbe plus 70mg/2800IU	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
2016	VD-27506-17	DH-Metglu 850	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2017	VD-21477-14	Di- anrus	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
2018	VD-21747-14	Di- ansel 8	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
2019	VD-23376-15	Diacerein	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2020	VD-20604-14	Diacerein 50-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US pharma USA
2021	VD-21915-14	Diacerrein 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2022	VD-26336-17	Diacso	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2023	VD-22652-15	Diagestiode	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2024	VD-28396-17	Di-Angesic codein 10	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
2025	VD-28397-17	Di-Angesic codein 10	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
2026	VD-24885-16	Di-angesic codein 30	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2027	VD-21603-14	DIANRAGAN 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2028	VD-24665-16	Dianragan 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2029	VD-26038-17	Dianragan 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2030	VD-28329-17	Di-antipain	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2031	VD-24959-16	Diaprid 2	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2032	VD-25889-16	Diaprid 4	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2033	VD-26345-17	Diaricin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2034	VD-20323-13	Diarrest	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2035	VD-25308-16	Diazepam 10mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2036	VD-24311-16	Diazepam 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2037	VD-25033-16	Dibencozide STELLA	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2038	VD-19524-13	Dicenin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2039	VD-25943-16	Dịch truyền tĩnh mạch Glucose 5%	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2040	VD-25944-16	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9 %	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2041	VD-22642-15	Dịch truyền tĩnh mạch Osmofundin 20%	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2042	VD-22124-15	Diclofen	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2043	VD-25150-16	Diclofen	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2044	VD-19091-13	Diclofenac	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2045	VD-20897-14	Diclofenac	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
2046	VD-21946-14	Diclofenac	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2047	VD-25528-16	Diclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2048	VD-25786-16	Diclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2049	VD-25829-16	Diclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2050	VD-26307-17	Diclofenac	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
2051	VD-23082-15	Diclofenac 50	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
2052	VD-27839-17	Diclofenac 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2053	VD-22095-15	Diclofenac 50 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2054	VD-15516-11	Diclofenac 50mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2055	VD-27725-17	Diclofenac 50mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2056	VD-23083-15	Diclofenac 75	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
2057	VD-25338-16	Diclofenac 75	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
2058	VD-22404-15	Diclofenac 75 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2059	VD-19208-13	Diclofenac 75mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2060	VD-22449-15	Diclofenac K 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2061	VD-22589-15	Diclofenac Kabi 75mg/3ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2062	VD-22864-15	Diclofenac natri	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
2063	VD-21098-14	Diclofenac STELLA 50 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2064	VD-18850-13	Diclofenac STELLA Gel	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2065	VD-20687-14	Diclosal	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2066	VD-24473-16	Didala	Công ty cổ phần TM và dược phẩm Ngọc Thiện	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2067	VD-27409-17	Didin-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2068	VD-23286-15	Diệp hạ châu	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
2069	VD-26067-17	Diệp Hạ Châu	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2070	VD-21607-14	Diệp hạ châu - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2071	VD-26055-17	Diệp hạ châu - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2072	VD-22916-15	Diệp hạ châu - Medi	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2073	VD-27356-17	Diệp hạ châu DHĐ	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
2074	VD-27650-17	Diệp hạ châu V	Công ty TNHH Vạn Xuân	Công ty TNHH Vạn Xuân
2075	VD-20133-13	Difelene	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
2076	VD-28618-17	Difelene	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
2077	VD-20835-14	Digafil 4mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2078	VD-20834-14	Digafil 5mg/100ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2079	VD-21205-14	Diintasic	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2080	VD-18961-13	Dikren 50 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2081	VD-19525-13	Dilovic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2082	VD-27522-17	Diltiazem Stada 60 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2083	VD-20839-14	Dimedrol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2084	VD-23761-15	Dimedrol	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2085	VD-24899-16	Dimedrol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2086	VD-25801-16	Dimedrol 10mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2087	VD-26176-17	Dimicox	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2088	VD-23454-15	Dimonium	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2089	VD-28255-17	Dimustar 0,03%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2090	VD-28256-17	Dimustar 0,1%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2091	VD-18713-13	DinalvicVPC	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2092	VD-19800-13	Dinbutevic	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
2093	VD-28020-17	Diosfort	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2094	VD-19266-13	Diosmectit 3g	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
2095	VD-22349-15	Diosmin 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2096	VD-21171-14	Dioxzye (hương bạc hà)	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
2097	VD-21172-14	Dioxzye (hương cam)	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
2098	VD-26641-17	Dipartate	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2099	VD-26715-17	Diserti	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2100	VD-24108-16	Diserti 24	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2101	VD-25109-16	Diserti 8	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2102	VD-23505-15	Disicar 40	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
2103	VD-21505-14	Dismolan	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2104	VD-25023-16	Dismolan 200mg/8ml	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2105	VD-23933-15	Distocide	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
2106	VD-21516-14	Ditanavic Extra	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2107	VD-27488-17	Ditanavic Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2108	VD-25151-16	Diurefar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2109	VD-19891-13	Divacal	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2110	VD-28453-17	Divaser	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2111	VD-20359-13	Divaser-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2112	VD-27304-17	DK Lincomycin 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2113	VD-24933-16	DnaStomat	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
2114	VD-28370-17	Doaspin 81 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2115	VD-20087-13	Dobaris	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2116	VD-20343-13	Dobenzic	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2117	VD-24982-16	Dobenzic 2 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2118	VD-21017-14	Dobixime 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2119	VD-26125-17	Dobutamin-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2120	VD-22963-15	Dobutil 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2121	VD-25746-16	Dobutil 8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2122	VD-24825-16	Dobutil argin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2123	VD-26220-17	Dobutil argin 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2124	VD-21668-14	Dobutil plus	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2125	VD-28371-17	Docalciole 0,25 mcg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2126	VD-26235-17	Docefdi 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2127	VD-24482-16	Docefnir 100 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2128	VD-22405-15	Docnotine	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2129	VD-23449-15	Docnotine	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2130	VD-26459-17	Docorrimin	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2131	VD-18568-13	DODEVIFORT MEDLAC	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2132	VD-25421-16	Dodizy 16 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2133	VD-24983-16	Dodizy 8 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2134	VD-24483-16	Dodylan	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2135	VD-21018-14	Dofervit	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2136	VD-19628-13	Dofexo	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2137	VD-26460-17	Dofluzol 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2138	VD-20045-13	Dofosca 0,25 mcg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2139	VD-28313-17	Doganci	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2140	VD-22618-15	Dogastrol 40 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2141	VD-20118-13	Dogedogel	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
2142	VD-22985-15	Doglitazon	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh I
2143	VD-22096-15	Dognefin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2144	VD-18306-13	Dogtapine	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2145	VD-25705-16	Dogtapine	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2146	VD-23240-15	Dointer	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2147	VD-27992-17	Dol	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2148	VD-12384-10	Dol- Cold	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2149	VD-25312-16	Dolanol	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
2150	VD-25422-16	Dolarac 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2151	VD-25545-16	Dolarac 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2152	VD-26980-17	Dolcetin 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2153	VD-19408-13	Dolcetin 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2154	VD-27967-17	Dolcetin 80	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2155	VD-22964-15	Dolcetin PM	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2156	VD-24484-16	Dolivtol	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2157	VD-18208-13	Dolnaltic	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2158	VD-25919-16	Dolocep 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2159	VD-24073-16	Dolodon DC	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
2160	VD-20379-13	Dolteren	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2161	VD-23048-15	Doltuxil	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2162	VD-23049-15	Doltuxil F	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2163	VD-20330-13	Dolumixib 200	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2164	VD-24984-16	Domecor 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2165	VD-25920-16	Domecor plus 2,5mg/6,25mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2166	VD-24985-16	Domecor plus 5 mg/6,25 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2167	VD-20346-13	Domelox 15 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2168	VD-21020-14	Domenat	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2169	VD-27376-17	Domeric	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2170	VD-24986-16	Dometin 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2171	VD-24987-16	Domever 25 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2172	VD-28372-17	Domidis	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2173	VD-22627-15	Domitazol	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2174	VD-21641-14	Dom-Montelukast FC	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2175	VD-27489-17	Dompenic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2176	VD-23813-15	Dompenyl-M	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
2177	VD-26529-17	Domperidon	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2178	VD-25468-16	Domperidon Caps	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2179	VD-28558-17	Domperidon Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2180	VD-23435-15	Domperidon-BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2181	VD-28398-17	Domperidone	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2182	VD-25309-16	Domperidone maleate	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2183	VD-20513-14	Dompidone	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2184	VD-23298-15	Dompil	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
2185	VD-11729-10	Domzac	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2186	VD-26449-17	Donaklyn	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam
2187	VD-16778-12	Donalium 20 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
2188	VD-21206-14	Donasore	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2189	VD-20331-13	Donaton 20 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2190	VD-23832-15	Doncef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2191	VD-23833-15	Doncef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2192	VD-27036-17	Donepezil ODT 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2193	VD-28712-18	Donosal extra	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2194	VD-28373-17	Donova	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2195	VD-25423-16	Donstyl 4 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2196	VD-21021-14	Donyd 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2197	VD-21022-14	Donyd 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2198	VD-26461-17	Dopagan 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2199	VD-28374-17	Dopagan 150 mg Effervescent	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2200	VD-28375-17	Dopagan 250 mg Effervescent	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2201	VD-28376-17	Dopagan 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2202	VD-28377-17	Dopagan 500 mg Effervescent	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2203	VD-26462-17	Dopagan 650 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2204	VD-28378-17	Dopagan 80 mg Effervescent	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2205	VD-20840-14	Dopharogyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2206	VD-26634-17	Dophazolin	Công ty cổ phần Dược Khoa	Công ty cổ phần Dược Khoa

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2207	VD-22097-15	Dopola 2 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2208	VD-22619-15	Doposacon	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2209	VD-23254-15	Doragon	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2210	VD-26463-17	Doraval plus 160mg/25mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2211	VD-26464-17	Doraval plus 80mg/12,5mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2212	VD-28379-17	Doresyl 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2213	VD-23255-15	Doresyl 400 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2214	VD-27142-17	Doripenem 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
2215	VD-24894-16	Doripenem 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
2216	VD-25921-16	Dorocan	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2217	VD-25425-16	Dorocardyl 40 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2218	VD-27377-17	Dorocetam 800 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2219	VD-22307-15	Dorocodon	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2220	VD-26467-17	Dorocron MR 60 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2221	VD-25426-16	Dorodipin 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2222	VD-23897-15	Dorokit	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2223	VD-27378-17	Dorolid 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2224	VD-25922-16	Dorolid 50 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2225	VD-21024-14	Doromax 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2226	VD-25427-16	Doropycin 1,5 M.I.U	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2227	VD-24988-16	Doropycin 3 M.I.U	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2228	VD-19630-13	Dorosur 10 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2229	VD-25428-16	Dorotril 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2230	VD-27379-17	Dosen 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2231	VD-28380-17	Dosidiol 30 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2232	VD-21463-14	Dospasmin 40 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2233	VD-24486-16	Dospasmin 120 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2234	VD-23256-15	Dospasmin 60 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2235	VD-23241-15	Doterco 50	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2236	VD-27380-17	Dotocom	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2237	VD-21464-14	Dotoux plus	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2238	VD-26468-17	Dotrome 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2239	VD-21025-14	Dourso	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2240	VD-25424-16	Dovalic 80 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2241	VD-19632-13	Dovel 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2242	VD-20065-13	Dovel 300 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2243	VD-28381-17	Dovirex 400 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2244	VD-22628-15	Dovocin 750 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2245	VD-21178-14	Doximpak 100 cap	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
2246	VD-21588-14	Doximpak 100 tab	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
2247	VD-21589-14	Doximpak 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2248	VD-28181-17	Doxmin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2249	VD-20488-14	Doxycyclin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
2250	VD-22475-15	Doxycyclin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2251	VD-26249-17	Doxycyclin 100	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2252	VD-18628-13	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2253	VD-23474-15	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
2254	VD-28119-17	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2255	VD-28382-17	Doxycyclin 100 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2256	VD-20135-13	Doxycyclin 100mg	Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina
2257	VD-18531-13	Doxycyclin Stada 100 mg Tabs	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2258	VD-22406-15	Dozalam	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2259	VD-20046-13	Dozeni 50 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2260	VS-4891-15	DR. Muối	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2261	VD-21052-14	Drexler	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2262	VD-19746-13	Drimy	Công ty TNHH DP Uy Tín	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
2263	VD-24147-16	Drocefvpc 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2264	VD-25670-16	DrocefVPC 500	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2265	VD-20032-13	Drofaxin 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2266	VD-25169-16	Dromasm fort	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2267	VD-26723-17	Dronagi 35	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2268	VD-26724-17	Dronagi 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2269	VD-28724-18	Dronatcalci plus	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2270	VD-21524-14	Dropstar	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2271	VD-22148-15	Dros-Ta	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2272	VD-21872-14	Drotaspasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2273	VD-25706-16	Drotaverin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2274	VD-25197-16	Drotusc	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2275	VD-24789-16	Drotusc Forte	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2276	VD-23834-15	Droxicef 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2277	VD-23835-15	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2278	VD-23836-15	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2279	VD-24960-16	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2280	VD-26407-17	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2281	VD-28293-17	Droxicef 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2282	VD-24961-16	Droxikid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2283	VD-24436-16	Droxistad Kid 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2284	VD-28454-17	Dryches	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2285	VD-26981-17	Dualcold Night Time	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2286	VD-26982-17	Dualcold PM	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2287	VD-22558-15	Duckeys	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2288	VD-19066-13	Ducpro 10	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2289	VD-23338-15	Dudencer	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2290	VD-27547-17	Duhemos 500	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
2291	VD-22250-15	Duhuzin 20	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2292	VD-22251-15	Duhuzin 40	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2293	VD-21182-14	DULEUSIC 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2294	VD-21597-14	DULEUSIC 200	Công ty TNHH dược phẩm Nam Thành Phố	Công ty cổ phần US Pharma USA
2295	VS-4916-15	Dung dịch A.S.A	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
2296	VS-4966-16	Dung dịch A.S.A	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2297	VS-4917-15	Dung dịch D.E.P	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
2298	VS-4948-16	Dung dịch dùng ngoài ASA	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2299	VD-20966-14	Dung dịch lugol	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2300	VD-18977-13	Dung dịch Milian	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
2301	VD-20311-13	Dung dịch Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
2302	VS-4978-16	Dung dịch Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2303	VD-19175-13	Dung dịch Povidon 10%	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2304	VD-18504-13	Dung dịch rửa vết thương Natri clorid 0,9%	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2305	VD-18095-12	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD - 1A (Acid)	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2306	VD-18096-12	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD - 1B (Bicarbonat)	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
2307	VS-4931-16	Dung dịch vệ sinh phụ nữ Phytogyno	Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Opodis	Công ty TNHH dược phẩm dược liệu Opodis
2308	VS-4918-15	Dung dịch xanh methylen 1%	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
2309	VD-28209-17	Đương quy di thực	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2310	VD-25229-16	Duotason	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2311	VD-25230-16	Duradolol	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2312	VD-26389-17	Dutaon	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
2313	VD-25352-16	Dutased	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2314	VD-18265-13	Dutixim 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2315	VD-18597-13	Dutixim 200	Công ty TNHH DP Uy Tín	Công ty TNHH US pharma USA
2316	VD-25960-16	Duvita	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2317	VD-27823-17	Duvita 2g	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2318	VD-22653-15	E - NIC 400	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2319	VD-21337-14	Ebasitin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2320	VD-28099-17	Ebastin 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2321	VD-26062-17	Ecaxan	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
2322	VD-21261-14	Ecepim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2323	VD-18718-13	Ecepim 2g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2324	VD-20169-13	Ecingel	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2325	VD-25083-16	Edafine	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
2326	VD-22761-15	Ediva L-Cystine	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2327	VD-20441-14	Ediwel	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2328	VD-26079-17	Edosic 200	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2329	VD-26080-17	Edosic 400	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2330	VD-28048-17	Efalgin-S	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2331	VD-21364-14	Efava	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2332	VD-26560-17	Efavirenz Stada 600 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2333	VD-21967-14	Efeladin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2334	VD-19457-13	Effalgin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2335	VD-21998-14	Effe - Nic 80	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2336	VD-19783-13	Effebaby	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2337	VD-21974-14	Effebaby	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2338	VD-19784-13	Effebaby 150	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2339	VD-22300-15	Effebaby 150	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2340	VD-22301-15	Effebaby 250	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2341	VD-19785-13	Effebaby 300	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2342	VD-24465-16	Effemax 650	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2343	VD-24466-16	Effemax 650	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2344	VD-25025-16	Effer - Acehasan 100	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2345	VD-25476-16	Effer - Acehasan 200	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2346	VD-22661-15	Efferhasan 150	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2347	VD-22662-15	Efferhasan 250	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2348	VD-25667-16	Effer-paralmax 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2349	VD-27809-17	Effer-paralmax 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2350	VD-27810-17	Effer-paralmax 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2351	VD-27811-17	Effer-paralmax codein	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2352	VD-24748-16	Effer-paralmax extra	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2353	VD-26759-17	Effpadol	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh
2354	VD-27805-17	Effpadol kids 150	Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh
2355	VD-27344-17	Efodyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2356	VD-27345-17	Efodyl	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2357	VD-17871-12	Efticol 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2358	VD-21227-14	Eftifarene 20 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2359	VD-26081-17	Eftimoxin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2360	VD-19827-13	Eftispasmin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2361	VD-22110-15	Eftisucral	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2362	VD-24357-16	Egalive	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2363	VD-20172-13	Egodinir 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2364	VD-19838-13	Egodinir 300	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2365	VD-20173-13	Egofixim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2366	VD-20174-13	Egofixim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2367	VD-25537-16	Elacox 200	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2368	VD-25890-16	Elacox 400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2369	VD-24288-16	Elnizol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2370	VD-26284-17	Elnizol 750	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2371	VD-27396-17	Élofan 10mg	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2372	VD-27397-17	Éloseptol	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2373	VD-21121-14	Elossy	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
2374	VD-24577-16	Elossy+	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
2375	VD-27640-17	Elovess	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
2376	VD-20198-13	Emas	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
2377	VD-19339-13	Emerop 0,5g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2378	VD-19648-13	Emixorat	Công ty Cổ Phần Trust Farma Quốc Tế	Công ty Cổ Phần Trust Farma Quốc Tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2379	VD-21134-14	EmycinDHG 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2380	VD-27381-17	Enalapril 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2381	VD-28725-18	Enalapril 5mg	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2382	VD-26561-17	Enalapril Stada 5 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2383	VD-21768-14	Enalapril STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2384	VD-25930-16	Enalapril tvp 10mg	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
2385	VD-25931-16	Enalapril tvp 5mg	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
2386	VD-26781-17	Enalapril VPC 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2387	VD-27508-17	Enamigal 10 mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2388	VD-25419-16	Enclacin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2389	VD-20242-13	Enereffect plus	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2390	VD-26316-17	Enicefa	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2391	VD-24022-15	Enoti	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2392	VD-28660-18	E-Novo	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2393	VD-20048-13	Enpovid 3B	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2394	VD-21729-14	Enpovid A, D	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2395	VD-21448-14	Enpovid E400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2396	VD-20049-13	Enpovid Fe - FOLIC	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2397	VD-25261-16	Entacron 25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2398	VD-25262-16	Entacron 50	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2399	VD-28561-17	Entecavir Stada 0.5 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
2400	VD-27708-17	Entefast 180mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
2401	VD-20119-13	Entefast 60 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
2402	VD-26873-17	Enterpass	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2403	VD-28182-17	Entexin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2404	VD-19395-13	Entraviga	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2405	VD-23488-15	Epegis	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2406	VD-19774-13	Ephedrin hydroclorid 10 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2407	VD-27135-17	Eprazinone	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2408	VD-12497-10	Eramux	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2409	VD-26636-17	Ergomin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2410	VD-27305-17	Erilcar 10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2411	VD-28294-17	Erilcar 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2412	VD-25453-16	Erisk	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
2413	VD-25403-16	ERXIB 90	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2414	VD-17673-12	Erybact 365	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
2415	VD-17674-12	Erybact fort	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
2416	VD-20805-14	Erybiotic 250	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2417	VD-19504-13	Eryfar 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
2418	VD-20026-13	Erymekophar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
2419	VD-25949-16	Eryne	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
2420	VD-26240-17	Erythromycin	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2421	VD-21961-14	Erythromycin & Nghệ	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2422	VD-22732-15	Erythromycin & nghệ Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2423	VD-21374-14	Erythromycin 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2424	VD-25787-16	Erythromycin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2425	VD-19198-13	Eskar	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
2426	VD-28010-17	Eskdiol	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2427	VD-26874-17	Eslatinb 40	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2428	VD-23038-15	Esofirst	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2429	VD-18558-13	Esolona	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2430	VD-23093-15	Esolona	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
2431	VD-22068-14	Esomeprazol 20 - US	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
2432	VD-23106-15	Esomeprazol 20mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2433	VD-22069-14	Esomeprazol 40 - US	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
2434	VD-26511-17	Esomeprazol 40-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
2435	VD-25259-16	Esomeptab 40 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2436	VD-19642-13	Esoprazol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2437	VD-27755-17	Esoragim 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2438	VD-26408-17	Esoxium caps. 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2439	VD-26409-17	Esoxium caps. 40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2440	VD-27306-17	Esoxium inj	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2441	VD-26410-17	Esoxium tablets 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2442	VD-27274-17	Espére	Công ty cổ phần Gon sa	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2443	VD-27812-17	Essividine	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2444	VD-25994-16	Estobra	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
2445	VD-23581-15	Eszonox	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2446	VD-19908-13	Ethambutol	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2447	VD-20750-14	Ethambutol 400 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2448	VD-23575-15	Ethambutol 400 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2449	VD-22943-15	Ethambutol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2450	VD-23996-15	Ethanol tinh luyện 96% (tt/tt)	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty TNHH một thành viên dược phẩm OPC Bình Dương
2451	VD-21228-14	Etimid 10	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2452	VD-28342-17	Etobat	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
2453	VD-25524-16	Etodagim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2454	VD-27915-17	Etoricoxib 60	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2455	VD-27916-17	Etoricoxib 90	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2456	VD-28516-17	Etoricoxib 90-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
2457	VD-22253-15	Eubtal	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2458	VD-20454-14	EUCA - OPC Viên trị ho	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
2459	VD-27857-17	Eucinat 250	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2460	VD-27858-17	Eucinat 500	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2461	VD-25968-16	Eucol 1,25mg/5ml	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2462	VD-20175-13	Eufaclor 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2463	VD-20176-13	Eufaclor 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
2464	VD-26590-17	Euformin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2465	VD-16195-12	Eugica Fort	Công ty TNHH Dược phẩm Trường Tín	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
2466	VD-20514-14	Eugintol kids	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2467	VD-23209-15	Eumintan	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2468	VD-25105-16	Euquimol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
2469	VD-27233-17	Eurcozyme	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2470	VD-17836-12	Eurdogel	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
2471	VD-21421-14	Eurganic	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2472	VD-17644-12	Euroginko extra	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2473	VD-17826-12	Eurowitmin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2474	VD-26136-17	Euroxil 250	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2475	VD-22523-15	Eutaric	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2476	VD-24109-16	Eutelsan 40	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2477	VD-24157-16	Eutinex 0,05%	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2478	VD-20427-14	Euvi - Alpha	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2479	VD-20428-14	Euvi - Alpha HD	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2480	VD-27854-17	Euviclor 125	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2481	VD-26137-17	Euviclor 250	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2482	VD-27855-17	Euvifast 120	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2483	VD-27856-17	Euvifast 180	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2484	VD-23531-15	Euxamus 200	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2485	VD-23001-15	Evadam	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2486	VD-27321-17	Everim	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
2487	VD-22596-15	Evitanate	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2488	VD-27436-17	Evyx-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2489	VD-19856-13	Exad	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2490	VD-20694-14	Exatus 200	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2491	VD-28330-17	Exidamin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2492	VD-27563-17	Expas 40	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2493	VD-23631-15	Expressin 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
2494	VD-26615-17	Extra deep heat	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
2495	VD-18719-13	Exzoxim 1g	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
2496	VD-28585-17	Eyebi	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2497	VD-16196-12	Eyelight	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2498	VD-24100-16	Eyelight	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2499	VD-22763-15	Eyelight Vita	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
2500	VD-20281-13	Eyespot-E	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2501	VD-24937-16	Eyetamin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2502	VD-19092-13	Eyethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2503	VD-16531-12	Eyewise	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội.	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
2504	VD-28235-17	Eyexacin	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2505	VD-22917-15	Ezdixum	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2506	VD-22517-15	Fabaclinc	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2507	VD-28075-17	Fabafixim 200 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2508	VD-23035-15	Fabamox 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2509	VD-25791-16	Fabamox 250	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2510	VD-27072-17	Fabamox 250 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2511	VD-21362-14	Fabamox 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2512	VD-25792-16	Fabamox 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2513	VD-27073-17	Fabamox 500 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
2514	VD-8806-09	Fabazixin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.
2515	VD-19797-13	Fabonxyl	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2516	VD-24289-16	Fabzicocin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2517	VD-10810-10	Faclor ACS 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2518	VD-27307-17	Faditac	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2519	VD-28295-17	Faditac inj	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2520	VD-27882-17	Fahado extra	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2521	VD-21506-14	Falgankid	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2522	VD-21507-14	Falgankid 250	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2523	VD-23423-15	Falofant 125	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2524	VD-23741-15	Famomed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
2525	VD-28100-17	Famotidin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2526	VD-18691-13	Famotidin 40 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2527	VD-21847-14	Famotidin 40 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2528	VD-19698-13	Fanozo	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2529	VD-26454-17	Farel	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
2530	VD-19026-13	Farinceft-125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2531	VD-20152-13	Farisant	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2532	VD-19699-13	Farmadol	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2533	VD-27848-17	Farzincol	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2534	VD-22524-15	Fascapin-10	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2535	VD-18629-13	Fascapin-20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2536	VD-24585-16	Fasmuc	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2537	VD-28101-17	Fasstest	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2538	VD-27029-17	Fastgynax	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2539	VD-28021-17	Fasthan 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2540	VD-25692-16	Fasthiol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2541	VD-27659-17	Fastrichs	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
2542	VD-18372-13	Fasvon	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2543	VD-24767-16	Faszeen	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2544	VD-22367-15	Fatodin 40	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2545	VD-21053-14	Fawce	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
2546	VD-19438-13	Faymasld	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
2547	VD-18569-13	FDP Medlac	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2548	VD-26875-17	Fedecef	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2549	VD-25565-16	Fedip	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2550	VD-22476-15	Fefasdin 120	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2551	VD-26174-17	Fefasdin 60	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
2552	VD-25387-16	Fegra 120mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2553	VD-24437-16	Fegra 60 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2554	VD-26876-17	FEGULINE 50	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2555	VD-21026-14	Fehezym	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2556	VD-26562-17	Felodipin Stada 5 mg retard	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2557	VD-26411-17	Felpitil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2558	VD-27929-17	Femancia	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2559	VD-21564-14	Femirat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2560	VD-22031-14	Fenaflam	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2561	VD-21124-14	Fenbrat	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2562	VD-24892-16	Fenbrat 100	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2563	VD-27136-17	Fenbrat 200M	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2564	VD-22258-15	Fencedol	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
2565	VD-20385-13	Fendexi	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2566	VD-28699-18	Fenidel	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2567	VD-26983-17	Fenidofex 0,6%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2568	VD-25748-16	Fenofib 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2569	VD-24826-16	Fenofib 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2570	VD-22070-14	Fenofibrat 100 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2571	VD-25429-16	Fenofibrat 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2572	VD-24502-16	Fenofibrat 300 meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2573	VD-22071-14	Fenofibrat 300-US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2574	VD-28525-17	Fenofibrate	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
2575	VD-24742-16	Fenofibrate 300 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
2576	VD-18594-13	Fenoflex	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
2577	VD-23514-15	Fenorasboston 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
2578	VD-26609-17	Fenorel 160	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2579	VD-26563-17	Fenostad 160	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
2580	VD-25983-16	Fenostad 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2581	VD-25863-16	Fepa	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2582	VD-23424-15	Feparac	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2583	VD-27969-17	Fepro	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2584	VD-18180-13	Fericap	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2585	VD-28363-17	Feritonic	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
2586	VD-25936-16	Ferkey	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
2587	VD-26985-17	Ferronic B9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2588	VD-20459-14	Ferronyl	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2589	VD-19921-13	Fervita	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2590	VD-19922-13	Fervita folic	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2591	VD-18451-13	Fethepharm - B9	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2592	VD-26687-17	Fexenafast 60 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
2593	VD-17771-12	Fexmebi	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2594	VD-26077-17	Fexnad 60	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
2595	VD-25013-16	Fexofenadin 120-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
2596	VD-26130-17	Fexofenadin 180	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
2597	VD-25404-16	Fexofenadin 30 ODT	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2598	VD-28134-17	Fexofenadin 60	Công ty cổ phần dược phẩm Tuệ Minh	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2599	VD-27899-17	Fexofenadin 60 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2600	VD-23042-15	Fexofenadin hydroclorid 60 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2601	VD-21179-14	Fexofenadine 180 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2602	VD-27641-17	Fexofenadine 180-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
2603	VD-19971-13	Fexophar 180	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2604	VD-25478-16	Fexostad 120	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2605	VD-23968-15	Fexostad 180	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2606	VD-28722-18	Fiborize	Công ty TNHH dược phẩm HQ	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2607	VD-21792-14	Ficemix 400	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2608	VD-19468-13	Fimecin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2609	VD-25891-16	Finabrat 100	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2610	VD-28296-17	Finabrat 300	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2611	VD-24698-16	Finasteride	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2612	VD-20056-13	Fiora	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2613	VD-15813-11	Firstlexin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2614	VD-27078-17	Firstlexin 1000 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2615	VD-27079-17	Firstlexin 250 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2616	VD-28076-17	Firstlexin 500 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2617	VD-27681-17	Flabivi	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
2618	VD-28322-17	Flagyl 250 mg	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam
2619	VD-22230-15	Flazenca 1.500.000/250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2620	VD-23043-15	Flazenca 750/125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2621	VD-23681-15	Flazenca 750/125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2622	VD-21004-14	Flazole 400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2623	VD-21836-14	Flexidron 120	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2624	VD-21837-14	Flexidron 90	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2625	VD-26412-17	Flodicar 5 mg MR	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2626	VD-28456-17	Flodilan	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2627	VD-28457-17	Flodilan-2	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2628	VD-28120-17	Flogenxin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2629	VD-23350-15	Flucistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2630	VD-18109-12	Flucoldstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2631	VD-19747-13	Fluconazole	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2632	VD-23073-15	Flunarizine 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2633	VD-26392-17	Fluocinolon	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2634	VD-26356-17	Fluocinolon 0,025%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2635	VD-24843-16	Fluopas	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2636	VD-18851-13	Fluotin 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
2637	VD-21044-14	Flurassel	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
2638	VD-25479-16	Fluzinstad 5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2639	VD-25293-16	Flypit 10	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2640	VD-22658-15	Fogyma	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2641	VD-26133-17	Folicfer	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
2642	VD-25802-16	Forasm 10	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2643	VD-19157-13	Forclamide	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2644	VD-20827-14	Forexim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2645	VD-24872-16	Foritakane	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
2646	VD-25442-16	Fortec	Công ty TNHH Bionam	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
2647	VD-21816-14	Forvastin 10	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2648	VD-19828-13	Forvastin 20	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2649	VD-24036-15	Fosfomed 2g	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2650	VD-28605-17	Fosfomed 500	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2651	VD-25655-16	Fosfomycin 2000 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
2652	VD-24743-16	Fosfomycin A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
2653	VD-19158-13	Fostervita	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
2654	VD-24438-16	Foximstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2655	VD-24292-16	Fra-bac 10	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2656	VD-24293-16	Fra-bac 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2657	VD-28458-17	Franilax	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2658	VD-24493-16	Franrogyl	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam
2659	VD-16406-12	Franroxil 500	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2660	VD-24992-16	Frantamol 500 mg	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2661	VD-27398-17	Frantamol Extra	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2662	VD-27399-17	Frantamol Trẻ em 150mg	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2663	VD-24494-16	Frantel	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Eloge France Việt Nam
2664	VD-28405-17	Franvit C - Rutin	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
2665	VD-22087-15	Fresma 0,025%	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2666	VD-28539-17	Frolova 150	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2667	VD-26858-17	Fructines	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
2668	VD-20552-14	Fubenzon	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2669	VD-26877-17	Fucalmax	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2670	VD-23642-15	Fudcime 200 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2671	VD-25407-16	Fudlezin	Công ty cổ phần SX-TM Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần SX-TM Dược phẩm Đông Nam
2672	VD-24256-16	FUDOPHOS	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2673	VD-24839-16	Fumagate	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông
2674	VD-24257-16	Fumagate - Fort	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2675	VD-24170-16	Fumecar	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2676	VD-25892-16	Funesten 100	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2677	VD-25893-16	Funesten 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2678	VD-25711-16	FURMET cream	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2679	VD-26581-17	Furosan	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
2680	VD-22586-15	Furosemid	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2681	VD-24683-16	Furosol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2682	VD-19133-13	Furostyl 40	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2683	VD-21346-14	Fusidic 2%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2684	VD-27332-17	Fuspiro	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2685	VD-22633-15	Futagrel	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2686	VD-27037-17	Fuxofen 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2687	VD-27038-17	Fuxofen 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2688	VD-26285-17	Fypency	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2689	VD-20732-14	G5 Enfankast	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2690	VD-18329-13	Gabacare 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2691	VD-28022-17	Gabapentin 600	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2692	VD-24848-16	Gabarica 400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2693	VD-26056-17	Gacnero	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
2694	VD-18954-13	Gadacal	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2695	VD-27137-17	Gadoxime 100	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2696	VD-24893-16	Gadoxime 200	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2697	VD-27756-17	Galagi 4	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2698	VD-27757-17	Galagi 8	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2699	VD-26057-17	Galamento 400	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
2700	VD-28236-17	Galanmer	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2701	VD-18181-13	Galaxda 25	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2702	VD-28541-17	Galcholic 150	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2703	VD-28542-17	Galcholic 200	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2704	VD-28543-17	Galcholic 300	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2705	VD-19020-13	Galoxcin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2706	VD-19470-13	Galoxcin 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
2707	VD-19022-13	Galoxcin 750	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2708	VD-27308-17	Galremin 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2709	VD-27758-17	Gaptinew	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2710	VD-18166-12	Gardenal	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2711	VD-19239-13	Gargalex	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
2712	VD-22918-15	Garlic Oil	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2713	VD-24084-16	Garnotal	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2714	VD-24630-16	Gastalo	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2715	VD-27169-17	Gastro PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
2716	VD-26819-17	Gastrosanter	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2717	VD-25986-16	Gastrylstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2718	VD-28353-17	Gau misa	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
2719	VD-24012-15	Gavix	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2720	VD-26497-17	Gayax	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2721	VD-27437-17	Gebhart	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2722	VD-22186-15	Gefbin	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2723	VD-27946-17	Gefbin	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2724	VD-21479-14	Gel CiACCA	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2725	VD-24947-16	Gel Erythromycin 4%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2726	VD-24023-15	Gelabee	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2727	VD-28279-17	Gelacmeigel	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2728	VD-19312-13	Gel-Aphos	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2729	VD-27438-17	Gellux	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2730	VD-21793-14	Gelobet	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2731	VD-19029-13	Genatreson	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2732	VD-15974-11	Genskinol	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2733	VD-27439-17	Gensler	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2734	VD-27993-17	Gensomax	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2735	VD-26308-17	Gentacain	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
2736	VD-27587-17	Gentamed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
2737	VD-23819-15	Gentameson	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2738	VD-26801-17	Gentamicin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
2739	VD-25803-16	Gentamicin 40	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2740	VD-19546-13	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2741	VD-20982-14	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2742	VD-21721-14	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2743	VD-25763-16	Gentamicin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2744	VD-28237-17	Gentamicin 0.3%	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2745	VD-19094-13	Gentamicin 80 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2746	VD-25858-16	Gentamicin 80mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2747	VD-25310-16	Gentamicin 80mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2748	VD-26899-17	Gentamicin 80mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
2749	VD-24398-16	Gentamicin Injection 80mg/2ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2750	VD-20944-14	Gentamicin Kabi 80mg/2ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2751	VD-24962-16	Gentastad 80mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2752	VD-27297-17	Gentinex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
2753	VD-22721-15	Gentizone	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2754	VD-28590-17	Gentridecme	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2755	VD-27138-17	Gerdnill	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
2756	VD-22574-15	Gerdogyl	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
2757	VD-26001-16	Geumi	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2758	VD-28656-18	Giảm đau TK3	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2759	VD-19313-13	Gimfastnew 120	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2760	VD-20170-13	Gimfastnew 180	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2761	VD-22321-15	Gimyenez	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2762	VD-21055-14	Gimyenez-8	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2763	VD-17772-12	Gingokan	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2764	VD-26177-17	Ginkgo biloba	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2765	GC-247-16	Ginknex	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2766	VD-27294-17	Ginkokup 40	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
2767	VD-20915-14	Ginkosoft	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2768	VD-19018-13	Ginoxen	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2769	VD-19705-13	Ginplus	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2770	VD-27182-17	Gintana 120	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2771	VD-28459-17	Givet-10	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2772	VD-25156-16	Glanta 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2773	VD-27466-17	Glanta 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2774	VD-27467-17	Glanta HCTZ 20/12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2775	VD-27468-17	Glanta HCTZ 40/12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2776	VD-17702-12	Glasxine	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2777	VD-21829-14	Glexil 250	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2778	VD-21830-14	Glexil 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2779	VD-24334-16	Glimepiride 2mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2780	VD-26263-17	Glimepiride 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2781	VD-23969-15	Glimepiride STELLA 4 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
2782	VD-25490-16	Glimepiride STELLA 4 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2783	VD-19409-13	Glimid 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2784	VD-20233-13	Glimid 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2785	VD-22263-15	Gliphalin	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2786	VD-24599-16	GliritDHG 500mg/5mg	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2787	VD-23920-15	Glockner-10	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2788	VD-23921-15	Glockner-5	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2789	VD-23537-15	Glocor 2.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2790	VD-23538-15	Glocor 5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2791	VD-21642-14	Glodas 180	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2792	VD-28499-17	Glodia 10	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2793	VD-21291-14	Glofap G	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2794	VD-24182-16	Glofap V	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2795	VD-21277-14	Glogapen	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2796	VD-27469-17	Glogyl	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2797	VD-28500-17	Glomedrol 16	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2798	VD-22849-15	Glomezol	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2799	VD-22850-15	Glomezol 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2800	VD-20196-13	Glomoti-M	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2801	VD-28721-18	Glomoti-M 5/50 sachet	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2802	VD-22458-15	Glomoxif	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2803	VD-22135-15	Glopantac 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2804	VD-21838-14	Glopepcid	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2805	VD-20697-14	Glopixin 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2806	VD-22835-15	Glopixin 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2807	VD-20698-14	Glopixin 500	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2808	VD-22136-15	Glosic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2809	VD-23540-15	Glosic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2810	VD-20713-14	Glosicon	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2811	VD-20714-14	Glosicon Orange	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2812	VD-21643-14	Glotadol 150	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2813	VD-19350-13	Glotadol 650	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2814	VD-22137-15	Glotadol 650	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2815	VD-20716-14	Glotadol Flu	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2816	VD-22138-15	Glotadol Power	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2817	VD-20197-13	Glotamuc	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2818	VD-20718-14	Glotamuc	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2819	VD-28501-17	Glotasic extra	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2820	VD-21279-14	Glotenol	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2821	VD-21280-14	Glotizin	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2822	VD-24761-16	Glotyl 100	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2823	VD-19869-13	Gloverin	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2824	VD-27470-17	Gloversin Plus	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
2825	VD-23541-15	Glovitor 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2826	VD-28502-17	Gloxicam	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2827	VD-18860-13	Glucarbose 100mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2828	VD-18861-13	Glucarbose 50mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
2829	VD-26986-17	Glucoform 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
2830	VD-25376-16	Glucolyte-2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
2831	VD-19030-13	Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2832	VD-22705-15	Glucosamin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2833	VD-23377-15	Glucosamin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
2834	VD-24041-15	Glucosamin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
2835	VD-27030-17	Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
2836	VD-18607-13	Glucosamin - BVP 500	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2837	VD-27682-17	Glucosamin - BVP 500	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2838	VD-18608-13	Glucosamin - BVP 750	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2839	VD-22853-15	Glucosamin 500 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
2840	VD-18909-13	Glucosamin 500 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
2841	VD-27127-17	Glucosamin sulfat 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
2842	VD-24856-16	Glucosamin sulfat 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
2843	VD-28399-17	Glucosamine 500	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
2844	VS-4967-16	Glucose	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
2845	VD-25876-16	Glucose 10%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2846	VD-24900-16	Glucose 30%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
2847	VD-25804-16	Glucose 30%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2848	VD-16339-12	Glucose 5%	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
2849	VD-24423-16	Glucose 5%	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
2850	VD-28252-17	Glucose 5%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
2851	VD-22025-14	Glucose-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2852	VD-26678-17	Glucosix 500	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2853	VD-22092-15	Glucosix 850	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2854	VD-26348-17	Glucozinc S	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
2855	VD-20855-14	Gludipha 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2856	VD-25311-16	Gludipha 850	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2857	VD-27930-17	Gludotine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2858	VD-21431-14	Glumarix	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2859	VD-19237-13	GLUMAT 750	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ Phần US pharma USA
2860	VD-27564-17	Glumeform 850	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2861	VD-25040-16	Glumeron 30 MR	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2862	VD-22995-15	Gluphakaps 850 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2863	VD-27309-17	Glusamin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2864	VD-24439-16	Glusamin 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2865	VD-25388-16	Glusamin 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2866	VD-20990-14	Glusamin capsules	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2867	VD-14517-11	Glusamin Plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
2868	VD-20674-14	Glutoboston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
2869	VD-25764-16	Glutoz	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
2870	VD-26082-17	Glycerin Borat 3%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
2871	VD-22407-15	Godpadol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
2872	VD-22483-15	Golcoxib	Công ty cổ phần tập đoàn dược phẩm và thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
2873	VD-21033-14	Goldampill 125	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2874	VD-21742-14	GOLDAMPILL 300	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2875	VD-20349-13	GOLDASMO 100	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2876	VD-21466-14	GOLDASMO 100	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2877	VD-21467-14	GOLDASMO 200	Công ty CP US pharma Hà Nội	Công ty Cổ phần US Pharma USA
2878	VD-20410-14	Goldgro W	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2879	VD-24075-16	Golheal 300	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
2880	VD-25147-16	Golistin-Enema	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2881	VD-24751-16	Golistin-enema for children	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
2882	VD-18453-13	Golsathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2883	VD-19660-13	Gomes	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2884	VD-20946-14	Goncal	Công ty cổ phần Gon sa	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
2885	VD-27275-17	Gonesi	Công ty cổ phần Gon sa	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2886	VD-20141-13	Gonpat 750	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
2887	VD-24115-16	Goutcolcin	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
2888	VD-21691-14	GP-Salbutamol 5 mg/5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2889	VD-23389-15	Gramkill	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
2890	VD-28077-17	Gramtob	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
2891	VD-28183-17	Granbas	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2892	VD-18846-13	Grangel	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
2893	VD-28023-17	Gratronset 1	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2894	VD-28024-17	Gratronset 2	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
2895	VD-18807-13	Greatcet	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
2896	VD-21849-14	Greenneuron-H	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2897	VD-26820-17	Greenramin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2898	VD-27884-17	Greenramin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2899	VD-21615-14	Greentamin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2900	VD-20523-14	Gregory-2	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2901	VD-20524-14	Gregory-4	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2902	VD-28003-17	Grial-E	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Công ty cổ phần Dược S.Pharm
2903	VD-19111-13	Griseofulvin 5%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2904	VD-23691-15	Griseofulvin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2905	VD-28460-17	Guarente-16	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2906	VD-28461-17	Guarente-8	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
2907	VD-18097-12	Gumas	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2908	VD-28184-17	Gumitic	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
2909	VD-23926-15	Gừng	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
2910	VD-22269-15	Gut A thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2911	VD-22270-15	Gut C thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
2912	VD-18098-12	Gygaril 5	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2913	VD-21056-14	Gygaril-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2914	VD-21057-14	Gyllex	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2915	VD-22295-15	Gymenyl	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
2916	VD-27111-17	Gynapax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2917	VD-28664-18	Gyndizol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2918	VS-4924-16	Gynocare	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
2919	VS-4922-16	Gynolady	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
2920	VS-4872-14	Gynonadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
2921	VD-19620-13	Gynopazaryl Depot	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2922	VD-19848-13	Gynopic	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
2923	VD-15875-11	Gynoseptyl	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
2924	VS-4974-16	Gynostad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
2925	VD-21988-14	Gyoryg	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2926	VD-18926-13	Gysudo	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
2927	VD-24066-16	Hà thủ ô	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
2928	VD-24990-16	Hà thủ ô	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
2929	VD-18437-13	Hacinol-HD New	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2930	VD-22149-15	Hacold	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2931	VD-21602-14	Hacortin	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
2932	VD-19247-13	Hadicobal	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2933	VD-23455-15	Hadilium	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2934	VD-23456-15	Hadiocalm	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2935	VD-23555-15	Hadocort-D	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2936	VD-24769-16	Hadozyl	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2937	VD-25971-16	Hafenthyl 145mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2938	VD-26594-17	Hafixim 100 Kids	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2939	VD-26595-17	Hafixim 50 Kids	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2940	VD-20553-14	Hagifen	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2941	VD-24013-15	Hagimox 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2942	VD-25498-16	Hagimox 250 Caps	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2943	VD-24600-16	Hagimox capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2944	VD-24602-16	Hagimox capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2945	VD-24604-16	Hagimox capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2946	VD-24607-16	Haginat 125	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2947	VD-26007-16	Haginat 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2948	VD-24608-16	Haginat 500	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2949	VD-22765-15	Haginir 100	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2950	VD-22264-15	Haisamin	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
2951	VD-25252-16	Hakanta	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
2952	VD-26302-17	Hakovinaton	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
2953	VD-22322-15	Halfhuid-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2954	VD-20525-14	Halfhuid-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
2955	VD-28102-17	Haloperidol	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
2956	VD-21294-14	Haloperidol 1,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2957	VD-18188-13	Haloperidol 2 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
2958	VD-28544-17	Hangitor plus	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2959	VD-20556-14	Hapacol	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2960	VD-21137-14	Hapacol 150	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2961	VD-20557-14	Hapacol 150 flu	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2962	VD-20558-14	Hapacol 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2963	VD-28570-17	Hapacol 250 Sinus	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2964	VD-20559-14	Hapacol 325	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2965	VD-27565-17	Hapacol 325 Flu	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2966	VD-21138-14	Hapacol 650	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2967	VD-20560-14	Hapacol 650 Extra	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2968	VD-20561-14	Hapacol 80	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2969	VD-20562-14	Hapacol Ace 500	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2970	VD-20566-14	Hapacol capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2971	VD-26596-17	Hapacol CF Fort	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2972	VD-20567-14	Hapacol child	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2973	VD-20568-14	Hapacol CS Day	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2974	VD-20569-14	Hapacol đau nhức	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2975	VD-26598-17	Hapacol pain	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2976	VD-20571-14	Hapacol sủi	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2977	VD-26599-17	Hapenxin 250 Caps	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2978	VD-24596-16	Hapenxin 250 Kids	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2979	VD-28571-17	Hapenxin 500 Caplet	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
2980	VD-24611-16	Hapenxin capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2981	VD-24612-16	Hapenxin capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2982	VD-25041-16	Hapenxin capsules	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
2983	VD-18817-13	Happynor	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
2984	VD-27510-17	Hapresval 160	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2985	VD-27511-17	Hapresval 80	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2986	VD-28545-17	Hapresval plus 160/25	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2987	VD-28546-17	Hapresval plus 80/12,5	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2988	VD-26821-17	Hapukgo 40	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2989	VD-17344-12	HapyGra	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
2990	VD-25171-16	Harine	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
2991	VD-25492-16	Hasadolac 200	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
2992	VD-22033-14	Hasalbu 2	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
2993	VD-22663-15	Hasalfast	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2994	VD-27548-17	Hasanbin 100	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
2995	VD-25989-16	Hasanbin 200	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
2996	VD-27512-17	Hasanbose 100	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2997	VD-25972-16	Hasanbose 50	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2998	VD-25973-16	Hasancob 500mcg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
2999	VD-25501-16	Hasec 30	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3000	VD-22877-15	Hatasten	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3001	VD-27440-17	Hatlop-150	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3002	VD-27441-17	Hatlop-300	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3003	VD-28462-17	Hayex	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3004	VD-27310-17	Hazidol 1,5 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3005	VD-18839-13	HD Plus 134 A	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
3006	VD-18840-13	HD Plus 144 A	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
3007	VD-19168-13	HD Plus 8,4 B	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam
3008	VD-17970-12	Hecavas 5	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3009	VD-23036-15	Helcrosin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3010	VD-21005-14	Helinzole	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3011	VD-28586-17	Helorni	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3012	VD-25593-16	Hemafolic	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
3013	VD-26987-17	Hemafort	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3014	VD-16718-12	Hemarexin	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3015	VD-25294-16	Hemoflon	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3016	VD-27983-17	Hemol 750mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3017	VD-27031-17	Hemolic	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3018	VD-17474-12	Hemomax	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3019	VD-28675-18	Hemorex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3020	VD-26774-17	Hemotocin	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3021	GC-266-17	Hepa Extra	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần S.P.M	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3022	VD-27824-17	Hepaphagen-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3023	VD-26337-17	Hepaqueen gold	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3024	VD-20788-14	Hepasig 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3025	VD-20789-14	Hepasig 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3026	VD-21746-14	Hepatymo	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3027	VD-26326-17	Hepaur 1g	Công ty Cổ phần dược phẩm Vipharco	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
3028	VD-27162-17	Hepaur 5g	Công ty Cổ phần dược phẩm Vipharco	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar
3029	VD-25231-16	Hepeverex	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3030	VD-22641-15	HEPGENTEX	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3031	VD-25693-16	Hepsonic	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3032	VD-28121-17	Hep-Uso 150	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3033	VD-28651-18	Heronira	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9
3034	VD-19270-13	Hetopartat	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3035	VD-23542-15	Hexinvon 4	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3036	VD-24221-16	Hezepril 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3037	VD-24222-16	Hezepril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3038	VD-20360-13	Hikimel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3039	VD-19305-13	Hiskast	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3040	VD-23107-15	Histudon	Công ty cổ phần dược và TBYT An Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3041	VD-22195-15	Hivolam 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3042	VD-21873-14	Hivuladin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3043	VD-20492-14	Hồ nước	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3044	VD-24468-16	Hoàn nghệ mật ong TP	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3045	VD-25220-16	Hoastex	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
3046	VD-22329-15	Hoạt huyết bổ trí não-F	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3047	VD-22572-15	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3048	VD-22645-15	Hoạt Huyết Dưỡng Não	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3049	VD-22919-15	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3050	VD-25457-16	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3051	VD-27119-17	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
3052	VD-27251-17	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
3053	VD-27723-17	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
3054	VD-28155-17	Hoạt huyết dưỡng não	Công ty cổ phần dược phẩm Xanh	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3055	VD-27260-17	Hoạt huyết dưỡng não BDF	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3056	VD-24102-16	Hoạt huyết dưỡng não DHG	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3057	VD-27163-17	Hoạt huyết dưỡng não Dutamginko	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
3058	VD-27164-17	Hoạt huyết dưỡng não Dutamginko	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.	Công ty cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
3059	VD-21422-14	Hoạt huyết dưỡng não HĐ	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3060	VD-24388-16	Hoạt huyết dưỡng não QN	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh	Công ty cổ phần dược VTYT Quảng Ninh
3061	VD-20303-13	Hoạt huyết dưỡng não TP	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3062	GC-270-17	Hoạt huyết kiện não	Cơ sở đặt gia công: Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Cơ sở nhận gia công: Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3063	VD-20304-13	Hocidinex	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3064	VD-25373-16	Homan	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
3065	VD-26376-17	Hometex	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược - Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
3066	VD-28273-17	Homtamin Beauty	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
3067	VD-28257-17	Hỗn dịch Bari sulfat 260	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
3068	VD-26286-17	Hormedi 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3069	VD-25303-16	Hormedi 16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3070	VD-26291-17	Hormedi 4	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3071	VD-25805-16	Hormedi 40	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3072	VD-27333-17	Hotapas	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3073	VD-16692-12	Hotgel	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3074	VD-28463-17	Huether 50	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3075	VD-24631-16	Hufotaxime	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3076	VD-22180-15	Humared	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3077	VD-19661-13	Huntelaar	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
3078	GC-283-17	Hurmat 25mg	(Cơ sở đặt gia công): Công ty Medochemie Ltd	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)
3079	VD-24633-16	HUTAXON	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3080	VD-23425-15	Huygesic Fort	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
3081	VD-27825-17	Hyaza - Bfs	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3082	VD-27826-17	Hycoba-bfs 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3083	VD-18884-13	Hydrite	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3084	VD-24047-15	Hydrite	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3085	VD-18595-13	Hydrite (Hương chuối)	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3086	VD-19386-13	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3087	VD-21862-14	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3088	VD-22477-15	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3089	VD-25707-16	Hydrocolacyl	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3090	VD-28530-17	Hylaform 0,1%	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3091	VD-26822-17	Hypevas 10	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3092	VD-25198-16	Hypravas 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3093	VD-18671-13	Hysdin	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3094	VD-18357-13	Iba- Mentin 500mg/ 62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3095	VD-26823-17	Ibaganin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3096	VD-28065-17	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3097	VD-7792-09	Ibartain MR	Công ty TNHH dược phẩm Vellpharm Việt Nam	Công ty TNHH dược phẩm Vellpharm Việt Nam
3098	VD-16623-12	Ibatonic	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3099	VD-19067-13	Ibatony	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
3100	VD-27311-17	Ibedis 150	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3101	VD-28298-17	Ibedis 150mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3102	VD-28299-17	Ibedis 300mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3103	VD-25749-16	Ibrafen	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3104	VD-22965-15	Ibrafen 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3105	VD-25529-16	Ibrafen 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3106	VD-18787-13	Ibucapvic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3107	VD-18982-13	Ibucet	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3108	VD-16468-12	Ibucetamo	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3109	VD-23351-15	Ibudolor 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3110	VD-20719-14	Ibumed 200	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3111	VD-22478-15	Ibuprofen	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3112	VD-27737-17	Ibuprofen	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3113	VD-21201-14	Ibuprofen 200 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3114	VD-22944-15	Ibuprofen 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3115	VD-18461-13	Ibuprofen 600mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3116	VD-19119-13	Ibuprofen STADA 400 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3117	VD-26564-17	Ibuprofen Stada 600 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3118	VD-26221-17	Iburhum 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3119	VD-27970-17	Iburhum 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3120	VD-25232-16	Ibutop 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3121	VD-18837-13	Idafloc	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3122	VD-18549-13	Idatril 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3123	VD-21764-14	Idilax	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3124	VD-19870-13	Idium	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3125	VD-19853-13	Idofen 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3126	VD-26018-16	Idorizac	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3127	VD-28634-17	Ifetab	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3128	VD-25125-16	Ihybes 300	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3129	VD-25611-16	Ihybes-H 150	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3130	VD-24707-16	Ihybes-H 300	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3131	VD-18720-13	Ilascin	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
3132	VD-23292-15	Imanok	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3133	VD-20450-14	Imecal 0,25 mcg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3134	VD-18963-13	Imeclor 125	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương
3135	VD-27890-17	Imedoxim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3136	VD-27891-17	Imedoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3137	VD-27892-17	Imedoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3138	VD-27893-17	Imenir 125 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3139	VD-27894-17	Imenir 300	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3140	VD-27900-17	Imenoopyl	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3141	VD-26846-17	Imetoxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3142	VD-24214-16	Imexflon	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3143	VD-26847-17	Imezidim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3144	VD-26848-17	Imezidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3145	VD-26849-17	Imezidim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3146	VD-26850-17	Imezidim 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
3147	VD-27931-17	Immulimus	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3148	VD-26878-17	Immulimus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3149	VD-26879-17	Immulimus 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3150	VD-26880-17	Imoglid	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3151	VD-20916-14	Incamix	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3152	VD-21937-14	Incat	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3153	VD-27540-17	Indopril 10	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3154	VD-26574-17	Indopril 5	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
3155	VD-25233-16	Infartan 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3156	VD-21449-14	Infecin 0.75M.I.U	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3157	VD-22296-15	Infecin 1.5 M.I.U	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3158	VD-22297-15	Infecin 3 M.I.U	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3159	VD-21791-14	Infilong	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3160	VD-25199-16	Inflafen 75	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3161	VD-20868-14	Ingair 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3162	VD-28103-17	Ingaron 100 DST	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3163	VD-21692-14	Ingaron 200 DST	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3164	VD-18825-13	Ingit ivf.	Công ty Cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3165	VD-19858-13	Inhal + N	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3166	VD-22125-15	Inhal + T	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3167	VD-10439-10	Injectam - S 1g	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3168	VD-18360-13	Injectam- S 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3169	VD-18745-13	Inopantine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3170	VD-24054-15	Intercephalex 500	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
3171	VS-4878-14	Iodine	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3172	VD-23210-15	I-Pain	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3173	VD-22775-15	Iratac	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3174	VD-27410-17	Irbeazid-AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3175	VD-27039-17	Irbelorzed 150/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3176	VD-27040-17	Irbelorzed 300/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3177	VD-24671-16	Irbepro 150	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3178	VD-25074-16	Irbepro 300	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3179	VD-26265-17	Irbesartan	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3180	VD-24503-16	Irbesartan - AM	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3181	VD-22785-15	Irbesartan 150	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3182	VD-27382-17	Irbesartan 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3183	VD-22786-15	Irbesartan 300	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3184	VD-18533-13	Irbesartan STELLA 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3185	VD-19849-13	Ircovas 150	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3186	VD-26789-17	Ironkey	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3187	VD-26729-17	Irsatim 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3188	VD-26782-17	Irzinex Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3189	VD-28464-17	Isaias	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3190	VD-19476-13	Isoniazid 150 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3191	VD-28080-17	Isoniazid 150mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3192	VD-20751-14	Isoniazid 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3193	VD-23576-15	Isoniazid 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3194	VD-18672-13	Isoniazid 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3195	VD-25806-16	Isoniazid 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3196	VD-22910-15	Isosorbid	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3197	VD-18725-13	Isotic Moxisone	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
3198	VD-26881-17	Isotisun 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3199	VD-26882-17	Isotisun 20	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3200	VD-19748-13	Isotretinoin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
3201	VD-18570-13	Itamekacin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3202	VD-28606-17	Itamekacin 1000	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
3203	VD-27041-17	Itopride Invagen	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3204	VD-22671-15	Itranstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3205	VD-13707-11	Itrex	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3206	VD-27738-17	Ivermectin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3207	VD-25656-16	Ivermectin 3 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3208	VD-26110-17	Ivermectin 6 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3209	VD-27668-17	Ivernic 6	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3210	VD-24103-16	Ivis B12	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3211	VD-19817-13	Ivis Levofloxacin	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3212	VD-19280-13	Ivis Salty	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3213	VD-26705-17	Ivis Tobramycin	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3214	VD-25064-16	Izac syrup	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
3215	VD-24699-16	I-Zine	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3216	VD-24077-16	Izotren	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3217	VD-27430-17	J cof	Công ty TNHH dịch vụ y tế Hưng Thành	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3218	VD-26790-17	Jafumin	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3219	VD-26138-17	Jasunny	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3220	VD-28465-17	Javiel	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3221	VD-27042-17	Jaxtas 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3222	VD-28466-17	Jewell	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3223	VD-27860-17	Jikagra	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3224	VD-28467-17	Jiracek	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3225	VD-25005-16	Jordapol	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3226	VD-24298-16	K_Xofanine	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3227	VD-22173-15	Kacephan new	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3228	VD-21316-14	Kacetam Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3229	VD-27917-17	Kacystein	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3230	VD-8941-09	KALECIN 500	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
3231	VD-25324-16	Kali clorid 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3232	VD-25325-16	Kali clorid 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3233	VD-23599-15	Kali clorid 500mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3234	VD-28258-17	Kali nhôm sulfat	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
3235	VD-19388-13	Kamelox	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3236	VD-21863-14	Kamelox 15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3237	VD-17470-12	Kamoxazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3238	VD-25708-16	Kamydazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3239	VD-22174-15	Kamydazol fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3240	VD-18969-13	Kanausin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3241	VD-22911-15	Kanervit	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3242	VD-16688-12	Katecid	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.	Công ty CP dược phẩm Khánh Hoà.
3243	VD-19170-13	Katies	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3244	VD-18964-13	Katrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3245	VD-26175-17	Katrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3246	VD-20759-14	Katrypsin Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3247	VD-26867-17	Katrypsin Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3248	VD-28468-17	Kauskas-100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
3249	VD-27523-17	Keamine	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3250	VD-27580-17	Kebatis	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3251	VD-28587-17	Kecefcin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3252	VD-24970-16	Kedermfa	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3253	VD-24613-16	Kefcin 125	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3254	VD-24614-16	Kefcin 375	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3255	VD-25502-16	Kefcin 500 Caps	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
3256	VD-25174-16	Keflafen 75	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3257	VD-20621-14	Kefugil 2%	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3258	VD-21347-14	Kegefa-F	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3259	VD-23883-15	Kegynandepot	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3260	VD-28469-17	Keikai	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3261	VD-28193-17	Kelac	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
3262	VD-18175-13	Kem Armezoral	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3263	VD-27499-17	Kem bôi da AVI-O5	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
3264	VD-20369-13	Kem bôi da C.DER	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
3265	VD-20370-13	Kem bôi da DAB	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
3266	VD-19171-13	Kem Cefloxac	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
3267	VD-19083-13	Kẽm oxyd 10%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3268	VD-24187-16	Kẽm Oxyd 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3269	VD-22525-15	Kem Promethazin 2%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3270	VD-18176-13	Kem Zonaarme	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3271	VD-24521-16	Kentax	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3272	VD-26783-17	Ketocol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3273	VD-23197-15	Ketoconazol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3274	VD-25345-16	Ketoconazol	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3275	VD-25880-16	Ketoconazole 2%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3276	VD-21670-14	Ketocrom 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3277	VD-17158-12	Ketodexa	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3278	VD-25657-16	Ketorolac A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3279	VD-26791-17	Ketovital	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3280	VD-27956-17	Keygestan 100	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3281	VD-25194-16	Khaparac	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3282	VD-18965-13	Khaterban	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3283	VD-18966-13	Khaterban	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3284	VD-25530-16	Kidbufen-New	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3285	VD-18888-13	Kidifunvon	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
3286	VD-26988-17	Kidlife B.O.N	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3287	VD-28287-17	Kidmin	Công ty Cổ phần Otsuka OPV	Công ty Cổ phần Otsuka OPV
3288	VD-27642-17	KIDPREDNI	Công ty TNHH dược phẩm Bamboo	Công ty cổ phần US Pharma USA.
3289	VD-27235-17	Kidsjan Actiso	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3290	VD-27643-17	KIDSOLON 4	Công ty TNHH dược phẩm Bamboo	Công ty cổ phần US Pharma USA.
3291	VD-22006-14	Kidviton	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3292	VD-24069-16	Kiện huyết ích não	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
3293	VD-25436-16	Kievidol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3294	VD-28417-17	Kievidol extra	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3295	VD-27209-17	Kilecoly	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3296	VD-21710-14	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
3297	VD-23287-15	Kim tiền thảo	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3298	VD-24525-16	Kim tiền thảo	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3299	VD-26073-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3300	VD-26840-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt	Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt
3301	VD-27236-17	Kim tiền thảo	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3302	VD-27651-17	Kim tiền thảo	Công ty TNHH Vạn Xuân	Công ty TNHH Vạn Xuân
3303	VD-26697-17	Kim tiền thảo - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
3304	VD-22920-15	Kim tiền thảo - Medi	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3305	VD-22088-15	Kim tiền thảo 165	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3306	VD-21939-14	Kim tiền thảo 200	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3307	VD-21493-14	Kim tiền thảo- F	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3308	VD-27237-17	Kim tiền thảo HM	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3309	VD-20317-13	Kim tiền thảo MKP	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3310	VD-28261-17	Kim tiền thảo MKP Plus	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3311	GC-240-15	Kim Tiền Thảo PMC	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn
3312	VD-23957-15	Kim tiền thảo PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
3313	VD-28161-17	Kim tiền thảo PV	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
3314	VD-23682-15	Kimleptic	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3315	VD-17777-12	Kimose	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3316	VD-25868-16	Kingdomin vita C	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3317	VD-24938-16	Kingloba	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3318	VD-24963-16	Kisinstad	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3319	VD-26251-17	Kitaro	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3320	VD-27984-17	KITNO	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3321	VD-24615-16	Klamentin 250/31.25	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3322	VD-24616-16	Klamentin 500/125	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3323	VD-24617-16	Klamentin 500/62.5	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3324	VD-26413-17	KM Cephalexin 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3325	VD-26414-17	KM Cephalexin 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3326	VD-22265-15	Kodemin	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3327	VD-19528-13	Kogimin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3328	VD-25505-16	Kopridoxil	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3329	VD-22424-15	Korcin	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3330	VD-21161-14	Kortimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
3331	VD-18511-13	Kozeral	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3332	VD-25066-16	Kremil Gel	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3333	VD-18596-13	Kremil-S	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3334	VD-18808-13	Kupdina	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3335	VD-21720-14	Kupdina 100 mg	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3336	VD-19779-13	Kupfloxanal	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3337	VD-24418-16	Kuplevotin	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3338	VD-24419-16	Kupmebamol	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3339	VD-27932-17	Kuzbin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3340	VD-27933-17	Kuztec 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3341	VD-27934-17	Kuztec 20	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3342	VD-28707-18	Kydheamo-2A	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
3343	VD-27261-17	Kydheamo-3A	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3344	VD-27827-17	Laci-eye	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3345	VD-21432-14	Lactate ringer & dextrose 5%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3346	VD-25377-16	Lactated Ringer's	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam
3347	VD-24242-16	Lactosorbit	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3348	VD-22451-15	Lactulose	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
3349	VD-27524-17	Lactulose Stada	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3350	VD-27442-17	Ladivir	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3351	VD-27112-17	Ladolugel LD	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
3352	VS-4857-12	Ladyfresh	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3353	VD-21058-14	Lafaxor	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3354	VD-20361-13	Lahm	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3355	VD-28470-17	Lakcay	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3356	VD-14472-11	Laknitil	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3357	VD-21059-14	Lambertu	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3358	VD-15082-11	Lamivudin	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3359	VD-22726-15	Lamivudin 100 - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3360	VD-22398-15	Lamivudin 150 - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3361	VD-24876-16	Lamivudin 150mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3362	VD-28049-17	Lamivudine 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3363	VD-25437-16	Lamizido	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3364	VD-21099-14	Lamone 100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3365	VD-24563-16	Lamostad 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3366	VD-25480-16	Lamostad 25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3367	VD-24564-16	Lamostad 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3368	VD-20974-14	Lamozit	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int' l
3369	VD-26989-17	Lampine 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3370	VD-26990-17	Lampine 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3371	VD-23674-15	Langbiacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3372	VD-18551-13	Lanmebi	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3373	VD-21314-14	Lansoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3374	VD-27383-17	Lansoprazol 30 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3375	VD-21532-14	Lansoprazole STELLA 30 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3376	VD-19095-13	Lantota	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3377	VD-16188-12	Lanzadon	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3378	VD-22601-15	Lanzonium	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3379	VD-20165-13	Larevir 100	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3380	VD-18673-13	Larzole 400	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3381	VD-18892-13	Lasectil	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3382	VD-20828-14	Lasectil	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3383	VD-19259-13	Lasectil 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3384	VD-24619-16	Lastro 30	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3385	VD-19850-13	Latoxol	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3386	VD-28238-17	Latoxol kids	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3387	VD-28471-17	Lavezzi-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3388	VD-27210-17	Lazocolic	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3389	VD-25583-16	Lazzy	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3390	VD-25924-16	L-cystine 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3391	VD-22077-15	Lecerex 200	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
3392	VD-20721-14	Lecifex 100	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3393	VD-22620-15	LEER 300	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3394	VD-24461-16	LEER 400	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3395	VD-25406-16	LEER PLUS	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3396	VD-23426-15	Lefnus 10	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
3397	VD-23427-15	Lefnus 100	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
3398	VD-23428-15	Lefnus 20	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
3399	VD-24973-16	Leivis	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3400	VD-21561-14	Lenomid 10	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần Pharma USA
3401	VD-22041-14	Lenomid 100	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3402	VD-21562-14	Lenomid 20	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
3403	VD-24814-16	Leolen Forte	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
3404	VD-17751-12	Leopard	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
3405	VD-20008-13	Leopass	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3406	VD-20586-14	Lepatis	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3407	VD-24684-16	Lepigin 100	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3408	VD-28418-17	Lercanew	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3409	VD-21102-14	Lercastad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3410	VD-23050-15	Lerphat	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3411	VD-24994-16	Lertésion	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3412	VD-18677-13	Lessenol Kid 150	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3413	VD-18902-13	Lessenol kid 80	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3414	VD-17655-12	Leukas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3415	VD-19553-13	Leukas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3416	VD-25612-16	Levagim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3417	VD-19410-13	Levecetam 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3418	VD-21671-14	Levecetam 250	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3419	VD-21672-14	Levecetam 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3420	VD-17808-12	Levelamy	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3421	VD-21104-14	Levetstad 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3422	VD-27759-17	Levoagi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3423	VD-23257-15	Levocetirizin	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3424	VD-27701-17	Levocetirizin 5mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3425	VD-27971-17	Levoflox OPV 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3426	VD-28135-17	Levofloxacin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Tuệ Minh	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3427	VD-27901-17	Levofloxacin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3428	VD-19021-13	Levofloxacin 750mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3429	VD-22089-15	Levoleo 250	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3430	VD-24685-16	Levomepromazin 25 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3431	VD-23457-15	Levomepromazin 25mg	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3432	VD-24301-16	Levopatine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
3433	VD-28108-17	Levopatine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
3434	VD-25389-16	Levoquin 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3435	VD-26415-17	Levoquin 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3436	VD-28262-17	Levotanic 250	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3437	VD-25092-16	Levpiram	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3438	VD-22746-15	Lexo-Dream 30	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3439	VD-24901-16	Lidocain	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3440	VD-26416-17	Lidocain 1%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3441	VD-20496-14	Lidocain 2%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3442	VD-24863-16	Lidocain 40	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3443	VD-23600-15	Lidocain 40mg/ 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3444	VD-18804-13	Lidocain Kabi 2%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định
3445	VD-24590-16	Lidocain-BFS 200mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3446	VD-21404-14	Lidonalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3447	VD-24299-16	Lifelopin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3448	VD-24003-15	Lifentyn 160	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3449	VD-23686-15	Life-Pro	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
3450	VD-22314-15	Lifextend	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3451	VD-28624-17	Lifezar	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3452	VD-28263-17	Lifibrat 200	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3453	VD-23103-15	Limcee	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3454	VD-20899-14	Limcee siro	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
3455	VD-19411-13	Limogil 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3456	VD-18983-13	Limogil 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3457	VD-18984-13	Limogil 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3458	VD-18985-13	Limogil 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3459	VD-23051-15	Lincodazin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3460	VD-19995-13	Lincomycin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3461	VD-20011-13	Lincomycin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3462	VD-27153-17	Lincomycin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3463	VD-28145-17	Lincomycin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3464	VD-20923-14	Lincomycin 500 mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3465	VD-24991-16	Lincomycin 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3466	VD-24964-16	Lincomycin 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3467	VD-25390-16	Lincomycin 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3468	VD-27081-17	Lincomycin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3469	VD-28264-17	Lincomycin 500mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3470	VD-19477-13	Lincomycin 600 mg/2 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3471	VD-24290-16	Lincomycin 600mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3472	VD-25984-16	Linestad 600	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3473	VD-24526-16	Linh chi	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
3474	VD-25368-16	Linh chi	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3475	VD-28383-17	Linh chi	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3476	VD-18323-13	Linh chi OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
3477	VD-26611-17	Linod 600	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3478	VD-24827-16	Linorip 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3479	VD-22448-15	Liozin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
3480	VD-19792-13	Lipidcare	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3481	VD-26222-17	Lipidorox 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3482	VD-27861-17	Lipidtab 10	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3483	VD-26792-17	Lipidtab 20	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3484	VD-23909-15	Lipirus	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3485	VD-25439-16	Lipisel 10	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3486	VD-23970-15	Lipistad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3487	VD-26643-17	Lipitusar	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3488	VD-22197-15	Liporest 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3489	VD-22198-15	Liporest 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3490	VD-24581-16	Lipotatin 10mg	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3491	VD-27711-17	Liritoss	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3492	VD-27712-17	Liritoss	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3493	VD-24672-16	Lisazin 20	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3494	VD-19260-13	Lisazin 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3495	VD-27384-17	Lisinopril 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3496	VD-21533-14	Lisinopril STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3497	VD-23342-15	Lisinopril STELLA 2.5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3498	VD-23343-15	Lisinopril STELLA 20 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3499	VD-22672-15	Lisinopril STELLA 5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3500	VD-18111-12	Lisiplus HCT 20/12.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
3501	VD-20790-14	Liveraid 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3502	VD-21338-14	Liveraid 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3503	VD-23128-15	Livergenol	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3504	VD-26663-17	Livermarin	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
3505	VD-21243-14	Livethine tab	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3506	VD-27862-17	Livursol 250	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
3507	VD-26417-17	Lizetric 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3508	VD-26418-17	Lizetric 5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3509	VD-24828-16	Lodimax 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3510	VD-22855-15	Lodinap 5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3511	VD-24158-16	Lodium	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
3512	VD-28185-17	Lofacef	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3513	VD-19275-13	Lohatidin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3514	VD-28531-17	Loitadine	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3515	VD-24661-16	Lomazole	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
3516	VD-28265-17	Lomedium	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3517	VD-19972-13	Long đờm- TVP	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3518	VD-21752-14	Long huyết P/H	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
3519	VD-23917-15	Long huyết P/H	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
3520	VD-26393-17	Lopathen	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3521	VD-21088-14	Lopegoric	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3522	VD-21139-14	Lopenca	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3523	VD-19298-13	Loperamid	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3524	VD-21377-14	Loperamid	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3525	VD-21625-14	Loperamid	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3526	VD-26058-17	Loperamid - BVP	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
3527	VD-28384-17	Loperamid 2 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3528	VD-21604-14	Loperamid 2mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3529	VD-24586-16	Loperamid hydroclorid 2mg	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3530	VD-25985-16	Loperamide STELLA	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3531	VD-19607-13	LoperamideSPM (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3532	VD-20154-13	Lopetope	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3533	VD-28503-17	Loraar 25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3534	VD-25469-16	Loranic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3535	VD-20375-13	Lorastad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3536	VD-23354-15	Lorastad 10 Tab.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3537	VD-23972-15	Lorastad Sp.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3538	VD-27609-17	Lorasweet	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3539	VD-21180-14	Loratadin - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
3540	VD-20754-14	Loratadin 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3541	VD-27060-17	Loratadin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3542	VD-24566-16	Loratadin Stada 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3543	VD-25513-16	Loratadine	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3544	VD-27610-17	Loratadine	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3545	VD-19608-13	LoratadineSPM 10mg (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3546	VD-19609-13	LoratadineSPM 5mg (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3547	VD-28122-17	Loravidi	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3548	VD-28300-17	Lorigout 300mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3549	VD-21839-14	Lornine	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3550	VD-20053-13	Losapin 100	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3551	VD-22912-15	Losartan	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3552	VD-25584-16	Losartan 25	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3553	VD-21259-14	Losartan 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3554	VD-26688-17	Losartan 50	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3555	VD-24749-16	Losartan Boston 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
3556	VD-22351-15	Lostad 25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3557	VD-21107-14	Lostad 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3558	VD-27525-17	Lostad HCT 100/12,5mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3559	VD-23975-15	Lostad HCT 100/25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3560	VD-21534-14	Lostad T25	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3561	VD-20373-13	Lostad T50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3562	VD-22711-15	LOTRIAL S-200	Công ty TNHH Nhân Sinh	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
3563	VD-26041-17	Lotufast	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
3564	VD-22237-15	Lovastatin 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
3565	VD-5976-08	Lovegra	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.
3566	VD-24565-16	L-Stafloxin 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3567	VD-21565-14	Lubirine	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3568	VD-24974-16	Lubrex	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3569	VD-18074-12	Lubrex Extra	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3570	VD-24975-16	Lubrex- F	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3571	VD-20059-13	Lubrex super	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
3572	VD-28551-17	Lungastic 10	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
3573	VD-28564-17	Lungastic 20	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3574	VD-26991-17	Lycalci	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3575	VD-23955-15	Lyodura	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3576	VD-23141-15	Lyoxatin 100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3577	VD-23142-15	Lyoxatin 50	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3578	VD-27262-17	Lyoxatin F50	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3579	VD-22602-15	Lyrasil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3580	VD-24864-16	Lyris 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3581	VD-18462-13	Lysinkid-Ca	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3582	VD-24632-16	Mabaxil	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3583	VD-28565-17	Macetux 100	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3584	VD-24062-16	Macfor	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3585	VD-21566-14	Macibin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
3586	VD-21673-14	Macrolacin 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3587	VD-24877-16	Magdivix	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3588	VD-27238-17	Magiebion	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3589	VD-19835-13	Maginew	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3590	VD-28669-18	Maginic	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3591	VD-25613-16	Magisix	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3592	VD-27385-17	Magne - B6	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3593	VD-27611-17	Magne-B6	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3594	VD-23515-15	Magne-B6 BOSTON	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3595	VD-26767-17	Magne-B6 Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
3596	VD-27061-17	Magnes-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3597	VD-21343-14	Magnesi - B6	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
3598	VD-27702-17	Magnesi - B6	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3599	VD-18419-13	Magnesi B6	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3600	VD-28004-17	Magnesi B6	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
3601	VD-28011-17	Magnesi B6	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
3602	VD-19101-13	Magnesi carbonat base	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
3603	VD-18177-13	Magnesi-B6	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3604	VD-18967-13	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3605	VD-21782-14	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3606	VD-23583-15	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3607	VD-23692-15	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
3608	VD-24329-16	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
3609	VD-25188-16	Magnesi-B6	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3610	VD-22694-15	Magnesi-BFS 15%	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
3611	VD-16231-12	Magnesium - B6	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3612	VD-26689-17	Magnesium - B6	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3613	VD-19829-13	Magnesium - Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3614	VD-26671-17	Magnesium B6	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
3615	VD-18553-13	Magnesium- B6	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3616	VD-20334-13	Magnetol	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3617	VD-19172-13	Magrax-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3618	VD-27549-17	Mahead	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3619	VD-26499-17	Malag-60	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3620	VD-20412-14	Mallote	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
3621	VD-20027-13	Maloxid P Gel	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3622	VD-26824-17	Maltagit	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3623	VD-28665-18	Malthigas	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3624	VD-18986-13	Man-axcio 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3625	VD-28472-17	Manduka	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3626	VD-16768-12	Manesix	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3627	VD-23355-15	Mangistad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
3628	VD-25075-16	Mangoherpin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3629	VD-26664-17	Mangoherpin 5%	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
3630	VD-20143-13	Mangoherpin DM	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3631	VD-28726-18	Mannew	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3632	VD-19923-13	Man-tact 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3633	VD-27443-17	Manzura-15	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3634	VD-27444-17	Manzura-7,5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3635	VD-14491-11	Marapan	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar
3636	VD-27327-17	Marocgenon	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
3637	VD-26500-17	Martaz	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3638	VD-26338-17	Massoft	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3639	VD-20075-13	Materazzi	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
3640	VD-20325-13	Maxapin 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3641	VD-28301-17	Maxapin 2g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3642	VD-26083-17	Maxdazol	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3643	VD-28385-17	Maxdotyl 50 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3644	VD-24656-16	Maxedo	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3645	VD-26629-17	Maxedo	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3646	VD-27627-17	Maxedo	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
3647	VD-21968-14	Maxgel	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3648	VD-25619-16	Maxxacne-A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3649	VD-22802-15	Maxxacne-C	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3650	VD-27764-17	Maxxacne-T	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3651	VD-23509-15	Maxxasthma	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3652	VD-27765-17	Maxxcardio - p 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3653	VD-27766-17	Maxxcardio - p 300	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3654	VD-26730-17	Maxxcardio-L 10	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3655	VD-27767-17	Maxxcardio-L 20	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3656	VD-27768-17	Maxxcardio-L 20 Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3657	VD-27769-17	Maxxcardio-L 5	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3658	VD-27386-17	Maxxcefix 200 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3659	VD-25620-16	Maxxflame - C	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3660	VD-26731-17	Maxxhepa urso 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3661	VD-27770-17	Maxxhepa urso 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3662	VD-26732-17	Maxxhepa urso 300 capsules	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3663	VD-24720-16	Maxxmucous-AB 30	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3664	VD-26733-17	Maxxmucous-AB 30	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3665	VD-27771-17	Maxxmucous-AC 200	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3666	VD-27772-17	Maxxmucous-CC 200	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3667	VD-27773-17	Maxxmucous-CC 375	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3668	VD-27774-17	Maxxneuro - LT 500	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3669	VD-23510-15	Maxxneuro 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3670	VD-26735-17	Maxxpla 75	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3671	VD-26736-17	Maxxprolol 10 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3672	VD-25134-16	Maxxprolol 2.5	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3673	VD-26737-17	Maxxprolol 2.5 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3674	VD-27775-17	Maxxprolol 5	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3675	VD-26738-17	Maxxprolol 5 - plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3676	VD-22252-15	Maxxskin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3677	VD-24124-16	MAXXTRIPTAN 100	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3678	VD-25135-16	MAXXTRIPTAN 25	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3679	VD-26099-17	Maxxtriptan 50	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3680	VD-25899-16	Maxxvictoria	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
3681	VD-22114-15	Maxxviton 400	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3682	VD-22440-15	Maxxviton 800	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3683	VD-22115-15	Maxxviton Plus	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3684	VD-24721-16	Maxxwomen	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3685	VD-22807-15	Maxxwomen Capsule	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
3686	VD-22575-15	Me2B	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3687	VD-28332-17	Mebamrol	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3688	VD-25614-16	Mebendazol	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
3689	VD-28727-18	Mebendazol	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3690	VD-23479-15	Mebendazol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
3691	VD-15877-11	Mebendazole 100mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3692	VD-15522-11	Mebendazole 500mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3693	VD-24005-15	Mebicefpo 200	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3694	VD-20575-14	Mebilax 7,5	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3695	VD-19700-13	Mebipharavudin	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3696	VD-25828-16	MEBIVIC	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
3697	VD-20234-13	Mebufen 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3698	VD-24770-16	Mecabamol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3699	VD-19293-13	Mecaflu	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
3700	VD-19294-13	Mecaflu forte	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
3701	VD-25546-16	Mecasel 15	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3702	VD-25547-16	Mecasel 7,5	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3703	VD-28343-17	Mecefix-B.E 100	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3704	VD-28344-17	Mecefix-B.E 100 mg	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3705	VD-28345-17	Mecefix-B.E 200 mg	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3706	VD-28346-17	Mecefix-B.E 400 mg	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3707	VD-28347-17	Mecefix-B.E 50 mg	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3708	VD-28348-17	Meceta	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3709	VD-25904-16	Meclonate	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3710	VD-25988-16	Meclopstad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3711	VD-28473-17	Mecob-500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
3712	VD-20900-14	Mecosol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
3713	VD-19554-13	Mectathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3714	VD-19478-13	Medbactin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3715	VD-23406-15	Medcaflam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3716	VD-22139-15	Medfloxin 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3717	VD-22140-15	Medfloxin 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3718	VD-17191-12	Mediacetam	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3719	VD-23545-15	Mediarid 2	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3720	VD-27935-17	Medibivo sol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3721	VD-27936-17	Medi-Calcium	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3722	VD-24358-16	Mediclary	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3723	VD-20901-14	Medicolzen	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3724	VD-25712-16	Medi-Domperidone	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3725	VD-26884-17	Medi-Domperidone BB	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3726	VD-20287-13	Medifevisof	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3727	VD-26223-17	Medifox 80	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3728	VD-22921-15	Medi-Glucosamin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3729	VD-21408-14	Medikids	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
3730	VD-22922-15	Medi-Levosulpirid	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3731	VD-22181-15	Medi-Loratadin	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3732	VD-19787-13	Medimax - F	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3733	VD-16369-12	Medimax - n	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
3734	VD-28186-17	Medi-Neuro forte	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3735	VD-26885-17	Medintrale	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3736	VD-22182-15	Medi-Paracetamol Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3737	VD-24351-16	Mediphylamin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3738	VD-24352-16	Mediphylamin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3739	VD-28187-17	Mediramine soft	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3740	VD-26346-17	Medisamin 250 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3741	VD-20288-13	Medisamin 500 mg	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3742	VD-26530-17	Mediseptol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3743	VD-21321-14	Medi-Silymarin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3744	VD-21450-14	Medisolone 16mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3745	VD-19610-13	Medisolone 4mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3746	VD-22485-15	Medi-Sulpirid	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3747	VD-18809-13	Meditrypsin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3748	VD-23039-15	Medixnacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3749	VD-20983-14	Medo α 21	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3750	VD-18810-13	Medo α 42	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3751	VD-25374-16	Medofalexin 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
3752	VD-25713-16	Medospira	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3753	VD-24148-16	Medrobcap	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
3754	VD-24166-16	Medsidin 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3755	VD-24762-16	Medsidin 125	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3756	VD-24167-16	Medsidin 300	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3757	VD-20576-14	Medskin Acyclovir 200	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3758	VD-23465-15	Medskin Ery	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3759	VD-21213-14	Medskin fusi	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3760	VD-20155-13	Medskin Mico	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3761	VD-26707-17	MedSkinZela	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
3762	VD-21348-14	Medsolu 16 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3763	VD-21349-14	Medsolu 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3764	VD-18871-13	Medtilin	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
3765	VD-22836-15	Medxil 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3766	VD-24168-16	Medxil 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3767	VD-23534-15	Medxil 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3768	VD-22837-15	Medxil 50	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3769	VD-18899-13	Meeredi	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3770	VD-28419-17	Mefenamic 500mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3771	VD-21108-14	Mefenamic acid STELLA 500 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
3772	VD-22967-15	Meficox 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3773	VD-21874-14	Meficox 200	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3774	VD-27263-17	Mefomid 850	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3775	VD-24175-16	Megliptin 100	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3776	VD-24176-16	Megliptin 25	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3777	VD-24177-16	Megliptin 50	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3778	VD-16496-12	Megyna	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3779	VD-23181-15	Meko Cepha	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3780	VD-24952-16	Mekoamin	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3781	VD-25369-16	Mekoamin S 5%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3782	VD-27284-17	Mekocefaclor	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3783	VD-25881-16	Mekocefaclor 500	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3784	VD-20952-14	Mekocefal	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3785	VD-20953-14	Mekocefal	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3786	VD-28266-17	Mekocefal 250	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3787	VD-20318-13	Mekociprox	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3788	VD-23805-15	Mekoferrat-B9	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3789	VD-28267-17	Mekomoxin	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3790	VD-27285-17	Mekomucosol 100	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3791	VD-23806-15	Mekotricin	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3792	VD-18464-13	Mekotropyl 400	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3793	VD-18465-13	Mekotropyl 800	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3794	VD-19924-13	Melabon B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3795	VD-20460-14	Melabon B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3796	VD-23104-15	Melankit	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
3797	VD-21736-14	Melevo	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3798	VD-25751-16	Melic 7.5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3799	VD-27082-17	Melogesic	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3800	VD-25531-16	Melomax	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
3801	VD-25538-16	Melostad inj. 15mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3802	VD-23299-15	Melotop	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
3803	VD-27490-17	Meloxale	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3804	VD-27739-17	Meloxicam 15	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3805	VD-21590-14	Meloxicam 15 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
3806	VD-26078-17	Meloxicam 15 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
3807	VD-27740-17	Meloxicam 7,5	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3808	VD-18740-13	Meloxicam 7,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3809	VD-21203-14	Meloxicam 7,5 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3810	VD-22392-15	Meloxicam 7,5mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
3811	VD-25278-16	Meloxicam 7,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3812	VD-25901-16	MELOXICAM SPM	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
3813	VD-27741-17	Melyptol	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3814	VD-22184-15	Memloba Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3815	VD-19772-13	Mendaz	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3816	VD-25894-16	Menison 16mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3817	VD-23842-15	Menison 4mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3818	VD-27312-17	Menison inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
3819	VD-22581-15	Menystin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3820	VD-21973-14	Mepoly	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3821	VD-25585-16	Mepragold 10 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
3822	VD-25586-16	Mepragold 20 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3823	VD-19160-13	Mepred 4	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3824	VD-27612-17	Merhuflu	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3825	VD-23516-15	Merinos 60	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
3826	VD-24339-16	Meropenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
3827	VD-27083-17	Meropenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3828	VD-27144-17	Meropenem 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
3829	VD-23183-15	Merovast 10	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3830	VD-23184-15	Merovast 20	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3831	VD-23880-15	Meseca	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3832	VD-28349-17	Meseca fort	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3833	VD-26531-17	Mesonic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3834	VD-27445-17	Messi-10	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3835	VD-27446-17	Messi-70	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
3836	VD-28474-17	Metazrel	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
3837	VD-21644-14	Metelmic	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
3838	VD-28350-17	Meterbina	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3839	VD-17971-12	Metformin 1000mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3840	VD-13882-11	Metformin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
3841	VD-17972-12	Metformin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3842	VD-17973-12	Metformin 850mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
3843	VD-26768-17	Metformin boston 850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
3844	VD-27526-17	Metformin Stada 1000 mg MR	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
3845	VD-27703-17	Methadon	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3846	VD-22340-15	Methinin 250 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3847	VD-25430-16	Methionin 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3848	VD-24080-16	Methionin 250mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3849	VD-25085-16	Methionin 250mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3850	VD-25086-16	Methionin 250mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
3851	VD-20954-14	Methionine 250mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
3852	VD-27949-17	Methocarbamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3853	VD-26189-17	Methocarbamol 750 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3854	VD-20171-13	Methocylat	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3855	VD-26679-17	Methopil	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3856	VD-24543-16	Methylpred-Nic 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3857	VD-28728-18	Methylprednisolon 16	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3858	VD-17003-12	Methylprednisolon 16mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3859	VD-22479-15	Methylprednisolon 4	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3860	VD-17004-12	Methylprednisolon 4mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
3861	VD-20028-13	Methylprednisolone MKP 16mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3862	VD-20029-13	Methylprednisolone MKP 4mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3863	VD-22238-15	Methylsolon 16	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
3864	VD-24518-16	Metilone-4	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
3865	VD-27346-17	Metiny	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3866	VD-27272-17	Metoclopramid Kabi 10mg	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
3867	VD-19137-13	Metodex	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3868	VD-23881-15	Metodex SPS	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
3869	VD-26992-17	Metof	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3870	VD-21674-14	Metopar 30	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3871	VD-21339-14	Metopram 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
3872	VD-25093-16	Metoran	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
3873	VD-21675-14	Metozamin 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3874	VD-20655-14	Metprednew IMP 16	Công ty CPDP Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
3875	VD-25658-16	Metpredni 16 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3876	VD-24744-16	Metpredni 4 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
3877	VD-20243-13	Metronidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
3878	VD-22175-15	Metronidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
3879	VD-24107-16	Metronidazol	Công ty cổ phần dược Minh Hải	Công ty cổ phần dược Minh Hải
3880	VD-25353-16	Metronidazol	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
3881	VD-28146-17	Metronidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
3882	VD-18692-13	Metronidazol 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
3883	VD-21089-14	Metronidazol - Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3884	VD-22036-14	Metronidazol 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
3885	VD-20924-14	Metronidazol 250 mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
3886	VD-22408-15	Metronidazol 250 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3887	VD-25925-16	Metronidazol 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
3888	VD-22945-15	Metronidazol 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3889	VD-25177-16	Metronidazol 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3890	VD-26591-17	Metronidazol 250mg	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
3891	VD-28239-17	Metronidazol 250mg	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3892	VD-22409-15	Metronidazol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
3893	VD-27698-17	Metrospiral	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
3894	VD-25263-16	Metsav 1000	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3895	VD-26252-17	Metsav 500	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3896	VD-25264-16	Metsav 850	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3897	VD-22639-15	Metsocort 16	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3898	VD-22640-15	Metsocort 4	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
3899	VD-26665-17	Metylus	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3900	VD-26168-17	Mexcold 150	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3901	VD-26860-17	Mexcold 200	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3902	VD-27902-17	Mexcold 250	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3903	VD-24783-16	Mexcold 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3904	VD-20748-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3905	VD-21854-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3906	VD-21855-14	Mexcold ABA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3907	VD-22901-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3908	VD-22902-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3909	VD-22903-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3910	VD-22904-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3911	VD-22905-15	Mexcold Imex 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3912	VD-23578-15	Mexcold IMP 150	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
3913	VD-27094-17	Mexiprim 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3914	VD-24871-16	Mexiprim 5	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
3915	VD-24995-16	Meyeramic 500	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3916	VD-28420-17	Meyerbastin 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3917	VD-28421-17	Meyerbastin 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3918	VD-19162-13	Meyerbroxol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3919	VD-26478-17	Meyercarmol 500	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3920	VD-26479-17	Meyercarmol 750	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3921	VD-28422-17	Meyerceti	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3922	VD-24504-16	Meyerclas 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3923	VD-18833-13	Meyerdex	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3924	VD-20350-13	Meyerdipin 5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3925	VD-28423-17	Meyerflu	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3926	VD-21039-14	Meyerlapril 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3927	VD-27413-17	Meyerlukast 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3928	VD-27414-17	Meyerlukast 5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3929	VD-28424-17	Meyermin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3930	VD-27415-17	Meyersiliptin 50	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3931	VD-23273-15	Meyersolon 16	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3932	VD-22636-15	Meyervastin 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3933	VD-22637-15	Meyervastin 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3934	VD-24505-16	Meyerverin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3935	VD-27416-17	Meyerviliptin	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3936	VD-28425-17	Meyervolol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3937	VD-28426-17	Meyerzadin 2	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3938	VD-28427-17	Meyerzadin 4	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
3939	VD-25695-16	Meza-Calci	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3940	VD-26347-17	Mezaflutin 10 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
3941	VD-24771-16	Mezagastro	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3942	VD-25860-16	Mezanamin	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
3943	VD-26826-17	Mezaoscin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3944	VD-27886-17	Mezapentin 600	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3945	VD-26149-17	Mezapid	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3946	VD-24224-16	Mezapizin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3947	VD-26886-17	Mezapizin 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
3948	VD-25696-16	Mezaterol 20	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3949	VD-25178-16	Mezathion	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3950	VD-20443-14	Mezavitin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
3951	VD-22426-15	Mianpangic	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
3952	VD-24556-16	Miaryl 2 mg	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
3953	VD-25974-16	Miaryl 4mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
3954	VD-28566-17	Mibedatril 10	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3955	VD-26582-17	Mibedatril 5	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3956	VD-27550-17	Mibelaxol 500	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3957	VD-28567-17	Mibelaxol 750	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3958	VD-25036-16	Mibeplen 5mg	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3959	VD-26584-17	Miberic 300	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3960	VD-24394-16	Micbibleucin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
3961	VD-27286-17	Micindrop	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
3962	VD-27491-17	Miclacol Blue - F	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
3963	VD-27950-17	Midacemid 10/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3964	VD-26900-17	Midactam 375	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3965	VD-26190-17	Midactam 750	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3966	VD-22946-15	Midafra 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3967	VD-28672-18	Midagentin 0,6g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3968	VD-28082-17	Midakacin 250	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
3969	VD-28083-17	Midakacin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3970	VD-21867-14	Midamox 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3971	VD-18316-13	Midamox 250mg/ 5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3972	VD-26901-17	Midanat 100	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3973	VD-21322-14	Midancef 125	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3974	VD-21660-14	Midantin 250/31,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3975	VD-21661-14	Midantin 250/31,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3976	VD-26902-17	Midantin 500/62,5	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3977	VD-26903-17	Midapran 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3978	VD-23407-15	Midasol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
3979	VD-22188-15	Midatan 500/125	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3980	VD-21323-14	Midataxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3981	VD-26191-17	Midatoren 160/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3982	VD-22947-15	Midaxin 300	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3983	VD-20452-14	Midazoxim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3984	VD-27952-17	Midefix 200	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3985	VD-22189-15	Midepime 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3986	VD-26993-17	Midorhum	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
3987	VD-23601-15	Midozam 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3988	VD-22948-15	Midozam 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
3989	VD-18818-13	Mifepriston	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
3990	VD-21060-14	Mifros	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
3991	VD-23371-15	Migomik	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
3992	VD-24266-16	Migtana 25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3993	VD-24849-16	Migtana 50	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
3994	VD-22777-15	Mihatuss	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
3995	VD-19396-13	Mikfepris 10	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
3996	VD-28638-17	Mincob 500	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
3997	VD-18665-13	Mindona 200	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3998	VD-18666-13	Mindona 400	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
3999	VD-25391-16	Minicef 400mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4000	VD-22043-14	Minopecia	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4001	VD-23281-15	Miprotone	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4002	VD-25002-16	Miprotone-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4003	VD-27527-17	Mirastad 30	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4004	VD-27940-17	Mirenzine 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4005	VD-13626-10	Misoprostol STELLA 200 mcg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4006	VD-22078-15	Mitafix	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4007	VD-23002-15	Mitalis 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
4008	VD-20577-14	Mitux	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4009	VD-20578-14	Mitux E	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4010	VD-27062-17	Mityus	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4011	VD-20111-13	MIVITAS	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4012	VD-20773-14	Mizapenem 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4013	VD-20774-14	Mizapenem 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4014	VD-21886-14	Mỡ bôi ngoài da Hồng Linh Cốt	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4015	VS-4968-16	Mỡ D.E.P	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4016	VS-4949-16	Mỡ DEP	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4017	VD-25392-16	Mobimed 15	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4018	VD-25393-16	Mobimed 7.5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4019	VD-19592-13	Mobimed inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4020	VD-23782-15	Mộc hoa trắng T/H	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4021	VD-22151-15	Momotene	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4022	VD-24093-16	Momvina	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4023	VD-25550-16	Monbig	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4024	VD-20050-13	MONGOR	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4025	VD-20051-13	MONGOR 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4026	VD-20052-13	MONGOR 750	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4027	VD-21840-14	Montegol FC	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4028	VD-21283-14	Montegol Kids	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4029	VD-23783-15	Montekas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4030	VD-25354-16	Montekas	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4031	VD-26716-17	Montelukast 10	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4032	VD-23843-15	Moquin Tab	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4033	VD-22466-15	Morganin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4034	VD-23274-15	Moriamin Forte	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
4035	VD-28504-17	Moridmed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4036	VD-19662-13	Morientes-200	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4037	VD-19663-13	Morientes-50	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4038	VD-26063-17	Morif 15mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
4039	VD-26064-17	Morif 7,5mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
4040	VD-25926-16	Morinda citrifolia	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4041	VD-20335-13	MORINKO 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4042	VD-20336-13	MORINKO 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4043	VD-19664-13	Morituis	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4044	VD-24315-16	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4045	VD-26994-17	Motalv	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4046	VD-24829-16	Motidram	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4047	VD-28162-17	Motimilum	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
4048	VD-24159-16	Motiridon	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
4049	VD-26419-17	Movabis 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4050	VD-22001-14	Moxieye	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4051	VD-27366-17	Moxifloxacin 0,5%	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
4052	VD-27953-17	Moxifloxacin 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4053	VD-24149-16	m-Rednison 16	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4054	VD-24150-16	m-Rednison 4	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4055	VD-24763-16	Mucimed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4056	VD-20984-14	Mucinex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4057	VD-24552-16	Mucome drop	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4058	VD-24553-16	Mucome spray	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4059	VD-23430-15	MULPAX S-250	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
4060	VD-16607-12	Multivitamin	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
4061	VD-17687-12	Multivitamin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4062	VD-18193-13	Multivitamin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4063	VD-20804-14	Mumcal	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4064	VD-25200-16	Musbamol 750	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4065	VD-21730-14	Muscino	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4066	VD-27417-17	Muscolyse	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4067	VD-25201-16	Musonbay Powder	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4068	VD-22894-15	Muspect 30	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4069	VD-18635-13	Mutastyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4070	VD-18636-13	Mutastyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4071	VD-15527-11	Mutecium-M	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4072	VD-23185-15	Mutecium-M	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4073	VD-23950-15	Muxco	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4074	VD-19433-13	Muxenon	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
4075	VD-28268-17	Mycocid	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4076	VD-23186-15	Mycogynax	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4077	VD-27212-17	Mycomucc	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4078	VD-27941-17	Mycotrova 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4079	VD-20156-13	Mydecelim 50 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4080	VD-25587-16	Mylenfa II	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4081	VD-20085-13	Myopain 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4082	VD-20355-13	Myotalvic 50	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
4083	VD-23873-15	Mypara	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4084	VD-17703-12	Mypara 150	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4085	VD-28333-17	Mypara 250	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4086	VD-19611-13	Mypara 325	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4087	VD-21006-14	Mypara 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4088	VD-21007-14	Mypara cold	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4089	VD-19134-13	Mypara extra	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4090	VD-19135-13	Mypara flu day	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4091	VD-21969-14	Mypara Flu daytime	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4092	VD-21970-14	Mypara flu nighttime	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4093	VD-21008-14	Mypara forte	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4094	VD-21731-14	Mypara plus	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4095	VD-25687-16	Mysomed 500	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4096	VD-22926-15	Myspa	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4097	VD-23874-15	Myvita C 1000mg	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4098	VD-21971-14	MyVita Calcium 500	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4099	VD-22597-15	Nabicalady	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4100	VD-23784-15	Nabro	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4101	VD-27918-17	Nabumeton	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4102	VD-28505-17	Naburelax 750	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4103	VD-27009-17	Nabzen	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4104	VD-22674-15	Nac 200 eff	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4105	VD-17823-12	Naceptiv	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4106	VD-22072-14	Nadifex 180	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
4107	VD-21623-14	Nady- spasmyl	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4108	VD-22429-15	Nadybencoz	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4109	VD-22430-15	Nadyfer	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4110	VD-27732-17	Nadygenor	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
4111	VD-20416-14	NADYMEC	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4112	VD-19299-13	Nadypharlax	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4113	VD-25106-16	Nady-phytol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4114	VD-22733-15	Naferrous	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4115	VD-27249-17	Nafluextra	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4116	VD-23643-15	Naglucosa	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4117	VD-20076-13	Nakai	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4118	VD-23187-15	Nalsarac	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4119	VD-23129-15	Naminginko 80	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4120	VD-17559-12	Naomy	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
4121	VD-19804-13	Napelantin 500	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4122	VD-26195-17	Naphacogyl	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4123	VD-24677-16	Naphacollyre	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4124	VD-26196-17	Naphalevo	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4125	VD-23608-15	Napharangan	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4126	VD-26197-17	Napharangan Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4127	VD-27873-17	Naphazolin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4128	VD-24802-16	Naphazolin 0,05%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4129	VD-27240-17	Naphazolin 0,05%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4130	VD-20199-13	Naphazolin new	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4131	VD-19337-13	Naprofar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4132	VD-26666-17	Naptogast 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4133	VD-18634-13	NAQTY	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4134	VD-19822-13	Naroxol	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4135	VD-19957-13	Nasahep	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4136	VD-23188-15	Nasolspray	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4137	VD-25048-16	Nasomom - 4 Tinh dầu	Công ty TNHH Reliv Pharma	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4138	VD-25049-16	Nasomom - 4 tinh dầu trẻ em	Công ty TNHH Reliv Pharma	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4139	VD-25050-16	Nasomom Clean & Clear	Công ty TNHH Reliv Pharma	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4140	VD-28475-17	Nasrix	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4141	VD-21365-14	Natacare	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4142	VD-23868-15	NATIDOF 8	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4143	VD-25877-16	Natri bicarbonat 1,4%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4144	VD-28708-18	Natri bicarbonat 500mg	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
4145	VD-24381-16	Natri camphosulfonat 10%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4146	VD-19105-13	Natri clorid	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4147	VD-25161-16	Natri clorid	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4148	VS-4905-15	Natri Clorid	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4149	VD-18222-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
4150	VD-20012-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4151	VD-20201-13	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
4152	VD-21954-14	Natri clorid 0,9%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4153	VD-22949-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4154	VD-23052-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4155	VD-23372-15	Natri Clorid 0,9%	Công Ty Cổ Phần Dược Khoa	Công Ty Cổ Phần Dược Khoa
4156	VD-23525-15	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4157	VD-24405-16	Natri clorid 0,9%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4158	VD-24440-16	Natri Clorid 0,9%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4159	VD-24441-16	Natri Clorid 0,9%	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4160	VD-25295-16	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4161	VD-26717-17	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4162	VD-26914-17	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4163	VD-27361-17	Natri clorid 0,9%	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4164	VD-28269-17	Natri Clorid 0,9%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4165	VS-4951-16	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4166	VS-4955-16	Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4167	VD-20890-14	Natri clorid 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4168	VD-23169-15	Natri clorid 10%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4169	VD-20417-14	Natri Clorid F.T	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4170	VD-27828-17	Nausazy 4mg	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4171	VD-23374-15	Nazinc	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4172	VD-17400-12	Nccep	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4173	VD-26420-17	Nebistol 5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4174	VD-25597-16	Nebivolol 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4175	VD-25598-16	Nebivolol 5	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4176	VD-23344-15	Nebivolol STELLA 5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4177	VD-28661-18	Nebusal	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4178	VD-24420-16	Neciomex	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4179	VD-28439-17	Necrovi	Công ty TNHH công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty TNHH công nghệ sinh học dược Nanogen

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4180	VD-23440-15	Nedaryl 4	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4181	VD-24965-16	Negacef 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4182	VD-24966-16	Negacef 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4183	VD-20039-13	Negacef 750mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4184	VD-22073-14	Nemeum	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4185	VD-20651-14	Neo - Megyna	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4186	VD-22543-15	Neo- corclion	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4187	VD-25279-16	Neo coterpin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4188	VD-20688-14	Neo-Allerfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4189	VD-25995-16	Neo-Beta	Công Ty Cổ Phần Dược Khoa	Công Ty Cổ Phần Dược Khoa
4190	VD-19973-13	Neo-Corclion F	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4191	VD-17070-12	Neo-Godian	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4192	VD-28709-18	Neo-Gynoternan	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar
4193	VD-27776-17	Neo-Maxxacne T 10	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4194	VD-27777-17	Neo-Maxxacne T 20	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4195	VD-26739-17	Neo-MAXXACNE T 40	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4196	VD-27241-17	Neomezols	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4197	VD-25126-16	Neomiderm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4198	VD-18606-13	Neorutin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4199	VD-19781-13	Neosamin Forte	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4200	VD-28607-17	Neostigmed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
4201	VD-22298-15	Neostyl	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4202	VD-25136-16	Neotazin MR	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4203	VD-21518-14	Neo-Terpon	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4204	VD-28526-17	Neo-Terpon	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4205	VD-25130-16	Nepalis 1,5%	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4206	VD-25131-16	Nepalis 2,5%	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
4207	VD-26421-17	Nerapin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4208	VD-27447-17	Nerazzu-25	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4209	VD-19665-13	NERAZZU-50	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4210	VD-26502-17	Nerazzu-plus	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4211	VD-26158-17	Nerusyn 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4212	VD-25189-16	Nerusyn 375 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4213	VD-26159-17	Nerusyn 3g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4214	VD-26160-17	Nerusyn 750	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4215	VD-20112-13	Nesteloc 20	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4216	VD-20113-13	Nesteloc 40	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4217	VD-21204-14	Nesulix	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4218	VD-25003-16	Neubatel-forte	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4219	VD-27264-17	Neucotic	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4220	VD-28552-17	Neurixal	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
4221	VD-18330-13	Neurobrain 300	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4222	VD-26698-17	Neurogiloban	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
4223	VD-27713-17	Neurohadine	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4224	VD-22111-15	Neuroncure	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4225	VD-26566-17	Neuronstad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4226	VD-27335-17	Neuropain	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4227	VD-27295-17	Neuropentin	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
4228	VD-19271-13	Neuropyl 3g	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4229	VD-25094-16	Neuropyl 400	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4230	VD-26422-17	Neustam	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4231	VD-23820-15	Neutasol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4232	VD-25941-16	Neutracet 800	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
4233	VD-18935-13	Neutrifore	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4234	VD-20671-14	Neutrivit 5000	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4235	VD-20406-14	Nevirapin 200 - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4236	VD-16959-12	New Ameflu Day Time + C	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV
4237	VD-25234-16	New Ameflu PM	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4238	VD-18331-13	New AMERHINO	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4239	VD-27629-17	New diatabs	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
4240	VD-19706-13	New Hepalkey	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4241	VD-18332-13	New tydol cold	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4242	VD-20092-13	New V.Rohto	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
4243	VD-28084-17	Newceptol	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4244	VD-17824-12	Newchoice	Công ty TNHH Sự lựa chọn vàng	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4245	VD-19032-13	Newcimax	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4246	VD-25470-16	Newcobex	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4247	VD-19678-13	Newgifar	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam
4248	VD-18819-13	Newlevo	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
4249	VD-21210-14	Newnalgine	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4250	VD-24635-16	Newphdin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4251	VD-27213-17	Newvarax	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4252	VD-26112-17	Newvent	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre
4253	VD-26484-17	Newvent	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4254	VD-22729-15	Nezilamvir	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4255	VD-19402-13	Nguyên nhân sâm	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4256	VD-19490-13	Nibisina	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4257	VD-27760-17	Nicarlol 5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4258	VD-23309-15	Nicbesolvin - 4	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4259	VD-23310-15	Nicbesolvin - 8	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4260	VD-21765-14	Nicnice 1000	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4261	VD-21091-14	Nicnice 200	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4262	VD-26532-17	Nicnotaxgin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4263	VD-19888-13	Nicofort	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4264	VD-23311-15	Nic-Spa	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4265	VD-23951-15	Niczen	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4266	VD-22441-15	Nidal	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4267	VD-25137-16	Nidal Day	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4268	VD-25138-16	Nidal Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
4269	VD-23535-15	Nidaref 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4270	VD-22838-15	Nidaref 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4271	VD-24568-16	Nifedipin T20 retard	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4272	VD-26600-17	Nifin 100 Tabs	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
4273	VD-26601-17	Nifin 200 Tabs	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
4274	VD-17825-12	Nighthappy	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4275	VD-23171-15	Nikethamide Kabi 25%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4276	VD-21344-14	Nilcox Baby 250 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4277	VD-22988-15	Nilcox Baby Fort 250/2 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4278	VD-24519-16	Nilkey	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4279	VD-26126-17	Nimovaso sol	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4280	VD-20422-14	Ninosat	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4281	VD-23312-15	Nisigina	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4282	VD-17594-12	Nisitanol	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4283	VD-28147-17	Nisitanol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4284	VD-27471-17	Nitium-M	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4285	VD-28506-17	Nixazide	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4286	VD-22927-15	Nizastric	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4287	VD-21375-14	Noaztine	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4288	VD-25812-16	Nobstruct	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4289	VD-27492-17	Nontamin-fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4290	VD-20682-14	Nootripam 800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4291	VD-28507-17	Nootryl 1200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4292	VD-27472-17	Nootryl 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4293	VD-27063-17	No-panes	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4294	VD-24902-16	Noradrenalin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4295	VD-24787-16	Norfloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4296	VD-24074-16	Normostat	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
4297	VD-20177-13	Noruxime 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
4298	VD-18696-13	Noruxime 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
4299	VD-18698-13	Noruxime 500	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4300	VD-24976-16	Nostravin	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
4301	VD-28639-17	Notenxic	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
4302	VD-23785-15	No-Thefa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4303	VD-24463-16	Notired eff Orange	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
4304	VD-23875-15	Notired eff Strawberry	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)
4305	VD-23640-15	Notrorich 800mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
4306	VS-4979-16	Novacare	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
4307	VD-19581-13	Novafex	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4308	VD-19931-13	Novahexin 5 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4309	VD-23715-15	Novazine	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4310	VD-24189-16	Novewel 80	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4311	VD-19555-13	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4312	VD-23766-15	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4313	VD-26322-17	Novocain 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4314	VD-23356-15	Novofungin 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4315	VD-22682-15	Novofungin 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4316	VD-27287-17	Novogyl	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4317	VD-27829-17	Novohair	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4318	VD-27830-17	Novolegic	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4319	VD-27589-17	Novoliver	Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư phát triển Thuận Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4320	VD-27288-17	Novomycine 1,5 M.IU	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4321	VD-26616-17	Novonazol	Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư phát triển Thuận Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4322	VD-26127-17	Novotane ultra	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4323	VD-23262-15	Nozeytin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
4324	VD-21813-14	NP Viên xông hương chanh	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4325	VD-27265-17	Nudipyl 400	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4326	VD-28240-17	Nudipyl 800	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4327	VD-27973-17	Numed 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4328	VD-21551-14	Nước cất ống nhựa-CPC1	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4329	VD-23786-15	Nước cất pha tiêm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4330	VD-26296-17	Nước cất pha tiêm 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4331	VD-18637-13	Nước cất pha tiêm 5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4332	VD-27095-17	Nước cất pha tiêm 8ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4333	VD-27588-17	Nước cất pha tiêm Medlac	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
4334	VD-15083-11	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4335	VD-20273-13	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4336	VD-23768-15	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4337	VD-24903-16	Nước cất tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4338	VD-20013-13	Nước cất tiêm 10 ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4339	VD-24865-16	Nước cất tiêm 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4340	VD-19557-13	Nước cất tiêm 5 ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4341	VD-26469-17	Nước ép trái nhàu	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4342	VS-4901-15	Nước OXY già 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4343	VD-19403-13	Nước oxy già 10 thể tích (3%)	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4344	VS-4944-16	Nước oxy già 3%	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
4345	VS-4950-16	Nước oxy già 3%	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4346	VS-4969-16	Nước Oxy già 3%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4347	VS-4864-13	Nước súc miệng trẻ em T-B Kid	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
4348	VS-4928-16	Nước súc miệng T-B	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
4349	VS-4863-13	Nước súc miệng T-B fresh	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
4350	V13-H12-13	Nước súc miệng Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
4351	VD-20967-14	Nước vôi nhì	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4352	VD-25961-16	Nupigin	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4353	VD-27684-17	Nuradre 300	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4354	VD-14150-11	Nuradre 400	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4355	VD-26224-17	Nutricalci	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4356	VD-19150-13	Nutrios	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
4357	VD-28676-18	Nutriwell Kid with lysine	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4358	VD-18684-13	Nutrohadi F	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4359	VD-25752-16	Nutuss	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4360	VD-19859-13	Nystafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4361	VD-20689-14	Nystafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4362	VD-27849-17	Nystafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4363	VD-24708-16	Nystatab	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4364	VD-22654-15	Nystatin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4365	VD-27493-17	Nystatin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4366	VD-18216-13	Nystatin 25000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4367	VD-18217-13	Nystatin 500.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4368	VD-22411-15	Nystatin 500.000 UI	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4369	VD-24878-16	Nystatin 500.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4370	VD-28686-18	Oa-green	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
4371	VD-21297-14	Obibebe	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4372	VD-28521-17	Obikiton	Công ty TNHH dược phẩm Thiên Minh	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4373	VD-25517-16	Obimin	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
4374	VD-28283-17	Ocefero	Công ty cổ phần O2Pharm	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4375	VD-25235-16	Ocefib 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4376	VD-25753-16	Ocefib 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4377	VD-28284-17	Ocehepa	Công ty cổ phần O2Pharm	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4378	VD-28285-17	Ocetamin 300	Công ty cổ phần O2Pharm	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4379	VD-28625-17	Odiron	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
4380	VD-21535-14	Odistad 120	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4381	VD-12624-10	Odistad 60	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4382	VD-22358-15	Ofbe- Cefadroxil	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4383	VD-20580-14	Ofcin	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4384	VD-19587-13	Ofleye	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4385	VD-22450-15	Oflid 200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4386	VD-23517-15	Oflo - Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4387	VD-22655-15	Ofloxacin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4388	VD-27919-17	Ofloxacin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4389	VD-17714-12	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
4390	VD-19558-13	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4391	VD-23602-15	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4392	VD-24779-16	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
4393	VD-25162-16	Ofloxacin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4394	VD-20757-14	Ofloxacin 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4395	VD-22234-15	Ofloxacin 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4396	VD-24544-16	Ofloxacin 400	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4397	VD-26533-17	Ofloxacin 400	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4398	VD-22308-15	Ofmantine - Domesco 625 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4399	VD-19635-13	Ofmantine - Domesco 1 g	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4400	VD-25955-16	OFPEXIM 200	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
4401	VD-28314-17	Ofxaquin	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
4402	VD-25615-16	Olangim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4403	VD-27528-17	Olanstad 10	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4404	VD-25481-16	Olanstad 5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4405	VD-26068-17	Olanxol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4406	VD-27043-17	Olanzap 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4407	VD-27044-17	Olanzap 15	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4408	VD-27045-17	Olanzap 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4409	VD-27046-17	Olanzap 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4410	VD-27336-17	Olanzapin SPM 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4411	VD-27348-17	Olevid	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4412	VD-28476-17	Omag-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4413	VD-24858-16	Omaride	Công ty CPDP Tipharco	Công ty CPDP Tipharco
4414	VD-24840-16	Omcetti 300 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4415	VD-27644-17	Omecaplus	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
4416	VD-26241-17	Omefort 20	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4417	VD-26242-17	Omefort 40	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4418	VD-27214-17	Omeprazol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4419	VD-20348-13	Omeprazol 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4420	VD-21181-14	Omeprazol 20 - HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US Pharma USA
4421	VD-26192-17	Omeprazol 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4422	VD-18776-13	Omeprazol 40mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4423	VD-21141-14	Omeprazol DHG	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
4424	VD-25933-16	Omeprazol tvp	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4425	VD-22609-15	Omeprazole EG 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4426	VD-23910-15	Omesel 20	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
4427	VD-23845-15	Omestad inj. 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4428	VD-18039-12	Omethepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4429	VD-25326-16	Omevin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4430	VD-22153-15	Omezon	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4431	VD-24059-16	OMLAC 20	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4432	VD-28386-17	Ommax 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4433	VD-28334-17	Omnivastin	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4434	VD-25163-16	Onlizin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4435	VD-21843-14	Onlizin-Adult	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4436	VD-22747-15	Onyfu	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4437	VD-18324-13	Op.Zen Viên tiêu sưng giảm đau	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4438	VD-27974-17	Opeaka	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4439	VD-25754-16	Opeambrox 0,3%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4440	VD-24243-16	Opeambrox 0,6%	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV
4441	VD-26996-17	Opeazitro 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4442	VD-26997-17	Opeazitro 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4443	VD-26998-17	Opeazitro 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4444	VD-20235-13	Opebutal 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4445	VD-25236-16	Opecalcium	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4446	VD-20237-13	Opecartrim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4447	VD-27975-17	Opecerin 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4448	VD-21676-14	Opecipro 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4449	VD-26999-17	Opeclari 250	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4450	VD-24830-16	Opeclari 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4451	VD-22499-15	Opecosyl 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4452	VD-25237-16	Opecosyl argin 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4453	VD-23634-15	Opecosyl plus	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4454	VD-18988-13	Opegino 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4455	VD-18989-13	Opegino 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4456	VD-18990-13	Opegino 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4457	VD-19414-13	Opegino 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4458	VD-22500-15	Opekinon 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4459	VD-22957-15	Opekosin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4460	VD-22969-15	Opelevox 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4461	VD-18333-13	Opelirin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4462	VD-24244-16	Opelodil	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4463	VD-24831-16	Opelodil	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4464	VD-27976-17	Opemirol 15	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4465	VD-27977-17	Opemirol 30	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4466	VD-24832-16	Opemitin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4467	VD-24833-16	Opemucol 0,3%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4468	VD-26225-17	Opemucol 0,6%	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4469	VD-25238-16	Opemucol 30	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4470	VD-20238-13	Openoxil 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4471	VD-20239-13	Openoxil 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4472	VD-21877-14	Opepril 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4473	VD-21878-14	Opepril 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4474	VD-21879-14	Opepril 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4475	VD-22970-15	Operidone	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4476	VD-27000-17	Operindosyl 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4477	VD-23635-15	Operindosyl 8	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4478	VD-22972-15	Operoxolid 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4479	VD-23636-15	Opesalbu	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4480	VD-21677-14	Opesartan	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4481	VD-25239-16	Opesartan Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4482	VD-19925-13	Opesimeta 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4483	VD-19415-13	Opesimeta 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4484	VD-24245-16	Opesinkast 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4485	VD-24246-16	Opesinkast 4	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4486	VD-24247-16	Opesinkast 5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4487	VD-21880-14	Opespasm	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4488	VD-25240-16	Opespira 1,5MIU	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4489	VD-24248-16	Opespira 3MIU	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4490	VD-19416-13	Opespira M	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4491	VD-19417-13	Opespira M Forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4492	VD-26226-17	Opetelmi 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4493	VD-23637-15	Opetivan 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4494	VD-20791-14	Opetradol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4495	VD-21678-14	Opeverin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4496	VD-21679-14	Opeviro 400	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4497	VD-21881-14	Opeviro 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4498	VD-18334-13	Opezepam 1,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4499	VD-18335-13	Opezepam 2,0	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4500	VD-22200-15	Opezimin	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4501	VD-26803-17	Ophazidon	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4502	VD-18159-12	Ophstar	Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4503	VD-28086-17	Opispas	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4504	VD-24237-16	Opmucotus	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4505	VD-18716-13	Optamedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4506	VD-22196-15	Optoflox 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4507	VD-18299-13	Opxil 250	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương
4508	VD-22890-15	Opxil 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4509	VD-19372-13	Opxil S 250	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4510	VD-19373-13	Opxil S 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4511	VD-23565-15	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4512	VD-23566-15	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4513	VD-24215-16	Opxil SA 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4514	VD-24653-16	Oracortia	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
4515	VD-21376-14	Oraldroxine 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4516	VD-19761-13	Oralfuxim 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4517	VD-23166-15	Oraliton	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
4518	VD-25179-16	Oralphaces	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4519	VD-18835-13	Oralpost	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4520	VD-24939-16	Oraptic	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4521	VD-25869-16	Oraptic 20	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4522	VD-17471-12	Oravintin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4523	VD-19762-13	Orazime 100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4524	VD-21190-14	Orazime 200	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4525	VD-18338-13	Orbrexol 27,9 g	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4526	VD-18339-13	Orbrexol 5,58 g	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4527	VD-22687-15	Oremute	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
4528	VD-23074-15	Orenko	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4529	VD-22362-15	Oresol	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
4530	VD-26360-17	Oresol	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4531	VD-26361-17	Oresol	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4532	VD-22037-14	Oresol 245	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
4533	VD-27387-17	Oresol 245	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4534	VD-28170-17	Oresol 4,1 g	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
4535	VD-23143-15	Oresol new	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4536	VD-27985-17	Orgynax 100mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4537	VD-25254-16	Oribier 200 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông
4538	VD-27010-17	Oribio	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4539	VD-25761-16	Orientfe 200 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4540	VD-19127-13	Orieso 20 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
4541	VD-19128-13	Orieso 40 mg	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
4542	VD-28315-17	Oriner	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
4543	VD-25762-16	Oriphospha	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4544	VD-22989-15	Oripicin 1 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4545	VD-24457-16	Orlacmin	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam
4546	VD-26567-17	Orlistat Stada 120 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
4547	VD-25454-16	Orlitax	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
4548	VD-27986-17	Ormagat	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4549	VD-27987-17	Ormyco 120mg	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4550	VD-19068-13	Orthin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4551	VD-17476-12	Osaki	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4552	VD-23378-15	Osapain	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
4553	VD-28087-17	Osaphine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4554	VD-22225-15	Osaphine C30	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4555	VD-26485-17	Osbacal	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4556	VD-22201-15	Osbone	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4557	VD-25241-16	Oscicare	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4558	VD-19138-13	Osla	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4559	VD-19617-13	Osla baby	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4560	VD-19618-13	Osla Redi	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
4561	VD-24784-16	Ospamox 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4562	VD-24785-16	Ospamox 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4563	VD-18376-13	Ospay-Neo	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
4564	VD-20784-14	Ostebon 70	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4565	VD-25755-16	Osteotis 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4566	VD-20793-14	Ostesamine 750	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4567	VD-28573-17	Ostigold 1500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
4568	VD-19307-13	Ostocan 0,6	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4569	VD-25084-16	Ostocare	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
4570	VD-25242-16	Ostovel 35	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4571	VD-25243-16	Ostovel 75	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4572	VD-22239-15	Osvimec 100	27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4573	VD-22240-15	Osvimec 300	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4574	VD-20178-13	Otibone 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4575	VD-20179-13	Otibone 1500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4576	VD-20181-13	Otibone 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4577	VD-20182-13	Otibone 750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4578	VD-17396-12	Otibone Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4579	VD-17006-12	Otilin 8ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4580	VD-22865-15	Otzo	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4581	VD-20841-14	Ouabain 0,25 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4582	VD-26486-17	Oubapentin 150	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4583	VD-20187-13	Ovac - 20	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4584	VD-26905-17	Oxacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4585	VD-24895-16	Oxacilin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4586	VD-24233-16	Oxacilin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4587	VD-26161-17	Oxacillin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4588	VD-22888-15	Oxacol	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
4589	VD-27850-17	Oxafar	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic
4590	VD-28599-17	Oxy 10	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
4591	VS-4875-14	Oxy già 10TT	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
4592	VS-4923-16	Oxy già 3%	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4593	VD-26357-17	Oxycoldimic	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4594	VD-25244-16	Oxypod 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4595	VD-21680-14	Ozaform 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4596	GC-284-17	Ozanier 250mg	(Cơ sở đặt gia công): Công ty Medochemie Ltd	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)
4597	VD-28477-17	Ozzy-40	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4598	VD-27840-17	Pabemin 325	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4599	VD-24772-16	Pacemin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4600	VD-25697-16	Pacemin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4601	VD-21250-14	PACFON 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4602	VD-21252-14	PACFON 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4603	VD-21253-14	PACFON 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4604	VD-18936-13	Padolmin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4605	VD-28088-17	Pagozine	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4606	VD-26269-17	Paindol extra	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4607	VD-28588-17	Painfree	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4608	VD-27831-17	Palono-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4609	VD-25202-16	Pamyltin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4610	VD-26887-17	Pamyltin -S	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
4611	VD-18743-13	Panactol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4612	VD-19389-13	Panactol 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4613	VD-20765-14	Panactol 650	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4614	VD-27920-17	Panactol flu	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4615	VD-25671-16	Panalgan Effer 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4616	VD-22825-15	Panalgan effer 650	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4617	VD-28400-17	Pancidol cảm cúm	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
4618	VD-25570-16	Pancres	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4619	VD-19200-13	Pandex	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
4620	VD-23476-15	Panewic 2 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4621	VD-28608-17	Pansegas 40	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
4622	VD-24710-16	Pantagi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4623	VD-18942-13	Panthenol	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4624	VD-26394-17	Panthenol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4625	VD-21315-14	Pantoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4626	VD-18534-13	Pantostad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4627	VD-18535-13	Pantostad 40	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4628	VD-20870-14	Pantracet	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4629	VD-21063-14	Paolucci	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
4630	VD-20485-14	Paparin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
4631	VD-22537-15	Papaverin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4632	VD-24545-16	Papaverin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4633	VD-27554-17	Papaverin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
4634	VD-26681-17	Papaverin 2%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4635	VD-23212-15	Para PMP	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4636	VD-13269-10	Paracetamol	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
4637	VD-19255-13	Paracetamol	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
4638	VD-19559-13	Paracetamol	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4639	VD-22427-15	Paracetamol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4640	VD-24647-16	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4641	VD-24648-16	Paracetamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4642	VD-26065-17	Paracetamol	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cổ phần dược Enlie
4643	VD-26233-17	Paracetamol	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4644	VD-27685-17	Paracetamol - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4645	VD-17447-12	Paracetamol 0,1g	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4646	VD-25355-16	Paracetamol 100 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4647	VD-23603-15	Paracetamol 150mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4648	VD-26906-17	Paracetamol 1g/10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4649	VD-28188-17	Paracetamol 200 mg	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
4650	VD-28189-17	Paracetamol 200 mg	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
4651	VD-20934-14	Paracetamol 325 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
4652	VD-22748-15	Paracetamol 325 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4653	VD-28190-17	Paracetamol 325 mg	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
4654	VD-27290-17	Paracetamol 325mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4655	VD-21594-14	Paracetamol 500 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4656	VD-18270-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4657	VD-18272-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4658	VD-18639-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4659	VD-18917-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4660	VD-19334-13	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4661	VD-20683-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
4662	VD-20884-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4663	VD-20885-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4664	VD-20886-14	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4665	VD-22412-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4666	VD-22576-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
4667	VD-23084-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
4668	VD-23452-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4669	VD-23742-15	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4670	VD-24086-16	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4671	VD-27019-17	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4672	VD-27994-17	Paracetamol 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4673	VD-24662-16	Paracetamol 500-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
4674	VD-18251-13	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
4675	VD-22541-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
4676	VD-23604-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4677	VD-23664-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4678	VD-23665-15	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4679	VD-24412-16	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4680	VD-24859-16	Paracetamol 500mg	Công ty CPDP Tipharco	Công ty CPDP Tipharco
4681	VD-25280-16	Paracetamol 500mg	Công ty CPDP Tipharco	Công ty CPDP Tipharco
4682	VD-25370-16	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4683	VD-26310-17	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
4684	VD-26333-17	Paracetamol 500mg	Công ty cổ phần dược Trung ương 3	Công ty cổ phần dược Trung ương 3
4685	VD-26672-17	Paracetamol 500mg	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
4686	VD-27418-17	Paracetamol 500mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4687	VD-27658-17	Paracetamol 500mg	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4688	VD-21595-14	Paracetamol 650 - US	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4689	VD-21921-14	Paracetamol 650mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4690	VD-24745-16	Paracetamol A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
4691	VD-26111-17	Paracetamol A.T 150 sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
4692	VD-25660-16	Paracetamol A.T 250 sac	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
4693	VD-26757-17	Paracetamol A.T inj	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
4694	VD-24207-16	Paracetamol ABA 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4695	VD-22162-15	Paracetamol ABA 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4696	VD-27813-17	Paracetamol Boston 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
4697	VD-19384-13	Paracetamol Imex 325 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4698	VD-20756-14	Paracetamol Imex 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4699	VD-19568-13	Paracetamol Kabi 1000	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4700	VD-28323-17	Paracetamol sanofi	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam
4701	VD-24302-16	Paracetamol TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
4702	VD-27726-17	Para-Codein 10	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4703	VD-27727-17	Para-Codein 20	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4704	VD-27728-17	Para-codein 30	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4705	VD-28270-17	Paracol 10mg/ml	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4706	VD-26380-17	Paracold 150 Flu	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4707	VD-26381-17	Paracold 250	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4708	VD-26382-17	Paracold 325	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4709	VD-26383-17	Paracold 500	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4710	VD-21718-14	Paracold Fort	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4711	VD-26384-17	Paracold Infants F	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4712	VD-20955-14	Paracold MKP	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4713	VD-26385-17	Paracold-MKP	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4714	VD-25371-16	Paracold-MKP 650	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4715	VD-28428-17	Paradau 325mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4716	VD-28429-17	Paradau 500mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4717	VD-25939-16	Paradau extra	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4718	VD-25668-16	Paralmax	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
4719	VD-27814-17	Paralmax 500 caps.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
4720	VD-26120-17	Paralmax cảm cúm	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4721	VD-21249-14	Paralmax Pain	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4722	VD-27815-17	Paralmax softcaps	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
4723	VD-23105-15	Paramed	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4724	VD-20794-14	Paramox	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4725	VD-26951-17	Para-OPC 150mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
4726	VD-24815-16	Para-OPC 250mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
4727	VD-25826-16	Parasorb	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4728	VD-19471-13	Parazacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4729	VD-24866-16	Parazacol 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4730	VD-28089-17	Parazacol 150	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4731	VD-28090-17	Parazacol 250	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4732	VD-24867-16	Parazacol 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4733	VD-26287-17	Parazacol 750	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4734	VD-28091-17	Parazacol 80	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4735	VD-22241-15	Parepemic	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4736	VD-21508-14	Pargine	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4737	VD-24281-16	Parocontin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4738	VD-27064-17	Parocontin F	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
4739	VD-28478-17	Parokey	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4740	VD-28479-17	Parokey-30	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4741	VD-24569-16	Partamol 150	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4742	VD-18852-13	Partamol 250	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4743	VD-21536-14	Partamol 325	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4744	VD-21111-14	Partamol 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4745	VD-21112-14	Partamol C	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4746	VD-14577-11	Partamol Codein eff.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4747	VD-24570-16	Partamol eff.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4748	VD-23360-15	Partamol F	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4749	VD-23978-15	Partamol Tab.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4750	VD-25035-16	Partamol Tab.	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4751	VD-28480-17	Pasquale-50	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
4752	VD-26386-17	Pastitussin	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4753	VD-20614-14	Patandolusa	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
4754	VD-25950-16	Patchell	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
4755	VD-27388-17	Pavado 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4756	VD-18640-13	Paverid 2%	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4757	VD-22074-14	Paxicox 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4758	VD-21596-14	Paxicox 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4759	VD-28677-18	PĐ-Sucralfat 2000	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
4760	VD-20649-14	Pecaldex	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4761	VD-25180-16	Pecrandil 5	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4762	VD-24190-16	Pectaril 5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4763	VD-22333-15	Pectol-E	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
4764	VD-21183-14	Pedolas 100 cap	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4765	VD-21184-14	Pedolas 100 tab	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4766	VD-23213-15	Pefloxacin Stada 400mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4767	VD-28387-17	pendo-Pregabalin 150 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4768	VD-28388-17	pendo-Pregabalin 50 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4769	VD-28713-18	pendo-Ursodiol C 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
4770	VD-17933-12	Penicilin V Kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4771	VD-19959-13	Penicilin V Kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4772	VD-26369-17	Penicilin V kali 1.000.000 IU	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4773	VD-17966-12	Penicilin V Kali 400.000 đ.v.q.t.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
4774	VD-19479-13	Penicilin V Kali 400.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4775	VD-20414-14	Penicilin V Kali 400.000 IU	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4776	VD-25356-16	Penicilin V kali 400.000 IU	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4777	VD-25827-16	Penicilin V Kali 400.000 IU	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4778	VD-20476-14	Penicilin V Kali 400.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4779	VD-26387-17	Penicillin G 1 000 000 IU	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4780	VD-22271-15	Penstal	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4781	VD-27337-17	Pentinox	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4782	VD-17611-12	Penveril	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4783	VD-20795-14	Pepsia	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
4784	VD-26033-16	Perasolic	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4785	VD-22090-15	Performax	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4786	VD-21610-14	Perihapy 8	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4787	VD-26019-16	Perimirane	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4788	VD-21769-14	Perindastad 4	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
4789	VD-23584-15	Perindopril	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4790	VD-24977-16	Periosyn	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4791	VD-22468-15	Periwel 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4792	VD-19507-13	Perlita	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4793	VD-16173-11	Perosu - 10 mg	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
4794	VD-18514-13	Peruzi-6,25	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4795	VD-20902-14	Pesamin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
4796	VD-16326-12	Pesancidin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4797	VD-24421-16	Pesancort	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4798	VD-22058-14	Petrimet MR	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
4799	VD-17747-12	Pexifen - 20mg	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4800	VD-20526-14	Pfertzel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
4801	VD-27200-17	Pgisycap	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
4802	VD-22341-15	Phaanedol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4803	VD-27494-17	Phaanedol cảm cúm	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4804	VD-26645-17	Phaanedol Children	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4805	VD-23313-15	Phaanedol Extra	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4806	VD-26646-17	Phaanedol flue	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4807	VD-19070-13	Phacoidorant	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4808	VD-20904-14	Phacoparamol	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4809	VD-18790-13	Phacoparecaps	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4810	VD-19541-13	Phacoparecaps	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4811	VD-20006-13	Phacotrivita	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4812	VD-19763-13	Phagofi 10	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4813	VD-20612-14	Phagofi 4	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
4814	VD-19764-13	Phagofi 5	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4815	VD-21481-14	Phalu gel	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)
4816	VD-20415-14	Phấn thoa da NadyROSA	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
4817	VD-24291-16	Pharbacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4818	VD-26288-17	Pharbacol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4819	VD-25807-16	Pharbapenem 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4820	VD-27313-17	Pharmasmooth	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4821	VD-19378-13	Pharmox Cef 500	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4822	VD-28666-18	Pharmox IMP 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4823	VD-19377-13	Pharmox S 250	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4824	VD-25190-16	Pharmox SA 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4825	VD-25191-16	Pharmox SA 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4826	VD-25702-16	Pharmox SA 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4827	VD-23551-15	Pharterpin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
4828	VD-27085-17	Phastarxin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4829	VD-28163-17	Phazandol	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
4830	VD-28164-17	Phazandol Extra	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh	Công ty cổ phần dược Phúc Vinh
4831	VD-27291-17	Phecoldrop	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
4832	VD-27484-17	Phenhalal	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
4833	VD-26868-17	Phenobarbital	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
4834	VD-22603-15	Phentinil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4835	VS-4840-12	Phenugyno	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4836	VD-23443-15	Phenytoin 100 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4837	VD-23694-15	Phezinak	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4838	VD-24026-15	Philbone-A	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4839	VD-22042-14	Philclobate	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4840	VD-19707-13	Philcomozel	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4841	VD-20588-14	Phildomina	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4842	VD-28589-17	Philexo	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4843	VD-19217-13	Philiver	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4844	VD-27581-17	Philkedox	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4845	VD-26607-17	Philmyrtol 300	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4846	VD-24634-16	Philoxim	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4847	VD-19709-13	Phils-Lin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4848	VD-22044-14	Philtadol	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4849	VD-19711-13	Philunimeton	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4850	VD-25044-16	Philurso	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4851	VD-23433-15	Phosbind	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco- Xí nghiệp dược phẩm 150
4852	VD-16780-12	Phosfalruzil	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
4853	VD-23314-15	Phostaligel Nic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4854	VD-27582-17	Photanat	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4855	VD-16543-12	Phupogyl	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây
4856	VD-25532-16	Piantawic	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
4857	VD-22190-15	Picado	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4858	VD-25400-16	Pilafix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4859	VD-20444-14	Pimatussin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4860	VD-24191-16	Pimaxol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4861	VD-26423-17	Pimenem	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4862	VD-24443-16	Pimenem 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4863	VD-20144-13	Pimicin 1.5 M	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4864	VD-24408-16	Piodincarevb	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
4865	VD-24444-16	Pipanzin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4866	VD-25895-16	Pipanzin Inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4867	VD-26193-17	Pipebamid 2,25	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4868	VD-26907-17	Pipebamid 3,375	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4869	VD-18404-13	Piperacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4870	VD-26908-17	Piperacilin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
4871	VD-24340-16	Piperacilin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4872	VD-19056-13	Piperacilin VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
4873	VD-26851-17	Piperacillin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4874	VD-26852-17	Piperacillin 4g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
4875	VD-19830-13	Piracefti 400	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4876	VD-20166-13	Piracefti 800	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
4877	VD-18178-13	Piracetam	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
4878	VD-19560-13	Piracetam	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4879	VD-22242-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4880	VD-22577-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
4881	VD-22578-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
4882	VD-23153-15	Piracetam	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4883	VD-26020-16	Piracetam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4884	VD-27086-17	Piracetam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4885	VD-26362-17	Piracetam - DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
4886	VD-23683-15	Piracetam 1g/5 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4887	VD-20477-14	Piracetam 1g/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4888	VD-21812-14	Piracetam 400	Công ty cổ phần dược Minh Hải	Công ty cổ phần dược Minh Hải
4889	VD-26471-17	Piracetam 400	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm
4890	VD-19532-13	Piracetam 400 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4891	VD-25533-16	Piracetam 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
4892	VD-28171-17	Piracetam 400mg	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
4893	VD-20985-14	Piracetam 800	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4894	VD-21222-14	Piracetam 800 mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4895	VD-25551-16	Piracetam 800mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4896	VD-26311-17	Piracetam 800mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
4897	VD-20016-13	Piracetam Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4898	VD-25362-16	Piracetam Kabi 1g/5ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
4899	VD-26487-17	Piracetam Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4900	VD-18057-12	Piracetam STADA 800 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4901	VD-25560-16	Piramed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
4902	VD-23847-15	Pirastad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4903	VD-23743-15	Piratab	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
4904	VD-19418-13	Piriglimin 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4905	VD-19419-13	Piriglimin 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4906	VD-28335-17	PIRIZATAM	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4907	VD-21698-14	Piromax	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4908	VD-20758-14	Piropharm 20 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
4909	VD-26424-17	Pirostad 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4910	VD-19854-13	Piroton 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4911	VD-19770-13	Piroton 800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
4912	VD-19434-13	Pirovacin sachet 0.75MIU	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
4913	VD-19435-13	Pirovacin Sachet 1.5MIU	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4914	VD-22656-15	Piroxicam 10 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4915	VD-22749-15	Piroxicam 10 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
4916	VD-25522-16	Piroxicam 10mg	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4917	VD-25095-16	Piroxicam 2%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
4918	VD-25539-16	Pitorix 120 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4919	VD-25540-16	Pitorix 30 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4920	VD-25541-16	Pitorix 60 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4921	VD-25542-16	Pitorix 90 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4922	VD-22605-15	Pivesyl plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4923	VD-18642-13	Pixcirin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4924	VD-23282-15	Pizar-3	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)
4925	VD-18099-12	Pizar-6	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM)
4926	VD-21999-14	Pizonmaxi	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4927	VD-27314-17	Pizovox	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4928	VD-25965-16	Plomingstyn	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4929	VD-21251-14	PODOLAMN 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4930	VD-21254-14	PODOLAMN 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4931	VD-21598-14	Pofakid	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4932	VD-21185-14	Pokidclor 125	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4933	VD-23315-15	Polacanmin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4934	VD-22052-14	Polarimintana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
4935	VD-19965-13	Polarvi 2	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4936	VD-20445-14	Polyclox 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4937	VD-24776-16	Polydoxancol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
4938	VD-23641-15	Polygintan 2	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
4939	VD-22303-15	Polymax	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4940	VD-16080-11	Polymina Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4941	VD-27096-17	Pomonolac	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4942	VD-24689-16	Ponaicef	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
4943	VD-25558-16	PoncifDHG	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
4944	VD-15033-11	Poncityl 500	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4945	VD-24636-16	Porusy	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4946	VD-22526-15	Potriolac	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4947	VD-28684-18	Potriolac Gel	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
4948	VD-17906-12	Povidine	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4949	VD-24154-16	Povidine	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
4950	VD-21093-14	Povidon - Iodin 10%	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4951	VD-20033-13	Povidon iod	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
4952	VD-22431-15	Povidon iod	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
4953	VD-27995-17	Povidon iod	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4954	VD-17712-12	Povidon Iod 10%	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
4955	VD-21325-14	Povidon iod 10%	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
4956	VD-23647-15	Povidon iod 10%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
4957	VD-28005-17	Povidon iodin 10%	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
4958	VD-17882-12	Povidone	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
4959	VS-4959-16	Povidone Iodine 10%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
4960	VD-18443-13	Povidon-Iod HD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
4961	VD-19951-13	Povinsea	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
4962	VD-19952-13	Povinsea	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4963	VD-20387-13	Powerbraincap	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4964	VD-19612-13	POWERFORTE	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
4965	VD-19491-13	Poximvid	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
4966	VD-18536-13	Pracetam 1200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4967	VD-22675-15	Pracetam 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4968	VD-25554-16	Pracetam 400 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4969	VD-18538-13	Pracetam 800	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4970	VD-24055-15	Practyl-F	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
4971	VD-24445-16	Pralmex inj.	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
4972	VD-25045-16	Prascal	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
4973	VD-27686-17	Prasogem 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
4974	VD-25265-16	Pravastatin SaVi 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
4975	VD-22346-15	Pravitce	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
4976	VD-21223-14	Praxandol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
4977	VD-21115-14	Praxinstad 400	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
4978	VD-25245-16	Prazex 30	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
4979	VD-28092-17	Prazintel	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
4980	VD-24174-16	Prazolmium 20	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4981	VD-25686-16	Prazolmium 40	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
4982	VD-19498-13	Prazopro 40mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
4983	VD-20818-14	Predegyl	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
4984	VD-26631-17	Predlonis	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
4985	VD-25471-16	Predmex	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4986	VD-27669-17	Predmex-Nic	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA-NIC
4987	VD-24546-16	Prednic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
4988	VD-27495-17	Prednic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4989	VD-27496-17	Prednic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4990	VD-27497-17	Prednic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4991	VD-20306-13	Prednisolon	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4992	VD-22312-15	Prednisolon	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4993	VD-24364-16	Prednisolon	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4994	VD-24942-16	Prednisolon	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
4995	VD-28194-17	Prednisolon	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
4996	VD-28200-17	Prednisolon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
4997	VD-21520-14	Prednisolon - F	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
4998	VD-21472-14	Prednisolon 5 mg	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
4999	VD-22750-15	Prednisolon 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5000	VD-21916-14	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5001	VD-26234-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
5002	VD-27065-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5003	VD-27113-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5004	VD-27114-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5005	VD-28050-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5006	VD-28051-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5007	VD-28052-17	Prednisolon 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5008	VD-26121-17	Prednisolon Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
5009	VD-27816-17	Prednisolon Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
5010	VD-24887-16	Prednisolone 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5011	VD-24888-16	Prednisolone 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5012	VD-21207-14	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5013	VD-22413-15	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5014	VD-22751-15	Prednison	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5015	VD-23952-15	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5016	VD-26021-16	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5017	VD-26243-17	Prednison	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5018	VD-26534-17	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5019	VD-26535-17	Prednison	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5020	VD-27613-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5021	VD-27614-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5022	VD-28195-17	Prednison	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5023	VD-28611-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5024	VD-28612-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5025	VD-28613-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5026	VD-28614-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5027	VD-28615-17	Prednison	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5028	GC-260-16	Prednison 5 mg	(Cơ sở đặt gia công:) Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	(Cơ sở nhận gia công:) Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5029	GC-286-17	Prednison 5 mg	(Cơ sở đặt gia công:) Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	(Cơ sở nhận gia công:) Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5030	VD-21028-14	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
5031	VD-21030-14	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
5032	VD-22098-15	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5033	VD-22738-15	Prednison 5 mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
5034	VD-22739-15	Prednison 5 mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
5035	VD-24089-16	Prednison 5 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5036	VD-24879-16	Prednison 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5037	VD-25020-16	Prednison Caps	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5038	VD-25021-16	Prednison Caps	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5039	VD-22309-15	Prednison Domesco 5 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
5040	VD-20956-14	Prednisone 5mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5041	VD-27515-17	Predsantyl 16 mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5042	VD-27516-17	Predsantyl 4mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5043	VD-27541-17	Predstad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5044	VD-26317-17	Pregasv	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
5045	VD-15607-11	Prelone	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5046	VD-25975-16	Premilin 75mg	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5047	VD-19117-13	Prencoid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5048	VD-20739-14	Presdilon 0,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5049	VD-27630-17	Prevost	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
5050	VD-19966-13	Privagin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5051	VD-25898-16	Proavalo	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
5052	VD-23429-15	Prodinir-F	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5053	VD-19613-13	PROGASTIL 200	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5054	VD-20684-14	Projoint 750	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5055	VD-28025-17	Prololsavi 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5056	VD-19300-13	Promethazin	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
5057	VD-24422-16	Promethazin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5058	VD-25127-16	Promethazin	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5059	VD-27615-17	Promethazin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5060	VD-21392-14	Propranolol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5061	VD-23189-15	Protamol	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5062	VD-28430-17	Proxetin 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5063	VD-22202-15	Prozilin 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5064	VD-19666-13	Pruzena	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5065	VD-21922-14	PT - Pramezole	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
5066	VD-20740-14	PTU	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5067	VD-18800-13	PTU Thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5068	VD-25375-16	Pusadin plus	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5069	VD-23198-15	Pusadine	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5070	VD-27942-17	Putiyol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5071	VD-28481-17	Puyol	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5072	VD-22323-15	Puyol-100	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5073	VD-27714-17	PVP - Iodine 10%	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5074	VD-23736-15	PVP-IODINE 10%	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
5075	VD-24446-16	Pycalis 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5076	VD-24447-16	Pycaptin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5077	VD-25394-16	Pycip 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5078	VD-20507-14	Pycitil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5079	VD-20993-14	Pyclin 300	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5080	VD-26425-17	Pyclin 300	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5081	VD-21964-14	Pyclin 600	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5082	VD-26426-17	Pydrocef 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5083	VD-22614-15	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5084	VD-24448-16	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5085	VD-24449-16	Pyfaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5086	VD-23850-15	Pyfaclor 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5087	VD-26427-17	Pyfaclor Kid	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5088	VD-22607-15	Pyme ABZ400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5089	VD-23218-15	Pyme AM10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5090	VD-23219-15	Pyme AM5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5091	VD-26428-17	Pyme Am5 caps	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5092	VD-21444-14	Pyme CZ10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5093	VD-22608-15	Pyme Diapro MR	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5094	VD-20327-13	Pyme ETN400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5095	VD-19118-13	Pyme FUCAN	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5096	VD-21724-14	Pyme M-Predni	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5097	VD-26429-17	Pyme OM40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5098	VD-24450-16	PymeAZI 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5099	VD-20328-13	PymeCEZITEC	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5100	VD-24967-16	PymeClarocil 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5101	VD-27315-17	PymeClarocil 500	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5102	VD-25896-16	PymeFERON B9	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5103	VD-28303-17	Pymefovir	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5104	V14-H12-14	Pymeginmacton 120	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5105	VD-25395-16	PymeHyospan	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5106	VD-25396-16	Pymepelium	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5107	VD-28304-17	Pymeroxitil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5108	VD-22611-15	Pymeroxomil	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5109	VD-27645-17	Pyramet 800	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5110	VD-23605-15	Pyrazinamide 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
5111	VD-24414-16	Pyrazinamide 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5112	VD-23853-15	Pyvasart 160	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5113	VD-23854-15	Pyvasart 40	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5114	VD-23222-15	Pyvasart 80	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5115	VD-27316-17	Pyvasart HCT 80/12.5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5116	VD-26430-17	Pyzacar 25 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5117	VD-26431-17	Pyzacar 50 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5118	VD-27317-17	Pyzacar HCT 100/25mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5119	VD-26432-17	Pyzacar HCT 50/12,5mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5120	VD-20228-13	Qalyvit	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
5121	VD-27996-17	Qbicetam	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5122	VD-22996-15	Qbipharine	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5123	VD-27020-17	Qbisalic	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5124	VD-27021-17	Qbitriam	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5125	VD-22002-14	Q-mumasa baby	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
5126	VD-22997-15	Quafa-Azi 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5127	VD-22998-15	Quafa-Azi 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5128	VD-27997-17	Quafacip	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5129	VD-27999-17	Quanoopyl 400	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5130	VD-22208-15	Quanpanto	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5131	VD-24845-16	Quantopic 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5132	VD-19428-13	Quantopic 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5133	VS-4980-16	Queenlife	CÔNG TY CỔ PHẦN USPHARMA HÀ NỘI	Công ty Cổ phần US Pharma USA
5134	VD-19667-13	Queitoz - 200	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5135	VD-20077-13	Queitoz-50	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5136	VD-27529-17	Quetiapin Stada 100 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5137	VD-27530-17	Quetiapin Stada 200 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5138	VD-27531-17	Quetiapin Stada 25 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5139	VD-22612-15	Quinacar 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5140	VD-22613-15	Quinacar 5	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5141	VD-18466-13	Quincef 125	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5142	VD-20958-14	Quincef 125	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5143	VD-21433-14	Quincef 125mg/5ml	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5144	VD-20959-14	Quincef 250	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5145	VD-8197-09	Quincef 500	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5146	VD-23590-15	Quineril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5147	VD-28271-17	Quinine Sulphate 250mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5148	VD-27087-17	Quinrox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5149	VD-27088-17	Quinrox 400/40	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5150	VD-27076-17	Quinrox 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5151	VD-17553-12	Quinvonic 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5152	VD-23546-15	Rabe-G	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5153	VD-24754-16	Rabeprazol 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5154	VD-27905-17	Rabeprazole Sodium 20 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5155	VD-27001-17	Rabera 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5156	VD-23991-15	Rabestad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5157	VD-20543-14	Rabestad 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5158	VD-24997-16	Raceca 100mg	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5159	VD-24711-16	Racedagim 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5160	VD-18223-13	Racedagim 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5161	VD-24712-16	Racedagim 30	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5162	VD-18224-13	Racedagim IMP 100	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5163	VD-26888-17	Racediar 10	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5164	VD-27943-17	Racediar 30	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5165	VD-27715-17	Racesec	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5166	VD-27716-17	Racesec	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5167	VD-27717-17	Racesec	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5168	VD-19492-13	Radaugyl	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5169	VD-23922-15	Ragozax	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5170	VD-25771-16	Ramasav	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5171	VD-23591-15	Ramcamin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5172	VD-26179-17	Ramesun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5173	VD-26253-17	Ramifix 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5174	VD-26254-17	Ramifix 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5175	VD-21066-14	Ramitrez	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
5176	VD-19668-13	Ramitrez-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5177	VD-27448-17	Ramsey	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5178	VD-25535-16	Ranspon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5179	VD-28247-17	Raterel	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa
5180	VD-21067-14	Ravastel-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5181	VD-27449-17	Ravastel-20	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5182	VD-27450-17	Ravastel-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5183	VD-28574-17	Raxium 20	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
5184	VD-24178-16	Razolmed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5185	VD-18100-12	Razopral	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5186	VD-27761-17	Razxip	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5187	VD-27944-17	Reamemton 500	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5188	VD-28026-17	Rebamipide Invagen Sachets	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5189	VD-22928-15	Rebastric	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5190	VD-25559-16	Recolin	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5191	VD-18872-13	Record B Medlac	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
5192	VD-19338-13	Rectiofar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5193	VD-24931-16	Redgamax	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
5194	VD-18769-13	Redmol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5195	VD-22826-15	Rednison 5	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5196	VD-20685-14	Rednison N	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5197	VD-27806-17	Redomuc 30	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh
5198	VD-28482-17	Reinal	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5199	VD-25543-16	Relafen	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5200	VD-28593-17	Reliprone 250	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5201	VD-28594-17	Reliprone 500	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5202	VD-21655-14	Remint - S fort	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
5203	VD-18599-13	Remos Anti - Itch	Công ty trách nhiệm hữu hạn Rohto - mentholatum Việt Nam	Công ty trách nhiệm hữu hạn Rohto - mentholatum Việt Nam
5204	VD-25054-16	Remos IB	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
5205	VD-21646-14	Remucos	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
5206	VD-18724-13	Rensaid 200	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5207	VD-19351-13	Rensaid 400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5208	VD-24110-16	Repainlin	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5209	VD-23275-15	Repamax	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5210	VD-23276-15	Repamax 500	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5211	VD-27428-17	Repamax 650	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5212	VD-25440-16	Repamax daytime	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5213	VD-28012-17	Resbaté 300	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
5214	VD-24791-16	Respamxol 20	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5215	VD-26892-17	Restiva	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5216	VD-26443-17	Restoril 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5217	VD-26444-17	Restoril 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5218	VD-22693-15	Rethiodin	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
5219	VD-26227-17	Retrocytin 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5220	VD-24834-16	Retrozidin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5221	VD-18515-13	Return-90	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5222	VD-24029-15	Rexone 2g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5223	VD-22519-15	Rexoven 25	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5224	VD-22520-15	Rexoven 50	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5225	VD-18991-13	Re-zoom	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5226	VD-19941-13	Rezotum	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
5227	VD-21959-14	Rhaminas	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5228	VD-22752-15	Rhetanol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5229	VD-24090-16	Rhetanol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5230	VD-24091-16	Rhetanol - Day	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5231	VD-22753-15	Rhetanol Fort	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5232	VD-23085-15	Rhinex 0,05%	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
5233	VD-17840-12	Rhomatic 75	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5234	VD-16479-12	Rhomatic Gel	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5235	VD-26693-17	Rhomatic Gel a	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5236	VD-26228-17	Rhumacap 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5237	VD-27646-17	Rhumedol 150	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5238	VD-21379-14	Rhynixsol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5239	VD-25472-16	Ribanic 500	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5240	VD-24713-16	Ribatagin 400	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5241	VD-25046-16	Ribotacin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5242	VD-22079-15	Richaxan	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5243	VD-27007-17	Richcalusar	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
5244	VD-25758-16	Richcogen	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
5245	VD-22080-15	Richfenac 50mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
5246	VD-28738-18	Rilixetin	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
5247	VD-28739-18	Rilixetin	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera
5248	VD-25772-16	Rimezig	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5249	VD-19650-13	Rinedif	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc Tế	Công ty cổ phần Trust Farma Quốc Tế
5250	VD-22591-15	Ringer lactate	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
5251	VD-26180-17	Ripratine	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5252	VD-26889-17	Ripratine 5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5253	VD-18853-13	Risperstad 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5254	VD-18854-13	Risperstad 2	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5255	VD-21990-14	Rizax-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5256	VD-28013-17	Rmekol extra	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
5257	VD-17302-12	Robcefa	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
5258	VD-26640-17	ROBCENAT	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
5259	VD-25510-16	Robcetirizin	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5260	VD-25051-16	Robcipro	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5261	VD-22559-15	Robefil	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5262	VD-23395-15	Robfexo	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5263	VD-26445-17	Robinul 10	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5264	VD-26446-17	Robinul 20	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5265	VD-27339-17	Robinul 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5266	VD-23396-15	Roblotidin	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5267	VD-18707-13	Robmedril	CÔNG TY TNHH ROBINSON PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5268	VD-18708-13	Robmedril	CÔNG TY TNHH ROBINSON PHARMA USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5269	VD-21591-14	Robmelox	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5270	VD-24056-15	Robnadol	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5271	VD-25052-16	Robnadol	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5272	VD-18709-13	Robpredni	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
5273	VD-18710-13	Robpredni sweet	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
5274	VD-25053-16	Robvita C	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
5275	VD-23911-15	Rocetaf	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5276	VD-26890-17	Rocitriol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5277	VD-26775-17	Rocuronium-BFS	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
5278	VD-25281-16	Rodatif	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5279	VD-22501-15	Rofox 90	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5280	VD-24640-16	Rohto antibacterial	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
5281	VD-28600-17	Rohto cool	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
5282	VD-18949-13	Romcid	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5283	VD-20623-14	Romylid	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5284	VD-19997-13	Roseginal	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
5285	VD-28553-17	Rosenax 35	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5286	VD-25477-16	Rosenax 5	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5287	VD-28554-17	Rosenax 75	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5288	VD-21045-14	Rospimecin	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5289	VD-26390-17	Rossar Plus	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
5290	VD-20796-14	Rosulipid 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5291	VD-20797-14	Rosulipid 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5292	VD-24835-16	Rosuliptin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5293	VD-25026-16	Rosuvas Hasan 5	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5294	VD-28354-17	Rosuvastatin 10	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
5295	VD-26909-17	Rosuvastatin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
5296	VD-28355-17	Rosuvastatin 20	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
5297	VD-19690-13	Rosuvastatin STELLA 10 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5298	VD-19691-13	Rosuvastatin STELLA 20 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5299	VD-28191-17	Rotaforte	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5300	VD-27012-17	Roteki	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
5301	VD-19836-13	Rotinvast 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5302	VD-19837-13	Rotinvast 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5303	VD-26022-16	Rotundin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5304	VD-22598-15	Rotundin 30 mg	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5305	VD-19262-13	Rotundin - BVP	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5306	VD-21009-14	Rotundin - SPM (ODT)	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5307	VD-20120-13	Rotundin 30	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
5308	VD-22913-15	Rotundin 30	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
5309	VD-20121-13	Rotundin 60	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
5310	VD-20224-13	Rotundin 60	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
5311	VD-24509-16	Rousbevit	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5312	VD-26490-17	Roustadin	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5313	VD-20501-14	Rovabiotic	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5314	VD-22798-15	Rovagi 0,75	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5315	VD-22800-15	Rovagi 3	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5316	VD-18685-13	Rovahadin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5317	VD-25043-16	Rovajec	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5318	VD-22712-15	Rovalid 3.0	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5319	VD-23392-15	Rovapin	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5320	VD-21142-14	Rovas 0.75M	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5321	VD-21784-14	Rovas 1.5M	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
5322	VD-17658-12	Rovathepharm tab	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5323	VD-19301-13	Roxithromycin 150mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
5324	VD-25966-16	Roxithromycin 150mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5325	VD-20960-14	Roxithromycin 50mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5326	VD-18838-13	RoxyRVN	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5327	VD-26153-17	Royalgsv	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5328	VD-19815-13	Rozcime	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5329	VD-19263-13	Rubina 10	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5330	VD-19805-13	Rubina 20	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5331	VD-19998-13	Rudexen	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
5332	VD-22315-15	Rulid 150mg	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5333	VD-21012-14	Rumenadol	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5334	VD-18644-13	Rusdexpha 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5335	VD-18645-13	Rutin C	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5336	VD-20939-14	Rutin C	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5337	VD-18686-13	Rutin Vitamin C - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5338	VD-27555-17	Rutin-C	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
5339	VD-25059-16	Rutin-Vitamin C	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5340	VD-28595-17	Rvlevo 750	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5341	VD-26612-17	RV-Nevilol 2,5	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5342	VD-27451-17	Ryzonal	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5343	VD-28201-17	Sacendol 150	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5344	VD-28202-17	Sacendol 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5345	VD-23748-15	Sacendol E	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5346	VD-24916-16	Sachenyst	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5347	VD-21984-14	Safena	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5348	VD-24777-16	Safetamol120	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5349	VD-25181-16	Safetamol250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5350	VD-27832-17	Safoli	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
5351	VD-21944-14	Saforliv	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
5352	VD-21498-14	Sagolair	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
5353	VD-24535-16	Sagolium-M	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
5354	VD-27482-17	Sagomec	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn tại tỉnh Bình Dương
5355	VD-27483-17	Sagophytol	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn tại tỉnh Bình Dương
5356	VD-23297-15	Sagotifed	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5357	VD-25526-16	Saihasin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5358	VD-22973-15	Salbucare	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5359	VD-18690-13	Salbumol 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9
5360	VD-26536-17	Salbutamol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5361	VD-26622-17	Salbutamol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5362	VD-18454-13	Salbuthepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5363	VD-28483-17	Salgad	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5364	VD-24193-16	Salicylic 5%	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5365	VD-22387-15	Salonpas	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
5366	VD-12687-10	Salonpas gel	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
5367	VD-28644-17	Salonpas Liniment	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
5368	VD-18885-13	Salonpas pain relief patch	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
5369	VD-28645-17	Salonsip gel-patch	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hisamitsu Việt Nam.
5370	VD-22352-15	Salostad Gel	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5371	VD-28351-17	Salybet	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
5372	VD-22126-15	Salymet	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5373	VD-22990-15	Sanroza	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh I
5374	VD-18731-13	Sansvigyl	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5375	VD-24460-16	SAPIDONE	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5376	VD-26028-16	SARA	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
5377	VD-28619-17	Sara for children	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
5378	VD-28210-17	Saranin	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
5379	VD-28027-17	Sartan/HCTZ	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5380	VD-28028-17	Sartan/HCTZ Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5381	VD-20798-14	Sartanpo	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5382	VD-22203-15	Sartanpo 25	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5383	VD-25756-16	Sartanpo plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5384	VD-24250-16	Sartanzide Plus 80/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5385	VD-25883-16	Sắt (II) Oxalat	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5386	VD-18801-13	Satavit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5387	VD-22622-15	Sathom	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
5388	VD-22623-15	Sathom	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
5389	VD-28029-17	Savdiaride 2	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5390	VD-28681-18	SaVi 3B	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5391	VD-24268-16	SaVi Acarbose 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5392	VD-28030-17	SaVi Acarbose 25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5393	VD-24850-16	SaVi Albendazol 200	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5394	VD-25266-16	SaVi Alendronate	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5395	VD-26255-17	SaVi Alendronate forte	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5396	VD-25267-16	SaVi Allopurinol	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5397	VD-23004-15	SaVi Candesartan 8	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5398	VD-26256-17	Savi Carvedilol 12.5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5399	VD-26257-17	Savi Celecoxib	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5400	VD-25773-16	SaVi Colchicine 1	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5401	VD-24269-16	SaVi Day	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5402	VD-25774-16	SaVi Deferipron 250	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5403	VD-24270-16	SaVi Deferipron 500	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5404	VD-28031-17	SaVi Ebastin 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5405	VD-24851-16	SaVi Eprosartan 400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5406	VD-28032-17	SaVi Esomeprazole 40	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5407	VD-25268-16	SaVi Etoricoxib 30	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5408	VD-27047-17	SaVi Fluvastatin 40	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5409	VD-28033-17	SaVi Gemfibrozil 600	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5410	VD-28034-17	SaVi Irbesartan 75	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5411	VD-23655-15	SaVi Lamotrigine	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5412	VD-24852-16	SaVi Lisinopril 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5413	VD-27048-17	SaVi Losartan 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5414	VD-28035-17	SaVi Montelukast 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5415	VD-27049-17	SaVi Olanzapine 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5416	VD-28036-17	SaVi Quetiapine 200	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5417	VD-28037-17	SaVi Rabeprazole 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5418	VD-27050-17	SaVi Rosuvastatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5419	VD-28038-17	SaVi Rosuvastatin 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5420	VD-28039-17	SaVi Sertraline 50	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5421	VD-26258-17	SaVi Telmisartan 80	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5422	VD-19002-13	SaVi Trimetazidine 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
5423	VD-25269-16	SaVi Valsartan 160	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5424	VD-22513-15	SaVi Valsartan 80	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5425	VD-27051-17	SaVi Valsartan HCT 160/25	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5426	VD-23014-15	SaVi●Toux 600	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5427	VD-27052-17	SaViAlben 400	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5428	VD-26259-17	SaViAlvic	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5429	VD-20249-13	SaViBroxol 30	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5430	VD-24853-16	SaViCertiryl	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5431	VD-24854-16	SaViDimin	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5432	VD-18346-13	SaViDirein 50	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
5433	VD-26260-17	SaViDopril Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5434	VD-28041-17	SaViDrinate	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5435	VD-28040-17	SaViEto 300	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5436	VD-25271-16	SaViKeto	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5437	VD-25272-16	SaViLomef	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5438	VD-24855-16	SaViPamol 500	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5439	VD-25273-16	SaViPamol Day	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5440	VD-25274-16	SaViPamol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5441	VD-17949-12	SaViPamol Extra 500	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)
5442	VD-21894-14	SaViPamol Plus	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5443	VD-24275-16	SaViPiride 4	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5444	VD-24276-16	SaViProlol 2,5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5445	VD-23013-15	SaViRisone 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5446	VD-24194-16	Savisang60	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5447	VD-25270-16	SaViTopril	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5448	VD-23009-15	SaViUrso 300	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5449	VD-28042-17	Savoze	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5450	VD-22676-15	Scanax 500	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5451	VD-22677-15	Scanneuron	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5452	VD-22013-14	Scanneuron-Forte	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5453	VD-26433-17	SCD Cefaclor 250mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5454	VD-27318-17	SCD Cefradine 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5455	VD-19718-13	Sciomir	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
5456	VD-18130-12	Scubig	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5457	VD-20830-14	Seabibol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5458	VD-19604-13	Seacalci	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5459	VD-20498-14	Seatrimaxi	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5460	VD-21010-14	Secnidaz	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5461	VD-22754-15	Secrogyl	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5462	VD-20744-14	Sedachor	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
5463	VD-27718-17	Sedangen	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5464	VD-27089-17	Sedupam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5465	VD-26194-17	Sefonramid 0,5 g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
5466	VD-23745-15	Seftra 325	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5467	VD-22818-15	Sefutin 1.5M	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
5468	VD-22819-15	Sefutin 3M	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
5469	VD-19786-13	SELMIKRONS	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
5470	VD-23223-15	Semiflit 60	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5471	VD-20080-13	Séné - Sagopha	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
5472	VD-26910-17	Senitram 0,5g/0,25g	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
5473	VD-25776-16	Senwar 1	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5474	VD-25777-16	Senwar 2	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5475	VD-25778-16	Senwar 5	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5476	VD-21972-14	Sepratis	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5477	VD-26503-17	Sernal	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5478	VD-26504-17	Sernal-4	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5479	VS-4889-14	SESAX	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5480	VD-18955-13	Setblood	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5481	VD-21116-14	Sezstad 10	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5482	VD-19670-13	Shakes	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5483	VD-24536-16	Shinapril	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5484	VD-25465-16	Shinapril	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5485	VD-17754-12	Shinclop	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5486	VS-4960-16	Shining	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5487	VD-26516-17	Shinpoong Berazol	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5488	VD-26517-17	Shinpoong Cristan	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5489	VD-21761-14	Shinpoong Gentri-sone	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5490	VD-23301-15	Shinpoong Rosiden	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5491	VD-18526-13	Shinpoong Rosiden S	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5492	VD-19680-13	Shintovas	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5493	VD-19681-13	Shintovas	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5494	VD-26046-17	Sibetinic	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5495	VD-28610-17	Sibetinic 10	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dược Phẩm NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5496	VD-18893-13	Sibifil 50	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5497	VD-22385-15	Sibucap	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5498	VD-25246-16	Sibulight	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5499	VD-22502-15	Sibutra	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5500	VD-22107-15	Sicongast	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
5501	VD-27532-17	Sifstad 0,18	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5502	VD-27533-17	Sifstad 0,7	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5503	VD-28196-17	Sihiron	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5504	VD-22108-15	Sildenafil	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5505	VD-28081-17	Sildenafil	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
5506	VD-23923-15	Silpasrine	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5507	VD-27002-17	Silverzinc 50	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5508	VD-24354-16	Silymax	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5509	VD-26340-17	Silymax Complex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5510	VD-27202-17	Silymax-F	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5511	VD-25431-16	Simacone	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
5512	VD-23858-15	Simavas 10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5513	VD-25897-16	Simavas 10	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5514	VD-24451-16	Simavas 20	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5515	VD-20191-13	Simelox	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5516	VD-23953-15	Simenic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5517	VD-25078-16	Simenta	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5518	VD-27921-17	Simethicon	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
5519	VD-25473-16	Simguline	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5520	VD-28555-17	Simhasan 10	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5521	VD-28556-17	Simhasan 20	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5522	VD-27551-17	Simrotes 20mg	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
5523	VD-17756-12	Simterol	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5524	VD-20366-13	Simterol - 20 mg	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5525	VD-24152-16	Simtorvpc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5526	VD-25144-16	Simvasboston 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam
5527	VD-23548-15	Simvastatin 10 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5528	VD-23549-15	Simvastatin 20 Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5529	VD-25275-16	Simvastatin Savi 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5530	VD-26568-17	Simvastatin Stada 10 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5531	VD-24251-16	Simvatin 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5532	VD-24252-16	Simvatin 20	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5533	VD-22788-15	Simze	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5534	VD-22112-15	Simze plus	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5535	VD-22193-15	Sinarest 10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5536	VD-25319-16	Sinbre	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế
5537	VD-25158-16	Sindirex	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5538	VD-27003-17	Sinlumont 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5539	VD-28408-17	Sintason 100	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
5540	VD-28409-17	Sintason 200	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
5541	VD-14672-11	Sintasone	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5542	VD-23912-15	Sinuflex	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5543	VD-25942-16	Sinuflex P	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
5544	VD-21991-14	Siqueira	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5545	VD-24095-16	Sirnakarang	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
5546	VD-25098-16	Sirnakarang F	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh
5547	VD-27693-17	Siro Atdoncam Syrup	Công ty cổ phần dược ATM	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh
5548	VD-23191-15	Sirô ho Antituss Plus	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5549	VD-21977-14	Siro ho bổ phổi	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
5550	VD-24896-16	Siro ho Haspan	Công ty cổ phần dược phẩm Vian	Nhà máy HDPharma EU - Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương
5551	VD-24403-16	Sirô ho Thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa
5552	VD-27104-17	Siro ho TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
5553	VD-21199-14	Siro Snapcef	Công ty cổ phần dược ATM	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5554	VD-28274-17	Sitavia 100	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
5555	VD-28275-17	Sitavia 50	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
5556	VD-25682-16	Sitrizol	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
5557	VD-19588-13	Siurkon	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5558	VD-22075-14	Sixfitol	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5559	VD-25714-16	Sizecin	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5560	VD-27988-17	SKDOL FORT	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
5561	VD-28043-17	Slandom 8	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5562	VD-28596-17	Slimgar 120	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5563	VD-28597-17	Slimgar 60	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5564	VD-26603-17	Slocol	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
5565	VD-26181-17	Smabelol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5566	VD-27687-17	Smail	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
5567	VD-28093-17	Smaxlatin - 10	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
5568	VD-28094-17	Smaxlatin - 60	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
5569	VD-19645-13	Smec - Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5570	VD-27989-17	Smodir-DT	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
5571	VD-25884-16	Smpendtilux	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5572	VD-27433-17	Snowclear	Công ty cổ phần kỹ thuật VTP Á Châu	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
5573	VD-27419-17	Sodilena 400	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5574	VD-19839-13	Sodinir 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
5575	VD-23192-15	Sodium Chloride 0,45% & Dextrose 5%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5576	VD-24415-16	Sodium Chloride 0,9%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5577	VD-20319-13	Sodium Chloride 10%	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5578	VD-25372-16	Sodium chloride 3%	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5579	VD-28652-18	Sodtux	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Công ty cổ phần 23 tháng 9
5580	VD-23131-15	Softtakan	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
5581	VD-19926-13	Soladeno 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5582	VD-19420-13	Soladeno 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5583	VD-19421-13	Soladeno 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5584	VD-23777-15	Soli - Medon 125	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5585	VD-23144-15	Soli - medon 16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5586	VD-23145-15	Soli - medon 4	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5587	VD-23146-15	Soli-medon 40	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5588	VD-19233-13	Solmux TL	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
5589	VD-28616-17	Solopredni	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5590	VD-26830-17	Solufemo	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5591	VD-18802-13	Soluthepharm 16	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5592	VD-18803-13	Soluthepharm 4	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5593	VD-20905-14	Sorbitol	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5594	VD-22755-15	Sorbitol	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5595	VD-23477-15	Sorbitol	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
5596	VD-23533-15	Sorbitol	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
5597	VD-23749-15	Sorbitol	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5598	VD-27420-17	Sorbitol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5599	VD-18005-12	Sorbitol 3%	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
5600	VD-23795-15	Sorbitol 3,3%	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
5601	VD-18457-13	Sorbitol 5	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5602	VD-21143-14	Sorbitol 5g	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5603	VD-21380-14	Sorbitol 5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5604	VD-25582-16	Sorbitol 5g	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
5605	VD-22014-14	Sorbitol STELLA 5 g	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5606	VD-20657-14	Soruxim 125	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
5607	VD-20658-14	Soruxim 250	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
5608	VD-20659-14	Soruxim 500	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
5609	VD-26100-17	Sos Mectin-3	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5610	VD-27778-17	Sosallergy	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5611	VD-27779-17	Sosallergy	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5612	VD-24123-16	SOSCOUGH	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5613	VD-27780-17	Sosdol Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5614	VD-27781-17	Soshydra	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5615	VD-27782-17	Soslac G3	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5616	VD-26740-17	Sosnam	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5617	VD-26103-17	Sosvomit 4 ODT	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
5618	VD-28006-17	Sotragan	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
5619	VD-18101-12	Souzal	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5620	VD-26261-17	Sovalimus 0,03%	Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5621	VD-21616-14	Sovalimus 0,1%	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5622	VD-28045-17	Sovasol	Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5623	VD-27016-17	SOVEGAL	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1
5624	VD-26388-17	Sovepred	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5625	VD-25958-16	SP Ambroxol	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5626	VD-18104-12	SP Edonal	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5627	VD-18847-13	SP Extream	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5628	VD-20537-14	SP Lerdipin	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5629	VD-28508-17	Spamerin	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5630	VD-25192-16	Sparenil	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5631	VD-27906-17	Sparenil 60	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5632	VD-17379-12	Spas- Agi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm
5633	VD-22548-15	Spasdipyrin	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
5634	VD-19831-13	Spasless	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5635	VD-23318-15	Spaspyzin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5636	VD-19801-13	Spasrincaps	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
5637	VD-21800-14	Spassarin	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
5638	VD-17578-12	Spasticon	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5639	VD-21393-14	Spasticon	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5640	VD-22434-15	Spaswell	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5641	VD-18571-13	Spectimed	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy
5642	VD-22452-15	Sperifar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5643	VD-25599-16	Spibiotic 1,5 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5644	VD-25111-16	Spibiotic 3 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5645	VD-20583-14	SpiraDHG 1,5M	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
5646	VD-18218-13	Spiramicin 0,750 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5647	VD-21681-14	Spiramox 1.5 MIU	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5648	VD-22756-15	Spiramycin 1,5 M. IU	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5649	VD-19561-13	Spiramycin 1,5 M.I.U	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5650	VD-23696-15	Spiramycin 1.500.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5651	VD-22701-15	Spiramycin 1.5M	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5652	VD-22099-15	Spiramycin 3 M. IU	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5653	VD-24547-16	Spiramycin 3 M.I.U	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5654	VD-23697-15	Spiramycin 3.000.000I.U	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5655	VD-22254-15	Spiramycin 3M.I.U	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5656	VD-26349-17	Spiramycin 3M.I.U	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
5657	VD-23319-15	Spiramycin 750.000 I.U	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5658	VD-24253-16	Spiranisol	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5659	VD-24254-16	Spiranisol forte	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5660	VD-26577-17	Spirastad 1,5 M.I.U	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5661	VD-28562-17	Spirastad Plus	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5662	VD-22336-15	Spirbera	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5663	VD-22337-15	Spirbera	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5664	VD-28520-17	SPLozarsin plus	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
5665	VD-28241-17	Spobavas 3MIU	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5666	VD-22930-15	Spydmax 1.5 M.IU	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5667	VD-23478-15	Srinron	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
5668	VD-19960-13	Stacetam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5669	VD-19480-13	Stacetam 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5670	VD-28559-17	Staclazide 30 MR	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5671	VD-20374-13	Stacytine 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5672	VD-22667-15	Stacytine 200 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5673	VD-26578-17	Stadasone 4	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5674	VD-27542-17	Stadeltine	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5675	VD-24574-16	Stadeurax	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5676	VD-20128-13	Stadexmin	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5677	VD-23363-15	Stadgentri	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5678	VD-27543-17	Stadleucin	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5679	VD-25555-16	Stadloric 100	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5680	VD-22678-15	Stadloric 200	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5681	VD-22345-15	Stadnex 20 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5682	VD-22670-15	Stadnex 40 CAP	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5683	VD-23963-15	Stadnolol 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5684	VD-25028-16	Stadpizide 50	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5685	VD-25482-16	Stadsidon 20	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5686	VD-21109-14	Stadxicam 7.5	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5687	VD-25870-16	Stagerin	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5688	VD-24786-16	Standacillin 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5689	VD-18183-13	Stanmece	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
5690	VD-22503-15	Star cough relief	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5691	VD-28007-17	Staragan	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
5692	VD-21301-14	Stasamin	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5693	VD-25508-16	Statalli	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
5694	VD-25128-16	Statinagi 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5695	VD-23490-15	Statinagi 20	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5696	VD-20072-13	Statinrosu 10	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5697	VD-19646-13	Statinrosu 20	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5698	VD-21117-14	Statripsine	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5699	VD-28044-17	Sterolow 20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
5700	VD-26434-17	Sticolic 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5701	VD-26508-17	Stigiron	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5702	VD-21083-14	Stiprol	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5703	VD-27452-17	Stogurad	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5704	VD-26786-17	Stomafar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5705	VD-20034-13	Stomalugel P	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5706	VD-19615-13	Stomex	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5707	VD-15830-11	Streptomycin	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco
5708	VD-19927-13	Stresnyl 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5709	VD-19422-13	Stresnyl 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5710	VD-19423-13	Stresnyl 400	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5711	VD-23405-15	Stromectin 6mg	Công ty TNHH Shine Pharma	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
5712	VD-20962-14	Stroseca	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5713	VD-20842-14	Strychnin sulfat 1 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5714	VD-27014-17	Stufort Cap	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5715	VD-28569-17	Sufat gel	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
5716	VD-22222-15	Sulamcin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
5717	VD-28280-17	Sulfadiazin bạc	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5718	VD-17131-12	Sulfaprim	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5719	VD-18274-13	Sulfar	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
5720	VD-26690-17	Sulfareptol 480	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
5721	VD-25096-16	Sulfareptol 960	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
5722	VD-25967-16	Sulficin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5723	VD-25951-16	Sullivan	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5724	VD-20078-13	Sullivan-400	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5725	VD-22730-15	Sulmuk	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5726	VD-20652-14	Sulpirid	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5727	VD-18907-13	Sulpirid 200 mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
5728	VD-21260-14	Sulpirid 50	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5729	VD-20478-14	Sulpirid 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5730	VD-26682-17	Sulpirid 50mg	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
5731	VD-24316-16	Sulpiride	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5732	VD-26623-17	Sulpiride	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5733	VD-24217-16	Sulpiride 50 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5734	VD-25617-16	Sulpragi	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5735	VD-22285-15	Sulraapix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5736	VD-18467-13	Sumakin	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5737	VD-28710-18	Sumakin 1g	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5738	VD-23193-15	Sumakin 250/125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5739	VD-23194-15	Sumakin 500/125	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5740	VD-20320-13	Sumakin 750	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
5741	VD-24953-16	Sumatriptan MKP 50	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5742	VD-22974-15	Sumitrex	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5743	VD-26691-17	Sunapred	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
5744	VD-27593-17	Sunbakant 10	Công ty TNHH Sunny Inter Pharma	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
5745	V194-H12-13	Suncurmin	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
5746	VD-27266-17	Sunewtam 1g	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5747	VD-21826-14	Sunewtam 2g	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
5748	VD-27203-17	Superkan	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5749	VD-28174-17	Superkan 120	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5750	VD-23491-15	Supertrim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5751	VD-21367-14	Supevastin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
5752	VD-24294-16	Supevastin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5753	VD-24841-16	Supodatin	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông
5754	VD-18701-13	Supoxim 200	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi
5755	VD-26358-17	Supvid3	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
5756	VD-23493-15	Sutagran 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
5757	VD-20528-14	Sutra	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5758	VD-25247-16	Sutriptan 25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5759	VD-21882-14	Sutriptan 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5760	VD-23787-15	Suxathepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5761	VD-22889-15	Syfazin	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
5762	VD-26862-17	Synerbone	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
5763	VD-25905-16	Syseye	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
5764	VD-27647-17	Tabracef 125	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5765	VD-27978-17	Tacalzem	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5766	VD-24057-15	Tacerax 125 mg	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
5767	VD-22706-15	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5768	VD-23408-15	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5769	VD-27616-17	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5770	VD-27617-17	Tacodolgen	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5771	VD-19799-13	Tadalafil 20mg	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Phú Thọ tại Hà Nội	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
5772	VD-25483-16	Tadalafil STELLA 20 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5773	VD-21041-14	Tadaxan	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5774	VD-21474-14	Tadaxan	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5775	VD-22742-15	Tadimax	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
5776	VD-28053-17	Tafuito	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5777	VD-27421-17	Tafuvol	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
5778	VD-24548-16	Tagaxmin 500	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5779	VD-25571-16	Tagimex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5780	VD-23470-15	Taginba	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
5781	VD-24954-16	Taginko	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
5782	VD-20408-14	Talefil 20	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5783	VD-27688-17	Taleva	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5784	VD-26391-17	Talmain	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
5785	V184-H02-19	Tam thất Bông Sen Vàng	Công ty cổ phần Dược liệu Bông Sen Vàng	Công ty cổ phần Dược liệu Bông Sen Vàng
5786	VD-24513-16	Tam thất bột Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng	Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng
5787	VD-18325-13	Tam thất OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
5788	GC-246-16	Tamisynt 500mg	(Cơ sở đặt gia công): Công ty Medochemie Ltd	(Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)
5789	VD-22348-15	Tamsustad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5790	VD-26023-16	Tanacelest	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5791	VD-27618-17	Tanacelest	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5792	VD-22707-15	Tanacodion	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5793	VD-24649-16	TanacotrimF	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5794	VD-25060-16	Tanadotuxsin	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5795	VD-22053-14	Tanadotuxsin-F	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5796	VD-25514-16	Tanafadol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5797	VD-26024-16	Tanafadol 325	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5798	VD-23409-15	Tanaflatyl	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5799	VD-25061-16	Tanamaloxy	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5800	VD-26624-17	Tanametrol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5801	VD-27619-17	Tanametrol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5802	VD-23410-15	Tana-nasidon	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5803	VD-26626-17	Tanarhunamol-flu	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5804	VD-22709-15	Tanasolene	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5805	VD-24919-16	Tangelan	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5806	VD-19245-13	Tanponai 500 mg	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần Dược Đồng Nai.
5807	VD-21809-14	Tanponai 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
5808	VD-28440-17	Taphenplus 325	Công ty TNHH dịch vụ y tế Hưng Thành	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
5809	VD-28441-17	Taphenplus 500	Công ty TNHH dịch vụ y tế Hưng Thành	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
5810	VD-22859-15	Targetan	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5811	VD-25937-16	Targinos 400	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
5812	VD-26831-17	Tarvieyes	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5813	VD-22286-15	Tataca	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5814	VD-23859-15	Tatanol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5815	VD-25397-16	Tatanol	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5816	VD-25398-16	Tatanol caps	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5817	VD-23861-15	Tatanol Children	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5818	VD-23229-15	Tatanol nhức mỏi	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5819	VD-22615-15	Tatanol Plus	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5820	VD-25399-16	Tatanol trẻ em	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5821	VD-19595-13	Tatanol Ultra	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5822	VD-28305-17	Tatanol Ultra	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5823	VD-19008-13	Taxibiotic 2000 (Đã được đổi tên thành Cefotaxime 2000" theo CV 3289/QLD-ĐK 25/04/2022)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5824	VD-20363-13	Tazilex-F	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5825	VD-28657-18	Tebunesin	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
5826	VD-25466-16	Techepa	Công ty TNHH dược phẩm Thiên Minh	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5827	VD-28560-17	Tefostad 300	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5828	VD-23982-15	Tefostad T300	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5829	VD-24622-16	Teginol 50	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5830	VD-27453-17	Tegrucil-1	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
5831	VD-25455-16	Tegrucil-4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú
5832	VD-20351-13	Telanhis	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5833	VD-27322-17	Telfast BD	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam
5834	VD-28324-17	Telfast HD	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam
5835	VD-26009-16	Telfor 120	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5836	VD-25504-16	Telfor 180	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
5837	VD-26604-17	Telfor 60	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
5838	VD-27498-17	Telgate 120	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5839	VD-24549-16	Telgate 180	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5840	VD-19045-13	Telmisartan	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5841	VD-28729-18	Telmisartan	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
5842	VD-25661-16	Telmisartan 20 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
5843	VD-27841-17	Telmisartan 40	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5844	VD-24746-16	Telmisartan 80 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
5845	VD-22679-15	Telmisartan Stada 40 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm – Chi nhánh 1
5846	VD-26569-17	Telmisartan Stada 40 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
5847	VD-23345-15	Telmisartan Stada 80 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5848	VD-25484-16	Telmisartan STELLA 80 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
5849	VD-23411-15	Telyniol	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5850	VD-23593-15	Telzid 80/12.5	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5851	VD-25575-16	Temacip 300	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5852	VD-23821-15	Tenaclor 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5853	VD-25885-16	Tenadroxil 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5854	VD-23822-15	Tenafalexin 250	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5855	VD-23823-15	Tenafalexin 500	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5856	VD-28682-18	Tenafathin 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5857	VD-23019-15	Tenafotin 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5858	VD-19445-13	Tenamyd-cefotaxime 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5859	VD-19449-13	Tenamyd-Ceftriaxone 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5860	VD-19451-13	Tenamyd-ceftriaxone 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5861	VD-19453-13	Tenamyd-Cefuroxime 1500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
5862	VD-23199-15	Tenamydgel SM	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5863	VD-22560-15	Tenaspec	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5864	VD-23422-15	TENCO	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
5865	VD-17403-12	Tendipoxim 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5866	VD-21633-14	Tendipoxim 100	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5867	VD-17897-12	Tendipoxim 200	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5868	VD-18267-13	Tendipoxim 50	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5869	VD-18268-13	Tendirazol	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
5870	VD-28509-17	Tenecand HCTZ 16/12,5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5871	VD-27474-17	Tenecand HCTZ 32/12.5	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5872	VD-18516-13	Tenofovir	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5873	VD-28302-17	Tenofovir STADA 300 mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5874	VD-22204-15	Tenolan 50	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
5875	VD-22342-15	Tenonic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5876	VD-25474-16	Tenonic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5877	VD-18260-13	Tenoxicam Boston	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
5878	VD-28510-17	Tensodoz 2	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5879	VD-28511-17	Tensodoz 4	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
5880	VD-28512-17	Tensodoz 8	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5881	VD-23365-15	Terbinafine STELLA Cream 1%	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
5882	VD-20122-13	Tercodin	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
5883	VD-18924-13	Terfelic B9	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5884	VD-19309-13	Terfelic F	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5885	VD-20018-13	Terpin - Codein	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
5886	VD-19289-13	Terpin benzoat	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
5887	VD-19562-13	Terpin benzoat	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5888	VD-27842-17	Terpin Codein 15	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
5889	VD-23320-15	Terpin Goledin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5890	VD-19106-13	Terpin hydrat	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hoá dược Việt Nam
5891	VD-28563-17	Terpin Stada	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
5892	VD-5775-08	Terpincodein	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
5893	VD-18391-13	Terpincodein- F	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
5894	VD-27620-17	Terpincods	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5895	VD-24367-16	Terpinon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
5896	VD-24335-16	Terpinzoat	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5897	VD-27004-17	Tertobin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
5898	VD-22000-14	Terzy New	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5899	VD-26893-17	Tesafu	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5900	VD-19935-13	Tesimald	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI (Savipharm J.S.C).
5901	VD-22393-15	Testosterone	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
5902	VD-19589-13	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5903	VD-23789-15	Tetracyclin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5904	VD-24550-16	Tetracyclin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5905	VD-26000-16	Tetracyclin	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
5906	VD-24846-16	Tetracyclin 1%	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
5907	VD-26395-17	Tetracyclin 1%	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5908	VD-19984-13	Tetracyclin 250	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
5909	VD-20928-14	Tetracyclin 250 mg	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
5910	VD-22432-15	Tetracyclin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
5911	VD-22538-15	Tetracyclin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5912	VD-25307-16	Tetracyclin TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
5913	VD-28109-17	Tetracyclin TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
5914	VD-22630-15	Tezkin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
5915	VD-22631-15	Tezkin	Công ty CPDP Gia Nguyễn	Công ty CPDP Gia Nguyễn
5916	VD-25907-16	Thanh bình	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
5917	VD-24399-16	Thebymon	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5918	VD-28248-17	Theclaxim Tab	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5919	VD-20940-14	Thecoxi	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5920	VD-20941-14	Thefycold	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5921	VD-21095-14	Thegalin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
5922	VD-20307-13	Thekacin	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5923	VD-26708-17	Thekatadexan	Công ty cổ phần Dược Khoa	Công ty cổ phần Dược Khoa
5924	VD-24578-16	Thekati	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
5925	VD-26832-17	Thekati	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5926	VD-24788-16	Thelizin	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
5927	VD-17021-12	Thémaxtene	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
5928	VD-26642-17	Themogene	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
5929	VD-23453-15	Thenadin	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5930	VD-17661-12	Thepacol - Extra	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5931	VD-26372-17	Thepacol 120	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5932	VD-17662-12	Thephamox	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5933	VD-21429-14	Thephavit	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5934	VD-21394-14	Theratussine 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
5935	VD-20942-14	Theresol	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5936	VD-24943-16	Therodol	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5937	VD-21947-14	Thexamix	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5938	VD-26373-17	Thexamix	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5939	VD-17663-12	Thezyung	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
5940	VD-21563-14	Thiochicod 4 mg	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ phần US Pharma USA
5941	VD-22372-15	Thiochicod 8 mg	Công ty TNHH Nhân Sinh	Công ty Cổ Phần US Pharma USA
5942	VD-27691-17	Thioheal 600	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
5943	VD-27246-17	Thông huyết tiêu nề DHD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
5944	VD-22931-15	Thrombusal	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
5945	VS-4942-16	Thuốc đỏ 1%	Công ty TNHH dược phẩm Sài Gòn	Chi nhánh công ty Dược phẩm Sài Gòn tại Bình Dương
5946	VS-4970-16	Thuốc đỏ 1%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5947	V180-H02-19	Thuốc ho Bách bộ	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương	Cơ sở sản xuất thuốc Y học cổ truyền Bảo Phương
5948	VD-28442-17	Thuốc ho bách bộ P/H	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng
5949	VD-23461-15	Thuốc ho bổ phế	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
5950	VD-25224-16	Thuốc ho người lớn OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
5951	VD-24238-16	Thuốc ho trẻ em OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5952	VD-20364-13	Thuốc mỡ Tacropic	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
5953	VD-27863-17	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
5954	VD-17833-12	Thuốc nhỏ mắt-mũi Natri clorid 0,9%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
5955	VS-4971-16	Thuốc nước D.E.P	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5956	VD-26961-17	Thuốc rơ miệng Nyst	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
5957	VD-26541-17	Thuốc rửa phụ khoa Meseptic	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
5958	VD-20741-14	Thuốc tẩy giun Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5959	VD-21304-14	Thuốc tẩy giun Albendazol 400mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5960	VS-4927-16	Thuốc tím	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
5961	VD-20777-14	Thuốc trị sỏi thận KIM TIỀN THẢO	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
5962	VD-24817-16	Thuốc trị sỏi thận Kim tiền thảo	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
5963	VD-21740-14	Thuốc trị viêm gan - tiêu độc Livbilnic	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
5964	VD-19264-13	Thuốc xịt miệng Mangoherpin DM	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
5965	V128-H12-13	Thuốc xịt mũi Thái Dương	Công ty CP Sao Thái Dương	Chi nhánh công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
5966	VD-19954-13	Thyfacin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5967	VD-18421-13	Thylmedi 16 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
5968	VD-26833-17	Thyperopa forte	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
5969	VD-27216-17	Thysedow 10 mg	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
5970	VD-25333-16	Thysedow 5 mg	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5971	VD-12939-10	Thytodux	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3.
5972	VD-28306-17	Tiafo 1 g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
5973	VD-26272-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5974	VD-26273-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5975	VD-26274-17	Tiamenol	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5976	VD-26275-17	Tiamesolon 16	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5977	VD-28054-17	Tiamesolon 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5978	VD-25782-16	Tiamoxicilin 250	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
5979	VD-20843-14	Tibandex	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5980	VD-24650-16	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5981	VD-24651-16	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5982	VD-25062-16	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5983	VD-27621-17	Tidacotrim	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
5984	VD-19961-13	Tidicoba	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
5985	VD-25334-16	Tidipluxin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
5986	VD-19240-13	Tidosir	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
5987	VD-28620-17	Tiffy syrup	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam
5988	VD-27090-17	Tigercef 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
5989	VD-18811-13	Tilcipro	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
5990	VD-22666-15	Tilhazem 60	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
5991	VD-27341-17	Timmak	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
5992	VD-24234-16	Timolol 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
5993	VD-26085-17	Timolol 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
5994	VD-27864-17	Tinfomuc 100	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
5995	VD-26794-17	Tinforova 1,5 M.I.U	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
5996	VD-26795-17	Tinfoten 180	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
5997	VD-26796-17	Tinfoten 60	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
5998	VD-27865-17	Tinfozol	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
5999	VD-24764-16	Tinidamed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed
6000	VD-22177-15	Tinidazol	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6001	VD-25022-16	Tinidazol	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6002	VD-24623-16	Tinidazol 500	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang.
6003	VD-25432-16	Tinidazol 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6004	VD-18194-13	Tinidazol HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6005	VD-19570-13	Tinidazol Kabi	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
6006	VD-23639-15	Tinifast 60	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6007	VD-25413-16	Tiotrazole	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên
6008	VD-26537-17	Tipfine	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6009	VD-28055-17	Tiphacetam 800	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6010	VD-28056-17	Tiphacold	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6011	VD-28057-17	Tiphadocef 100	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6012	VD-28058-17	Tiphadocef 200	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6013	VD-28059-17	Tiphadol 150	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6014	VD-28060-17	Tiphadol 250	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6015	VD-18355-13	Tiphadol 325	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6016	VD-20821-14	Tiphadol 500	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6017	VD-17535-12	Tiphadol 650	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6018	VD-28061-17	Tiphafast 180	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6019	VD-21897-14	Tiphaneuron	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6020	VD-23032-15	Tiphapred 5	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6021	VD-28062-17	Tiphapred 5	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6022	VD-27068-17	Tiphapred M 16	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6023	VD-27069-17	Tiphapred M 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6024	VD-28063-17	Tipharan	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6025	VD-24283-16	Tipharel	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6026	VD-22514-15	Tipharmlor	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6027	VD-20822-14	Tiphasidin	Công ty CPDP Tipharco	Công ty CPDP Tipharco
6028	VD-21360-14	Tiphaxiode	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6029	VD-25783-16	Tiptusxin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6030	VD-26278-17	Tiptusxin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6031	VD-26279-17	Tiptusxin	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6032	VD-25015-16	Tiram	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
6033	VD-22287-15	Tirastam 250	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6034	VD-26435-17	Tirastam 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6035	VD-22616-15	Tirastam 750	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6036	VD-21887-14	Tithigelron	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6037	VD-28212-17	Titimex	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6038	VD-27054-17	Tizadyn 100	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
6039	VD-27475-17	Tizalon 2	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6040	VD-19302-13	Tizanad 2mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
6041	VD-27733-17	Tizanad 4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
6042	VD-25314-16	Tkextra	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6043	VD-26086-17	Tobcol - Dex	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6044	VD-21804-14	Tobicom	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
6045	VD-28242-17	Tobidex	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6046	VD-19202-13	Tobradico	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
6047	VD-20378-13	Tobradico-D	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC KHOA
6048	VD-23157-15	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6049	VD-25913-16	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6050	VD-26087-17	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6051	VD-27954-17	Tobramycin 0,3%	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
6052	VD-28673-18	Tobramycin 80mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
6053	VD-28307-17	Tobrastad 80mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6054	VD-24883-16	Tocemux	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6055	VD-26314-17	Tocemux	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6056	VD-25871-16	Tocimat 120	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6057	VD-25350-16	Tocimat 180mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6058	VD-25872-16	Tocimat 60	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6059	VD-24117-16	Todergim	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6060	VD-25087-16	Tofluxine	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
6061	VD-26673-17	Tofluxine	Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty Cổ phần Dược Becamex
6062	VD-27132-17	Toganin	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6063	VD-18669-13	Togencom	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược phẩm ICA
6064	VD-26047-17	Tolpernic	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6065	VD-26048-17	Tolpernic - 150	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6066	VD-27098-17	Tolzartan plus	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6067	VD-25006-16	Tomax Genta	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.
6068	VD-28640-17	Topcefpo 200	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
6069	VD-22414-15	Topernak 150	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
6070	VD-22415-15	Topernak 50	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6071	VD-26725-17	Topezonis 100	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6072	VD-26094-17	Topezonis 50	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6073	VD-25296-16	Topflovir	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6074	VD-24836-16	Toplife Mg B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6075	VD-24837-16	Toplife Mg-B6	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6076	VD-26632-17	Toplovir	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
6077	VD-19647-13	Topmaxsill	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6078	VD-28641-17	Topolac-US	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
6079	VD-24078-16	Top-Pirex	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6080	VD-19034-13	Topsea 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6081	VD-22529-15	Topsea 80	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6082	VD-26297-17	Topsea-Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6083	VD-25588-16	Toptropin 800 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
6084	VD-20637-14	Toptropin 800mg	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai
6085	VD-25159-16	Topxol 150	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6086	VD-27866-17	Torexvis	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6087	VD-25908-16	Tornex	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
6088	VD-20903-14	Tosren	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex
6089	VD-27217-17	Tosren DM	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6090	VD-27454-17	Toulalan	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6091	VD-23710-15	Tovalgan 150	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6092	VD-28131-17	Tovalgan Codein	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6093	VD-28132-17	Tovalgan Codein Ef	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6094	VD-24884-16	Tovalgan Ef	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6095	VD-27099-17	Tovecor 5	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6096	VD-22542-15	Toversin 4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6097	VD-26368-17	Tozinax	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6098	VD-25081-16	Trà gừng	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
6099	VD-27325-17	Trà gừng Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
6100	VD-28110-17	Trà Gừng TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
6101	VD-24071-16	Trà hòa tan Hà thủ ô	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
6102	VD-27247-17	Trabogan	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6103	VD-20482-14	Tracardis	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6104	VD-20874-14	Tracardis 80	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6105	VD-24765-16	Tradophen	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6106	VD-19499-13	Trafocef-S 1g	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6107	VD-19975-13	Traforan	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6108	VD-26088-17	Tragutan F	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6109	VD-23790-15	Trahes 5 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6110	VD-27367-17	Trajordan	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
6111	VD-26299-17	Tranbleed 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6112	VD-27100-17	Tranbleed 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6113	VD-18362-13	Tranecid 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6114	VD-25297-16	Tranecid 250	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6115	VD-18363-13	Tranecid 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6116	VD-25298-16	Tranecid 500	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6117	VD-26911-17	Tranexamic acid 250mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6118	VD-26912-17	Tranexamic acid 500mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
6119	VD-26834-17	Tranfaximox	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6120	VD-19788-13	Trangala	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
6121	VD-25909-16	Trangala - A	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
6122	VD-19174-13	Tranlacol	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.	Công ty TNHH Dược phẩm Detapham.
6123	VD-20640-14	Tranlippo	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6124	VD-27689-17	Transda	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
6125	VD-28653-18	Transda-S	Công ty Cổ phần BV Pharma	Công ty Cổ phần BV Pharma
6126	VD-19510-13	Trapadol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6127	VD-24978-16	Traphalucin	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
6128	VD-27422-17	Trasenbin 62,5	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6129	VD-23717-15	Travicol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6130	VD-25934-16	Travicol 650	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
6131	VD-23718-15	Travicol Extra	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6132	VD-23719-15	Travicol Flu	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6133	VD-21918-14	Travicol PA	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6134	VD-21909-14	Treadox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6135	VD-18364-13	Trepmycin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6136	VD-28281-17	Tretinacne	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
6137	VD-20114-13	Tretinoin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6138	VD-23149-15	Triamcinolon	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6139	VD-28527-17	Trianic	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6140	VD-26647-17	Trianic-day	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6141	VD-17841-12	Tribcomplex F	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6142	VD-22324-15	Tributel	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6143	VD-24452-16	Tricobion H5000	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6144	VD-21997-14	Triflusal	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
6145	VD-24453-16	Trifungi	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6146	VD-25153-16	Trihexyphenidyl	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
6147	VD-28095-17	Trikadinir 100	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6148	VD-24868-16	Trikapezon	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6149	VD-26289-17	Trikapezon Plus	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6150	VD-25808-16	Trikapezon Plus 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6151	VD-23037-15	Trikapezon Plus 2g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6152	VD-26290-17	Trikaxon	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6153	VD-24869-16	Trikaxon IM	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6154	VD-19955-13	Trimazon 240	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6155	VD-23720-15	Trimebutin	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6156	VD-22975-15	Trimespa 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6157	VD-27534-17	Trimetazidin Stada 20 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
6158	VD-19004-13	Trimetazidine SaVi 20	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi. (Savipharm J.S.C)
6159	VD-25029-16	Trimetazidine STELLA 35 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
6160	VD-18651-13	Trimezola	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6161	VD-23995-15	Trimibelin 10	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm
6162	VD-19290-13	Trimoxtal 250/125	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
6163	VD-19291-13	Trimoxtal 250/250	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Công ty cổ phần Dược Minh Hải
6164	VD-24454-16	Trineuron	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6165	VD-18336-13	Trinopast	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6166	VD-19806-13	Triopilin	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6167	VD-19928-13	Triptazidin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6168	VD-21031-14	Tritamin B	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6169	VD-26891-17	Tritenols fort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6170	VD-22055-14	Trivacintana	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6171	VD-26025-16	Trivacintana F	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6172	VD-16723-12	Trixlazi	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6173	VD-27349-17	Trolimax	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6174	VD-27350-17	Trolimax	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6175	VD-28485-17	Tropeal	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6176	VD-27218-17	Trovi	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6177	VD-28486-17	Trozimed	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6178	VD-25160-16	Trypsinmed 8400	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6179	VD-27326-17	Tuần hoàn não Thái Dương	Công ty cổ phần Sao Thái Dương	Chi nhánh Công ty cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam
6180	VD-25590-16	Tumegas	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh
6181	VD-27922-17	Tunadimet	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6182	VD-28534-17	Tùng lộc Helix	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
6183	VD-24368-16	Turanon	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6184	VD-26915-17	Turbezid	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6185	VD-23750-15	Tusalene	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6186	VD-22561-15	Tuspi	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
6187	VD-24362-16	Tuspi 500mg	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
6188	VD-24363-16	Tuspi 500mg	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận
6189	VD-22933-15	Tussifort	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6190	VD-23721-15	TV. Cefuroxime	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6191	VD-19977-13	TV. Enalapril 10	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6192	VD-18778-13	TV. Lansoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6193	VD-25315-16	Tv.cefuroxime	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
6194	VD-20877-14	TV.Pantoprazol	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6195	VD-19979-13	TV-Enalapril	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6196	VD-18293-13	Tvhepatic	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6197	VD-18395-13	TV-Perazol 1g	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6198	VD-27979-17	Tydol	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6199	VD-27980-17	Tydol 150	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6200	VD-22976-15	Tydol 325	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6201	VD-22977-15	Tydol 500	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6202	VD-25248-16	Tydol 650	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6203	VD-27981-17	Tydol codeine forte	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6204	VD-25249-16	Tydol Plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6205	VD-21883-14	Tydol women	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6206	VD-25071-16	Tymolpain	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6207	VD-18275-13	Tyrotab	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
6208	VD-21434-14	Tyrothricin Pastille	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
6209	VD-21264-14	Tytdroxil 250	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6210	VD-21638-14	Tytdroxil 250	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6211	VD-21832-14	Tytdroxil 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6212	VD-26669-17	Ubiheal 200	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6213	VD-27692-17	Ubiheal 300	Công ty cổ phần DTS Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6214	VD-16776-12	Ubinutro	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6215	VD-25438-16	UBVIX	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn	Chi nhánh Resantis Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn
6216	VD-16610-12	Ufal - Clor 375 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6217	VD-27219-17	Ukapin	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6218	VD-28141-17	Uksyl	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
6219	VD-22505-15	Ulcerlex 30	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6220	VD-27833-17	Ulcogen 400mg/5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6221	VD-25548-16	Ulcogen 800 mg	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6222	VD-23791-15	Ulictan 200	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6223	VD-22007-14	Ultradol	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
6224	VD-26059-17	Umkanas	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6225	VD-23195-15	Unaben	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
6226	VD-18789-13	Uniferon B9	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6227	VD-28276-17	Unigin	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
6228	VD-27570-17	Unikids Zinc 70	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
6229	VD-25509-16	Unjex	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
6230	VD-28213-17	Unvitis 0,05%	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6231	VD-22950-15	Upancetin 500	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
6232	VD-20483-14	Uphacefdi	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6233	VD-21011-14	UPHACET	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6234	VD-22244-15	Uphadoctin 50	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6235	VD-28137-17	Uphalium M	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6236	VD-22551-15	Uphaxime 200 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6237	VD-24118-16	Urdoc	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6238	VD-27867-17	Urictab 100	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6239	VD-26797-17	Urictab 300	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6240	VD-22978-15	Uristic 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6241	VD-25757-16	Uristic 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6242	VD-22979-15	Uristic 300	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6243	VD-25987-16	Urostad 40	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
6244	VD-18737-13	Ursimex	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
6245	VD-26863-17	Ursimex 300	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm
6246	VD-26230-17	Ursocholic-OPV 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6247	VD-20800-14	Ursocholic-OPV 100	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6248	VD-21341-14	Ursocholic-OPV 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6249	VD-27319-17	Ursoterol 500mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6250	VD-20419-14	Usaallerz 120	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6251	VD-22809-15	Usaallerz 180	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6252	VD-20660-14	Usaallerz 60	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6253	VD-21229-14	Usabetic 2	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6254	VD-20661-14	Usabetic 4	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6255	VD-27783-17	Usabetic VG 50	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6256	VD-22076-14	Usacip 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6257	VD-25140-16	Usalukast 10	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6258	VD-26741-17	Usalukast 4 ODT	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6259	VD-25141-16	Usalukast 5	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6260	VD-27784-17	Usalukast 5	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6261	VD-20663-14	Usamagsium Fort	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6262	VD-22394-15	Usarclopi 75mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6263	VD-27660-17	Usarcoxib	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6264	VD-26044-17	Usarderon	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6265	VD-27661-17	Usarglim 2	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6266	VD-27662-17	Usarglim 4	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6267	VD-27663-17	Usarican	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6268	VD-27664-17	Usarirsartan	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6269	VD-27665-17	Usariz	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6270	VD-22082-15	Usaroflox 200mg	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6271	VD-27666-17	Usarpainsoft	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6272	VD-21230-14	Usasartim 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6273	VD-22444-15	Usasartim 300	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6274	VD-22116-15	Usasartim Plus 150	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6275	VD-19802-13	Usatangenyls	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm
6276	VD-19767-13	Usatrypsin	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A
6277	VD-27648-17	Usazapin	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
6278	VD-19751-13	Uscadidroxyl 250	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty TNHH US pharma USA
6279	VD-21187-14	Uscadigesic 500	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6280	VD-20402-13	Uscadimin C 1g	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6281	VD-20606-14	Uscadirocin 50	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6282	VD-20403-13	Uscefdin cap	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6283	VD-21599-14	Uscefpo 100	Công ty TNHH dược phẩm Alaska Pharma U.S.A	Công ty cổ phần US Pharma USA
6284	VD-22821-15	Uscimix 400	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6285	VD-28643-17	Usclovir 200	Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty TNHH US Pharma USA
6286	VD-20115-13	Uscmusol	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6287	VD-20116-13	Uscpherol 400	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6288	VD-20801-14	Usolin 100	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6289	VD-21683-14	Usolin 150	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6290	VD-24838-16	Usolin 200	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6291	VD-18337-13	Usolin plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6292	VD-19241-13	Ustrivit	Công ty TNHH US pharma USA	Công ty TNHH US pharma USA
6293	VD-22386-15	Usverin	Công ty cổ phần US Pharma USA	Công ty cổ phần US Pharma USA
6294	VD-28602-17	V.Rohto cool	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
6295	VD-21160-14	V.Rohto dryeye	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
6296	VD-24641-16	V.Rohto for kids	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
6297	VD-26016-16	V.Rohto Lycée	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
6298	VD-21569-14	V.Rohto vitamin	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam	Công ty TNHH Rohto - Mentholatum Việt Nam
6299	VD-18000-12	Vaciradin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6300	VD-28690-18	Vaciradin 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6301	VD-24921-16	Vacodomtium 10	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6302	VD-23116-15	Vacolaren	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6303	VD-24370-16	Vacoomez	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6304	VD-21927-14	Vacoomez S 20	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6305	VD-28203-17	Vaco-Piracetam 800	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6306	VD-28204-17	Vaco-Pola 2	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6307	VD-28205-17	Vacoridex	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6308	VD-28206-17	Vacoros 10	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6309	VD-28207-17	Vacoros 20	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6310	VD-25339-16	Vacoverin	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6311	VD-25536-16	Vadirac	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6312	VD-22260-15	Vadol 325 D	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6313	VD-22261-15	Vadol 325 DX	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6314	VD-23753-15	Vadol 325_DC	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6315	VD-24371-16	Vadol 325-L	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6316	VD-23117-15	Vadol 5	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6317	VD-24372-16	Vadol A325	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6318	VD-23754-15	Vadol caplet	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6319	VD-23755-15	Vadol caps	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6320	VD-23645-15	Vagastat	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
6321	VD-16740-12	Vaginapoly	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
6322	VD-27342-17	Vaginax	Công ty cổ phần Sundial Pharma	Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6323	VD-28282-17	Vag-Lotuzol	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
6324	VD-22227-15	Vagonxin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6325	VD-22228-15	Vagonxin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6326	VD-18365-13	Valbivi 0.5g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6327	VD-18366-13	Valbivi 1,0g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6328	VD-25030-16	Valsartan Stada 160 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6329	VD-26570-17	Valsartan Stada 40 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
6330	VD-26571-17	Valsartan Stada 80 mg	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
6331	VD-25129-16	Valsgim-H160/12.5	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6332	VD-25203-16	Valygyno	Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm và Thương mại Sohaco	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6333	VD-19708-13	Vamipas	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Công ty TNHH Phil Inter Pharma
6334	VD-24905-16	Vancomycin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6335	VD-25663-16	Vancomycin 1000 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
6336	VD-25664-16	Vancomycin 500 A.T	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
6337	VD-28513-17	Vanoran	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6338	VD-27070-17	Vantamox 500	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6339	VD-18848-13	Varogel	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
6340	VD-26519-17	Varogel S	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo
6341	VD-25935-16	Vartel 20mg	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
6342	VD-26231-17	Vasartim plus 160/25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6343	VD-24255-16	Vasartim Plus 80/12,5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6344	VD-16175-11	Vascam	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
6345	VD-18261-13	Vasebos	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
6346	VD-19328-13	Vasebos 160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
6347	VD-20184-13	Vasebos plus	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bos Ton Việt Nam
6348	VD-25276-16	Vasetib	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi
6349	VD-19672-13	Vaslor-20	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6350	VD-28487-17	Vaslor-40	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6351	VD-25341-16	Vasomin 500	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6352	VD-25342-16	Vasomin 750	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6353	VD-24455-16	Vaspycar MR	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6354	VD-22683-15	Vastad	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm
6355	VD-27571-17	Vastec 35 MR	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG
6356	VD-19424-13	Vastrim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6357	VD-21992-14	Vebutin	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6358	VD-27351-17	Vedanal	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6359	VD-27352-17	Vedanal fort	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6360	VD-25250-16	Vedicard 6,25	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6361	VD-28514-17	Venfamed Cap	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6362	VD-25485-16	Venlafaxine STELLA 37.5 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
6363	VD-23984-15	Venlafaxine STELLA 75 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
6364	VD-28557-17	Venlormid 5/1,25	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
6365	VD-19807-13	Venrutine	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6366	VD-27945-17	Vesitis	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6367	VD-27503-17	Vị an nam bảo dược	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II	Công ty TNHH Dược Tùng Lộc II
6368	VD-17979-12	Vialexin 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6369	VD-19035-13	Vialexin-F1000	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6370	VD-28142-17	Viavan	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
6371	VD-19057-13	Vibatazol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6372	VD-22109-15	Vicaldex	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
6373	VD-27145-17	Vicefmix	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6374	VD-28691-18	Vicefoxitin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6375	VD-27146-17	Vicefoxitin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6376	VD-19508-13	Viceftazol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6377	VD-26319-17	Viceftazol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6378	VD-27147-17	Viciamox	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6379	VD-23728-15	Viciamox 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6380	VD-17037-12	Viciaxon	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6381	VD-28692-18	Viciaxon 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6382	VD-26320-17	Vicicefxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6383	VD-27148-17	Vicilothin 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6384	VD-28693-18	Vicilothin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6385	VD-18407-13	Vicimadol	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6386	VD-28694-18	Vicimlastatin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6387	VD-22245-15	Vicimlastatin 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6388	VD-28695-18	Vicimlastatin 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6389	VD-19058-13	Viciperan	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6390	VD-18780-13	Viciroxim 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6391	VD-28696-18	Vicizolin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6392	VD-19335-13	Vicoxib 100	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6393	VD-19336-13	Vicoxib 200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6394	VD-27032-17	Victans	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim
6395	VD-26692-17	Victolon	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
6396	VD-24638-16	Victoz 1g	Công ty TNHH Reliv pharma	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6397	VD-27631-17	Vida up	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
6398	VD-27632-17	Vida up	Công ty TNHH United International Pharma	Công ty TNHH United International Pharma
6399	VD-21381-14	Vidaloxin	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6400	VD-20861-14	Vidaloxin 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6401	VD-20479-14	Vidaloxin 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6402	VD-27869-17	Vidceryl	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6403	VD-27116-17	Vidlox 100	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6404	VD-27870-17	Vidmedol 16	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6405	VD-27871-17	Vidmedol 4	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6406	VD-24944-16	Vidoca	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6407	VD-26798-17	Vidpoic 600	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6408	VD-22310-15	Viên an thần	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6409	VD-26211-17	Viên đại tràng Inberco	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
6410	VD-21328-14	Viên Diệp Hạ Châu PYLANTIN	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6411	VD-23250-15	Viên dưỡng não Cebraton - S	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco
6412	VD-27724-17	Viên dưỡng não Ginko Biloba	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR	Công ty cổ phần dược Lâm Đồng - LADOPHAR
6413	VD-23622-15	Viên dưỡng não O.P.CAN	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6414	VD-25225-16	Viên dưỡng não O.P.CAN	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
6415	VD-23462-15	Viên gừng HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh.
6416	VD-21329-14	Viên hà thủ ô Extracap	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6417	VD-21861-14	Viên nang Linh Chi	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh.
6418	VD-28715-18	Viên nén bao phim Frantamol cảm cúm	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Công ty liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam
6419	VD-21522-14	Viên nén nhai OH NO	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6420	VD-21523-14	Viên nén nhai OH NO	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phúc
6421	VD-28361-17	Viên nghệ mật ong	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà	Công ty cổ phần TM dược VTYT Khải Hà
6422	VD-27368-17	Viên nhuận tràng Ovalax	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
6423	VD-18978-13	Viên Trị Ho TUSSIDAY	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6424	VD-27964-17	Viên xông EUCA-OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
6425	VD-18918-13	Viên xông hương tràm vim báo gấm	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
6426	VD-17980-12	Vifamox 250	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6427	VD-27320-17	Vifix	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6428	VD-19493-13	Vifloxacol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6429	VD-20167-13	Vifticol 1%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6430	VD-28678-18	Vigahom	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông
6431	VD-18766-13	Vigentin 250mg/31,25mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
6432	VD-20823-14	Vigentin 250mg/62,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6433	VD-21363-14	Vigentin 500mg/ 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
6434	VD-18358-13	Vigentin 500mg/62,5mg tab.	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco
6435	VD-21482-14	Vigorito	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6436	VD-27117-17	Vikasfaren 20	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6437	VD-18273-13	Vilanta	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6438	VD-22643-15	Villex-250	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6439	VD-22644-15	Villex-500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6440	VD-24678-16	Vimaxx Lights	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6441	VD-21798-14	Vinaflam 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
6442	VD-20333-13	Vinafolin	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình	Công ty Cổ phần sinh học dược phẩm Ba Đình
6443	VD-19962-13	Vinakion	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6444	VD-22827-15	Vinazol	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6445	VD-28148-17	Vincerol 1mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6446	VD-24906-16	VINCEROL 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6447	VD-18006-12	Vincezin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6448	VD-27154-17	Vincolin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6449	VD-20892-14	Vincopane	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6450	VD-24907-16	Vincotine	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6451	VD-20893-14	Vincynon	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6452	VD-27155-17	Vincynon 500	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6453	VD-21920-14	Vindopril	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6454	VD-28700-18	Vinfadin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6455	VD-24908-16	Vingomin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6456	VD-18413-13	Vin-Hepa	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6457	VD-24343-16	Vin-hepa	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6458	VD-17046-12	Vin-Hepa 500	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
6459	VD-28701-18	Vin-Hepa 5g/10ml	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6460	VD-28149-17	Vinhistin 24	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6461	VD-20486-14	Vinlaril	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6462	VD-27156-17	Vinluta 900	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6463	VD-18781-13	Vinocam 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6464	VD-20894-14	Vinocerate	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6465	VD-23091-15	Vinphacetam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6466	VD-25830-16	Vinphacetam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6467	VD-28150-17	Vinphacetam	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6468	VD-27157-17	Vinphacetam 1,2g	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6469	VD-28702-18	Vinphacine	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6470	VD-28151-17	Vinphastu	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6471	VD-28152-17	Vinphatex	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6472	VD-27158-17	Vinphatex 200	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6473	VD-24909-16	Vinphatex 300	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6474	VD-25831-16	Vinphaton	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6475	VD-26323-17	Vinphatoxin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6476	VD-28703-18	Vinphatoxin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6477	VD-28704-18	Vinphyton 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6478	VD-20002-13	Vinpocetin	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex
6479	VD-20929-14	Vinpocetin	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6480	VD-27369-17	Vinpocetin 5mg	Công ty cổ phần Traphaco	Công ty cổ phần Traphaco
6481	VD-25182-16	Vinpocetin TP	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6482	VD-25327-16	Vinprazol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6483	VD-17048-12	Vinrolac	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.
6484	VD-28153-17	Vinrovit	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6485	VD-24344-16	Vinrovit 5000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6486	VD-23730-15	Vinsalmol	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6487	VD-25299-16	Vinsamin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6488	VD-24345-16	Vinsolon 125	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6489	VD-27159-17	Vinsolon 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6490	VD-27149-17	Vinsulin 0,75g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6491	VD-27150-17	Vinsulin 2g/1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6492	VD-20275-13	Vintanil	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6493	VD-27160-17	Vintanil 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6494	VD-25832-16	Vintolin	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6495	VD-28154-17	Vinzix	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6496	VD-27139-17	Vipkan	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
6497	VD-21403-14	Viprobenyl	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6498	VD-23961-15	Viritin 4 mg	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm	Công ty TNHH Ha san-Dermapharm
6499	VD-25977-16	Viritin plus 2/0,625	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
6500	VD-25978-16	Viritin plus 4/1.25	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm	Công ty TNHH Hasan-Dermapharm
6501	VD-23321-15	Virnagza	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6502	VD-23322-15	Virnagza Fort	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6503	VD-22129-15	Virtum 2g	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6504	VD-18895-13	Visartis 40	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6505	VD-26139-17	Visdogyl	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn
6506	VD-25322-16	Visulin 1g/0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6507	VD-19060-13	Vitabactam	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6508	VD-20484-14	Vitafxim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6509	VD-20462-14	Vitajoint	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6510	VD-15975-11	Vitamin 3B	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6511	VD-19397-13	Vitamin 3B	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6512	VD-28000-17	Vitamin 3B	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6513	VD-28401-17	Vitamin 3B	Công ty CP Dược phẩm TV. Pharm	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm
6514	VD-21426-14	Vitamin 3B B1-B2-B6	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6515	VD-20160-13	Vitamin A 5000IU	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
6516	VD-25759-16	Vitamin AD	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
6517	VD-17089-12	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6518	VD-18423-13	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6519	VD-19550-13	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6520	VD-20770-14	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6521	VD-26315-17	Vitamin A-D	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
6522	VD-19390-13	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6523	VD-20930-14	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6524	VD-23413-15	Vitamin B1	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6525	VD-25063-16	Vitamin B1	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6526	VD-25328-16	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6527	VD-25358-16	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6528	VD-25834-16	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6529	VD-26592-17	Vitamin B1	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
6530	VD-26804-17	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
6531	VD-26869-17	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6532	VD-27248-17	Vitamin B1	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6533	VD-28730-18	Vitamin B1	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
6534	VD-16608-12	Vitamin B1 + B6 + B12	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm
6535	VD-28250-17	Vitamin B1 + B6 + B12	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa
6536	VD-20003-13	Vitamin B1 + B6 + PP	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6537	VD-23133-15	Vitamin B1 0,01g	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình
6538	VD-14978-11	Vitamin B1 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6539	VD-20470-14	Vitamin B1 10 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
6540	VD-23158-15	Vitamin B1 10 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6541	VD-25765-16	Vitamin B1 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6542	VD-18652-13	Vitamin B1 100 mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6543	VD-25300-16	Vitamin B1 100mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6544	VD-25301-16	Vitamin B1 100mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6545	VD-25854-16	Vitamin B1 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6546	VD-24092-16	Vitamin B1 250 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
6547	VD-25927-16	Vitamin B1 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6548	VD-19114-13	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hoá - dược phẩm Mekophar
6549	VD-23480-15	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
6550	VD-23698-15	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6551	VD-25789-16	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6552	VD-27071-17	Vitamin B1 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6553	VD-24923-16	Vitamin B1 50	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6554	VD-26713-17	Vitamin B1 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 TP HCM
6555	VD-28008-17	Vitamin B1 50mg	Công ty cổ phần dược S.Pharm	Công ty cổ phần dược S.Pharm
6556	VD-16777-12	Vitamin B1- B6- B12	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6557	VD-18196-13	Vitamin B1 -HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6558	VD-26305-17	Vitamin B1 TW3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
6559	VD-23769-15	Vitamin B12	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6560	VD-24910-16	Vitamin B12	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6561	VD-25835-16	Vitamin B12	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6562	VD-19481-13	Vitamin B12 1000 mcg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6563	VD-19563-13	Vitamin B12 1000 mcg/1ml	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6564	VD-28096-17	Vitamin B12 1000 mcg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6565	VD-23606-15	Vitamin B12 1mg/ml	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân
6566	VD-24295-16	Vitamin B1-B6-B12	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6567	VD-21940-14	Vitamin B1-HD	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6568	VD-20931-14	Vitamin B2	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6569	VD-27874-17	Vitamin B2	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội
6570	VD-24587-16	Vitamin B2-VT	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
6571	VD-18744-13	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6572	VD-19564-13	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6573	VD-20932-14	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6574	VD-24911-16	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6575	VD-24912-16	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6576	VD-26026-16	Vitamin B6	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6577	VD-27923-17	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6578	VD-28216-17	Vitamin B6	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6579	VD-19249-13	Vitamin B6 - HT	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6580	VD-24945-16	Vitamin B6 10 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6581	VD-25766-16	Vitamin B6 100 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6582	VD-18653-13	Vitamin B6 100 mg/1 ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6583	VD-18252-13	Vitamin B6 100mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6584	VD-25809-16	Vitamin B6 125mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6585	VD-24373-16	Vitamin B6 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6586	VD-21521-14	Vitamin B6 250 mg	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6587	VD-27389-17	Vitamin B6 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6588	VD-18209-13	Vitamin B6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9 - Nadyphar
6589	VD-23054-15	Vitamin B6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6590	VD-27118-17	Vitamin B6 250mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương
6591	VD-24406-16	Vitamin B6 Kabi 100mg/1ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam
6592	VD-17348-12	Vitamin C	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh
6593	VD-17404-12	Vitamin C	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
6594	VD-25862-16	Vitamin C	ALCAPHARM BV	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6595	VD-26232-17	Vitamin C	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6596	VD-26627-17	Vitamin C	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6597	VD-27622-17	Vitamin C	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6598	VD-21945-14	Vitamin C - DNA	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6599	VD-21330-14	Vitamin C - OPC 100mg Hương cam	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6600	VD-23055-15	Vitamin C 0,10g	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6601	VD-20781-14	Vitamin C 1000mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6602	VD-25302-16	Vitamin C 1000mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6603	VD-24318-16	Vitamin C 100mg/2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6604	VD-24374-16	Vitamin C 250	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6605	VD-26785-17	Vitamin C 250	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6606	VD-27623-17	Vitamin C 250	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6607	VD-27624-17	Vitamin C 250	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6608	VD-27625-17	Vitamin C 250	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6609	VD-28617-17	Vitamin C 250	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Chi nhánh công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6610	VD-21350-14	Vitamin C 250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6611	VD-27709-17	Vitamin C 250 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
6612	VD-23756-15	Vitamin C 500	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6613	VD-23757-15	Vitamin C 500	Công ty cổ phần dược Vacopharm	Công ty cổ phần dược Vacopharm
6614	VD-24940-16	Vitamin C 500	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6615	VD-22757-15	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.
6616	VD-24400-16	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6617	VD-25768-16	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6618	VD-28138-17	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty cổ phần Dược phẩm TW 25
6619	VD-28173-17	Vitamin C 500 mg	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
6620	VD-23431-15	Vitamin C 500-HV	Công ty TNHH dược phẩm Huy Văn	Công ty cổ phần US Pharma USA
6621	VD-17981-12	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6622	VD-22363-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
6623	VD-22956-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6624	VD-23667-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6625	VD-23668-15	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco
6626	VD-24044-15	Vitamin C 500mg	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam	Công ty TNHH SX-TM dược phẩm Thành Nam
6627	VD-24870-16	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6628	VD-25088-16	Vitamin C 500mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
6629	VD-25089-16	Vitamin C 500mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
6630	VD-25090-16	Vitamin C 500mg	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty Cổ phần Dược Enlie
6631	VD-25790-16	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6632	VD-27022-17	Vitamin C 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
6633	VD-23623-15	Vitamin C Glucose	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6634	VD-25486-16	Vitamin C STELLA 1 g	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1
6635	VD-22617-15	Vitamin E 400	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6636	VD-22657-15	Vitamin E 400 IU	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6637	VD-23744-15	Vitamin E 400 IU	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6638	VD-27721-17	Vitamin E 400 IU	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang
6639	VD-23624-15	Vitamin E 400 IU - OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC.	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC
6640	VD-28389-17	Vitamin E 400 IU thiên nhiên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6641	VD-23237-15	Vitamin E 400 thiên nhiên	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6642	VD-22083-15	Vitamin E 400IU	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú – Chi nhánh nhà máy Usarichpharm
6643	VD-26325-17	Vitamin K	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
6644	VD-18908-13	Vitamin K1 1 mg/1ml	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6645	VD-27556-17	Vitamin PP	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
6646	VD-22243-15	Vitamin PP 500mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6647	VD-27292-17	Vitamin PP 500mg	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar.
6648	VD-20529-14	Vitaphol	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6649	VD-20426-14	Vitarals	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
6650	VD-24675-16	Vitatrum - B Complex	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6651	VD-21198-14	Vitatrum energy	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6652	VD-18609-13	Vitatrum-C	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6653	VD-19061-13	Vitazidim 0,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6654	VD-24341-16	Vitazidim 1g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6655	VD-19986-13	Vitazidim 2g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6656	VD-18409-13	Vitazovilin	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6657	VD-25323-16	Vitazovilin 3g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6658	VD-22246-15	Vitazovilin 4,5g	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6659	VD-25329-16	Vitcbebe 150	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3
6660	VD-23737-15	Vitcbebe 300	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Công ty cổ phần dược trung ương 3
6661	VD-19062-13	Viticalat	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6662	VD-26321-17	Viticalat	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6663	VD-27353-17	Vitol	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6664	VD-28352-17	Vitol	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Công ty cổ phần tập đoàn Merap
6665	VD-23497-15	VitPP	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6666	VD-22544-15	Vitraclor 375mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm
6667	VD-25401-16	Vivace	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6668	VD-23865-15	Vixbarin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6669	VD-25576-16	Vixcar 300	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6670	VD-24554-16	VNP Spray Baby	Công ty TNHH dược phẩm VNP	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6671	VD-27834-17	VNP-Moctoc	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6672	VD-22487-15	Vocfor	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6673	VD-20972-14	Vôi Soda	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
6674	VD-26132-17	Volaren 75	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
6675	VD-25552-16	Volgasrene 50	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6676	VD-20493-14	Vomina 50	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An	Công ty cổ phần dược - vật tư y tế Nghệ An
6677	VD-28390-17	Vosfarel-Domesco 20 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6678	VD-17108-12	Vumez	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6679	VD-28243-17	Waisan	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6680	VD-21732-14	Warfarin 1	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
6681	VD-21733-14	Warfarin 2	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
6682	VD-21734-14	Warfarin 4	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
6683	VD-21735-14	Warfarin 5	Công ty cổ phần SPM	Công ty cổ phần SPM
6684	VD-21069-14	Waruwari	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú
6685	VS-4898-15	Washmint	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh
6686	VD-28308-17	Water for injection 10ml (Nước cất pha tiêm 10ml)	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6687	VD-15892-11	Water for injection 15ml	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6688	VD-19673-13	Wazer	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6689	VD-27690-17	Wecetam 800	Công ty TNHH BRV Healthcare	Công ty TNHH BRV Healthcare
6690	VD-18520-13	Wedes	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6691	VD-28706-18	Welliver 140	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương
6692	VD-18424-13	Wincold F	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6693	VD-28143-17	Winnol 750	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế
6694	VD-27455-17	Wolske	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6695	VD-27005-17	Wormectol 3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6696	VD-20530-14	Wright	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6697	VD-28488-17	Wright-F	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6698	VD-22273-15	Xacimax	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6699	VD-21707-14	Xacimax new	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá
6700	VD-19482-13	Xamdemil 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6701	VS-4972-16	Xanh Methylen 1%	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
6702	VD-22980-15	Xicox 90	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6703	VD-18950-13	Ximedef	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6704	VD-20945-14	Xoangspray	Công ty cổ phần Gonsa	Công ty cổ phần dược Nature Việt Nam
6705	VD-18659-13	Xolibrox	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2
6706	VD-25952-16	Xonatrix	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6707	VD-24528-16	Xuyên tâm liên	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma	Công ty TNHH dược phẩm Fito Pharma
6708	VD-25475-16	Xygzin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6709	VD-28528-17	Xygzin	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6710	VD-26718-17	Xylo-Fran 0,05%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6711	VD-26719-17	Xylo-Fran 0,1%	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6712	VD-21771-14	Xylogen	Công ty Cổ phần Dược Khoa	Công ty Cổ phần Dược Khoa
6713	VD-18682-13	Xylometazolin 0,05%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6714	VD-22744-15	Xylometazolin Spray 0,1%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6715	VD-20610-14	YAFORT	Công ty TNHH Dược phẩm Y.A.C	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
6716	VD-18269-13	Ytecogesic	Công ty cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	Công ty TNHH US pharma USA
6717	VD-20079-13	Zabales	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6718	VD-25688-16	Zadirex H	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6719	VD-17749-12	Zalenka	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6720	VD-21700-14	Zalrinol	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex
6721	VD-27423-17	Zalysée	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6722	VD-27544-17	Zanastad	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
6723	VD-22235-15	Zaniat 125	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6724	VD-23057-15	Zaniat 500	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6725	VD-20746-14	Zanimex 250	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
6726	VD-22144-15	Zanmite 250	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6727	VD-19885-13	Zanmite 500 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6728	VD-27456-17	Zapnex-10	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6729	VD-27457-17	Zapnex-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6730	VD-25195-16	Zapsel	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà
6731	VD-26004-16	Zaromax 200	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
6732	VD-26005-16	Zaromax 250	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
6733	VD-26006-16	Zaromax 500	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	Công ty cổ phần dược Hậu Giang – Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang
6734	VD-21993-14	Zarsitex	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6735	VD-27859-17	Zasinat 750	Công ty cổ phần Euvipharm	Công ty cổ phần Euvipharm
6736	VD-28683-18	ZELFAMOX 500/125 DT.	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6737	VD-20803-14	Zeloxicam 7.5	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Công ty cổ phần dược phẩm OPV
6738	VD-26776-17	Zencombi	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6739	VD-25810-16	Zency 80	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6740	VD-21553-14	Zensalbu nebules 2.5	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6741	VD-21554-14	Zensalbu nebules 5.0	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6742	VD-27835-17	Zensonid	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
6743	VD-18472-13	Zento B - CPC1	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
6744	VD-17688-12	Zento B - Forte CPC1	Công ty cổ phần dược Medipharco	Công ty cổ phần dược Medipharco
6745	VD-18410-13	Zentopeni CPC1	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6746	VD-18002-12	Zentotacxim CPC1	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Công ty cổ phần dược phẩm VCP
6747	VD-26684-17	Zentramol	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6748	VD-25940-16	Zeprilnas	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6749	VD-27424-17	Zeprilnas	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6750	VD-24766-16	Zetamed	Công ty TNHH dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6751	VD-23324-15	Zexpam	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6752	VD-27458-17	Zhekof-80	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6753	VD-28489-17	Zhekof-HCT	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6754	GC-278-17	Ziber	(Cơ sở đặt gia công): Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	(Cơ sở nhận gia công): Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun
6755	VD-27006-17	Zibifer	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6756	VD-26155-17	Zicumgsv	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6757	VD-19013-13	Zidimbiotic 2000 (Đã được đổi tên thành "Ceftazidime 2000" theo CV 3289/QLD-ĐK 25/04/2022)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
6758	VD-19937-13	Zidimbiotic 500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
6759	VD-22353-15	Zidovudin Stada 300 mg	Công ty TNHH Liên Doanh Stellaphar	Công ty TNHH Liên Doanh Stellaphar
6760	VD-19674-13	Ziegler	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6761	VD-21071-14	Zielinsk	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6762	VD-18722-13	Zilroz 250	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6763	VD-18723-13	Zilroz 500	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed
6764	VD-19023-13	Zilvit	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6765	VD-22887-15	Zinbebe	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6766	VD-28431-17	Zinc	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6767	VD-22801-15	Zinc 10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6768	VD-27425-17	Zinc 15	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6769	VD-19164-13	Zinc 15 Meyer	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.	Công ty Liên doanh Meyer - BPC.
6770	VD-24666-16	Zincap 125	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6771	VD-21191-14	Zincap 500	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina
6772	VD-18674-13	Zinc-kid inmed	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà
6773	VD-27710-17	Zincoxia 90	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Công ty cổ phần dược Đồng Nai
6774	VD-23325-15	Zinetex	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6775	VD-26648-17	Zinetex	Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC
6776	VD-24409-16	Zinforcol	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam
6777	VD-25928-16	Zinmax-Domesco 250 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6778	VD-25433-16	Zinmax-Domesco 500 mg	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco
6779	VD-18773-13	Zinoprody	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương
6780	VD-25793-16	Zipencin	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
6781	VD-19929-13	Zithin 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6782	VD-19425-13	Zithin 20	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6783	VD-26292-17	Ziusa	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco.
6784	VD-27982-17	Zivastin	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6785	VD-21483-14	Zlatko-100	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6786	VD-23924-15	Zlatko-25	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6787	VD-21484-14	Zlatko-50	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6788	VD-27459-17	Zoacnel	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6789	VD-19675-13	Zoacnel-10	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú
6790	VD-27460-17	Zoacnel-5	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6791	VD-22288-15	Zoamco 10mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6792	VD-22289-15	Zoamco 20mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6793	VD-22290-15	Zoamco 40mg	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6794	VD-26853-17	Zobacta 2,25g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6795	VD-25700-16	Zobacta 3,375g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
6796	VD-20747-14	Zobacta 4,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.
6797	VD-27704-17	Zodalan	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6798	VD-28244-17	Zolgyl	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
6799	VD-23021-15	Zolifast 1000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
6800	VD-23022-15	Zolifast 2000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd
6801	VD-20042-13	Zoliicef	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6802	VD-23866-15	Zolinstad 1g	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6803	VD-26726-17	Zolomax fort	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm
6804	VD-18760-13	Zolotan 10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6805	VD-18761-13	Zolotan 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV
6806	VD-21852-14	Zondoril 10	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6807	VD-21853-14	Zondoril 5	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6808	VD-25184-16	Zorolab 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây
6809	VD-22435-15	Zostopain 120	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6810	VD-22436-15	Zostopain 90	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2
6811	VD-28490-17	Zuiver	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6812	VD-27461-17	Zurer-300	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú	Công ty TNHH Dược phẩm Đạt Vi Phú
6813	VD-23444-15	Zvezdochka Nasal Drop 0,05%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6814	VD-24688-16	Zvezdochka Nasal Drops 0,1%	Công ty cổ phần dược Danapha	Công ty cổ phần dược Danapha
6815	VD-28277-17	Zytovyrin	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l
6816	VD-26436-17	α - Kiisin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6817	VD-22599-15	α- Kiisin	Công ty cổ phần Pymepharco	Công ty cổ phần Pymepharco
6818	VD-17647-12	α- Thepharm	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hoá

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
6819	VD-19833-13	β-Sol	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm

Phụ lục II

DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC NƯỚC NGOÀI CÓ GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG TỪ NGÀY HẾT HIỆU LỰC ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2024 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT SỐ 80/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 CỦA QUỐC HỘI (ĐỢT 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /QĐ-QLD ngày 08 / 02/ 2023 của Cục Quản lý Dược)

(*) Ghi chú: Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết 80/2023/QH15 đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt Quyết định tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	VN-15725-12	0.9% Sodium Chloride Intravenous Infusion B.P.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
2	VN-16752-13	0.9% Sodium Chloride Solution for I.V. Infusion	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha Hà Nội	Euro-Med Laboratoires Phil., Inc
3	VN-15226-12	10% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
4	VN-15227-12	20% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
5	VN-14667-12	5% Dextrose in water solution for intravenous infusion	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha Hà Nội	Euro-Med Laboratoires Phil., Inc
6	VN-15228-12	5% Glucose Intravenous Infusion B.P.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
7	VN-17422-13	5-Fluorouracil "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte.Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
8	VN-15842-12	AB Ausbiobone	Công ty TNHH dược phẩm Thắng Lợi	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
9	VN-20441-17	Abbsin 200	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	OU Vitale-XD (nơi sản xuất Vitale Pringi)
10	VN-20442-17	Abbsin 600	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	OU Vitale-XD (nơi sản xuất Vitale Pringi)
11	VN-17095-13	Abernil 50mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Central Factory
12	VN-20696-17	Aceclonac	Công ty TNHH DP Bách Việt	Rafarm S.A.
13	VN-19820-16	A-Cnotren	Công ty cổ phần BT Việt Nam	G.A Pharmaceuticals S.A. (GAP S.A.)
14	VN-18806-15	Acular	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
15	VN-15194-12	Acuvail	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, LLC
16	VN-16608-13	Acyclovir	Công ty TNHH Seamed Ptk.	JSC "Kievmedpreparat"
17	VN-14811-12	Acyclovir Stada	Công ty TNHH STADA VIỆT NAM	Stada Arzneimittel AG
18	VN-20385-17	Adalat LA 30mg	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer AG

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
19	VN-15543-12	Adant	Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Thảo	Tedec Meiji Farma, SA (The Spainish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co. Ltd
20	VN-20368-17	Aderan 16	Ajanta Pharma Limited	Ajanta Pharma Limited.
21	VN-16807-13	Adorucin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
22	VN-17713-14	Adrim 10mg/5ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
23	VN-18304-14	Adrim 50mg/25ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
24	VN-18026-14	Aerius	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Schering-Plough Labo N.V.
25	VN-14903-12	Aeroflu 125 HFA Inhalation	APC Pharmaceuticals & Chemicals Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
26	VN-17239-13	Aeroflu 250 HFA Inhalation	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
27	VN-17240-13	Aerofor 100 Hfa	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
28	VN-17241-13	Aerofor 200 Hfa	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
29	VN-19452-15	Agiect	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	Globe Pharmaceuticals Ltd.
30	VN-19723-16	Aireez 4mg sachet	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
31	VN-19976-16	AirFluSal Forspiro	Novartis (Singapore) Pte.Ltd	Aeropharm GmbH.
32	VN-19977-16	AirFluSal Forspiro	Novartis (Singapore) Pte.Ltd	Aeropharm GmbH.
33	VN-19126-15	Air-X 120	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Úc Châu	R.X. Manufacturing Co., Ltd.
34	VN-20743-17	Akneyash	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Yash Medicare Pvt. Ltd.
35	VN-15188-12	Akudinir 125	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
36	VN-14428-12	Akudinir 250	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
37	VN-12145-11	Akudinir -300	Akums Drugs & Pharmaceutical Ltd.	Akums Drugs & Pharmaceutical Ltd.
38	VN-14429-12	Akudinir 50	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
39	VN-20645-17	Akutim	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
40	VN-20662-17	Albendazole Tablets 400mg	Brawn Laboratories Limited	Brawn Laboratories Limited
41	VN-18133-14	Alclav Forte Dry Syrup 312.5 mg/5ml	Alkem Laboratories Ltd.	Alkem Laboratories Ltd.
42	VN-18376-14	Alcoclear	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
43	VN-19789-16	Alcomet	Axon Drugs Private Ltd.	Axon Drugs Private Ltd.
44	VN-15793-12	Aldan Tablets 5 mg	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
45	VN-18178-14	Aldarone	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
46	VN-17584-13	Alegysal	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
47	VN-20746-17	Alerday 120	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty Ltd	Fredun Pharmaceuticals Ltd.
48	VN-20579-17	Alexan	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
49	VN-20219-16	Alfa- Lipogamma 600 Oral	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Dragenopharm Apotheker Püschl GmbH
50	VN-18137-14	Allerba-10	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.
51	VN-20487-17	Alpathin	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Alpa Laboratories Ltd
52	VN-18592-15	Alphagan P	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, LLC
53	VN-18883-15	Alzed Tablet 400 mg	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	General Pharmaceutical Ltd.
54	VN-20755-17	Alzepil	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
55	VN-20667-17	Ambixol 15mg/5ml syrup	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm TW Codupha Hà Nội	Sopharma AD
56	VN-19872-16	Ambolyt Syrup	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
57	VN-16362-13	Ambroflam	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
58	VN-17236-13	Ambrosum	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
59	VN-16571-13	Amflox	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
60	VN-17299-13	Amikan	Công ty cổ phần Dược Đại Nam	Anfarm Hellas S.A.
61	VN-16560-13	Amiyu Granules	Công ty TNHH DKSH Pharma Việt Nam	EA Pharma Co., Ltd.
62	VN-20887-18	AMK 457	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Bình Nguyên	R.X. Manufacturing Co., Ltd.
63	VN-16076-12	Amlocor-5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
64	VN-20239-17	Amlopres 5	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
65	VN-20049-16	Amlor	Pfizer (Thailand) Ltd.	Fareva Amboise
66	VN-18594-15	Amoksiklav Quicktabs 1000 mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
67	VN-18595-15	Amoksiklav Quicktabs 625 mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
68	VN-15602-12	Amoxicillin capsules BP 500mg	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
69	VN-20228-17	Amoxicillin capsules BP 500mg	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited
70	VN-18082-14	Amoxicillin/acid clavulanic Sandoz GmbH	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz GmbH
71	VN-19777-16	Amphot	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Lyka Labs Limited
72	VN-16322-13	Anargil 200mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central factory

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
73	VN-20233-17	Androgel	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Besins Manufacturing Belgium
74	VN-17169-13	Androz-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
75	VN-18470-14	Anginovag	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
76	VN-13350-11	Angioten	Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế Tp. Hồ Chí Minh	PT Kalbe Farma Tbk
77	VN-20819-17	Angizaar-H	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
78	VN-20039-16	Anozeol 1mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Salutas Pharma GmbH
79	VN-20848-17	Anzatax 30mg/5ml	Pfizer (Thailand) Ltd.	Hospira Australia Pty Ltd
80	VN-20439-17	Apimdo	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Drogsan Ilaclari San. ve Tic. A.S.
81	VN-15157-12	Apotel	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A.
82	VN-15827-12	Apratam	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
83	VN-17829-14	Apuldon Suspension	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
84	VN-19122-15	Arbol 100	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	M/S. Olive Healthcare
85	VN-20808-17	Arcoxia 120mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Frosst Iberica S.A. (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))
86	VN-20809-17	Arcoxia 60mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Frosst Iberica S.A. (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))
87	VN-20810-17	Arcoxia 90mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Frosst Iberica S.A. (Đóng gói và xuất xưởng:Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))
88	VN-18455-14	Ardineclav 500/125	Công ty cổ phần Huỳnh Tấn	Laboratorio Reig Jofre, S.A
89	VN-20627-17	Ardineclav 500/125	SM Biomed Sdn. Bhd.	Laboratorio Reig Jofre, S.A
90	VN-19653-16	Arduan	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
91	VN-20443-17	Arthroloc	Công ty TNHH dược phẩm Hoàng Dược	Rafarm S.A.
92	VN-20007-16	Artlanzo	AR Tradex Pvt. Ltd.	Lark Laboratories (India) Ltd.
93	VN-11017-10	Artrodar	TRB Chemedica (Thailand) Co., Ltd.	TRB Pharma S.A
94	VN-20447-17	Asbesone	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	Replek Farm Ltd. Skopje

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
95	VN-19911-16	Asentra 50mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
96	VN-18248-14	Asgizole	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	Sofarimex-Industria Quimica E Farmaceutica, S.A
97	VN-18249-14	Asgizole	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	Valpharma International S.p.a
98	VN-19604-16	Asoct	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	GP-Pharm, S.A.
99	VN-19605-16	Assoma	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	GP-Pharm, S.A.
100	VN-15198-12	Asthasal HFA	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
101	VN-16883-13	Astmodil	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
102	VN-17568-13	Astmodil	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
103	VN-16760-13	Atasart-H	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
104	VN-12166-11	Atcobeta-N	Atco Laboratories Ltd.	Atco Laboratories Ltd.
105	VN-18880-15	Atorcal tablet 20 mg	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
106	VN-18881-15	Atoris 20mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
107	VN-16656-13	Atoronobi 20	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
108	VN-16657-13	Atoronobi 40	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
109	VN-19232-15	Atorvastatin Tablets 10mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
110	VN-19233-15	Atorvastatin Tablets 20mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
111	VN-17235-13	Atosum tablets 20mg	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
112	VN-20307-17	Atozone-S	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
113	VN-20182-16	Atproton	Macleods Pharmaceuticals Limited	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
114	VN-19882-16	Atrox 10	Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	Biofarm Sp. zo.o.
115	VN-16204-13	Audocals	Công ty TNHH dược phẩm DOHA	Farmak JSC
116	VN-18305-14	Auricularum	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg
117	VN-17252-13	Aurolex 500	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
118	VN-17254-13	Auroliza-H	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
119	VN-17255-13	Auromitaz 1000	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
120	VN-17643-14	Auropennz 1.5	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
121	VN-17644-14	Auropennz 3.0	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
122	VN-13488-11	Auropodox 200	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
123	VN-12169-11	Auropodox 40	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
124	VN-20653-17	Aurozapine OD 30	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
125	VN-17382-13	Ausulvas 10 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
126	VN-18602-15	Avelox	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer AG
127	VN-18984-15	Aviflox 400	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
128	VN-20304-17	Axcel Cetirizine Syrup 5 mg/5ml	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.
129	VN-20700-17	Axuka	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
130	VN-17810-14	Azarga	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
131	VN-20625-17	Aze-Air	Sava Healthcare Limited	Sava Healthcare Limited
132	VN-17778-14	Azipowder	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Hưng	Renata Limited
133	VN-17640-14	Azpole IV Injection 40mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Lyka Labs Ltd. (NSX dung môi: Nirma Ltd., đ/c: Village - Sachana, Taluka-Viramgam, Ahmedabad 382 150, Gujarat, India)
134	VN-12682-11	Azukon MR	Torrent Exports Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
135	VN-20148-16	Bactirid 100mg/5ml dry suspension	Công ty TNHH AC pharma	Medicraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.
136	VN-19379-15	Bactronil	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Agio Pharmaceuticals Ltd.
137	VN-16670-13	Bantet	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
138	VN-18027-14	Banupyl - Kit	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
139	VN-13012-11	Barcavir	Công ty TNHH dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Limited
140	VN-20563-17	Barole 10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
141	VN-20805-17	Barole 20	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
142	VN-19092-15	Barudon Susp	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Tai Guk Pharm. Ind. Co., Ltd.
143	VN-18017-14	BASULTAM	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory C
144	VN-18306-14	Beasy 4mg Sachet	Geofman Pharmaceuticals	Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd.
145	VN-20509-17	Beatil 4mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.
146	VN-20510-17	Beatil 4mg/5mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
147	VN-20511-17	Beatil 8mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đc: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Polska Sp. zo.o.
148	VN-17263-13	Becozyme	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi SAS
149	VN-14487-12	Begenderm	Saint Corporation	Aprogen Pharmaceuticals, Inc
150	VN-20196-16	Begesic	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
151	VN-19391-15	Berocca Performance Orange	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	PT Bayer Indonesia
152	VN-20774-17	Besivance	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Bausch & Lomb Incorporated
153	VN-19067-15	Bestatin 20	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
154	VN-18849-15	Bestatin 40	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
155	VN-20118-16	Betacylic ointment	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
156	VN-19506-15	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.
157	VN-20035-16	Betadine Gargle and Mouthwash	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.
158	VN-20577-17	Betadine Ointment 10% w/w	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.
159	VN-20326-17	Betadine Throat spray	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd.
160	VN-19442-15	Betahistine Bluepharma (cơ sở đóng gói: Bluepharma-Industria Farmaceutica, S.A (Fab). Địa chỉ: Sao Martinho do Bispo 3045-016 Coimbra Bồ Đào Nha)	Bluepharma - Industria Farmaceutica, S.A	Catalent Germany Schorndorf Gmbh (Fab. Schorndorf)
161	VN-17245-13	Betaloc 50mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
162	VN-17244-13	Betaloc Zok 50mg	Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	AstraZeneca AB
163	VN-20504-17	Betamethasone tablet BP 0.5mg	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
164	VN-17337-13	Betex	DKSH Singapore Pte. Ltd.	The United Drug (1996) Co.,Ltd.
165	VN-20837-17	Betoptic S	Công ty TNHH Novartis Việt Nam	s.a. Alcon-Couvreur N.V
166	VN-15957-12	Bi Preterax	Les Laboratoires Servier	Les Laboratoires Servier Industrie
167	VN-9416-09	Biafine	Tedis	Janssen - Cilag

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
168	VN-17476-13	Bilbroxol Syrup	Công ty TNHH dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S.
169	VN-17477-13	Bilgrel	Công ty TNHH dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S.
170	VN-19716-16	Bilomag	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Natur Produkt Zdrovit Sp. Z o.o
171	VN-13720-11	Binfin	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Ltd
172	VN-18413-14	Biocam Inj	Pharmaunity Co., Ltd	Dai Han Pharm. Co., Ltd.
173	VN-20053-16	Biofazolin	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
174	VN-19304-15	Biofumoksym	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
175	VN-20800-17	Biseptol	Medana Pharma S.A.	Medana Pharma S.A.
176	VN-18490-14	Bisoblock 5mg	Actavis International Ltd	Niche Generics Limited
177	VN-20083-16	Bisocar 2.5	Rusan Pharma Ltd.	Rusan Pharma Ltd.
178	VN-16058-12	Bisolota F.C. Tablets 5mg	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.
179	VN-18822-15	Bisolvon Kids	Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam	PT Boehringer Ingelheim Indonesia
180	VN-15737-12	Bisolvon Tablets	Boehringer Ingelheim International GmbH	PT. Boehringer Ingelheim Indonesia
181	VN-19520-15	Bloktiene 4mg	PT Actavis Indonesia	Actavis International Ltd
182	VN-20365-17	Bloktiene 5 mg	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
183	VN-20660-17	Bluecezin	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Coimbra)	Bluepharma- Industria Farmaceutica, S.A.
184	VN-20393-17	Bluecose	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.
185	VN-17140-13	Blueye eye drop	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm. Co., Ltd
186	VN-17847-14	Bofalgan 1g/100ml Infusion	Bosch Pharmaceutical (PVT) Ltd.	Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd.
187	VN-11750-11	Bonlutin	Công ty TNHH Đại Bắc	Catalent Australia Pty. Ltd.
188	VN-19448-15	Bonsartine 25 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
189	VN-19535-15	Bonviva	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG
190	VN-20540-17	Boxorfen Tablet	Saint Corporation	Korea Prime Pharm Co., Ltd.
191	VN-15214-12	Bralcib Eye Drops	Atco Laboratories Ltd.	Atco Laboratories Ltd.
192	VN-18843-15	Brapanto 40mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
193	VN-18142-14	Breathezy 4	Mi Pharma Private Limited	MSN Laboratories Private Limited
194	VN-16117-13	Breathezy CW 5	MI Pharma Private Limited	MSN Laboratories Private Limited
195	VN-18799-15	Brexin	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
196	VN-20227-17	Bricanyl	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cenexi
197	VN-18025-14	Bridion	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	N.V. Organon

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
198	VN-19353-15	Britop	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
199	VN-18995-15	Briz	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Swiss Parentals Pvt. Ltd
200	VN-19552-16	Bromhexin Actavis 8mg	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Actavis International Ltd
201	VN-17242-13	Bronast Tablet	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
202	VN-18120-14	Broncomine Tablets "Honten"	Công ty cổ phần Dược - thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
203	VN-18028-14	Brospecta-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
204	VN-19799-16	Brucipro Tablets	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd
205	VN-19800-16	Brudopa	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd
206	VN-19819-16	Bterol	Công ty cổ phần BT Việt Nam	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
207	VN-19603-16	Buderen	Công ty TNHH dược phẩm Hoàng Dược	Rafarm S.A.
208	VN-20518-17	Budesma	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
209	VN-15282-12	Budesonide Teva 0,5mg/2ml	Actavis International Ltd	Norton Healthcare Limited T/A Ivax Pharmaceuticals UK
210	VN-18525-14	Buluking	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Đông Phương	BCWorld Pharm.Co.,Ltd.
211	VN-16918-13	Bupitroy 0,5%	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
212	VN-16919-13	Bupitroy Heavy	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
213	VN-19692-16	Bupivacaine Aguettant 5mg/ml	Delpharm Tours	Laboratoire Aguettant S.A.S
214	VN-18612-15	Bupivacaine for spinal anaesthesia Aguettant 5mg/ml	Laboratoire Aguettant	Delpharm Tours (cơ sở xuất xưởng: Laboratoire Aguettant- địa chỉ: Parc Scientifique Tony Garnier, 1 rue Alexander Fleming, 69007 Lyon, France)
215	VN-16574-13	Buprine 200 Hfa Inhalation	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Midas-Care Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
216	VN-19328-15	Burometam 2g	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt	Panpharma
217	VN-20661-17	Buscopan	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd	Delpharm Reims
218	VN-20074-16	Butavell	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
219	VN-16442-13	Buto-Asma	Actavis International Ltd	Laboratorio Aldo Union, S.A.
220	VN-19024-15	Cadglim 4	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
221	VN-18500-14	Cadigrel	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
222	VN-17284-13	Caditor 10	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
223	VN-17285-13	Caditor 20	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
224	VN-17286-13	Caditor 40	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
225	VN-18613-15	Calcitriol capsule BP 0,25mcg	Công ty TNHH dược phẩm Tây Huy	Macleods Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
226	VN-19324-15	Calcrem	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Satyam Pharmaceuticals & Chemicals Pvt., Ltd.
227	VN-19630-16	Caldiol soft capsule (Cơ sở đóng gói: Medica Korea Co., Ltd; địa chỉ: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea)	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	RP Corp., Inc
228	VN-20168-16	CalSource	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Consumer Health Care Pakistan Limited
229	VN-20050-16	Campto	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer (Perth) PTY LTD
230	VN-20051-16	Campto	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer (Perth) PTY LTD
231	VN-20556-17	Camtax	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
232	VN-19273-15	Candelong-4	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
233	VN-18564-14	Candelong-8	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
234	VN-20455-17	Candesarkern 16mg Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
235	VN-20456-17	Candesarkern 8mg Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
236	VN-20392-17	Candesartan BluePharma	Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A.	Bluepharma Genericos-Comercio De Medicamenos, S.A.
237	VN-16269-13	Candid	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
238	VN-14180-11	Candid Mouth Paint	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
239	VN-19658-16	Candid TV	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
240	VN-19659-16	Candid V1	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
241	VN-19660-16	Candid V3	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
242	VN-15909-12	Candiderm	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
243	VN-16270-13	Candid-V	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
244	VN-12794-11	Candisafe	Gelnova Laboratories (India) Private Limited	Gelnova Laboratories (I) Pvt., Ltd.
245	VN-16136-13	Canesten	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Pharma AG
246	VN-17648-14	Canesten Cream	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Encube Ethicals Private Ltd
247	VN-11157-10	Canzeal 2mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek S.A
248	VN-11158-10	Canzeal 4 mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek S.A
249	VN-17461-13	Caplor	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Ind-Swift Limited (Global Business Unit)
250	VN-18857-15	Carazotam	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Mitim s.r.l.
251	VN-18858-15	Carazotam	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Mitim s.r.l.
252	VN-16077-12	Carbatol-200	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
253	VN-17486-13	Carbotenol	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
254	VN-18095-14	Cardiject	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
255	VN-9648-10	Cardilopin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
256	VN-9649-10	Cardilopin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
257	VN-18116-14	Cardimax MR 35mg	MI Pharma Private Limited	USV Private Limited
258	VN-20739-17	Cardival 80	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Drug International Limited
259	VN-19727-16	Catefat	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
260	VN-18618-15	Cathejell MIT Lidocain	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH.
261	VN-20179-16	Catoprine	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
262	VN-9211-09	Cavinton	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
263	VN-14051-11	Cebrex	Công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG
264	VN-15935-12	Ceclor	A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	ACS Dobfar S.P.A.
265	VN-16796-13	Ceclor	A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	ACS Dobfar S.P.A.
266	VN-18242-14	Cedonkit 250	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Delta Pharma Limited
267	VN-20701-17	Cefanew	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
268	VN-18447-14	Cefax - 250 Dry Syrup	Sakar Healthcare Limited	Sakar Healthcare Limited
269	VN-18448-14	Cefax-500 capsule	Sakar Healthcare Limited	Sakar Healthcare Limited
270	VN-17752-14	Cefdyvax-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
271	VN-17366-13	Cefepime Gerda 1g	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
272	VN-17367-13	Cefepime Gerda 2g	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
273	VN-20680-17	Cefepime Kabi 1g	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A. (NSX sản phẩm trung gian: Fresenius Kabi Ipsum S.r.l)
274	VN-17287-13	Ceficad 1000	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
275	VN-5524-10	Cefimed	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd.
276	VN-20715-17	Cefin	Công ty TNHH dược phẩm Thủ Đô	Remedica S.A.
277	VN-17753-14	Cefitone-500	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
278	VN-19451-15	Cefotaxim Stragen 2g	Công ty TNHH dược phẩm Việt Pháp	Mitim S.R.L
279	VN-20445-17	Cefoxitin Gerda 1G	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
280	VN-20446-17	Cefoxitin Gerda 2G	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
281	VN-18361-14	Cefpas	Samrudh Pharmaceuticals Private Limited	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
282	VN-18224-14	Cefpibolic-1000	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
283	VN-17368-13	Ceftazidime Gerda 1g	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
284	VN-17905-14	Ceftazidime Gerda 2g	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
285	VN-20418-17	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A.
286	VN-17288-13	Ceftopix 100	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
287	VN-17289-13	Ceftopix 200	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
288	VN-17290-13	Ceftopix 50 suspension	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
289	VN-16696-13	Ceftriaxone Gerda 1g/10ml	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	LDP Laboratorios Torlan SA
290	VN-14834-12	Ceftriaxone Panpharma	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Panpharma
291	VN-20878-17	Cefuroxime Panpharma	Vipharco	Panpharma
292	VN-20332-17	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Pharmaceuticals LLC
293	VN-17943-14	Celecoxib capsules 100mg	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
294	VN-19402-15	Celemin Nephro 7%	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.
295	VN-19817-16	Celemin Nephro 7%	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.
296	VN-17339-13	Celenobe-100	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
297	VN-17340-13	Celenobe-200	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
298	VN-19110-15	Celestal-200	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	Stallion Laboratories Pvt. Ltd.
299	VN-18621-15	Celetran	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Nectar Lifescience Limited (Unit-VI)
300	VN-20176-16	Celofen 100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
301	VN-19973-16	Celofin 200	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
302	VN-17511-13	Cephalexin 500mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Factory C

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
303	VN-17680-14	Cerefort	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Uni Pharma Company
304	VN-16135-13	Cernevit	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Pierre Fabre Medicament production (Xuất xưởng: Baxter S.A., Bd. Réné Branquart 80, B-7860 Lessines, Belgium)
305	VN-19582-16	Certrang	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Windlas Biotech Private Limited
306	VN-16473-13	Cetirizine Hydrochloride	Công ty TNHH dược phẩm Tây Sơn	Kausikh Therapeutics (P) Ltd.
307	VN-18541-14	Cetraxal	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Laboratorios Salvat, S.A.
308	VN-20718-17	Ceutocid 200 Capsule	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
309	VN-16436-13	Chemacin	Công ty TNHH Sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.
310	VN-20895-18	Chiamin-S Injection	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
311	VN-14366-11	Chiamin-S-2 Injection	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
312	VN-18623-15	Chimitol vaginal tablet	Pharmaunity Co., Ltd.	Aprogen Pharmaceuticals Inc
313	VN-20855-17	Cholinaar	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
314	VN-16558-13	Cholter 10	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
315	VN-16559-13	Cholter 20	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
316	VN-18839-15	Choncylox	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Windlas Biotech Private Limited
317	VN-20532-17	Choongwae Prepenem 500mg	JW Pharmaceutical Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
318	VN-18624-15	Cialis	DKSH Singapore Pte.Ltd	Lilly del Caribe, Inc.
319	VN-16690-13	Cilavef	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	The Schazoo Pharmaceutical laboratories (Pvt.) Limited
320	VN-11961-11	Cilzec 20	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN Laboratories Private Limited (Formulations Division)
321	VN-11962-11	Cilzec 40	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN Laboratories Private Limited (Formulations Division)
322	VN-11963-11	Cilzec 80	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN Laboratories Private Limited (Formulations Division)
323	VN-14263-11	Cilzec Plus	Mega Lifesciences Public Company Limited	MSN Laboratories Limidted
324	VN-13796-11	Cimetidine	Micro Labs Limited	Micro Labs Ltd.
325	VN-20128-16	Cipazy	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd.
326	VN-17292-13	Ciplox	Cipla Ltd.	Cipla Ltd
327	VN-18625-15	Ciplox 500	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
328	VN-19873-16	Cipogip 500 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
329	VN-14008-11	Ciprobay 200	Bayer AG	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.
330	VN-19012-15	Ciprobay 400mg	Bayer AG	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.
331	VN-19050-15	Ciprofloxacin Infusion	Công ty cổ phần Dược TƯ Mediplantex	Hebei Tiancheng Pharmaceutical Co., Ltd
332	VN-18991-15	Ciprofloxacin Injection U.S.P 0.2% w/v	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd
333	VN-18952-15	Ciprofloxacin Polpharma	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
334	VN-15526-12	Ciprofloxacin Tablets USP 500mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
335	VN-17331-13	Ciprofloxacin-hameln 2mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
336	VN-18529-14	Cirexium	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Ciron Drugs & Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
337	VN-20416-17	Cisatracurium Kabi 2mg/ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Fresenius Kabi Manufacturing S.A. (Pty) Limited
338	VN-17424-13	Cisplatin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte. Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
339	VN-18343-14	Citilin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
340	VN-20240-17	Citopcin Injection 100mg/50ml	CJ HealthCare Corporation	CJ HealthCare Corporation
341	VN-20134-16	Citopcin Injection 200mg/100ml	Pharmaunity Co.Ltd	Hk Inno.N Corporation
342	VN-20135-16	Citopcin Injection 400mg/200ml	Pharmaunity Co.Ltd	Hk Inno.N Corporation
343	VN-16823-13	Citysaam	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
344	VN-17090-13	Citysaam	Samrudh Pharmaceuticals Private Limited	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
345	VN-18626-15	CKDCandemore Plus tab. 16/12.5mg	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
346	VN-19574-16	CKDCeftizoxime inj. 1g	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
347	VN-18192-14	CKDCipol-N 100mg (Đóng gói và xuất xưởng bởi: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp., đ/c: 797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea)	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Suheung Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
348	VN-18193-14	CKDCipol-N 25mg (Đóng gói và xuất xưởng bởi: Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp., đ/c: 797-48 Manghyang-ro, Seonggeo-eup, Seobuk-gu, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea)	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Suheung Co., Ltd.
349	VN-19575-16	CKDCipol-N oral solution	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
350	VN-18189-14	CKDIzarbelltan tab. 150mg	Chong Kun Dang Pharm. Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
351	VN-18830-15	CKDIzarbelltan tab. 300mg	Chong Kun Dang Pharm. Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
352	VN-19576-16	CKDKmoxilin Dry Syrup 7:1	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Chong Kun Dang Pharm Corp.
353	VN-18627-15	CKDLipilou tab. 40mg	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
354	VN-17850-14	Ckdmyrept Cap. 250mg	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
355	VN-17851-14	Ckdmyrept Tab. 500mg	Chong Kun Dang Pharm Corp.	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.
356	VN-18628-15	Clamodia 625 FC Tablets	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
357	VN-18629-15	Clavart	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Lark Laboratories (India) Ltd.
358	VN-19523-15	Clavurem 625	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm Nam Tiến	Remedica Ltd.
359	VN-17678-14	Clealine 100mg	Công ty TNHH dược phẩm An sinh	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira) (Cơ sở xuất xưởng: West Pharma-Producoes de Especialidades Farmaceuticas, S.A, (Fab. Venda Nova), Portugal)
360	VN-16661-13	Clealine 50mg	Công ty TNHH dược phẩm An sinh	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
361	VN-20863-17	Cledomox 1000	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Medopharm Pvt. Ltd.
362	VN-17859-14	Clisma-lax	Công ty cổ phần dược phẩm APAC	Sofar S.p.A
363	VN-13221-11	Clomaz	L.B.S. Laboratory Ltd. Part	L.B.S. Laboratory Ltd. Part
364	VN-16941-13	Clopisum	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
365	VN-12437-11	Clostilbegyt	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
366	VN-19422-15	Clotolet	Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3	Aurochem Pharmaceuticals (I)Pvt.Ltd.
367	VN-19423-15	Cloviracinob	Công ty cổ phần Thương Mại dược phẩm Hà Lan	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
368	VN-16207-13	Cloviracinob 200	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
369	VN-16208-13	Cloviracinob 400	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
370	VN-14828-12	Clozapyl 100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
371	VN-13897-11	Clozapyl 25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
372	VN-18934-15	Codepect	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
373	VN-20505-17	Colchicine	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
374	VN-13351-11	Colergis	PT. Dexa Medica	PT Ferron Par Pharmaceuticals
375	VN-14260-11	Colestrim	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
376	VN-18373-14	Colestrim Supra	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Ethypharm
377	VN-16328-13	Colicare Drops	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm ACE	Meyer Organics Pvt.Ltd
378	VN-20727-17	Colistimethate for Injection U.S.P.	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Patheon Manufaturing Services LLC
379	VN-18888-15	CoLosar-Denk 50/12.5	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Denk Pharma GmbH & Co. Kg
380	VN-20373-17	Combigan	Allergan Singapore Pte. Ltd	Allergan Pharmaceuticals Ireland
381	VN-20531-17	Combilipid Peri Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
382	VN-18630-15	Combiwave B 200	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
383	VN-20282-17	Combiwave B 250	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
384	VN-20170-16	Combiwave FB 100	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
385	VN-20171-16	Combiwave FB 200	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
386	VN-18897-15	Combiwave SF 125	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
387	VN-18898-15	Combiwave SF 250	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
388	VN-18899-15	Combiwave SF 50	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
389	VN-15726-12	Compound Sodium Lactate Intravenous Infusion B.P. (Hartmann's Solution)	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
390	VN-20783-17	Concerta	Janssen - Cilag Ltd.	Janssen Cilag Manufacturing LLC (CSĐG: AndersonBrecon Inc., đ/c: 4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, Mỹ; CS kiểm tra chất lượng để xuất xưởng thành phẩm: Janssen Ortho LLC, đ/c: State Road 933 KM 0.1, Mamey Ward, Gurabo, Puerto Rico, Mỹ)
391	VN-19344-15	Co-Olesta 20mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
392	VN-20269-17	Corbis Tablet 5mg	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd.
393	VN-18864-15	Coreprazole	Công ty cổ phần dược phẩm Song Vân	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
394	VN-18273-14	Coryol 12.5mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
395	VN-17523-13	Cozaar XQ 5mg/100mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Hanmi Pharm.Co., Ltd,(Paltan site) (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V. Hà Lan)
396	VN-17524-13	Cozaar XQ 5mg/50mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Hanmi Pharm.Co., Ltd,(Paltan site) (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V. Hà Lan)
397	VN-18243-14	CP	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
398	VN-19935-16	Cravit I.V	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
399	VN-9170-09	Cravit I.V	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
400	VN-19934-16	Cravit Tab 500	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd.
401	VN-18937-15	Crinone	Merck Export GmbH	Cơ sở sản xuất ống tra thuốc: Maropack AG; Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: Central Pharma (Contract Packing) Limited; Cơ sở sản xuất gel: Fleet Laboratories Limited
402	VN-18180-14	Cupid 50	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
403	VN-18321-14	Curam 1000mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
404	VN-18637-15	Curam Quicktabs 1000mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
405	VN-18638-15	Curam Quicktabs 625mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d
406	VN-18909-15	Curosurf	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
407	VN-20558-17	Cyclindox 100mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd. - Factory AZ
408	VN-16114-13	Cyclorin	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Lupin Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
409	VN-20462-17	Cynarix-Dragees	Công ty TNHH dược phẩm Việt Lâm	Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH
410	VN-18866-15	Cyplosart 50 FC Tablets	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
411	VN-18515-14	Cyplosart plus 50/12,5 FC tablets	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
412	VN-15897-12	Cystine B6 Bailleul	Tedis	Laboratoires Galeniques Vernin
413	VN-15527-12	Czartan-50	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
414	VN-20748-17	Daehwa Acyclovir Cream	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd	Dae Hwa Pharmaceutical Co., Ltd
415	VN-15406-12	Daehwa almetamin tab.	Dae Hwa Pharm Co., Ltd.	Dae Hwa Pharm Co., Ltd.
416	VN-19737-16	Daigaku	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.
417	VN-18639-15	Daikyn	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	LTD Farmaprim
418	VN-18414-14	Daitos Inj.	Pharmaunity Co., Ltd	Dai Han Pharm. Co., Ltd.
419	VN-14214-11	Daktarin Oral Gel	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Olic (Thailand) Ltd.
420	VN-16855-13	Dalacin C	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium N.V.
421	VN-19718-16	Dalacin C	Pfizer Thailand Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium NV
422	VN-15270-12	Danaroxime	Công ty cổ phần Dược Đại Nam	Panpharma
423	VN-18228-14	Dasbrain	Công ty TNHH Đại Bắc	Catalent Australia Pty. Ltd.
424	VN-20251-17	Dầu xanh con ó/Eagle brand medicated oil	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Borden Company (Private) Ltd.
425	VN-17223-13	Daytrix	Công ty TNHH Sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.
426	VN-20697-17	D-Cure 25.000 IU	Công ty TNHH DP Bách Việt	SMB Technology S.A
427	VN-11313-10	Depakine 200mg/ml	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Unither Liquid Manufacturing
428	VN-16995-13	Deplin 600mg (Đóng gói và xuất xưởng: Biokanol Pharma GmbH, địa chỉ: Kehler Strasse 7, D-76437 Rastatt, Germany)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
429	VN-16597-13	Derinide 100 Inhaler	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
430	VN-16144-13	Derinide 200 Inhaler	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
431	VN-19165-15	Dermovate cream	GlaxoSmithKline Pte Ltd.	Glaxo Operations UK Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
432	VN-17291-13	Des OD	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
433	VN-19980-16	Desaurus	Hexal AG	Sandoz Private Limited
434	VN-20422-17	Desbebe	Công ty cổ phần thiết bị T&T	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
435	VN-20413-17	Desfonak	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Ronak Biopharmaceutical Co.
436	VN-20183-16	Desilmax 100	Macleods Pharmaceuticals Limited	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
437	VN-20184-16	Desilmax 50	Macleods Pharmaceuticals Limited	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
438	VN-20712-17	Deslet	Công ty TNHH dược phẩm thiết bị y tế Âu Việt	Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd.
439	VN-19699-16	Deslogen	LLoyd Laboratories INC.	LLoyd Laboratories INC.
440	VN-16773-13	Destacure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
441	VN-19504-15	Destidin	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
442	VN-19790-16	Destor	Axon Drugs Private Ltd.	Axon Drugs Private Ltd.
443	VN-19435-15	Devodil 50	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Nam Tiến	Remedica Ltd.
444	VN-16567-13	Deworm	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Atra Pharmaceuticals Limited
445	VN-18121-14	Dexamethasone Injection YY	Công ty cổ phần dược - thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
446	VN-18974-15	Dexcon Tablet 10mg	Công ty cổ phần dược - thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
447	VN-16553-13	Dex-Tobrin	Actavis International Ltd	Balkanpharma Razgrad AD
448	VN-18817-15	Diane-35	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Weimar GmbH und Co. KG (Đóng gói và xuất xưởng: Bayer Pharma AG, Đ/c: 13342 Berlin, Germany)
449	VN-19654-16	Diaphyllin Venosum	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
450	VN-15613-12	Diazepam Injection BP 10mg	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ kỹ thuật Đức Việt	Panpharma GmbH
451	VN-19414-15	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
452	VN-20090-16	Diclofenac sodium Injection	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Siu Guan Chemical Industrial Co., Ltd.
453	VN-20704-17	Dilorop Eye Drops	Công ty TNHH dược phẩm Nam Hân	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
454	VN-18379-14	Dinpocef-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
455	VN-19498-15	Diopolol 10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Chanelle Medical
456	VN-19499-15	Diopolol 2.5	Mega Lifesciences Public Company Limited	Chanelle Medical
457	VN-19500-15	Diopolol 5	Mega Lifesciences Public Company Limited.	Chanelle Medical
458	VN-20300-17	Diphereline 0,1 mg	Ipsen Pharma	Ipsen Pharma Biotech
459	VN-19986-16	Diphereline P.R 3,75 mg	Ipsen Pharma	Ipsen Pharma Biotech

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
460	VN-15720-12	Diprivan	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cơ sở sản xuất: Corden Pharma S.P.A; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd
461	VN-17251-13	Diprivan	AstraZeneca Singapore Pte., Ltd.	Cơ sở sản xuất: Corden Pharma S.P.A; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Ltd
462	VN-10543-10	Dipsope-10	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	RPG Lifesciences Ltd.
463	VN-10544-10	Dipsope-5	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	RPG Lifesciences Ltd.
464	VN-19121-15	Disys	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
465	VN-19724-16	Diu-Tansin Tablet	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
466	VN-16668-13	Dloe 4	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Laboratorios Lesvi, S.L.
467	VN-17006-13	Dloe 8	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Laboratorios Lesvi, S.L.
468	VN-16920-13	Dobucin	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
469	VN-15651-12	Dobutamine Panpharma 250mg/20ml	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
470	VN-16187-13	Dobutamine-hameln 5mg/ml Injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
471	VN-18970-15	Dobutane	Unison Laboratories Co., Ltd.	Unison Laboratories Co., Ltd.
472	VN-20189-16	Dolo-Neurobion	Zuellig Pharma Pte. Ltd	PT. Merck Tbk
473	VN-19567-16	Domperon suspension	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Limited
474	VN-19608-16	Domreme	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
475	VN-18257-14	Doneson	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd
476	VN-17420-13	Dongkwang Silkron	Dongkwang Pharm Co., Ltd.	Dongkwang Pharm Co., Ltd.
477	VN-18479-14	Dopamine hydrochloride 4%	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
478	VN-13124-11	Dopegyt	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
479	VN-19387-15	Dorijet	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Lyka Labs Ltd.
480	VN-20293-17	Dorithricin	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG
481	VN-15929-12	Dotarem	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
482	VN-17426-13	Doxorubicin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte. Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG
483	VN-16036-12	Doxycycline Capsules BP 100mg	Rotaline Molekule Pvt. Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
484	VN-16308-13	Drosperin	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A
485	VN-15082-12	Drosperin 20	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A.
486	VN-20665-17	Drotavep 40mg tablets	Celltrion pharm, Inc	ExtractumPharma Co. Ltd.
487	VN-20721-17	Dubemin injection	Công ty TNHH dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Ltd
488	VN-16607-13	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch 5D	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.
489	VN-20722-17	Duraject - 60	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
490	VN-19681-16	Durogesic 50 mcg/h	Janssen Cilag Ltd.	Janssen Pharmaceutica N.V.
491	VN-18476-14	Dynapar AQ	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
492	VN-16996-13	Eagle Brand Muscle Rub	CT TNHH DKSH Việt Nam	Borden Co., Pte. Ltd
493	VN-19073-15	Eagle Brand Yellow Balm	Công ty TNHH Quốc tế Amipharm	PT. Eagle Indo Pharma
494	VN-17362-13	Eckhart Q10	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	Eckhart Corporation
495	VN-19095-15	Ecosip Plaster "Sheng Chun"	Công ty TNHH dược phẩm Thiên Ân	Sheng Chun Tang Pharmaceutical Industrial Co.
496	VN-19156-15	Ednyt 10 mg viên nén	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
497	VN-18993-15	Efavirenz Tablets 600mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
498	VN-18951-15	Efexor XR	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Ireland Pharmaceuticals (Đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Biotech Corporation; địa chỉ: Hsinchu Plant, No. 290-1, Chung Lun, Chung Lun Village, Hsinfeng, Hsin Chu, Taiwan)
499	VN-18975-15	Efexor XR	Pfizer (Thailand) Ltd	Pfizer Ireland Pharmaceuticals (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng: Pfizer Biotech Corporation, địa chỉ: No.290- 1, Chung Lun, Chung Lun Village, Hsinfeng, HsinChu, Taiwan, ROC.)
500	VN-18890-15	Egilok	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
501	VN-18891-15	Egilok	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
502	VN-19639-16	Egolanza	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
503	VN-20253-17	Elcontrol	Công ty TNHH dược phẩm Hoàng Dược	Kleva Pharmaceuticals S.A.
504	VN-16330-13	Eldoper	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
505	VN-20789-17	Elpertone	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
506	VN-18532-14	Elriz	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
507	VN-18443-14	Emanera 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm tenamyd	KRKA, D.D., Novo Mesto
508	VN-19874-16	Emfoxim 100	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
509	VN-19875-16	Emfoxim 200	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
510	VN-17638-14	Emilar Jelly	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
511	VN-16575-13	Emparis Injection	Aristo pharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
512	VN-11864-11	Emzinc tablets	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
513	VN-16860-13	Enarenal	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
514	VN-17938-14	Encifer	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
515	VN-16379-13	Encorate	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
516	VN-16380-13	ENCORATE 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
517	VN-19021-15	Endoprost-125mcg	Bharat Serums and Vaccines Ltd.	Bharat Serums and Vaccines Ltd.
518	VN-19022-15	Endoprost-250mcg	Bharat Serums and Vaccines Ltd.	Bharat Serums and Vaccines Ltd.
519	VN-20793-17	Ephedrine Aguetant 30mg/10ml	Laboratoire Aguettant	Laboratoire Aguettant
520	VN-19081-15	Epicta 120	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
521	VN-15439-12	Epinosine B Forte	Công ty TNHH dược phẩm AN KHANG	Egyptian Int Pharmaceutical Industries Co. (E.I.P.I.CO.)
522	VN-20036-16	Epirubicin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
523	VN-20037-16	Epirubicin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
524	VN-18835-15	Equoral 25 mg	Actavis International Ltd	Teva Czech Industries s.r.o
525	VN-18844-15	Eroceftri 1g	Công ty CP dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
526	VN-16747-13	Erolin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
527	VN-20498-17	Erolin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
528	VN-18965-15	Ery Children 250mg (Xuất xưởng bởi: Laboratoires Bouchara Recordati, địa chỉ: 70, Avenue du General de Gaulle 92800 Puteaux, France)	Tedis	Sophartex
529	VN-10603-10	Erylik	Tedis	Laboratoires Chemineau

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
530	VN-19409-15	Escivex 20 tablets	Công ty TNHH dược phẩm Y-MED	Akum Drugs & Pharmaceuticals Ltd
531	VN-20113-16	Escivex 5 tablets	Akums Drugs & Pharmaceuticals Limited	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.
532	VN-16693-13	Eskafolvit Capsule	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Eskayef Pharmaceuticals Limited
533	VN-19472-15	Eslo-10	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
534	VN-19473-15	Eslo-20	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
535	VN-19099-15	Esofar 20	Công ty TNHH dược phẩm Tiền Giang	Kwality Pharmaceutical PVT. Ltd.
536	VN-19100-15	Esofar 40	Công ty TNHH dược phẩm Tiền Giang	Kwality Pharmaceutical PVT. Ltd.
537	VN-20145-16	Esomaxcare 20 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
538	VN-20146-16	Esomaxcare 40 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
539	VN-13621-11	Esonix 20mg	Công ty TNHH dược phẩm và TBYT Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
540	VN-13622-11	Esonix 40mg	Công ty TNHH dược phẩm và TBYT Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
541	VN-17396-13	Esorest	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Hoàng Trân	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
542	VN-19701-16	Esotrax 40	Công ty cổ phần Thương mại và dược phẩm T&T	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
543	VN-14925-12	Espumisan Capsules	A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	Catalent Germany Eberbach GmbH (Đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG (Menarini Group), Glienicker Weg 125-12489 Berlin, Germany)
544	VN-17085-13	Estraceptin	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A
545	VN-17639-14	Eszol Tablet	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
546	VN-16220-13	Ethambutol HCl 400mg film coated tablets	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Artesan Pharma GmbH & Co., KG
547	VN-18863-15	Eto 90	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Gia	Delta Pharma Limited
548	VN-20009-16	Etogeric 120	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
549	VN-19229-15	Etogeric 60	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
550	VN-20010-16	Etogeric 90	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II
551	VN-17105-13	Etorica - 60	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
552	VN-17108-13	Etotab-60	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
553	VN-17109-13	Etotab-90	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
554	VN-19109-15	Etrix 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	S.C. Arena Group S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
555	VN-18307-14	Eumovate cream	GlaxoSmithKline Pte Ltd.	Glaxo Operations UK Limited
556	VN-20086-16	Eupicom Soft Capsule	Saint Corporation	Kolmar Pharma Co., Ltd.
557	VN-16471-13	Eurolocin	Công ty CP sản xuất và thương mại Song Sơn	Globe Pharmaceuticals Ltd.
558	VN-16697-13	Eurozitum 60mg	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
559	VN-20539-17	Evinale gel	Saint Corporation	Korea Arlico Pharm Co., Ltd.
560	VN-19725-16	Evopride 1mg	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
561	VN-20204-16	Evopride 2mg	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
562	VN-19287-15	Exforge HCT 10mg/160mg/12.5mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
563	VN-19289-15	Exforge HCT 5mg/160mg/12.5mg	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
564	VN-16774-13	Exibcure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
565	VN-17124-13	Exjade 125	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
566	VN-17125-13	Exjade 250	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG
567	VN-15149-12	Exomuc	Tedis	Sophartex
568	VN-10546-10	Eyaren Ophthalmic Drops	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.
569	VN-18429-14	Eyecool Eye Drops	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm Co., Ltd.
570	VN-19492-15	Eyemiru Wash	Lion Corporation	Nitto Medic Co.Ltd.
571	VN-20212-16	Eyfem	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd
572	VN-17200-13	Eyflox ophthalmic ointment	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
573	VN-5615-10	Eyracin ophthalmic Solution	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.
574	VN-16901-13	Eyrus Ophthalmic Ointment	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.
575	VN-11307-10	Eytanac Ophthalmic Solution	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.
576	VN-20081-16	Eytofen	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd
577	VN-17762-14	Facrasu	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Đông Phương	Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd.
578	VN-18226-14	Falipan (cơ sở xuất cưởng: Deltamedica GmbH; Địa chỉ: Ernst – Wagner –Weg 1-5 72766 Reutlingen, Đức)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Industria Farmaceutica Galenica Senesse S.R.L

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
579	VN-18847-15	Falipan (Cơ sở xuất xưởng: Deltamedica GmbH; địa chỉ: Ernst-Wagner-Weg 1-5, 72766 Reutlingen, Đức)	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L
580	VN-20054-16	Famogast	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
581	VN-19691-16	Famoster Injection 10mg/ml "T.F"	Kwan Star Co. Ltd	Ta Fong Pharmaceutical Co., Ltd
582	VN-19039-15	Farmiga	Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc	LTD Farmaprim
583	VN-12132-11	Fastum Gel	A. Menarini Singapore Pte. Ltd.	A.Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l
584	VN-20359-17	Fatig	Abbott Laboratories	Pharmatis
585	VN-15197-12	FEB C37	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Amanta Healthcare Limited
586	VN-17825-14	Febramol	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
587	VN-18869-15	Feelnor	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
588	VN-14829-12	Fegem-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
589	VN-18471-14	Feliz S 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
590	VN-18648-15	Femoston 1/10	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Abbott Biologicals B.V.
591	VN-18509-14	Fenilham	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
592	VN-17958-14	Fenogetz capsules 200mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
593	VN-17451-13	Fenosup Lidose	Hyphens Pharma Pte. Ltd	SMB Technology S.A.
594	VN-19920-16	Feomin Tablet 500mg	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
595	VN-16256-13	Ferium- XT	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Limited
596	VN-16315-13	Ferlatum Fol (Cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: ABC Farmaceutici S.p.A. Địa chỉ: Via Canton Moretti, 29 Localita San Bernado-Ivrea Torino, Italy)	Lifepharma S.p.A.	Italfarmaco, S.A.
597	VN-20682-17	Ferricure 100mg/5ml	Công ty cổ phần Fulink Việt Nam	Laboratoires Pharmaceutiques TRENKER SA
598	VN-19839-16	Ferricure 150mg Capsule	Công ty cổ phần Fulink Việt Nam	Laboratoires Pharmaceutiques TRENKER SA
599	VN-18973-15	Ferrola	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Lomapharm GmbH
600	VN-17746-14	Ferrovit	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
601	VN-19380-15	Fexihist	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Ltd.
602	VN-19802-16	Fimaconazole	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
603	VN-20786-17	Finiod	JW Pharmaceutical Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
604	VN-17012-13	Fixibest	Công ty TNHH MTV Vimepharco	The Belmedpreparaty RUE
605	VN-16363-13	Flamilium	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
606	VN-17434-13	Flamipio	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Limited
607	VN-19949-16	Flamotax 1	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
608	VN-19381-15	Flarex	Novartis Pharma Services AG	s.a. Alcon-Couvreur N.V
609	VN-15540-12	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
610	VN-15541-12	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
611	VN-18370-14	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
612	VN-18933-15	Fleming	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd	Medreich Limited
613	VN-18011-14	Flexen	Lifepharma S.p.A.	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.
614	VN-14261-11	Flexsa 1500	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences (Australia) Pty., Ltd.
615	VN-20281-17	Flixonase	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome SA
616	VN-18309-14	Flixotide Nebules 0.5mg/2ml	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.
617	VN-20567-17	Floezy	Mega Lifesciences Public Company Limited	Synthon Hispania, SL
618	VN-18855-15	Floxaval	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Delorbis Pharmaceuticals Ltd
619	VN-20849-17	Flucinar Ointment	Pharmaceutical Works Jelfa S.A.	Pharmaceutical Works Jelfa S.A.
620	VN-16474-13	Fluconazole	Công ty TNHH dược phẩm Tây Sơn	Kausikh Therapeutics (P) Ltd.
621	VN-15796-12	Fluconazole Polfarmex Tablets 150 mg	Công ty cổ phần Y tế Việt Phương	Polfarmex S.A
622	VN-18484-14	Flucopharm 2mg/ml	Yuria-Pharm Ltd	Yuria-Pharm Ltd
623	VN-19661-16	Flucort-C	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
624	VN-11881-11	Flucort-N	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
625	VN-18491-14	Fludalym 25mg/ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
626	VN-16654-13	Fluomizin	Diethelm & Co., Ltd.	Rottendorf Pharma GmbH
627	VN-18900-15	Flusort	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
628	VN-20395-17	Flutiflow 120	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Limited
629	VN-20396-17	Flutiflow 60	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Limited
630	VN-20856-17	Fluxar	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
631	VN-15193-12	FML Liquifilm	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
632	VN-18650-15	Foracort 100 Inhaler	Cipla Ltd.	Cipla Ltd
633	VN-18504-14	Foracort 200 Inhaler	Cipla Ltd.	Cipla Ltd
634	VN-15746-12	Forair 125	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
635	VN-15747-12	Forair 250	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
636	VN-16444-13	Formonide 100 Inhaler	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
637	VN-16445-13	Formonide 200 Inhaler	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
638	VN-20344-17	Fortipred	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd
639	VN-20515-17	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm: GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torrile (PR), Ý)	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A
640	VN-18940-15	Fosamax Plus 70mg/2800IU	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Rovi Pharma Industrial Services, S.A (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V, Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)
641	VN-19548-16	Foster	Orient Europharma Pte Ltd	Chiesi Farmaceutici S.p.A.
642	VN-14178-11	Fraxiparine 0,3ml	Aspen Pharmacare Australia Pty Ltd	Aspen Notre Dame de Bondeville
643	VN-15593-12	Freeclo	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
644	VN-20210-16	Frego	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	PT. Kalbe Farma Tbk
645	VN-14208-11	Fucicort	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Leo Laboratories Limited
646	VN-14209-11	Fucidin	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Leo Laboratories Limited
647	VN-14707-12	Fucidin	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Leo Laboratories Limited
648	VN-17473-13	Fucidin H	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Leo Laboratories Limited
649	VN-15358-12	Fugentin	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Elpen Pharmaceutical Co. Inc.
650	VN-16978-13	Fungiact	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	XL Laboratories Pvt., Ltd.
651	VN-19848-16	Furect I.V	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
652	VN-16480-13	Fyranco	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
653	VN-17661-14	Fytobact 1g	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Cadila Pharmaceuticals Limited
654	VN-19773-16	Gabafast Capsules	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Private Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
655	VN-16909-13	Gabantin 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
656	VN-20512-17	Gabica Capsule 300mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
657	VN-20205-16	Gabin 400mg	PharmEvo Private Limited	PharmEvo Private Limited
658	VN-17840-14	Gadovist	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Pharma AG
659	VN-19290-15	Galvus	Novartis Pharma Services AG	Novartis Farmaceutica S.A.
660	VN-15641-12	Gamalate B6	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
661	VN-15642-12	Gamalate B6	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
662	VN-19767-16	Ganfort	Allergan Singapore Pte. Ltd	Allergan Pharmaceuticals Ireland
663	VN-13849-11	Gaviscon	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
664	VN-17153-13	Gaviscon	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
665	VN-18653-15	Gaviscon Dual Action	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
666	VN-18654-15	Gaviscon Dual Action	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited
667	VN-17520-13	Gazgo	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
668	VN-20882-18	Gelofusine	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
669	VN-20826-17	Gemcitabin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
670	VN-16987-13	Genbay	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	Ltd Farmaprim
671	VN-16635-13	Gentusi	Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company	Farmaprim Ltd.
672	VN-16763-13	Getsitalip Tablets 100mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
673	VN-16764-13	Getsitalip Tablets 50mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
674	VN-16486-13	Getzome	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
675	VN-20891-18	Giloba	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Limited
676	VN-20747-17	Ginkgo 3000	Contract Manufacturing & Pakaging Services Pty. Ltd.	Contract Manufacturing & Pakaging Services Pty. Ltd.
677	VN-17785-14	Gintecin injection	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
678	VN-12795-11	Girlvag	Gelnova Laboratories (India) Private Limited	Gelnova Laboratories (I) Pvt., Ltd.
679	VN-17370-13	Gitazot Injection	Công ty CP sản xuất và thương mại Song Sơn	Globe Pharmaceuticals Ltd.
680	VN-19550-16	Gitrabin 1g	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.-Nerviano Plant

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
681	VN-19551-16	Gitrabin 200mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.-Nerviano Plant
682	VN-18526-14	Glemep	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd
683	VN-18896-15	Glemont-IR 10	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
684	VN-20519-17	Glencet	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
685	VN-18901-15	Glenlipid	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
686	VN-12466-11	Glentaz	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
687	VN-20615-17	Gliclada 30mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	KRKA, D.D., Novo Mesto
688	VN-20230-17	Glucobay 100mg	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
689	VN-20231-17	Glucobay 50mg	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
690	VN-20435-17	Glucose injection 5%	Công ty TNHH DP Châu Á - Thái Bình Dương	Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd.
691	VN-19635-16	Glupain	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.
692	VN-18845-15	Glyceryl Trinitrate-Hameln 1mg/ml	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
693	VN-19648-16	Glypressin 0,1 mg/ml	Ferring Private Ltd	Zentiva k.s.
694	VN-19984-16	Glyree-2	Ipca Laboratories Limited	Ipca Laboratories Ltd.
695	VN-19985-16	Glyree-4	Ipca Laboratories Limited	Ipca Laboratories Ltd.
696	VN-18874-15	Goldcefo	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.p.A
697	VN-19112-15	Goldesome (Đóng gói &xuất xưởng: Lamp San Prospero SPA, địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	Valpharma International S.p.a
698	VN-19113-15	Goldesome (Đóng gói &xuất xưởng: Lamp San Prospero SPA, địa chỉ: Via Della Pace, 25/A-41030 San Prospero (MO), Italy	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	Valpharma International S.p.a
699	VN-19990-16	Goldquino 5mg/ml Injection	JW Life Science Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
700	VN-19111-15	Goldvoxin	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	InfoRLife SA.
701	VN-18887-15	Grafort	Daewoong Pharmaceutical Co.,Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co.,Ltd
702	VN-17968-14	Graftac 0,5mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited
703	VN-17969-14	Graftac 5mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
704	VN-16775-13	Gramadol Capsules	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
705	VN-15893-12	Grandaxin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
706	VN-19846-16	Granisetron-hameln 1mg/ml injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
707	VN-16776-13	Grazincure	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
708	VN-19580-16	Greenkaxone	Công ty cổ phần dược phẩm Green	Reyoung Pharmaceutical Co. , Ltd
709	VN-15585-12	Hameron Eye drops	Phil International Co., Ltd.	Samchundang Pharm. Co., Ltd.
710	VN-12609-11	Hanlimfumeron Eye Drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
711	VN-20209-16	Hanvidon	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
712	VN-20397-17	Happi 20	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
713	VN-19849-16	Harnal Ocas 0,4mg	Astellas Pharma Singapore Pte. Ltd	Astellas Pharma Europe B.V.
714	VN-16598-13	HCQ	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
715	VN-16578-13	Healift Skin Ointment	Atco Laboratories Ltd.	Atco Laboratories Ltd.
716	VN-16876-13	Hemopoly Solution	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
717	VN-20490-17	HemoQ Mom	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
718	VN-19780-16	Hemoral Tablet	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
719	VN-10881-10	Hepadays	Công ty TNHH dược phẩm DOHA	Uni Pharma
720	VN-17364-13	Hepa-Merz	Merz Asia Pacific Pte. Ltd	B.Braun Melsungen AG
721	VN-20200-16	Heparigen 5g Inj	Pharmaunity Co., Ltd	Dai Han Pharm. Co., Ltd.
722	VN-15060-12	Heparos	Pharmaunity Co.Ltd	Dongkoo Bio & Pharma Co.,Ltd
723	VN-16506-13	Herbesser R100 (đóng gói và xuất xưởng tại P.T. Tanabe Indonesia, địa chỉ: Jl. Rumah Sakit No.104, Ujungberung, Bandung 40612 Indonesia)	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd.
724	VN-16507-13	Herbesser R200 (đóng gói và xuất xưởng tại P.T. Tanabe Indonesia, địa chỉ: Jl. Rumah Sakit No.104, Ujungberung, Bandung 40612 Indonesia)	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Mitsubishi Tanabe Pharma Factory Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
725	VN-18449-14	Herpacy ophthalmic ointment	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
726	VN-16675-13	Hezoy	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
727	VN-15146-12	Hightamine	Pharmachem Co., Ltd	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.
728	VN-18555-14	H-Inzole	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Lark Laboratories (India) Ltd.
729	VN-19843-16	Hirudoid	Diethelm & Co., Ltd.	Olic (Thailand) Limited
730	VN-18664-15	Hirudoid Forte	Diethelm & Co., Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
731	VN-20126-16	Hispetine-16	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.
732	VN-17421-13	Histalong	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
733	VN-20082-16	Histalyn 2%	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd	Remington Pharmaceutical Industries (Pvt.) Ltd
734	VN-20485-17	Hoanidol Soft Cap.	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
735	VN-20690-17	Homepen 500mg/vial	Công ty CPDP Ta Da	Savior Lifetec Corporation
736	VN-20741-17	Hyaron-400 Chewable Tablet	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	The IBN Sina Pharmaceutical Industry Ltd.
737	VN-16906-13	Hyasyn Forte	Công ty TNHH dược phẩm Shinpoong Daewoo	Shin Poong Pharm Co., Ltd.
738	VN-18668-15	Hydrosol Polyvitamine Pharma Developpement	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Pharma Developpement
739	VN-20812-17	Hyzaar 50mg/12.5mg	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Merck Sharp & Dohme Ltd.
740	VN-15195-12	Ibuprofen 400mg	Amoli Enterprises Ltd.	Umedica Laboratories PVT. Ltd.
741	VN-20328-17	Idrona 30	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
742	VN-12938-11	Illixime	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Thăng Long	Hanlim Pharmaceutical Co., Ltd.
743	VN-18827-15	Il-yang Almagate 1.0g suspension	Il-Yang Pharm Co., Ltd.	Il-Yang Pharm Co., Ltd.
744	VN-16126-13	Imdur	Zuellig Pharma Pte. Ltd	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
745	VN-16127-13	Imdur	Zuellig Pharma Pte. Ltd	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
746	VN-18669-15	Imiwel-C 500	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
747	VN-13196-11	Imodium	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Olic (Thailand) Ltd.
748	VN-19614-16	Incarxol	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Laboratorios Lesvi S.L
749	VN-17386-13	Incepavit 400 Capsule	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm PV Healthcare	Incepta Pharmaceuticals Ltd.
750	VN-16078-12	Indatab SR	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
751	VN-19982-16	Indclav 1000	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
752	VN-19983-16	Indclav 156	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
753	VN-19482-15	Indclav 228.5	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
754	VN-19483-15	Indclav 312.5	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
755	VN-16976-13	Indclav 375	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
756	VN-16614-13	Indclav 625	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
757	VN-12548-11	Indocollyre	Hyphens Pharma Pte. Ltd.	Laboratoire Chauvin
758	VN-19201-15	Inflex 120	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Ind-Swift Limited
759	VN-17462-13	Inflex-180	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Ind-Swift Limited (Global Business Unit)
760	VN-18485-14	Infulgan	Yuria-Pharm Ltd	Yuria-Pharm Ltd
761	VN-18031-14	Inore-Kit	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
762	VN-20782-17	Intagra 100	Intas Pharmaceuticals Ltd	Intas Pharmaceuticals Ltd
763	VN-18197-14	Iopamiro	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
764	VN-18198-14	Iopamiro	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
765	VN-18199-14	Iopamiro (cơ sở đóng gói thứ cấp: Silvano Chiapparoli Logistica S.p.A, địa chỉ: Via Delle Industrie Snc-26814 Livraga (LO) Italy; xuất xưởng: Bracco S.p.A, địa chỉ: Via E. Folli, 50-Milano, Italy	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
766	VN-18200-14	Iopamiro (cơ sở đóng gói thứ cấp: Silvano Chiapparoli Logistica S.p.A, địa chỉ: Via Delle Industrie Snc-26814 Livraga (LO) Italy; xuất xưởng: Bracco S.p.A, địa chỉ: Via E. Folli, 50-Milano, Italy	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Hoàng Gia	Patheon Italia S.p.A.
767	VN-17830-14	IPEC-PLUS TABLET	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
768	VN-18809-15	Ipratropium Bromide	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
769	VN-20013-16	Irbemac 150	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
770	VN-20014-16	Irbemac 300	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
771	VN-15748-12	Irbezyd H 150/12,5	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
772	VN-15749-12	Irbezyd H 300/12.5	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
773	VN-15750-12	Irbezyd H 300/25	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
774	VN-20678-17	Irinotel 100mg/5ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
775	VN-20679-17	Irinotel 40mg/2ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
776	VN-20364-17	Irinotesin 20mg/ml	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.p.A.
777	VN-18670-15	Isiflura	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Piramal Critical Care, Inc
778	VN-17023-13	Isocaine 3%	Công ty TNHH Nam Dược	Novocol Pharmaceuticals of Canada, Inc.
779	VN-16316-13	I-Sucr-in	Samrudh Pharmaceuticals Private Limited	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
780	VN-17112-13	Itraxcop	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
781	VN-16676-13	Ivyra	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
782	VN-19142-15	Izone-S1GM	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	M/s Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
783	VN-17101-13	Janumet 50mg/1000mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
784	VN-17102-13	Janumet 50mg/500mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
785	VN-17103-13	Janumet 50mg/850mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Puerto Rico,Inc.
786	VN-15416-12	Japrolox	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant
787	VN-19038-15	Jinmigit	Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc	Belarusian-Dutch Joint Venture Pharmland LLC

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
788	VN-15791-12	Join-Flex	Công ty cổ phần ứng dụng & Phát triển Công nghệ Y học Sao Việt	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
789	VN-20305-17	Jointmeno	Laboratorios Liconsa, S.A.	Laboratorios Liconsa, S.A.
790	VN-16602-13	Jovan T 20	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
791	VN-18340-14	Jubl Irbesartan tablets 150mg	Công ty TNHH Một thành viên Ân Phát	Jubilant Generics Limited
792	VN-17988-14	Jubl Olanzapine ODT 10 mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
793	VN-17989-14	Jubl Olanzapine ODT 5mg	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
794	VN-17990-14	Jubl Oxcarbazepine 150mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
795	VN-17991-14	Jubl Oxcarbazepine 300mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
796	VN-17992-14	Jubl Repaglinide 1mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
797	VN-18176-14	Julitam 1000	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
798	VN-18672-15	Juvever Tab.	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
799	VN-18341-14	JW Amigold 8,5% Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
800	VN-18673-15	JW Amigold 8,5% Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
801	VN-19684-16	JW Amikacin 500mg/100ml Injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Life Science Corporation
802	VN-15699-12	Kaleorid	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Leo Pharmaceutical Products Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)
803	VN-20341-17	Kalmeco	PT. Kalbe Farma Tbk	PT. Kalbe Farma Tbk
804	VN-16432-13	Kamagra 100	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
805	VN-18674-15	Kamagra-50	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
806	VN-17233-13	Kataria Granules	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
807	VN-17854-14	Katovastin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
808	VN-17855-14	Katovastin 20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Pha No	Deva Holding A.S.
809	VN-17320-13	Kbat	Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam	S.C. Slavia Pharm S.R.L.
810	VN-10018-10	Kefentech	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Cát Thành	Jeil Health Science Inc
811	VN-19741-16	Keftazim	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
812	VN-19400-15	Kelfer-500	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
813	VN-14671-12	Kemocarb 150mg/15ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
814	VN-19865-16	Kernhistine 16mg Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
815	VN-20143-16	Kernhistine 8mg Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Kern Pharma S.L.
816	VN-20611-17	Ketamine Hydrochloride injection	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
817	VN-17865-14	Khavetri	Công ty TNHH một thành viên JIO Medical	Windlas Biotech Private Limited
818	VN-20245-17	Kidoblu	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Aflofarm Farmacja Polska Sp. zo.o.
819	VN-19837-16	Kidopar	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Aflofarm Farmacja Polska Sp. zo.o.
820	VN-20834-17	Kineptia 500mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d,
821	VN-20835-17	Kineptia 750mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d,
822	VN-16101-13	Klacid	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	PT. Abbott Indonesia
823	VN-16431-13	Klacid 500mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Farma L'Aigle
824	VN-19662-16	Klenzit MS	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
825	VN-20119-16	Knowful 800mg	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
826	VN-16952-13	Koact 1.2	Aurobindo Pharma Ltd.	Aurobindo Pharma Ltd.
827	VN-18496-14	Koact 625	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited
828	VN-17551-13	Koceam Inj.	Pharmaunity Co., Ltd	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.
829	VN-18677-15	Kocepo Inj.	Pharmaunity Co., Ltd	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.
830	VN-20648-17	Komefan 140	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
831	VN-20649-17	Komefan 280	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
832	VN-20140-16	Konimag	DKSH Singapore Pte., Ltd	PT. Konimex
833	VN-19470-15	Kontiam Inj.	Pharmaunity Co.ltd	Hana Pharm. Co., Ltd.
834	VN-18680-15	Korazon Inj.	Pharmaunity Co., Ltd	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.
835	VN-17051-13	Koruclor cap.	PharmaUnity Co,Ltd	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd.
836	VN-19645-16	Kotisol	Enter Pharm Co., Ltd	Withus Pharmaceutical Co., Ltd
837	VN-16298-13	Ksart 25	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
838	VN-15523-12	Ksart Tablets-50mg	M/S Kusum Healthcare Pvt. Ltd.	M/S Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
839	VN-17488-13	Kupbloicin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
840	VN-19211-15	Kuptoral	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
841	VN-17489-13	Kupunistin	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
842	VN-16643-13	Kutab 10	Công ty cổ phần Tada Pharma	Laboratorios Lesvi, S.L.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
843	VN-19613-16	Laevolac	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Fresenius Kabi Austria GmbH.
844	VN-18396-14	Lamisil	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GSK Consumer Healthcare S.A
845	VN-20650-17	Lamivudine Tablets 150mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Mylan Laboratories Limited
846	VN-20797-17	Lamivudine Tablets 150mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
847	VN-15200-12	Lamivudine/Nevirapine/Zidovudine 150mg/200mg/300mg	MI Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
848	VN-18566-14	Lamozile-30	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
849	VN-19276-15	Lanikson	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
850	VN-20185-16	Lansomac 30	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
851	VN-19774-16	Larfix Tablets 4 mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Private Limited
852	VN-19775-16	Larfix Tablets 8 mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Private Limited
853	VN-16584-13	Laroscorbine	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi
854	VN-16585-13	Laroscorbine	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cenexi
855	VN-17359-13	Laxafred 500	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	The Acme Laboratories Ltd.
856	VN-19668-16	Lazine	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
857	VN-16943-13	L-Cet	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
858	VN-13466-11	Lecefti-200	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm T&T	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
859	VN-16997-13	Lediceti	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
860	VN-20610-17	Ledrobon - 4mg/100ml	Renata Ltd.	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.r.l
861	VN-11555-10	Leeflox 0,5%	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Centaur Pharmaceuticals Pvt., Ltd
862	VN-19753-16	Leflocin	Limited Liability Company "Yuria-Pharm"	Limited Liability Company "Yuria-Pharm"
863	VN-15814-12	Legomux	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Beximco Pharmaceuticals Ltd
864	VN-20463-17	LeoPovidone	Công ty TNHH dược Song Sáng	Leopard Medical Brand Co., Ltd.
865	VN-20686-17	Leracet 500mg Film-coated tablets	Công ty cổ phần thiết bị T&T	J.Uriach Y Compania, S.A.
866	VN-20717-17	Lercatop 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Balkanpharma - Dupnitsa AD
867	VN-17199-13	Lertazin 5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	KRKA, D.D., . Novo Mesto
868	VN-18902-15	Letram-250	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
869	VN-18903-15	Letram-500	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
870	VN-20632-17	Letrozsun	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
871	VN-18213-14	Levengrel	Công ty cổ phần dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A.
872	VN-19974-16	Levin-250	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
873	VN-19185-15	Levin-500	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
874	VN-20430-17	Levistel 40	Công ty CPDP Ta Da	Laboratorios Lesvi, S.L.
875	VN-20431-17	Levistel 80	Công ty CPDP Ta Da	Laboratorios Lesvi, S.L.
876	VN-19610-16	Levobac 150ml IV Infusion	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
877	VN-19449-15	Levobac IV Infusion	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
878	VN-17849-14	Levocide 250	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
879	VN-19025-15	Levocide 500	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
880	VN-20630-17	Levocozate F.C. Tablets 5mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.
881	VN-18388-14	Levofil	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited, Unit-III
882	VN-18523-14	Levogolds	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	InfoRLife SA.
883	VN-20116-16	Levonor	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
884	VN-20117-16	Levonor	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
885	VN-19337-15	Levoseren	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
886	VN-19338-15	Levoseren Solution	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
887	VN-17749-14	Levothyrox	Merck Export GmbH	Merck Healthcare KGaA (Đóng gói và xuất xưởng: Merck S.A de C.V, địa chỉ: Calle 5 No.7, Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P. 53370, Naucalpande Juarez, Edo. de Mexico, Mexico)
888	VN-17750-14	Levothyrox	Merck Export GmbH	Merck Healthcare KGaA (Đóng gói và xuất xưởng: Merck S.A de C.V, địa chỉ: Calle 5 No. 7, Fraccionamiento Industrial Alce Blanco, C.P. 53370, Naucalpan de Juarez, Edo. de Mexico, Mexico)
889	VN-18684-15	Levotop 500	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
890	VN-18685-15	Levotrot	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Limited
891	VN-17866-14	Levtrang	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	M/S Windlas Biotech Private Limited
892	VN-15606-12	Lexinmingo 500	Rotaline Molekule Pvt. Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
893	VN-20367-17	Lezra 2,5mg	Actavis International Ltd	S.C. Sindan-Pharma S.R.L.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
894	VN-20499-17	Lidocain	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
895	VN-18035-14	Lignopad	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Teikoku Seiyaku Co., Ltd
896	VN-16049-12	Lignospan Standard	Septodont	Septodont
897	VN-14446-12	Linod	APC Pharmaceuticals & Chemicals Ltd.	Ahlcon Parenterals (I) Ltd.
898	VN-18477-14	Lipicard-160	MI Pharma Private Limited	USV Private Limited
899	VN-20656-17	Lipidem	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
900	VN-16469-13	Lipidstop 200	Công ty TNHH dược phẩm DOHA	The Acme Laboratories Ltd.
901	VN-20781-17	Lipiles-10	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.
902	VN-19673-16	Lipiodol Ultra Fluide	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
903	VN-14798-12	Lipitin -R	Rotaline Molekule Pvt. Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
904	VN-17767-14	Lipitor	Pfizer Thailand Ltd.	Pfizer Pharmaceuticals LLC (Đóng gói & xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH, đ/c: Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany)
905	VN-17769-14	Lipitor	Pfizer Thailand Ltd.	Pfizer Pharmaceuticals LLC (Đóng gói & xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH, đ/c: Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Germany)
906	VN-16148-13	Lipivan	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.
907	VN-16130-13	Lipofundin MCT/LCT 10%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
908	VN-16131-13	Lipofundin MCT/LCT 20%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
909	VN-15471-12	Liposic Eye Gel	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Dr. Gerhard Mann Chem.-Pharm. fabrik GmBh
910	VN-17439-13	Lipovenoes 10% PLR	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria GmbH.
911	VN-20465-17	Liprilex Plus	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Laboratorios Lesvi, S.L.
912	VN-13766-11	Lisanolona	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.
913	VN-20249-17	Lisbosartan 150mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A
914	VN-20425-17	Lisbosartan 300mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
915	VN-20702-17	Lisinopril ATB 10mg	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
916	VN-16797-13	Lisoril-10	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
917	VN-16798-13	Lisoril-5	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
918	VN-18935-15	Livolin-H	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
919	VN-18215-14	Livosil 140mg	Công ty cổ phần Fulink Việt Nam	UAB "Aconitum"
920	VN-20520-17	Lizolid-600	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
921	VN-18688-15	Locoxib	Công ty TNHH dược phẩm Bách Khang	Efroze Chemical Industries (Pvt) Ltd.
922	VN-16667-13	Lodnets 500	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Delta Pharma Limited
923	VN-20152-16	Lomec 20	Công ty TNHH TM và DP HT Việt Nam	Industria Quimica Y Farmaceutica VIR, S.A.
924	VN-20872-17	Lomexin	Tedis	Catalent Italy S.p.A.
925	VN-20873-17	Lomexin	Tedis	Catalent Italy S.p.A.
926	VN-19830-16	Lorabay	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Windlas Biotech Private Limited
927	VN-16364-13	Loral	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
928	VN-20084-16	Loratin 10	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Medopharm
929	VN-18882-15	Lorista 50	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
930	VN-20466-17	Lortalesvi	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Laboratorios Lesvi, S.L.
931	VN-16146-13	Losacar-H	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
932	VN-19475-15	Losagen 100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
933	VN-20286-17	Losagen 50	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
934	VN-17418-13	Losar-Denk 100	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Denk Pharma GmbH & Co. Kg
935	VN-17419-13	Losar-Denk 50	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Denk Pharma GmbH & Co. Kg
936	VN-18363-14	Losarlife 50	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.
937	VN-18364-14	Losarlife-H	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.
938	VN-20795-17	Losartan HCT-Sandoz	Lek Pharmaceuticals d.d,	Lek Pharmaceuticals d.d.
939	VN-18185-14	Losatrust-50	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Centaur Pharmaceuticals Pvt., Ltd
940	VN-13089-11	Losium 50	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
941	VN-20703-17	Lotafran	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
942	VN-17853-14	Lousartan	Công ty cổ phần dược phẩm Pha No	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
943	VN-17115-13	Lowlip-40	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
944	VN-17513-13	Lowsta	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central Factory
945	VN-19461-15	Loxmen	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
946	VN-19358-15	Lucass 200	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
947	VN-20479-17	Lucass sachet	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Hoàng Trân	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
948	VN-20638-17	Lucrin PDS Depot 11.25mg	Abbvie BioPharmaceuticals GmbH	Takeda Pharmaceutical Company Ltd. (đóng gói: AbbVie Deutschland GmbH & Co. KG, địa chỉ: Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany; xuất xưởng: AbbVie Logistics B.V, địa chỉ: Zuiderzeelaan 53, 8017 JV Zwolle, Netherlands)
949	VN-20639-17	Lucrin PDS Depot 3.75mg	Abbvie BioPharmaceuticals GmbH	Takeda Pharmaceutical Company Ltd. (đóng gói: AbbVie Deutschland GmbH & Co. KG, địa chỉ: Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany; xuất xưởng: AbbVie Logistics B.V, địa chỉ: Zuiderzeelaan 53, 8017 JV Zwolle, Netherlands)
950	VN-16972-13	Lucyxone	Công ty TNHH MTV dược phẩm Nam Tiến	SIC "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant" PJSC
951	VN-17816-14	Lumigan	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
952	VN-18348-14	Luotai	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	KPC Pharmaceuticals, Inc.
953	VN-9723-10	Luotai	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	KPC Pharmaceuticals, Inc.
954	VN-18929-15	Lupilopram	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
955	VN-19700-16	Lupilopram	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Ltd.
956	VN-18356-14	Lupipezil	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Generics Limited
957	VN-18694-15	Lupipezil	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	Jubilant Generics Limited
958	VN-20552-17	Lupitriz	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd (Unit II)
959	VN-12159-11	Lycoplan 200mg	APC Pharmaceuticals & Chemicals Ltd.	Lyka Labs Ltd.
960	VN-12160-11	Lycoplan 400mg	APC Pharmaceuticals & Chemicals Ltd.	Lyka Labs Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
961	VN-18695-15	Lykavir Injection 250 mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Lyka Labs Ltd.
962	VN-16570-13	Lyrab	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Lyka Labs Ltd. (NSX dung môi: Nirma Ltd., đ/c: Village - Sachana, Tal-Viramgam, City: Sachana - 382 150, Dist. Ahmedabad, India)
963	VN-20015-16	Macdin 600	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
964	VN-20310-17	Maclevo 500	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
965	VN-13772-11	Maclevo-250	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
966	VN-20798-17	Macnir	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
967	VN-15250-12	Maecran	Saint Corporation	Kolmar Pharma Co., Ltd.
968	VN-19785-16	Marcaine Spinal Heavy	Aspen Pharmacare Australia Pty. Ltd.	Cenexi
969	VN-18737-15	Marontil tab	Pharmaunity Co., Ltd	Dasan Pharmacutical, Co.,Ltd
970	VN-19824-16	Matever	China Creation Limited	Pharmathen S.A
971	VN-19354-15	Maxezole 40	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
972	VN-20410-17	Maxilin	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
973	VN-17756-14	Maxocef-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
974	VN-16973-13	Maxsetron	Công ty TNHH MTV dược phẩm Nam Tiến	SIC "Borshchahivskiy Chemical-Pharmaceutical Plant" PJSC
975	VN-19407-15	Mazu	Công ty cổ phần dược phẩm QUẬN 3	Stallion Laboratories Pvt. Ltd.
976	VN-19236-15	McLafil 20	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
977	VN-20019-16	Mebaal 1500	Mega Lifesciences Public Company Limited	Windlas Biotech Private Limited
978	VN-10704-10	Mebever MR 200mg Capsules	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
979	VN-16977-13	Meclon	Công ty cổ phần dược phẩm APAC	Doppel Farmaceutici S.r.l.
980	VN-19525-15	Medcelore Injection	Saint Corporation	Guju Pharm. Co., Ltd.
981	VN-5595-10	Medexa	PT. Dexa Medica	PT. Dexa Medica
982	VN-5596-10	Medexa	PT. Dexa Medica	PT. Dexa Medica
983	VN-19123-15	Medica Loxoprofen tablet	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Đông Phương	Medica Korea Co., Ltd.
984	VN-11994-11	Medicaine injection 2% (1:100.000)	Công ty TNHH Philavida	Huons Co., Ltd.
985	VN-17514-13	Medoclav 156,25mg/5ml	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Factory B
986	VN-20557-17	Medoclav 1g	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd- Factory B
987	VN-15977-12	Medoclav 625mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Factory B
988	VN-18366-14	Medoclav Forte	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Factory B
989	VN-20085-16	Medofadin 40	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Medopharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
990	VN-16044-12	Medotam 400	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Medopharm
991	VN-17742-14	Medoxicam 7.5mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd - Central factory
992	VN-18865-15	Medphadion drops (XX: Spreewalder Arzneimittel BmbH, Germany)	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Medphano Arzneimittel GmbH
993	VN-19091-15	Medphatobra 80	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Medphano Arzneimittel GmbH
994	VN-19497-15	Medsamic 500mg	Medochemie Ltd - Central factory	Medochemie Ltd.- Nhà máy Trung Tâm
995	VN-19992-16	Mefogin 40mg	Công ty TNHH dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S.
996	VN-18022-14	Meiact 200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Thiên Thảo	Tedec-Meiji Farma, SA
997	VN-20711-17	Meileo	Công ty TNHH dược phẩm Thiên Thảo	Tedec-Meiji Farma, SA
998	VN-20756-17	Meloflam	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
999	VN-16917-13	Menelat	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1000	VN-12728-11	Meritaxi	Wockhardt Ltd.	Merind Ltd.
1001	VN-20408-17	Meropenem/Anfarm	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm hellas S.A
1002	VN-20409-17	Meropenem/Anfarm	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm hellas S.A
1003	VN-18267-14	Merugold I.V (cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Acs Dobfar S.p.A, địa chỉ: Viale Addetta, 4/12-20067 Tribiano, Milan, Italia; sản xuất thành phẩm và xuất xưởng: Facta Farmaceutici S.p.A)	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.p.A
1004	VN-20356-17	Mestinon S.C.	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	Aupa Biopharm Co., Ltd.
1005	VN-15993-12	Metadroxyl	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1006	VN-20289-17	Metformin 500	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek S.A
1007	VN-18292-14	Metformin Denk 1000	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Denk Pharma GmbH & Co. Kg
1008	VN-20640-17	Methadone hydrochloride molteni	ACT Activités Chimiques et Thérapeutiques Laboratoires Sàrl)	L.Molteni & C.dei F.litti Societa di Esercizio S.p.A
1009	VN-17365-13	Metomol Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Eskayef Bangladesh Limited
1010	VN-17293-13	Metrocide	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1011	VN-17797-14	Metrogyl denta	Công ty TNHH dược phẩm Việt Phú	Unique Pharmaceuticals Laboratories (A Div. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Limited)
1012	VN-18992-15	Metronidazole Intravenous Infusion B.P (5GM/LT)	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Ltd
1013	VN-20744-17	Mexams 10	Công ty TNNH TM DP Vân Hồ	Celogen Generics Pvt. Ltd
1014	VN-20687-17	Mezamo 40mg	Công ty CP dược phẩm Pha No	Laboractorios Normon S.A.
1015	VN-15807-12	Mezinet tablets 5mg	Công ty TNHH dược phẩm Hiệp Thuận Thành	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd
1016	VN-14825-12	MG-Tan Inj.	Pharmachem Co., Ltd	MG Co., Ltd.
1017	VN-19803-16	Mica 250	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd
1018	VN-19804-16	Mica 500	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd
1019	VN-18820-15	Micardis	Boehringer Ingelheim International GmbH	Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co. KG.
1020	VN-17970-14	Micocept 250mg	Novartis (Singapore) Pte. Ltd.	Sandoz Private Limited
1021	VN-17971-14	Micocept 500mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Private Limited
1022	VN-16843-13	Microluss	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1023	VN-12797-11	Microstat	Gelnova Laboratories (India) Private Limited	Gelnova Laboratories PVT., Ltd
1024	VN-16472-13	Microstun	Albios Lifesciences Private Limited	Denis Chem Lab Limited
1025	VN-18703-15	Microvatin-20	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1026	VN-20862-17	Midazolam Rotexmedica 5mg/ml	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
1027	VN-17669-14	Miduc	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Saga Laboratories
1028	VN-14739-12	Miko-Penotran	Exeltis Healthcare S.L.	Exeltis Ilac San Ve Tic A.S.
1029	VN-15828-12	Mildocap	CônCông ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	S.C.Arena Group S.A.
1030	VN-17798-14	Milgamma N	Wörwag Pharma GmbH & Co. KG	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH
1031	VN-18860-15	MILRIXA	Công ty TNHH dược phẩm Tâm Đan	Vianex S.A.- Nhà máy A
1032	VN-19323-15	Minigadine	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1033	VN-20030-16	Minilux eye drops	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1034	VN-18300-14	Minirin Melt Oral Lyophilisate 120mcg (Đóng gói thứ cấp bởi: Ferring International Center SA, đ/c: Chemin de la Vergognausaz, 50 1162 Saint-Prex, Switzerland)	Ferring Private Ltd.	Catalent U.K. Swindon Zydis Limited
1035	VN-18301-14	Minirin Melt Oral Lyophilisate 60mcg (Đóng gói thứ cấp bởi: Ferring International Center SA, đ/c: Chemin de la Vergognausaz, 50 1162 Saint-Prex, Switzerland)	Ferring Private Ltd	Catalent U.K. Swindon Zydis Limited
1036	VN-17440-13	Mirgy capsules 100mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1037	VN-17441-13	Mirgy capsules 300mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1038	VN-17442-13	Mirgy capsules 400mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1039	VN-19712-16	Mirosatan	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1040	VN-19360-15	Mirtaz 15	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1041	VN-19361-15	Mirtaz 30	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1042	VN-17922-14	Mirzaten 30mg	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	KRKA, D.D., Novo Mesto
1043	VN-18957-15	Mixipem 500mg/500mg	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Việt	ACS Dobfar S.p.A.
1044	VN-19174-15	Momate	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1045	VN-19663-16	Momate	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1046	VN-14687-12	Momate-S	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1047	VN-20521-17	Momex Nasal Spray	Hanlim Pharm. Co., Ltd.	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd. General Pharm. Factory
1048	VN-20294-17	Monitazone Nasal Spray	Ildong Pharmaceutical Co., Ltd.	Samchundang Pharm Co., Ltd.
1049	VN-18904-15	Monte-H10	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1050	VN-18705-15	Monte-H4	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1051	VN-19702-16	Montemac 10	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1052	VN-19703-16	Montemac 5	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1053	VN-15215-12	Montemax 10mg tablets	Atco Laboratories Ltd.	Atco Laboratories Ltd.
1054	VN-15256-12	Montenuzyd	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1055	VN-20381-17	Montesin 10mg	Avrentim Sp. Z O.o.	Genepharm S.A.
1056	VN-20382-17	Montesin 4mg	Avrentim Sp. Z O.o.	Genepharm S.A.
1057	VN-20383-17	Montesin 5mg	Avrentim Sp. Z O.o.	Genepharm S.A.
1058	VN-16765-13	Montiget 4mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1059	VN-19063-15	Moretel	Công ty TNHH Bình Việt Đức	SM Farmaceutici s.r.l
1060	VN-18968-15	Mosad MT 5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1061	VN-19818-16	Mosane Tablet	Công ty cổ phần BGP Pharma	Korea Arlico Pharm. Co., Ltd.
1062	VN-17705-14	Motarute Eye Drops	Công ty TNHH Philavida	Daewoo Pharm.Co., Ltd.
1063	VN-19989-16	Motilium	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Janssen Pharmaceutica NV
1064	VN-14215-11	Motilium-M	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Olic (Thailand) Ltd.
1065	VN-18708-15	Moxetero	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1066	VN-16572-13	Moxflo	MI Pharma Private Limited	Amanta Healthcare Limited
1067	VN-17099-13	Moxilen 500mg	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd – Factory B
1068	VN-17950-14	Moxydar	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg S.A.
1069	VN-19508-15	M-prib-3.5	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
1070	VN-20150-16	Mucambrox 15	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh Sáng Châu Á	PJSC Sic "Borshchahivskiy CPP"
1071	VN-20151-16	Mucambrox 30	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ánh Sáng Châu Á	PJSC Sic "Borshchahivskiy CPP"
1072	VN-20589-17	Mucosta tablets 100mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
1073	VN-20634-17	Mupirocin USL	U Square Lifescience Private Ltd.	Yash Medicare Pvt., Ltd
1074	VN-18709-15	Mycokem tablets 500mg	Alkem Laboratories Ltd.	Alkem Laboratories Ltd.
1075	VN-20136-16	Mycophenolate mofetil Teva	Actavis International Ltd	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company
1076	VN-17953-14	Mydocalm 150	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1077	VN-17757-14	Mylitix-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1078	VN-17758-14	Myroken-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1079	VN-18223-14	NA Neurocard Plus	Công ty CP Ứng dụng và phát triển công nghệ Y học Sao Việt	Sphere Healthcare Pty., Ltd.
1080	VN-14752-12	Nacova DT 228.5mg	Micro Labs Limited	Micro Labs Ltd.
1081	VN-17014-13	Nadecin 10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nga	S.C. Arena Group S.A
1082	VN-20714-17	Nafloxin solution for infusion 400mg/200ml	Công ty TNHH dược phẩm Thủ Đô	Cooper Pharmaceuticals S.A.
1083	VN-18202-14	Nanfizy	Belarusian-Dutch Joint Venture “Pharmland” Limited Liability Company	LTD Farmaprim

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1084	VN-19509-15	Naprozole-R	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.
1085	VN-18021-14	Nat-B	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
1086	VN-16314-13	Natecal D3	Lifepharma S.p.A.	Italfarmaco S.P.A.
1087	VN-15588-12	Navelbine 20mg	Pierre Fabre Medicament	Pierre Fabre Medicament production
1088	VN-15589-12	Navelbine 30mg	Pierre Fabre Medicament	Pierre Fabre Medicament production
1089	VN-11375-10	Nebicard-5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1090	VN-14465-12	Nebido	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer AG
1091	VN-17116-13	Nebivox	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1092	VN-16463-13	Necpod-200	Công ty TNHH Dược phẩm Y-MED	M/s Nectar Lifescience Limited.
1093	VN-18966-15	Neo-Codion	Tedis	Sophartex
1094	VN-20398-17	Neoloridin	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1095	VN-20560-17	Neo-Penotran	Mega Lifesciences Public Company Limited	Embil Ilac San. Ltd. Sti
1096	VN-19706-16	Neo-Penotran Forte L	Exeltis Healthcare S.L.	Exeltis Ilac San Ve Tic. A.S.
1097	VN-18967-15	Neo-Tergynan	Tedis	Sophartex
1098	VN-17149-13	Nepatic	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	PT. Dankos Farma
1099	VN-20352-17	Nepicox	Yeva Therapeutics Pvt., Ltd.	Acme Formulation Pvt. Ltd.
1100	VN-19131-15	Netlisan	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Sanjivani Paranteral Ltd.
1101	VN-18711-15	Neurocetam-400	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1102	VN-18712-15	Neuzide	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Limited
1103	VN-19704-16	Nevirapine Tablets USP 200mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1104	VN-16295-13	Newfactan	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	Yuhan Corporation
1105	VN-15453-12	Newmetforn Inj. 1j	Pharmaunity Co., Ltd	BCWorld Pharm. Co., Ltd.
1106	VN-14878-12	Newtop 200	Công ty TNHH SRS Life Sciences Việt Nam	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd
1107	VN-16550-13	Newtop sachet	Công ty TNHH SRS Life Sciences Việt Nam	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd
1108	VN-18473-14	Nexzac 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1109	VN-18474-14	Nexzac 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1110	VN-19999-16	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Laboratoire Aguettant	Laboratoire Aguettant
1111	VN-19669-16	NifeHexal 30 LA	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals d.d,
1112	VN-19609-16	Niftclar DT-100	Công ty TNHH dược phẩm Rồng Vàng	Precise Biopharma Pvt. Ltd
1113	VN-18846-15	Niglyvid	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1114	VN-20674-17	Nimedine	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
1115	VN-20320-17	Nimodin	Mi Pharma Private Limited	Swiss Parenterals Pvt. Ltd.
1116	VN-20232-17	Nimotop	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Bayer AG
1117	VN-18714-15	Nimovac-V	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Pharmathen S.A
1118	VN-18715-15	Nirdicin 250mg	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm Nam Tiến	Pharmathen S.A
1119	VN-19283-15	Nirpid 10%	Aculife Healthcare Private Limited	Aculife Healthcare Private Limited
1120	VN-18915-15	Nizoral	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Janssen Pharmaceutica N.V.
1121	VN-18461-14	Nodict	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1122	VN-11554-10	Nodon	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1123	VN-19088-15	Noigel suspension 15ml	Công ty TNHH dược phẩm Hoa Lan	Il - yang pharm. Co., Ltd.
1124	VN-15645-12	Nomigrain	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1125	VN-16360-13	Norash	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1126	VN-18876-15	No-Spa forte	Sanofi-Aventis Singapore Pte., Ltd.	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.
1127	VN-18424-14	Notexon tab	Pharmaunity Co., Ltd	Myung-In Pharm. Co., Ltd.
1128	VN-20077-16	Notrixum	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1129	VN-19827-16	Novaduc-40	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Windlas Biotech Private Limited
1130	VN-20342-17	Novalud	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1131	VN-18136-14	Novator 500	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Ltd
1132	VN-20628-17	Noviceftrin 2g IV	SM Biomed Sdn. Bhd.	Laboratorio Reig Jofre, S.A
1133	VN-17336-13	Novocress Infusion	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1134	VN-17120-13	Novoxim-500	Micro Labs Limited	Micro Labs Ltd.
1135	VN-17954-14	Novynette	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1136	VN-19598-16	Nozaxen	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	M/s Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1137	VN-19048-15	Nuceftri-1000	Công ty cổ phần dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1138	VN-19049-15	Nuceftri-2000	Công ty cổ phần dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1139	VN-18720-15	Nucleo CMP forte	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
1140	VN-18138-14	Nurich-25	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.
1141	VN-17822-14	Nurich-50	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Bal Pharma Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1142	VN-20079-16	Nurofen 200mg coated tablets	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare International Limited
1143	VN-13851-11	Nurofen for children	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1144	VN-11865-11	Nusar-H	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
1145	VN-20657-17	Nutriflex Lipid Special	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen AG
1146	VN-10166-10	Ocid	Cadila Healthcare Ltd	Cadila Healthcare Ltd
1147	VN-17694-14	Octocaine 100	Công ty TNHH Nam Dược	Novocol Pharmaceutical of Canada, Inc.
1148	VN-19094-15	Octreotide	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)
1149	VN-20130-16	Oestrogel 0.06%	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Besins Manufacturing Belgium
1150	VN-20751-17	Offipain	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
1151	VN-18723-15	Oflovid ophthalmic ointment	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Santen Pharmaceutical Co., Ltd., nhà máy Shiga
1152	VN-20745-17	Oftofacin 20	Công ty TNNH TM DP Vân Hồ	Celogen Generics Pvt. Ltd
1153	VN-18535-14	Ogel Plus	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.
1154	VN-20287-17	Olan 5	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1155	VN-19507-15	Olcin-500	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Đông Phương	Delta Pharma Limited
1156	VN-20555-17	Olmac 5	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1157	VN-16887-13	Olmed 10mg	Actavis International Ltd	Actavis Ltd.
1158	VN-17627-14	Olmed 5mg	Actavis International Ltd.	Actavis Ltd.
1159	VN-16377-13	Omelupem I.V. Infusion 40mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.
1160	VN-15965-12	Omemac-20	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1161	VN-20402-17	Omeusa	Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam	S.C. Antibiotice S.A.
1162	VN-20357-17	Omnipaque	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	GE Healthcare Ireland
1163	VN-20358-17	Omnipaque	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	GE Healthcare Ireland
1164	VN-20406-17	Omsergy	Công ty TNHH một thành viên JIO medical	Saga Laboratories
1165	VN-20044-16	Onbrez Breezhaler	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG (Đóng gói & xuất xưởng: Novartis Farmaceutica, S.A.; Đ/c: Ronda Santa Maria, 158, 08210 Barbera Del Valles, Barcelona- Spain)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1166	VN-20045-16	Onbrez Breezhaler	Novartis Pharma Services AG	Novartis Pharma Stein AG (Đóng gói & xuất xưởng: Novartis Farmaceutica, S.A.; Đ/c: Ronda Santa Maria, 158, 08210 Barbera Del Valles, Barcelona- Spain)
1167	VN-19890-16	ONDA	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A.- Nhà máy A
1168	VN-20857-17	Ondanov 4mg Injection	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1169	VN-20858-17	Ondanov 4mg Tablet	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1170	VN-20859-17	Ondanov 8mg Injection	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1171	VN-20860-17	Ondanov 8mg Tablet	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories
1172	VN-17329-13	Ondansetron-hameln 2mg/ml injection	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1173	VN-20429-17	Ondansevit 8mg/4ml	Công ty CP dược phẩm Pha No	Laboratorios Normon, S.A.
1174	VN-19415-15	Opiphine	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1175	VN-17634-14	Optive UD	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
1176	VN-19436-15	Orasten	Công ty TNHH dược phẩm DO HA	Delta Pharma Limited
1177	VN-18139-14	Orgyl	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1178	VN-20486-17	Orkan SoftCapsule	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
1179	VN-19078-15	Osbifin 20 mg (Cơ sở xuất xưởng: Delorbis Pharmaceuticals Ltd., địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P. O. Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Haupt Pharma Munster GmbH
1180	VN-17934-14	Osetron 8mg	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.
1181	VN-15273-12	Osteomed Tablets	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm ACE	Meyer Organics Pvt.Ltd
1182	VN-17759-14	Ovacef 200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1183	VN-19446-15	Ovalgel chewable tablets	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
1184	VN-14990-12	Oxaliplatin Hospira 100mg/20ml	Pfizer (Thailand) Ltd	Hospira Australia Pty Ltd
1185	VN-19888-16	Oxcarbazepine Tablets 600mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Life Sciences Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1186	VN-20377-17	Oxetine tablets 30mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Private Limited
1187	VN-20378-17	Oxetine tablets 60mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Private Limited
1188	VN-20247-17	Oxitan 100mg/20ml	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Oncology Ltd
1189	VN-20612-17	Oxytocin injection BP 10 Units	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk
1190	VN-20411-17	Ozarium	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
1191	VN-19447-15	Ozogast 40	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
1192	VN-17817-14	Ozurdex	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
1193	VN-20192-16	Paclitaxel "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
1194	VN-20581-17	Paclitaxel "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG
1195	VN-11619-10	Paclitaxelum Actavis	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma SRL
1196	VN-17852-14	Palibone	Công ty cổ phần BT Việt Nam	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A.
1197	VN-16024-12	Pamlonor	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1198	VN-12465-11	Panadol	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Sterling Drug (M) Sdn. Bhd.
1199	VN-17330-13	Pan-Cloxacillin 500mg	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Panpharma
1200	VN-20187-16	Panfor SR-1000	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Limited
1201	VN-20018-16	Panfor SR-500	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Limited
1202	VN-20188-16	Panfor SR-750	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Limited
1203	VN-16079-12	Panloz 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1204	VN-16080-12	Panloz 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1205	VN-19355-15	Panotox	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Bharat Parenterals Ltd.
1206	VN-19184-15	Pantin 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1207	VN-20525-17	Pantium-40	Intas Pharmaceuticals Ltd	Intas Pharmaceuticals Ltd
1208	VN-20460-17	Pantobone 40	Công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
1209	VN-18947-15	Pantocar-40	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1210	VN-17792-14	Pantocid IV	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1211	VN-19144-15	Panto-denk 40	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Advance Pharma GmbH
1212	VN-19450-15	Pantogut	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
1213	VN-19534-15	Pantoloc 20mg	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Takeda GmbH
1214	VN-18402-14	Pantoloc 40mg	Nycomed GmbH	Takeda GmbH
1215	VN-18530-14	Pantonova IV	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Ciron Drugs & Pharmaceuticals Pvt. Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1216	VN-18498-14	Pantro Injection	Brawn Laboratories Ltd	Brawn Laboratories Ltd
1217	VN-20677-17	Paracetamol Kabi AD	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Deutschland GmbH
1218	VN-19418-15	Paratriam 200mg Powder	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Lindopharm GmbH
1219	VN-14560-12	Pariet Tablets 20mg	Eisai (Thailand) Marketing Co., Ltd.	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory (đóng gói bởi Interthai Pharmaceutical manufacturing Ltd. - Thailand)
1220	VN-13472-11	Pataday	Novartis Pharma Services AG	Alcon Research, LLC.
1221	VN-16751-13	Pauzin 500	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Limited
1222	VN-15429-12	Paxirasol	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1223	VN-15104-12	Pbalphadol	Panacea Biotec Limited	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.
1224	VN-15105-12	Pbalphadol-1	Panacea Biotec Limited	M/S Panacea Biotec Pharma Ltd.
1225	VN-19591-16	Pecolin	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Siegfried Hameln GmbH
1226	VN-20742-17	Pectolvan Ivy	Công ty TNHH TMDP Minh Quân	JSC "Farmak"
1227	VN-19808-16	Pedomcad	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Limited
1228	VN-19946-16	Pentasa	Ferring Private Ltd	Ferring International Center S.A.
1229	VN-19948-16	Pentasa 1g	Ferring Private Ltd.	Ferring-Léciva a.s
1230	VN-19350-15	Pentasec 40mg	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
1231	VN-19351-15	Penzobact 4/0,5g	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
1232	VN-20564-17	Perglim 1	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
1233	VN-13269-11	Perglim 4	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Limited
1234	VN-20806-17	Perglim M-1	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
1235	VN-20807-17	Perglim M-2	Mega Lifesciences Public Company Limited	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
1236	VN-18734-15	Phamzopic 7.5mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1237	VN-18407-14	Pharmaclofen	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1238	VN-19307-15	Pharmacort	Fisiopharma SRL	Pharmatex Italia s.r.l.
1239	VN-20596-17	Pharmapir 25mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1240	VN-11257-10	Philevomels eye drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd
1241	VN-18575-14	Philmoxista Eye Drops	Công ty TNHH Philavida	Samchundang Pharm Co., Ltd.
1242	VN-19518-15	Philoclex	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
1243	VN-19519-15	Philtobax Eye Drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
1244	VN-18867-15	Phlebodia	Công ty TNHH Thương Mại Dược Thuận Gia	Innothera Chouzy

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1245	VN-15300-12	Phocodex 10mg	Công ty cổ phần Fulink Việt Nam	Farmak JSC
1246	VN-16964-13	Phosphalugel	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Pharmatis
1247	VN-16540-13	Piascledine	Hyphens Pharma Pte Ltd.	Laboratoires Expanscience
1248	VN-18838-15	Picaroxin 500 mg	Actavis International Limited	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company
1249	VN-19334-15	Picencal Tablet	Saint Corporation	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.
1250	VN-18870-15	Pinclos	Công ty TNHH dược phẩm Và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
1251	VN-15752-12	Piracetam injection 5ml	Công ty cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex	Zhejiang Ruixin Pharmaceutical Co., Ltd.
1252	VN-16481-13	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1253	VN-16482-13	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1254	VN-19937-16	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1255	VN-19938-16	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1256	VN-19939-16	Piracetam-Egis	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1257	VN-20311-17	Pirolam	Medana Pharma S.A.	Medana Pharma S.A.
1258	VN-19931-16	Pitalip	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
1259	VN-20588-17	Pitator Tablets 2mg	Orient Europharma Pte. Ltd.	Oreint Pharma Co., Ltd.
1260	VN-16249-13	Pizulen	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
1261	VN-16250-13	Pizulen	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry
1262	VN-16808-13	Planitox	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1263	VN-19834-16	Platitroi 500	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Open Joint Stock Company "Borisovskiy Zavod Medicinskikh Preparatov"
1264	VN-15706-12	Plenmoxi	Akums Drugs & Pharmaceutical Ltd.	Akums Drugs & Pharmaceutical Ltd.
1265	VN-20194-16	Pletaal OD Tablets 100mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.- Second Tokushima Factory
1266	VN-20195-16	Pletaal OD Tablets 50mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.- Second Tokushima Factory
1267	VN-20590-17	Pletaal tablets 100mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
1268	VN-20591-17	Pletaal tablets 50mg	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.
1269	VN-20685-17	Pletaz 100mg Tablets	Công ty cổ phần Thiết Bị T&T	J.Uriach And Cia., S.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1270	VN-15009-12	PM Branin	Công ty TNHH dược phẩm Quang Thái	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1271	VN-18432-14	PM H-Regulator	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1272	VN-13000-11	PM Joint-Care	Công ty TNHH dược phẩm Quang Thái	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1273	VN-16986-13	PM Kiddiecal	Công ty cổ phần dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Catalent Australia Pty. Ltd.
1274	VN-16529-13	PM NextG Cal	Công ty TNHH Đại Bắc	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1275	VN-14585-12	PM Procare Diamond	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	Catalent Australia Pty. Ltd.
1276	VN-11788-11	PM Remem	Công ty cổ phần dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	Probiotec Pharma Pty., Ltd.
1277	VN-18408-14	pms -Montelukast FC	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1278	VN-17545-13	PMS-Citalopram 40mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1279	VN-13811-11	PMS-Fluoxetine	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1280	VN-18051-14	pms-Gabapentin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1281	VN-17770-14	PMS-Irbesartan 150 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1282	VN-17771-14	PMS-Irbesartan 300 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1283	VN-17772-14	PMS-Irbesartan 75 mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1284	VN-17546-13	PMS-Montelukast 4mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1285	VN-17547-13	PMS-Montelukast 5mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1286	VN-18573-14	PMS-Pregabalin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1287	VN-18574-14	PMS-Pregabalin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1288	VN-18410-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1289	VN-18411-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1290	VN-18412-14	pms-Rosuvastatin	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1291	VN-18052-14	PMS-Ursodiol C 250mg	Pharmascience Inc.	Pharmascience Inc.
1292	VN-12798-11	Poanvag	Gelnova Laboratories (India) Private Limited	Gelnova Laboratories Pvt. Ltd.
1293	VN-20334-17	Poltraxon	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A
1294	VN-17024-13	Posicaine 100	Công ty TNHH Nam Dược	Novocol Pharmaceuticals Of Canada, Inc.
1295	VN-17025-13	Posicaine 200	Công ty TNHH Nam Dược	Novocol Pharmaceuticals Of Canada, Inc.
1296	VN-18428-14	Posod Eye Drops	Phil International Co., Ltd.	Hanlim Pharm. Co., Ltd.
1297	VN-19160-15	Postinor 1	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1298	VN-19161-15	Postinor 2	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1299	VN-16303-13	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	Laboratoire Aguettant	Laboratoire Aguettant

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1300	VN-20283-17	Powercort	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1301	VN-16685-13	Praverix 250mg	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
1302	VN-16686-13	Praverix 500mg	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Antibiotice S.A.
1303	VN-18287-14	Prazone-S 1.0g	Công ty TNHH dược phẩm Thủ Đô	Venus Remedies Limited
1304	VN-18288-14	Prazone-S 2.0g	Công ty TNHH dược phẩm Thủ Đô	Venus Remedies Limited
1305	VN-20060-16	Preclint	Pharmaunity Co., Ltd	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A
1306	VN-14893-12	Pred Forte	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
1307	VN-19373-15	Prednisolone 5 mg Tablets "Y.Y."	Công ty cổ phần dược - thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
1308	VN-19975-16	Prega 100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1309	VN-17826-14	Pregasafe 150	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Private Limited
1310	VN-17827-14	Pregasafe 300	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Private Limited
1311	VN-19656-16	Prelox Suspension	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.	Bosch Pharmaceuticals (Pvt.) Ltd.
1312	VN-18912-15	Presartan H 50	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
1313	VN-18738-15	Pretension Plus 80/12.5mg	Pharmaunity Co., Ltd	Dasan Pharmaceutical Co.,Ltd (Đóng Gói Bởi: Pharmaking Co., Ltd., Địa Chỉ: 363, Ogung-Ri, Gamgok-Myeon, Eumsung-Gun, Chungchengbuk-Do, 369-852, Korea)
1314	VN-19322-15	Prevomit FT	Pt. Dexa Medica	Pt. Dexa Medica
1315	VN-18436-14	Prezinton 8	Pt. Dexa Medica	Pt. Dexa Medica
1316	VN-18238-14	Pricefil	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Nhà Máy D
1317	VN-18859-15	Pricefil	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Nhà Máy D
1318	VN-18739-15	Progendo 200mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Procaps S.A.
1319	VN-16898-13	Progesterone injection BP 25mg	Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Đức Việt	Panpharma Gmbh
1320	VN-15147-12	Progestogel 1%	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Besins Manufacturing Belgium
1321	VN-18740-15	Progut	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Popular Pharmaceuticals Ltd.
1322	VN-20707-17	Promag	Công ty TNHH dược phẩm Nam Hân	Myung-In Pharm. Co., Ltd.
1323	VN-19568-16	Promaquin	Il-Yang Pharm Co., Ltd	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A
1324	VN-17903-14	Promelain	Công ty TNHH dược phẩm Hiệp Thuận Thành	Zhejiang Ruixin Pharmaceutical Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1325	VN-17959-14	Promto Tablet 20mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1326	VN-20710-17	Propain	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
1327	VN-19457-15	Prorid	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Đông Phương	Yoo Young Pharm. Co., Ltd.
1328	VN-17873-14	Prospan Cough Syrup	Công ty cổ phần Tập Đoàn dược phẩm & Thương Mại Sohaco	Engelhard Arzneimittel Gmbh & Co..Kg
1329	VN-15845-12	Protevir	Công ty TNHH dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Limited
1330	VN-16037-12	Protoflam 200 (Acyclovir tablets B.P. 200mg)	Rotaline Molekule Pvt. Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
1331	VN-19044-15	Protomac-40	Công ty TNHH một thành viên Jio Medical	M/S Windlas Biotech Private Limited
1332	VN-16292-13	Protopic	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Astellas Pharma Tech Co. Ltd. Toyama Technology Center (Đóng Gói: Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte Ltd.. Địa Chỉ: 15 Changi North Way #02-02, #02-10 Singapore 498770)
1333	VN-16293-13	Protopic	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Astellas Pharma Tech Co. Ltd. Toyama Technology Center (Đóng Gói: Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte Ltd.. Địa Chỉ: 15 Changi North Way #02-02, #02-10 Singapore 498770)
1334	VN-16415-13	Provinace	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn. Bhd.	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn. Bhd.
1335	VN-15653-12	Proxacin 1%	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
1336	VN-19405-15	Pulmorest	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và phân phối dược phẩm Hà Nội	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.
1337	VN-19847-16	Puvivid	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Industria Farmaceutica Galenica Senese S.R.L (Cơ Sở Xuất Xưởng: Deltamedica Gmbh; Địa Chỉ: Ernst-Wagner-Weg 1-5, 72766 Reutlingen, Đức)
1338	VN-15852-12	Pyrafat 500mg	Công ty TNHH DV TM dược phẩm Chánh Đức	Sw Pharma Gmbh-Subsidiary Of Riemser Pharma Gmbh
1339	VN-20850-17	Pyrantelum Medana	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Medana Pharma S.A. (Xuất Xưởng: Medana Pharma S.A.; Đ/C: 98-200 Sieradz, Wladyslawa Lokietka 10-Poland)

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1340	VN-19076-15	Qapanto	Công ty TNHH DP Quang Anh	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A (Fab. Abrunheira)
1341	VN-20279-17	Quamatel	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1342	VN-15822-12	Quibay	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Hbm Pharma S.R.O (Cơ Sở Sở Hữu Giấy Phép Sản Phẩm: As "Kalceks", Đ/C: 53, Krustpils Str. Riga, Lv-1057, Latvia)
1343	VN-17549-13	Quirex	Pharmaunity Co., Ltd.	Bcworld Pharm. Co., Ltd.
1344	VN-17641-14	Rabaris Tablet	Aristo Pharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1345	VN-17117-13	Rabefast-20	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1346	VN-16603-13	Rabeloc I.V.	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1347	VN-16658-13	Rabenobe	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1348	VN-19733-16	Rabeto-40	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1349	VN-16968-13	Rabicad 10	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1350	VN-16969-13	Rabicad 20	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1351	VN-18807-15	Rablet B	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Inventia Healthcare Limited.
1352	VN-20201-16	Ramipril GP	Pharmaunity Co., Ltd	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A
1353	VN-20202-16	Ramipril GP	Pharmaunity Co., Ltd	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A
1354	VN-17353-13	Ramizes 10	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Farmak Jsc
1355	VN-17354-13	Ramizes 2.5	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Farmak Jsc
1356	VN-17355-13	Ramizes 5	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Farmak Jsc
1357	VN-16497-13	Rapiclav-1g	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
1358	VN-16800-13	Rapiclav-375	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
1359	VN-17727-14	Rapiclav-625	Ipca Laboratories Ltd.	Ipca Laboratories Ltd.
1360	VN-20820-17	Raxnazole	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1361	VN-19408-15	Razocon 2000	Công ty cổ phần dược phẩm Việt An	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1362	VN-19527-15	Reamberin	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.
1363	VN-16844-13	Rebure-10	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1364	VN-16845-13	Rebure-20	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1365	VN-19281-15	Recarb-50	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Bal Pharma Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1366	VN-20716-17	Receant	Công ty TNHH dược phẩm Thủ Đô	Remedica S.A.
1367	VN-18079-14	Redamox 156 Dry syrup	Sakar Healthcare Pvt. Ltd.	Sakar Healthcare Pvt. Ltd.
1368	VN-16650-13	Redbama	Công ty TNHH Đại Bắc	Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A
1369	VN-20390-17	Redoxon Double Action	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Pt Bayer Indonesia
1370	VN-14430-12	Refresh Liquigel	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Sales, Llc
1371	VN-20016-16	Regabin 75	Macleods Pharmaceuticals Limited	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1372	VN-16552-13	Relenza	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome Production
1373	VN-18083-14	Relispa Injection	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1374	VN-9825-10	Remebentin 100	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	Remedica Ltd.
1375	VN-18128-14	Reprat (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Delorbis Pharmaceuticals Ltd., địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P. O. Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Advance Pharma Gmbh
1376	VN-20314-17	Residron	Mega Lifesciences Limited	Pharmathen S.A
1377	VN-20369-17	Respiwel 1	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1378	VN-20370-17	Respiwel 2	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1379	VN-20371-17	Respiwel 3	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1380	VN-20372-17	Respiwel 4	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1381	VN-16154-13	Retento-800	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Xl Laboratories Pvt., Ltd.
1382	VN-15387-12	Reumokam	Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Ánh Sáng Châu Á	Farmak Jsc
1383	VN-19771-16	Revole	Atra Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Atra Pharmaceuticals Limited
1384	VN-19560-16	Rhinocort Aqua	Janssen-Cilag Limited	Astrazeneca Ab
1385	VN-19339-15	Rhitas Nasal Spray	Samil Pharm. Co., Ltd	Samil Pharm Co., Ltd.
1386	VN-16766-13	Richstatin 10mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1387	VN-16767-13	Richstatin 20mg	Getz Pharma (Pvt) Ltd.	Getz Pharma (Pvt) Ltd.
1388	VN-17748-14	Ridlor	Mega Lifesciences Public Company Limited	Pharmathen S.A
1389	VN-19655-16	Rigevidon 21+7	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1390	VN-17620-13	Rinalix-Xepa	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn. Bhd.	Xepa-Soul Pattinson (Malaysia) Sdn. Bhd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1391	VN-18747-15	Ringerfundin	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen Ag
1392	VN-18922-15	Rinofil syrup 2,5mg/5ml	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A.
1393	VN-17150-13	Riosart 150mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1394	VN-17573-13	Riosart 300mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1395	VN-15598-12	RIOSART HCT 160+25 MG	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1396	VN-15599-12	RIOSART HCT 80+12.5 MG	Sun Pharmaceutical Industries Limited	Sun Pharmaceutical Industries Limited
1397	VN-20038-16	Rishon 10mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals D.D,
1398	VN-20193-16	Rishon 20mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals D.D,
1399	VN-16998-13	Risperinob-2	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1400	VN-16999-13	Risperinob-4	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1401	VN-16694-13	Ritozol 40mg Capsules	Công ty TNHH dược phẩm Huy Cường	Bosch Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.
1402	VN-17899-14	Rizsyl	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	M/S Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1403	VN-20613-17	Rocalcic 100	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk
1404	VN-20345-17	Rocalcic 50	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk
1405	VN-14167-11	Rocaltrol (Cơ sở đóng gói: F. Hoffmann-La Roche Ltd, địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst Switzerland	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Catalent Germany Eberbach Gmbh
1406	VN-11966-11	Rocimus 0.03%w/w	Mega Lifesciences Public Company Limited	The Madras Pharmaceuticals
1407	VN-11967-11	Rocimus 0.1%w/w	Mega Lifesciences Public Company Limited	The Madras Pharmaceuticals
1408	VN-19045-15	Rohapam	Công ty TNHH Một Thành Viên Jio Medical	M/S Windlas Biotech Private Limited
1409	VN-18556-14	Rolavast 10	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1410	VN-18557-14	Rolavast 20	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1411	VN-18283-14	Rolxexim	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1412	VN-18284-14	Rolxexim	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1413	VN-18749-15	Ropegold	Công ty TNHH dược phẩm Lamda	Facta Farmaceutici S.P.A
1414	VN-19222-15	Rosepire	Exeltis Healthcare S.L.	Laboratorios León Farma, S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1415	VN-19694-16	Rosepire	Exeltis Healthcare S.L.	Laboratorios León Farma, S.A
1416	VN-19046-15	Rosiduc	Công ty TNHH Một Thành Viên Jio Medical	M/S Windlas Biotech Private Limited
1417	VN-18802-15	Rossuwell 10	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Agio Pharmaceuticals Ltd.
1418	VN-18803-15	Rossuwell 20	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Agio Pharmaceuticals Ltd.
1419	VN-20450-17	Rosutrox	Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	Biofarm Sp. Zo.O
1420	VN-20451-17	Rosutrox	Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến	Biofarm Sp. Zo.O
1421	VN-17377-13	Rosuvastatin Tablets 10mg	Macleods Pharmaceutical Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
1422	VN-17378-13	Rosuvastatin Tablets 20mg	Macleods Pharmaceutical Ltd.	Macleods Pharmaceutical Ltd.
1423	VN-18750-15	Roswera	Công ty TNHH dược phẩm Nam Đồng	Krka, D.D., . Novo Mesto
1424	VN-16196-13	Rotalzon	Công ty TNHH dược phẩm An Sinh	Atlantic Pharma- Producoes De Especialidades Farmaceuticas S.A (Fab. Venda Nova)
1425	VN-19424-15	Rovartal 10mg	Công ty TNHH Dp Việt Pháp	Actavis Ltd.
1426	VN-19425-15	Rovartal 20mg	Công ty TNHH Dp Việt Pháp	Actavis Ltd.
1427	VN-14293-11	Rovastin-10	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Đông Phương	Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd.
1428	VN-20444-17	Rovex 20	Công ty TNHH dược phẩm Hồng Hà	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1429	VN-18751-15	Rowachol	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Rowa Pharmaceuticals Ltd.
1430	VN-15245-12	Rowatinex	Công ty TNHH dược phẩm Phương Đài	Rowa Pharmaceuticals Ltd.
1431	VN-17226-13	Roxithromycin 150mg	Công ty TNHH dược phẩm Tây Huy	Umedica Laboratories Pvt. Ltd.
1432	VN-18948-15	Roxithromycin tablets 150mg	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1433	VN-16115-13	R-Tist	Công ty TNHH Reliv Pharma	Lupin Ltd.
1434	VN-16116-13	R-Tist	Công ty TNHH Reliv Pharma	Lupin Ltd.
1435	VN-17360-13	Runolax	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	The Acme Laboratories Ltd.
1436	VN-19193-15	Rupafin	Hyphens Pharma Pte. Ltd	J.Uriach And Cía., S.A.
1437	VN-14629-12	Sadetabs	Công ty TNHH Thương Mại CG Việt Nam	Gramon Bago De Uruguay S.A.
1438	VN-16636-13	Safaria	Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company	Ltd Farmaprim
1439	VN-16118-13	Safebo 62,5	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Private Limited
1440	VN-18752-15	Safelevo 750	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Private Limited

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1441	VN-14181-11	Saferon	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1442	VN-16272-13	Saferon	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1443	VN-19664-16	Saferon	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1444	VN-20817-17	Safetelmi H	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Limited
1445	VN-20818-17	Safetelmi H 80/12.5	Mi Pharma Private Limited	Msn Laboratories Limited
1446	VN-20635-17	Sagamome	Yash Medicare Pvt., Ltd	U Square Lifescience Private Ltd.
1447	VN-16573-13	Salbules	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Amanta Healthcare Limited
1448	VN-20115-16	Salbutamol Renaudin 0,5mg/1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Laboratoire Renaudin
1449	VN-18354-14	Salmeflo	Lloyd Laboratories Inc.	Lloyd Laboratories Inc.
1450	VN-18355-14	Salmeflo	Lloyd Laboratories Inc.	Lloyd Laboratories Inc.
1451	VN-20197-16	Samarin 140	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd.	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
1452	VN-20198-16	Samarin 70	Paradigm Pharma (Thailand) Co., Ltd.	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd.
1453	VN-18080-14	Samilflurone 0,1% Ophthalmic Suspension	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
1454	VN-17583-13	Samilvidone Ophthalmic Solution	Samil Pharm Co., Ltd.	Samil Pharm. Co., Ltd
1455	VN-18144-14	Samtoxim	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1456	VN-18457-14	Sanaperol	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Acme Formulation Pvt. Ltd.
1457	VN-16120-13	Sanbeclaneksi	Mi Pharma Private Limited	Pt. Sanbe Farma
1458	VN-16121-13	Sanbeclaneksi	Mi Pharma Private Limited	Pt. Sanbe Farma
1459	VN-16122-13	Sanbepelastin	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Pt. Sanbe Farma
1460	VN-17182-13	Sanbeproanes	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Pt. Sanbe Farma
1461	VN-18196-14	Sancefur	Công ty cổ phần BT Việt Nam	Pharmathen S.A
1462	VN-18753-15	Sandimmun Neoral	Novartis Pharma Services Ag	Delpharm Huningue S.A.S
1463	VN-18562-14	Sangobion	Merck KGaA	Pt. Merck Tbk
1464	VN-19738-16	Sanlein Mini 0.1	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà Máy Noto
1465	VN-15773-12	Santafer	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và phân phối dược phẩm Hà Nội	Santa Farma Ilac Sanayii A.S.
1466	VN-20688-17	Santasetron 1mg/1ml	Công ty CP dược phẩm Pha No	Laboratorios Normon, S.A.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1467	VN-12828-11	Santax 1g	Công ty TNHH SRS Lifesciences Việt Nam	Zeiss Pharmaceutical Pvt., Ltd.
1468	VN-19347-15	Scandonest 3% Plain	Septodont	Septodont
1469	VN-16109-13	Sciomir	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy	Laboratorio Farmaceutico C.T.S.R.L.
1470	VN-19336-15	S-Drox 250	Sakar Healthcare Limited	Sakar Healthcare Limited
1471	VN-12796-11	Sdvag	Gelnova Laboratories (India) Private Limited	Gelnova Laboratories (I) Pvt., Ltd.
1472	VN-17775-14	Seaoflura	Piramal Healthcare Limited	Piramal Critical Care, Inc
1473	VN-19162-15	Seduxen 5 mg	Gedeon Richter Plc.	Gedeon Richter Plc.
1474	VN-17577-13	Selsun	Rohto-Mentholatum (Vietnam) Co., Ltd	Rohto Laboratories Indonesia
1475	VN-15818-12	Sepdom	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Châu Âu.	Delta Pharma Limited
1476	VN-18084-14	Septanest with Adrenaline 1/100,000	Septodont	Septodont
1477	VN-20467-17	Septax	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Plant D'
1478	VN-20728-17	Septax	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Plant D'
1479	VN-15151-12	Serenata-100	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1480	VN-20766-17	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxosmithkline Llc
1481	VN-14684-12	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxo Wellcome S.A,
1482	VN-19627-16	Sergel Injection	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.
1483	VN-19815-16	Seroflo-125 (CFC Free)	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
1484	VN-19816-16	Seroflo-250 (CFC Free)	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
1485	VN-19401-15	Seroflo-50 (CFC Free)	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
1486	VN-17823-14	Servonex Tablets 10mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1487	VN-17824-14	Servonex Tablets 5mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1488	VN-18162-14	Sevoflurane	Baxter Healthcare (Asia) Pte., Ltd.	Baxter Healthcare Corporation
1489	VN-20637-17	Sevorane	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Abbvie S.R.L
1490	VN-18502-14	Sifagen	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Zhejiang Ruixin Pharmaceutical Co., Ltd.
1491	VN-18539-14	Sife-100	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1492	VN-18540-14	Sife-50	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1493	VN-16038-12	Siloflam 100	Rotaline Molekule Pvt. Ltd.	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
1494	VN-9364-09	Siloxogene	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Rpg Lifesciences Ltd.
1495	VN-9365-09	Siloxogene gel	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Rpg Lifesciences Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1496	VN-16542-13	Silygamma	Wörwag Pharma Gmbh & Co. Kg	Dragenopharm Apotheker Püschl Gmbh
1497	VN-15579-12	Silyhepatis	Phil International Co., Ltd.	Cho-A Pharm Co., Ltd.
1498	VN-19345-15	Simbex 20/10 mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1499	VN-16806-13	Simbidan	Saint Corporation	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.
1500	VN-17569-13	Simvapol	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1501	VN-18761-15	Simvaseo Tablet	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Đông Phương	Young Poong Pharma. Co., Ltd.
1502	VN-17210-13	Sindoxplatin 100mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.P.A.
1503	VN-17211-13	Sindoxplatin 50mg	Actavis International Ltd	Actavis Italy S.P.A.
1504	VN-16681-13	Singdot 5	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	M/S Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1505	VN-20814-17	Singulair	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Patheon Manufacturing Services Llc (Đóng Gói Cấp 1: Merck Sharp & Dohme Corp, Usa; Đóng Gói Cấp 2: Merck Sharp & Dohme B.V.Hà Lan)
1506	VN-17481-13	Sinil Betamethasone Tablet	Kolon Global Corp	Sinil Pharm Co., Ltd.
1507	VN-18127-14	Sintopozid	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma Srl
1508	VN-18985-15	Sitaglo 100	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1509	VN-18987-15	Sitaglo 50	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1510	VN-16336-13	Sizoca-10	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1511	VN-16337-13	Sizoca-5	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1512	VN-18032-14	Sketixe	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1513	VN-16682-13	Skidin	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	M/S Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1514	VN-16804-13	Skypodox 100	Công ty TNHH dược phẩm New Far East	Health Care Formulations Pvt. Ltd
1515	VN-17479-13	Skypodox 200	Công ty cổ phần Thiết Bị T&T	Health Care Formulations Pvt. Ltd
1516	VN-19953-16	Smofkabiven Central	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria Gmbh.
1517	VN-19954-16	Smofkabiven Electrolyte free	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Austria Gmbh.
1518	VN-20278-17	Smofkabiven Peripheral	Fresenius Kabi Deutschland Gmbh.	Fresenius Kabi Ab
1519	VN-17173-13	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Laboratoire Renaudin
1520	VN-20698-17	Sodium Chloride Injection 0,9%	Công ty TNHH Dp Châu Á - Thái Bình Dương	Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1521	VN-20375-17	Sodium Chloride Injection BP (0.9% W/V)	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Amanta Healthcare Limited.
1522	VN-20507-17	Solacy Adulte	Galien Pharma	Laboratoires Grimberg S.A.
1523	VN-20331-17	Solu - Medrol	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pfizer Manufacturing Belgium Nv
1524	VN-15107-12	Solu-Medrol	Pfizer (Thailand) Ltd.	Pharmacia & Upjohn Company
1525	VN-16163-13	Somargen	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội	Anfarm Hellas S.A.
1526	VN-17213-13	Somatosan	Actavis International Ltd	Bag Health Care Gmbh
1527	VN-18763-15	Somazina 1000mg	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
1528	VN-18764-15	Somazina 500mg	Tedis	Ferrer Internacional S.A.
1529	VN-20576-17	Somexwell-40	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1530	VN-20347-17	Sotretran 20mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1531	VN-20348-17	Sotretran 20mg	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1532	VN-19212-15	Speenac S	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1533	VN-16905-13	Spiromide 40	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1534	VN-10570-10	Spiromide tablets	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1535	VN-20496-17	Stamlo 10	Dr. Reddy'S Laboratories Ltd.	Dr. Reddy'S Laboratories Ltd.
1536	VN-18766-15	Sterile Potassium Chloride Concentrate 14.9%	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.
1537	VN-18493-14	Sterilised water for injection BP	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
1538	VN-18494-14	Sterilised water for injection BP	Công ty TNHH Reliv Pharma	Amanta Healthcare Limited
1539	VN-20643-17	Sterilised water for injection BP	Aculife Healthcare Private Limited	Aculife Healthcare Private Limited
1540	VN-17574-13	Strepsils Extra Strong	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1541	VN-17195-13	Strepsils Orange with Vitamin C	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1542	VN-17154-13	Strepsils Original	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1543	VN-18578-14	Strepsils Throat Irritation & Cough	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1544	VN-20080-16	StrepsilsMaxpro	Reckitt Benckiser (Thailand) Limited,	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.
1545	VN-14218-11	Stugeron	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Olic (Thailand) Ltd.
1546	VN-17194-13	Subsyde-M	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1547	VN-17127-13	Sucracid Suspension	Công ty TNHH Era Pharma	Pacific Pharmaceuticals Ltd.
1548	VN-19105-15	Sucrafil Suspension	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Fourrts (India) Laboratories Pvt., Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1549	VN-20804-17	Sumiko	Medochemie Ltd.	Medochemie Ltd.- Central Factory
1550	VN-16910-13	Suncardivas 12.5	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1551	VN-16911-13	Suncardivas 6.25	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1552	VN-18094-14	SUNDONEP 5	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1553	VN-16912-13	Sunirovel 150	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1554	VN-17202-13	Sunirovel 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1555	VN-18768-15	Sunirovel H	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1556	VN-16913-13	Sunmesacol	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1557	VN-18769-15	Sunoxitol 150	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1558	VN-18770-15	Sunoxitol 300	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1559	VN-18096-14	SUNPRANZA	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1560	VN-19744-16	Sunpregaba 150	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1561	VN-19745-16	SUNPREGABA 75	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1562	VN-18771-15	Sunsizopin 100	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1563	VN-18098-14	Sunsizopin 25	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1564	VN-18099-14	Suntopirol 25	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1565	VN-18100-14	Suntopirol 50	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.
1566	VN-19665-16	Supirocin	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1567	VN-18319-14	Supirocin-B	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1568	VN-15608-12	Supraflam	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.
1569	VN-16932-13	Suroate Tablets "Honten"	Công ty cổ phần Dược - thiết bị y tế Đà Nẵng	Ying Yuan Chemical Pharmaceutical Co., Ltd.
1570	VN-17143-13	Surotadina	Adamed Pharma S.A. (Tên Đầy Đủ: Adamed Pharma Spólka Akcyjna)	Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company
1571	VN-17567-13	Surotadina	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1572	VN-17776-14	Surotadina	Adamed Pharma S.A. (Tên Đầy Đủ: Adamed Pharma Spólka Akcyjna)	Pharmaceutical Works Adamed Pharma Joint Stock Company

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1573	VN-20880-17	Swecon Suspension 100mg/ml	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
1574	VN-17867-14	Synvetri	Công ty TNHH Một Thành Viên Jio Medical	Windlas Biotech Private Limited
1575	VN-13977-11	Systane	Alcon Pharmaceuticals Ltd.	Alcon Research, Ltd.
1576	VN-16980-13	Tacrolimus-Teva 0.5mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa Sa
1577	VN-16981-13	Tacrolimus-Teva 1mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa Sa
1578	VN-16982-13	Tacrolimus-Teva 5mg	Actavis International Ltd	Laboratorios Cinfa Sa
1579	VN-20284-17	Tacroz Forte	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1580	VN-16630-13	Tadachem-20	Công ty cổ phần dược phẩm Việt An	Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd.
1581	VN-16644-13	Tadaritin	Công ty cổ phần Tada Pharma	Laboratorios Lesvi, S.L.
1582	VN-17808-14	Tadocel 80mg/2ml	Actavis International Ltd	S.C.Sindan-Pharma Srl
1583	VN-15815-12	Takazex	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Beximco Pharmaceuticals Ltd
1584	VN-16205-13	Takiqui	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Farmak Jsc
1585	VN-18194-14	Tamiram	Công ty cổ phần Bt Việt Nam	Eurofarma Laboratorios Sa
1586	VN-20583-17	Tamoxifen Sandoz 10mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Salutas Pharma Gmbh
1587	VN-20584-17	Tamoxifen Sandoz 20mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Salutas Pharma Gmbh
1588	VN-10116-10	Tamunix	Công ty TNHH Dp Và Tbyt Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Limited
1589	VN-19132-15	Tanagel	Laboratorios Francisco Durban, S.A.	Consorzio Con Attivita' Esterna Medexport Italia
1590	VN-19539-15	Tantordio 160	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1591	VN-18475-14	Tantordio 40	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1592	VN-19376-15	Tapdin	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Sydenham Laboratories, Inc
1593	VN-16023-12	Tardyferon B9	Pierre Fabre Medicament	Pierre Fabre Medicament Production
1594	VN-19410-15	Tarviluci	Công ty cổ phần Dược Vật Tư Y Tế Thành Vinh	Reyoung Pharmaceutical Co., Ltd
1595	VN-20586-17	Tasigna 150mg	Công ty TNHH Novartis Việt Nam	Novartis Pharma Stein Ag
1596	VN-15347-12	Tauxiz	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	Beximco Pharmaceuticals Ltd
1597	VN-20309-17	Tavomac DR 40	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1598	VN-15202-12	Taxetil capsule	Aristopharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1599	VN-15717-12	Taxetil Powder for suspension	Aristo Pharma Ltd.	Aristopharma Ltd.
1600	VN-17686-14	Tazidif 1g/3ml	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	Esseti Farmaceutici Srl
1601	VN-20594-17	Tazocin	Pfizer (Thailand) Ltd.	Wyeth Lederle S.R.L.
1602	VN-19384-15	Tears Naturale II	Alcon Pharmaceuticals Ltd.	S.A. Alcon-Couvreur N.V

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1603	VN-17335-13	Tebonin	Diethelm & Co., Ltd	Dr. Willmar Schwabe Gmbh & Co. Kg
1604	VN-19312-15	Teburap SoftCap	Pharmaunity Co., Ltd	Dongkoo Bio & Pharma. Co., Ltd
1605	VN-18593-15	TEDAVI	Công ty TNHH dược phẩm A.C.T	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S
1606	VN-19035-15	Tedona 10mg	Công ty cổ phần BGP Việt Nam	Korean Drug Co., Ltd.
1607	VN-19034-15	Tedona 5mg	Công ty cổ phần BGP Việt Nam	Korean Drug Co., Ltd.
1608	VN-17795-14	Telday-20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1609	VN-16605-13	Teli 80	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1610	VN-17662-14	Teli H	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Ltd.
1611	VN-17048-13	Telma 40	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1612	VN-19666-16	Telma 80	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.
1613	VN-20436-17	Telmotens Plus	Công ty TNHH DP Việt Pháp	Alembic Pharmaceuticals Limited
1614	VN-17608-13	Telroto 80	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1615	VN-18905-15	Telsar 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1616	VN-18906-15	Telsar 80	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1617	VN-17371-13	Tempovate Cream	Công ty TNHH dược phẩm Khương Duy	P.T Tempo Scan Pacific Tbk
1618	VN-17907-14	Temprosone Cream	Công ty TNHH dược phẩm Khương Duy	Pt Tempo Scan Pacific Tbk.
1619	VN-20423-17	Temptcure-100	Công ty cổ phần Thiết Bị T&T	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
1620	VN-20424-17	Temptcure-50	Công ty cổ phần Thiết Bị T&T	Gracure Pharmaceuticals Ltd.
1621	VN-20376-17	Tenifo	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1622	VN-16947-13	Tenofovir disoproxil fumarate/efavirenz/emtricitabine 300mg/600mg/200mg	Mi Pharma Private Limited	Mylan Laboratories Limited
1623	VN-19611-16	Tensira 150	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Pt Pertiwi Agung
1624	VN-20535-17	Terinale Vaginal Soft Capsule	Kolmar Pharma Co., Ltd	Kolmar Pharma Co., Ltd.
1625	VN-15189-12	Thermodol	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1626	VN-20644-17	Thermodol	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.
1627	VN-20102-16	Thiên sứ hộ tâm đan (Angel Cardiotonic Pill)	Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd.	Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd.
1628	VN-17604-13	Thiên sứ thanh phế	Tasly Pharmaceutical Group Co.,Ltd	Tasly Pharmaceutical Group Co.,Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1629	VN-12729-11	Thiogamma 600 Oral	Wörwag Pharma Gmbh & Co. Kg	Dragenopharm Apotheker Püschl Gmbh
1630	VN-10852-10	Thuốc long đờm New Eascof	Công ty TNHH Thương Mại Thanh Danh	Cachet Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1631	VN-20669-17	Thuốc phun mù dùng hít Duolin (Không có CFC)	Cipla Ltd.	Cipla Ltd.
1632	VN-13846-11	Thuốc tiêm Brainact 1000	Công ty TNHH dược phẩm Nam Hân	PT Dankos Farma
1633	VN-18481-14	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Yichang Humanwell Pharmaceutical Co., Ltd
1634	VN-18482-14	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Công ty cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế C.A.T	Yichang Humanwell Pharmaceutical Co., Ltd
1635	VN-17080-13	Thuốc tiêm Korea United Vancomycin HCl 1g	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1636	VN-19180-15	Tiger Balm Oil	Haw Par Healthcare Ltd.	Haw Par Healthcare Ltd.
1637	VN-18782-15	Tiger Balm Plaster	Haw Par Healthcare Ltd.	Haw Par Healthcare Ltd.
1638	VN-17237-13	Tigeron Tablets 250mg	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1639	VN-20631-17	Tilatep for I.V. Injection 200mg	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.
1640	VN-17884-14	Tilbec 10	Công ty cổ phần Dược Mk Việt Nam	Softgel Healthcare Pvt., Ltd.
1641	VN-18337-14	Tilcotil	Invida (Singapore) Private Limited	Cenexi S.A.S
1642	VN-19822-16	Timbov	Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc	Farmaprim Ltd
1643	VN-15083-12	Tinidazole Tablets 500mg	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1644	VN-19943-16	Tisercin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1645	VN-20421-17	Tobramycin Ophthalmic Solution USP	Công ty cổ phần Thiết Bị T&T	Bharat Parenterals Ltd.
1646	VN-20366-17	Tobrin 0.3%	Actavis International Ltd	Balkanpharma - Razgrad Ad
1647	VN-17670-14	Toduc	Công ty TNHH Một Thành Viên Jio Medical	Saga Laboratories
1648	VN-18949-15	Tolepruv	Panacea Biotec Pharma Limited	M/S Panacea Biotec Pharma Ltd
1649	VN-20616-17	Tolura 40mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	Krka, D.D., Novo Mesto
1650	VN-20617-17	Tolura 80mg	S.I.A (Tenamyd Canada)Inc.	Krka, D.D., Novo Mesto
1651	VN-13408-11	Toraass 25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1652	VN-14381-11	Toraass 50	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1653	VN-14382-11	Toraass H	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1654	VN-19600-16	Toraxim	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Gia	Delta Pharma Limited
1655	VN-17230-13	Torfin-100	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Bal Pharma Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1656	VN-17231-13	Torfin-50	APC Pharmaceuticals & Chemical Ltd.	Bal Pharma Ltd.
1657	VN-20106-16	Torgabalin 75	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1658	VN-15808-12	Toricam capsules 20mg	Công ty TNHH dược phẩm Hiệp Thuận Thành	U Chu Pharmaceutical Co., Ltd
1659	VN-20107-16	Torleva 1000	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1660	VN-20108-16	Torleva 250	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1661	VN-20109-16	Torleva 500	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1662	VN-18558-14	Tormeg-10	Mega Lifesciences Public Company Limited	Pharmathen S.A
1663	VN-18783-15	Tormeg-20	Mega Lifesciences Public Company Limited	Pharmathen S.A
1664	VN-17609-13	Tormipex 0.25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1665	VN-17610-13	Tormipex 1	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1666	VN-17612-13	Tormita 25	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1667	VN-17613-13	Tormita 50	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1668	VN-20351-17	Torpace-5	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1669	VN-17171-13	Torsartan 20	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1670	VN-19641-16	Torvazin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1671	VN-19642-16	Torvazin	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company
1672	VN-20600-17	Totcal Soft capsule	Pharmaunity Co., Ltd	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd
1673	VN-20059-16	Toxaxine 500 Inj	Pharmaunity Co., Ltd	Daihan Pharm. Co., Ltd.
1674	VN-14919-12	Tracutil	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	B.Braun Melsungen Ag
1675	VN-20614-17	Tramadol 100mg-Rotexmedica	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk	Rotexmedica Gmbh Arzneimittelwerk
1676	VN-14908-12	Tranoxel	Atco Laboratories Ltd.	Atco Laboratories Ltd.
1677	VN-17933-14	Transamin Capsules 250mg	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
1678	VN-17416-13	Transamin Tablets	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd.	Olic (Thailand) Ltd.
1679	VN-18808-15	Trantum tablets 500 mg	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1680	VN-15190-12	Travatan	Novartis Pharma Services Ag	S.A. Alcon-Couvreur N.V
1681	VN-20206-16	Treatan Tablet 8mg	Pharmevo Private Limited	Pharmevo Private Limited
1682	VN-19742-16	Trexon	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	Laboratorio Reig Jofre, S.A
1683	VN-18045-14	Trichopol	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.
1684	VN-20061-16	Tricovivax	Pharmaunity Co., Ltd	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A
1685	VN-20461-17	Triglo	Công ty TNHH dược phẩm Và thiết bị y tế Phương Lê	Square Pharmaceuticals Ltd
1686	VN-20750-17	Trimafort	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
1687	VN-19729-16	Trimpol MR	Polfarmex S.A	Polfarmex S.A

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1688	VN-19809-16	Trionstrep	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A.	Bluepharma - Indústria Farmacêutica, S.A. (Fab. Cimbra)
1689	VN-19998-16	Trivit-B	L.B.S. Laboratory Ltd. Part	T.P. Drug Laboratories (1969) Co., Ltd.
1690	VN-20506-17	Trixone 1	Flamingo Pharmaceuticals Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1691	VN-14844-12	Troxipe	Công ty TNHH Srs Life Sciences Việt Nam	Acme Formulation (P) Ltd
1692	VN-16922-13	Troypofol	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.	Troikaa Pharmaceuticals Ltd.
1693	VN-19522-15	Trymo tablets	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1694	VN-19404-15	Tusligo	Công ty cổ phần Dược Mk Việt Nam	S.C.Slavia Pharm S.R.L.
1695	VN-19734-16	Ucon 4	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1696	VN-19735-16	Ucon 5	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1697	VN-15810-12	Ucyrin 75mg	Công ty TNHH DP Quang Anh	Laboratorios Lesvi S.L.
1698	VN-17677-14	Ufur capsule	Tty Biopharm Co., Ltd	Tty Biopharm Company Limited Chungli Factory
1699	VN-20256-17	Ulceron	Công ty TNHH dược phẩm Việt Lâm	Anfarm Hellas S.A
1700	VN-14922-12	Ultravist 300	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Ag
1701	VN-14923-12	Ultravist 370	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Ag
1702	VN-16110-13	Umercon	Amoli Enterprises Ltd.	Umedica Laboratories Pvt. Ltd.
1703	VN-14306-11	Unasyn	Pfizer (Thailand) Ltd.	Haupt Pharma Latina S.R.L
1704	VN-15350-12	Uptiv	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	T. Man Pharma Company Limited
1705	VN-18357-14	Ursachol	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1706	VN-20260-17	Ursobil	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Abc Farmaceutici S.P.A
1707	VN-14659-12	Uruso	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
1708	VN-17706-14	Uruso	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd.
1709	VN-18256-14	U-Stone	Công ty TNHH dược phẩm Và thiết bị y tế Tuấn Dương	Laboratorios Casasco S.A.I.C
1710	VN-19749-16	U-Thel	Unison Laboratories Co., Ltd.	Unison Laboratories Co., Ltd.
1711	VN-17227-13	Utralene-100	Công ty TNHH dược phẩm Tây Huy	Umedica Laboratories Pvt. Ltd.
1712	VN-17228-13	Utralene-50	Công ty TNHH dược phẩm Tây Huy	Umedica Laboratories Pvt. Ltd.
1713	VN-19420-15	Utrogestan 100 mg	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Olic (Thailand) Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1714	VN-19019-15	Utrogestan 100mg (Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng bởi: Besins Manufacturing Belgium, địa chỉ: Groot - Bijgaardenstraat, 128 1620 Drogenbos, Belgium)	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Capsugel Ploermel
1715	VN-19421-15	Utrogestan 200 mg	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd	Olic (Thailand) Ltd.
1716	VN-19020-15	Utrogestan 200mg (Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng bởi: Besins Manufacturing Belgium, địa chỉ: Groot - Bijgaardenstraat, 128 1620 Drogenbos, Belgium)	Besins Healthcare (Thailand) Co., Ltd.	Capsugel Ploermel
1717	VN-17918-14	Uvomo	Công ty TNHH Thương Mại dược phẩm Hoàng Trân	Saga Laboratories
1718	VN-17691-14	Vacitus	Công ty TNHH dược phẩm Vietsun	Incepta Pharmaceuticals Ltd.
1719	VN-20839-17	Vagifem	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
1720	VN-16156-13	Vaklonal	Công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	Klonal S.R.L
1721	VN-20011-16	Valcickeck H	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1722	VN-20012-16	Valcickeck H2	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1723	VN-20724-17	Valdesar Plus	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Balkanpharma - Dupnitsa Ad
1724	VN-20725-17	Valdesar Plus	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Balkanpharma - Dupnitsa Ad
1725	VN-20566-17	Valian-X	Mega Lifesciences Public Company Limited	Mega Lifesciences Public Company Ltd.
1726	VN-19224-15	Valiera 1mg	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Laboratorios Recalcine S.A.
1727	VN-13899-11	Valparin-200 Alkalets	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1728	VN-17144-13	Valsacard	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1729	VN-17145-13	Valsacard	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1730	VN-12019-11	Valsarfast 160	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Krka, D.D., Novo Mesto, Slovenia

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1731	VN-12020-11	Valsarfast 80	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Krka, D.D., Novo Mesto, Slovenia
1732	VN-17796-14	Valzaar H	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1733	VN-19885-16	Vancomycin hydrochloride for infusion	Công ty TNHH dược phẩm Việt Pháp	Xellia Pharmaceuticals Aps
1734	VN-19886-16	Vancomycin hydrochloride for infusion	Công ty TNHH dược phẩm Việt Pháp	Xellia Pharmaceuticals Aps
1735	VN-17509-13	Vaptor 20mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1736	VN-20254-17	Vasoclean Sol.	Công ty TNHH dược phẩm Nam Hân	Cho-A Pharm Co., Ltd.
1737	VN-20668-17	Vasopren 10mg	Chi Nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Tw Codupha Hà Nội	Sopharma Ad
1738	VN-19634-16	Vasotense-10	Công ty TNHH Y Tế Cánh Cửa Việt	Pulse Pharmaceuticals Pvt. Ltd
1739	VN-12691-11	Vasotrate-30 OD	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1740	VN-20821-17	Vasulax-10	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1741	VN-20822-17	Vasulax-20	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1742	VN-17679-14	Vataxon	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	M/S Bio-Labs (Pvt) Ltd.
1743	VN-18954-15	Vectrine	Pt. Dexa Medica	Pt. Dexa Medica
1744	VN-19730-16	Vectrine	Pt. Dexa Medica	Pt. Dexa Medica
1745	VN-20177-16	Velcade	Janssen Cilag Ltd.	Pierre Fabre Medicament Production (Pfmp) (Cơ Sở Đóng Gói Thứ Cấp: Zuellig Pharma Specialty Solutions Group Pte. Ltd; Địa Chỉ:15 Changi North Way #01-02, #02-02,#02-10 Singapore 498770; Cs Xuất Xưởng: Janssen Pharmaceutica N.V., Địa Chỉ: Turnhoutseweg 30, B-2340, Beerse, Bỉ)
1746	VN-20861-17	Velcox	Pt. Novell Pharmaceutical Laboratories	Pt. Novell Pharmaceutical Laboratories
1747	VN-19747-16	Venlif OD 150	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1748	VN-19748-16	Venlif OD 75	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Torrent Pharmaceuticals Ltd.
1749	VN-14566-12	Venosan retard	Công ty cổ phần dược phẩm Duy Tân	Dr. Willmar Schwabe Gmbh & Co. Kg
1750	VN-19346-15	Ventek 10mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1751	VN-18454-14	Ventek 5mg	The Searle Company Limited	The Searle Company Limited
1752	VN-20765-17	Ventolin Nebules	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxosmithkline Australia Pty., Ltd.
1753	VN-16251-13	Verapime	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Demo S.A. Pharmaceutical Industry

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1754	VN-18218-14	Verniqueen	Belarusian-Dutch Joint Venture "Pharmland" Limited Liability Company	Ltd Farmaprim
1755	VN-20234-17	Vertiko 16	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1756	VN-20235-17	Vertiko 24	Cadila Healthcare Ltd.	Cadila Healthcare Ltd.
1757	VN-18792-15	Vertisum tablets	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1758	VN-20877-17	Vertucid	U Square Lifescience Private Ltd.	Yash Medicare Pvt. Ltd.,
1759	VN-18927-15	Verzat	Lloyd Laboratories Inc.	Lloyd Laboratories Inc.
1760	VN-14732-12	Vespratab Kit	Công ty TNHH SRS Lifesciences Việt Nam	Acme Formulation Pvt. Ltd.
1761	VN-19588-16	Vexinir 300	Công ty cổ phần Hoàng Nam	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1762	VN-19589-16	Vexpod 200	Công ty TNHH DượC PhẩM Y-Med	Akums Drugs And Pharmaceuticals Ltd.
1763	VN-19369-15	Vexprazole 40	Akums Drugs & Pharmaceuticals Limited	Akum Drugs & Pharmaceuticals Ltd
1764	VN-14801-12	Viartril-S	Ever Neuro Pharma Gmbh	Rottapharm Ltd.
1765	VN-18386-14	Vidlezine-B 100	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1766	VN-18387-14	Vidlezine-B 200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1767	VN-16700-13	Viên đạn đặt âm đạo Ovumix	Công ty TNHH dược phẩm Liên Hợp	Laboratorio Elea S.A.C.I.F.Ya
1768	VN-17491-13	Viên nang Kupitral	Korea United Pharm. Inc.	Korea United Pharm. Inc.
1769	VN-20380-17	Viên nén Lamivudin 150 mg và Zidovudin 300 mg	Aurobindo Pharma Limited	Aurobindo Pharma Limited
1770	VN-17055-13	Viên ngậm kháng viêm Difflam vị chanh-mật ong	Dksh Singapore Pte. Ltd.	Unique Pharmaceuticals Laboratories.
1771	VN-17056-13	Viên ngậm kháng viêm Difflam vị quả mâm xôi	Dksh Singapore Pte. Ltd.	Unique Pharmaceuticals Laboratories.
1772	VN-17649-14	Vigirmazone 200	Bliss Gvs Pharma Ltd.	Bliss Gvs Pharma Ltd.
1773	VN-17650-14	Vigirmazone 500	Bliss Gvs Pharma Ltd.	Bliss Gvs Pharma Ltd.
1774	VN-20829-17	Vinorelbin "Ebewe"	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Ebewe Pharma Ges.M.B.H Nfg.Kg
1775	VN-17629-14	Vinorelsin 50mg/5ml	Actavis International Ltd.	S.C.Sindan-Pharma Srl
1776	VN-18285-14	Virupos	Công ty TNHH Trường Sơn	Ursapharm Arzneimittel Gmbh
1777	VN-20542-17	Vitalef-100	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.
1778	VN-19349-15	Vitamin C Injection	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.
1779	VN-16886-13	Vixam	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.N.T	Polfarmex S.A
1780	VN-20412-17	Vizimtex	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Anfarm Hellas S.A.
1781	VN-20242-17	Vlergy 10	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Saga Laboratories

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1782	VN-20243-17	Vlergy 5	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Saga Laboratories
1783	VN-18955-15	Voledex	Pt. Dexa Medica	Pt. Dexa Medica
1784	VN-18793-15	Volfacine	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Lek Pharmaceuticals D.D,
1785	VN-16847-13	Voltaren	Novartis Pharma Services Ag	Delpharm Huningue S.A.S
1786	VN-17535-13	Voltaren Emulgel	Glaxosmithkline Pte Ltd	Gsk Consumer Healthcare S.A
1787	VN-18850-15	Voltex	Dksh Singapore Pte. Ltd.	The United Drug (1996) Co.,Ltd.
1788	VN-19651-16	Voluven 6%	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Fresenius Kabi Deutschland Gmbh.
1789	VN-16241-13	Vonland	Pharmaunity Co., Ltd	Daewon Pharmaceutical Co., Ltd.
1790	VN-19778-16	Vorzole	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Lyka Labs Limited
1791	VN-20141-16	Voxin	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Vianex S.A- Nhà Máy C
1792	VN-17315-13	Walenafil-100	Công ty cổ phần dược phẩm Việt An	Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd.
1793	VN-20866-17	WINOLAP DS	Sun Pharmaceutical Industries Limited.	Unimed Technologies Ltd
1794	VN-20719-17	Wintovas 10 Tablet	Công ty TNHH dược phẩm Và thiết bị y tế Phương Lê	Incepta Pharmaceuticals Ltd
1795	VN-17238-13	Wolvit 5mg	Kusum Healthcare Private Limited	Kusum Healthcare Pvt. Ltd.
1796	VN-19013-15	Xarelto	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Bayer Ag
1797	VN-16788-13	Xenetix 350	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Guerbet
1798	VN-19101-15	Ximeprox Tab	Công ty TNHH dược phẩm Tú Uyên	Fu Yuan Chemical & Pharmaceutical Co., Ltd.
1799	VN-17091-13	Xonesul-1	Samrudh Pharmaceuticals Private Limited	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1800	VN-16824-13	Xonesul-2	Samrudh Pharmaceuticals Private Limited	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.
1801	VN-18958-15	Xorimax 250mg	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Sandoz Gmbh
1802	VN-20624-17	Xorimax 500mg	Sandoz Gmbh	Sandoz Gmbh
1803	VN-20207-16	X-Plended Tablet 10mg	Pharmevo Private Limited	Pharmevo Private Limited
1804	VN-19726-16	X-Plended Tablet 5mg	Pharmevo Private Limited	Pharmevo Private Limited
1805	VN-19543-15	Xylobalan Nasal Drop 0,05%	Warszawskie Zaklady Farmaceutyczne Polfa Spolka Akcyjna	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.
1806	VN-20388-17	Yasmin	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Cơ Sở Sản Xuất: Bayer Weimar Gmbh & Co. Kg; Cơ Sở Đóng Gói Và Xuất Xưởng: Bayer Ag
1807	VN-19182-15	Yesom 40	Hetero Labs Limited	Hetero Labs Limited
1808	VN-20407-17	Yolab	Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1809	VN-18796-15	Yolipraz-40	Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
1810	VN-18797-15	Yolipraz-80	Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3	M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd
1811	VN-15674-12	YSPBiotase	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
1812	VN-19544-15	Yspuripax	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.
1813	VN-17995-14	Yumangel	Công ty TNHH Đại Bắc	Yuhan Corporation
1814	VN-19209-15	Yumangel F	Công ty TNHH Đại Bắc	Yuhan Corporation
1815	VN-16470-13	Zanobapine	Noble Wellness Private Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1816	VN-20664-17	Zealargy	Cadila Pharmaceuticals Limited	Cadila Pharmaceuticals Limited
1817	VN-19835-16	Zebacef 125mg/5ml	Công ty cổ phần dược phẩm Zeta	Pharmavision San Ve Tic. A.S.
1818	VN-19836-16	Zebacef 300mg	Công ty TNHH dược phẩm A.C.T	Pharmavision San Ve Tic. A.S.
1819	VN-16339-13	Zecard-50	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1820	VN-15990-12	Zedcal	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm Ace	Meyer Organics Pvt.Ltd
1821	VN-19272-15	Zedcal OP Tablets	Meyer Healthcare Pvt. Ltd.	Meyer Organics Pvt., Ltd.
1822	VN-17887-14	Zefobol-SB 1000	Công ty TNHH Mtv Ân Phát	Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1823	VN-16433-13	Zegecid 20	Ajanta Pharma Ltd.	Ajanta Pharma Limited
1824	VN-20475-17	Zentocor 40mg	Công ty TNHH Một Thành Viên dược phẩm Trung Ương 1	Pharmathen International Sa
1825	VN-17836-14	Zestoretic-20	Astrazeneca Singapore Pte., Ltd.	Astrazeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1826	VN-17246-13	Zestril	Astrazeneca Singapore Pte., Ltd.	Astrazeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1827	VN-17247-13	Zestril	Astrazeneca Singapore Pte., Ltd.	Astrazeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1828	VN-17248-13	Zestril	Astrazeneca Singapore Pte., Ltd.	Astrazeneca Pharmaceutical Co., Ltd.
1829	VN-18988-15	Zidolam	APC Pharmaceuticals & Chemical Limited	Atra Pharmaceuticals Limited
1830	VN-20799-17	Zilamac 100	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1831	VN-19705-16	Zilamac-50	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Macleods Pharmaceuticals Ltd.
1832	VN-10706-10	Zinacef	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxosmithkline Manufacturing Spa
1833	VN-17385-13	Zinco	Il-Yang Pharm Co., Ltd	Berko Ilac Ve Kimya San. A.S
1834	VN-20346-17	Zinecox 200	SRS Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.
1835	VN-9663-10	Zinnat Suspension	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Glaxo Operations UK Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1836	VN-16326-13	Zinvel	Mega Lifesciences Public Company Limited	Gland Pharma Ltd.
1837	VN-16535-13	Zipicar (Carbocistein capsules 500mg)	Rotaline Molekule Private Limited	Flamingo Pharmaceuticals Limited
1838	VN-17348-13	Zogenex	Công ty TNHH dược phẩm Bách Việt	Pharmidea (Fab. Olaine)
1839	VN-20226-17	Zoladex	Astrazeneca Singapore Pte., Ltd.	Astrazeneca UK Ltd.
1840	VN-19298-15	Zolafren	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1841	VN-19299-15	Zolafren	Adamed Pharma S.A.	Adamed Pharma S.A.
1842	VN-19757-16	Zoledronic acid Actavis 4mg/5ml	Actavis International Ltd.	Actavis Italy S.P.A.
1843	VN-18478-14	Zolex 4mg	Mi Pharma Private Limited	Usv Private Limited
1844	VN-20343-17	Zonaxson	Pt. Novell Pharmaceutical Laboratories	Pt. Novell Pharmaceutical Laboratories
1845	VN-19889-16	Zopiclone Tablets 7.5mg	Công ty TNHH dược phẩm Y-Med	Jubilant Life Sciences Limited
1846	VN-17761-14	Zopucef-200	Micro Labs Limited	Micro Labs Limited
1847	VN-20562-17	Zoruxa	Mega Lifesciences Public Company Limited	Gland Pharma Ltd.
1848	VN-15819-12	Zovitit	Công ty TNHH dược phẩm Do Ha	S.C. Slavia Pharm S.R.L.
1849	VN-19585-16	ZT-Amox	Công ty TNHH Medfatop	Bilim Ilac Sanayi Ve Ticaret A.S
1850	VN-18930-15	Zuloxib 200	Lupin Limited	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit Ii
1851	VN-15258-12	Zyrova 10	Cadila Healthcare Ltd	Cadila Healthcare Ltd
1852	VN-15259-12	Zyrova 20	Cadila Healthcare Ltd	Cadila Healthcare Ltd
1853	VN-20768-17	Zyrtec	Glaxosmithkline Pte., Ltd.	Ucb Farchim S.A (Cơ Sở Đóng Gói Và Xuất Xưởng: Aesica Pharmaceuticals S.R.L, Địa Chỉ: Via Praglia, 15, 10044 Pianezza (To), Italy)
1854	VN-10534-10	Zytee - RB	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Raptakos, Brett & Co., Ltd.
1855	VN-19678-16	Zytiga (đóng gói+Xuất xưởng: Janssen-Cilag S.p.A; Đ/chỉ: Via C. Janssen (loc. Borgo S. Michele) - 04100 Latina (LT), Italy)	Công ty TNHH Johnson & Johnson (Việt Nam)	Patheon Inc.
1856	VN-19301-15	Zyvox	Pfizer (Thailand) Ltd.	Fresenius Kabi Norge AS

Phụ lục III

DANH MỤC VẮC XIN - SINH PHẨM CÓ GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG TỪ NGÀY HẾT HIỆU LỰC ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2024 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 3 NGHỊ QUYẾT SỐ 80/2023/QH15 NGÀY 09/01/2023 CỦA QUỐC HỘI (ĐỢT 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /QĐ-QLD ngày 08 /02 / 2023 của Cục Quản lý Dược)

(*) Ghi chú: Các thuốc khác đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết 80/2023/QH15 đang được tiếp tục cập nhật, bổ sung tại các đợt Quyết định tiếp theo.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
1	VN-18588-15	Actisoufre	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Laboratoires Grimberg S.A.
2	QLSP-1029-17	Actrapid	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
3	QLSP-889-15	Actrapid Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
4	QLVX-1077-17	Adacel	Sanofi Pasteur	Sanofi Pasteur Limited
5	QLSP-0797-14	Albiomin 20%	Công ty cổ phần thương mại dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
6	QLSP-0631-13	Albuman	Công ty cổ phần Medcomtech	Sanquin Plasma Products B.V.
7	QLSP-969-16	AlbuRx 20	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
8	QLSP-967-16	AlbuRx 25	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
9	QLSP-968-16	AlbuRx 5	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring AG
10	VN-16274-13	Albutein	Diethelm & Co., Ltd	Grifols Biologicals LLC
11	QLSP-900-15	Albutein 20%	Diethelm & Co., Ltd	Nhà sản xuất: Grifols Biologicals LLC. Cơ sở đóng gói: Grifols Biologicals LLC.
12	QLSP-875-15	Anaferon for children	OOO "NPF" MATERIA MEDICA HOLDING	OOO "NPF" MATERIA MEDICA HOLDING
13	VD-20517-14	Andonbio	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
14	QLSP-976-16	ANTIKANS	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco
15	QLSP-915-16	Apidra Solostar	SANOFI-AVENTIS SINGAPORE PTE. LTD.	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
16	QLSP-977-16	aseFloris	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
17	QLSP-1010-17	Avastin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.
18	QLSP-1011-17	Avastin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	F.Hoffmann-La Roche Ltd.
19	QLVX-1050-17	Avaxim 80 U Pediatric	Sanofi Pasteur	Sanofi Pasteur

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
20	QLSP-840-15	Baci-subti	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
21	QLSP-841-15	BACI-SUBTI	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
22	QLSP-833-15	BACIVIT	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
23	QLSP-834-15	BACIVIT-H	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
24	QLSP-0634-13	BAILUZYM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
25	QLSP-1007-17	BEAUTEM	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd
26	QLSP-911-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH/ Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
27	QLSP-912-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
28	QLSP-913-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
29	QLSP-914-16	Binocrit	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH / Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH
30	QLSP-819-14	BIOSUPTIN	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)	CÔNG TY TNHH SX-TM DƯỢC PHẨM NIC (NIC-PHARMA)
31	QLSP-946-16	BOLABIO	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
32	QLSP-997-17	BOTOX	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
33	QLSP-998-17	BOTOX	Allergan Singapore Pte. Ltd.	Allergan Pharmaceuticals Ireland
34	QLSP-1002-17	CIMAher	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Centro de Immunologia Molecular (CIM)
35	QLVX-1040-17	ComBe Five (liquid)	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Biological E. Limited
36	QLSP-1051-17	Diamisu 70/30 Injection	Getz Pharma (PVT) Ltd	Getz Pharma (PVT) Ltd
37	QLSP-941-16	DIAMISU R	GETZ PHARMA (PVT.) LTD.	GETZ PHARMA (PVT.) LTD.
38	QLSP-1048-17	Dodolac	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
39	QLSP-902-15	DOMUVAR	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
40	QLSP-1015-17	DYSPORT	Ipsen Pharma	Ipsen Biopharm Limited
41	QLSP-1016-17	DYSPORT	Ipsen Pharma	Ipsen Biopharm Limited
42	QLSP-860-15	EASYEF	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd	Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd
43	QLVX-0765-13	ENGERIX B	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GlaxoSmithKline Biological S.A
44	QLSP-0794-14	Enterobella	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
45	QLSP-0795-14	Enterobella	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar	Công ty cổ phần hóa-dược phẩm Mekophar
46	QLSP-955-16	Enterogolds	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang
47	QLSP-954-16	Enterogran	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang
48	QLSP-938-16	ENZICOBA	Công ty TNHH Dược phẩm VNP	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
49	VN-14503-12	Epokine Prefilled injection 2000 Units/0,5ml	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	CJ HealthCare Corporation
50	QLSP-0632-13	ERITROGEN	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thiên Phú Sinh	LABORATORIOS CLAUSEN SA.
51	QLSP-0633-13	ERITROGEN	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Thiên Phú Sinh	LABORATORIOS CLAUSEN SA.
52	QLVX-933-16	Euvax B	Sanofi Pasteur	LG Chem, Ltd.
53	QLVX-934-16	Euvax B	Sanofi Pasteur	LG Chem, Ltd.
54	QLSP-1000-17	FEIBA 25 E./ml	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
55	QLSP-917-16	Feronsure	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
56	QLSP-918-16	Feronsure	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NANOGEN	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NANOGEN
57	QLSP-1003-17	Ficocyte	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen
58	QLSP-0635-13	FILGEN	Công ty cổ phần hóa dược Hiệp Lực	LABORATORIOS CLAUSEN SA.
59	QLSP-0602-12	Flebogamma 5% DIF	Diethelm & Co., Ltd.	Instituto Grifols, S.A.
60	QLSP-0750-13	Flexbumin 20%	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta US Inc
61	QLSP-0749-13	Flexbumin 25%	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta US INC
62	QLSP-1065-17	Follitrope Prefilled Syringe 150IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
63	QLSP-1066-17	Follitrope Prefilled Syringe 225IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
64	QLSP-1067-17	Follitrope Prefilled Syringe 300IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
65	QLSP-1068-17	Follitrope Prefilled Syringe 75IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
66	VN-18963-15	Fostimonkit 150 IU/ml	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	Cơ sở sản xuất: IBSA Institut Biochimique SA.; Cơ sở xuất xưởng và kiểm tra chất lượng: IBSA Institut Biochimique SA.; Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp dung môi: IBSA Farmaceutici Italia Srl; Cơ sở đóng gói thứ cấp bộ sản phẩm: IBSA Institut Biochimique S.A.
67	VN-18964-15	Fostimonkit 75 IU/ml	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	Cơ sở sản xuất: IBSA Institut Biochimique SA.; Cơ sở xuất xưởng và kiểm tra chất lượng: IBSA Institut Biochimique SA.; Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp dung môi: IBSA Farmaceutici Italia Srl; Cơ sở đóng gói thứ cấp bộ sản phẩm: IBSA Institut Biochimique S.A.
68	QLVX-980-16	GC FLU pre-filled syringe inj	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Green Cross Corporation
69	VN-16311-13	Gemapaxane	Lifepharma S.p.A	Italfarmaco S.p.A
70	VN-16312-13	Gemapaxane	Lifepharma S.p.A	Italfarmaco S.p.A
71	VN-16313-13	Gemapaxane	Lifepharma S.p.A	Italfarmaco S.p.A
72	QLSP-1069-17	Glaritus	Wockhardt Limited	Wockhardt Limited
73	QLSP-959-16	Gonal-f	Merck Export GmbH	Merck Serono S.p.A
74	QLSP-945-16	GRAFEEL	DR. REDDY'S LABORATORIES LTD.	DR. REDDY'S LABORATORIES LTD.
75	QLSP-0753-13	GREEN-VIII inj.	GREEN CROSS CORPORATION	Green Cross Corporation
76	QLSP-858-15	Haemoctin SDH 250	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
77	QLSP-859-15	Haemoctin SDH 500	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
78	QLVX-0748-13	Heberbiovac HB	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
79	QLVX-0624-13	Heberbiovac HB (20mcg)	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
80	QLSP-0627-13	Heberitro	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	National Center for Bioproducts
81	QLSP-0810-14	HEBERVITAL	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and
82	QLSP-0779-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
83	QLSP-0780-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
84	QLSP-0781-14	HEMAPO	MEGA LIFESCIENCES PTY LIMITED	Shandong Kexing Bioproducts Co. Ltd.
85	QLSP-978-16	HEMOFIL M	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Baxalta US Inc.
86	QLSP-979-16	HEMOFIL M	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Baxalta US Inc.
87	VN-15617-12	Heparin	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Việt	Panpharma GmbH
88	QLSP-1012-17	Herceptin	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Cơ sở sản xuất: Genentech Inc.|Cơ sở sản xuất lọ dung môi: F. Hoffmann-La Roche Ltd. Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann-La Roche Ltd.
89	QLVX-1076-17	Hexaxim	Sanofi Pasteur	Sanofi Pasteur
90	QLSP-1036-17	Human Albumin 20% Behring, low salt	Unico Alliance Co., Ltd.	CSL Behring GmbH
91	QLSP-0701-13	Human Albumin Baxter 200g/l	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
92	QLSP-0702-13	Human Albumin Baxter 250g/l	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxter AG
93	QLSP-951-16	Humira	Zuellig Pharma Pte. Ltd	Nhà sản xuất: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG. (Đ/c: Schutzenstrasse 87 and 99-101, 88212 Ravensburg, Germany) Nhà xuất xưởng: Abbvie Biotechnology GmbH. (Đ/c: Knollstrasse 67061 Ludwigshafen, Germany)
94	QLSP-1037-17	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
95	QLSP-0397-11	I.V.-Globulin SN inj.	Green Cross Corporation	Green Cross Corporation
96	QLSP-818-14	IMMUBRON	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Bruschettini s.r.l.
97	QLSP-1062-17	Immunine 600	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte. Ltd	Baxter AG

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
98	QLSP-870-15	IMMUNOHBs	KEDRION S.p.A	KEDRION S.P.A
99	QLVX-1042-17	INDIRAB	Công ty cổ phần y tế AMV Group	Bharat Biotech International Limited
100	QLVX-989-17	Infanrix Hexa	GlaxoSmithKline Pte Ltd	GlaxoSmithKline Biological S.A
101	QLSP-1054-17	Insulatard	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
102	QLSP-960-16	Insulatard FlexPen 100 IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
103	QLSP-1025-17	Insulatard FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Producão Farmacêutica do Brasil Ltda.
104	QLSP-1031-17	Insulatard FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
105	QLSP-887-15	Insulatard Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
106	QLSP-847-15	INSUNOVA 30/70 (Biphasic)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
107	QLSP-0707-13	INSUNOVA-30/70 (Biphasic) Cartridge	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
108	QLSP-848-15	INSUNOVA-N (NPH)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
109	QLSP-0739-13	INSUNOVA-N (NPH) Cartridge	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
110	QLSP-849-15	INSUNOVA-R (Regular)	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
111	QLSP-0740-13	INSUNOVA-R (Regular) Cartridge	Mega Lifesciences Public Company Limited	Biocon Limited
112	QLSP-0802-14	INTRATECT	Công ty cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long.	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
113	QLSP-1018-17	IVF-M INJECTION 150 IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
114	QLSP-1019-17	IVF-M INJECTION 75 IU	LG Chem, Ltd.	LG Chem, Ltd.
115	QLSP-0642-13	KEDRIALB 200 g/l	KEDRION S.p.A	KEDRION S.p.A
116	QLSP-999-17	KIOVIG	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Baxalta Belgium Manufacturing SA
117	VD-19195-13	Labavie	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm	Công ty TNHH Liên doanh Hasan - Dermapharm
118	QLSP-939-16	LACBIOSYN	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
119	VD-21035-14	L-Bio	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
120	QLSP-852-15	L-BIO-N	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
121	VD-19149-13	Lengaza	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm
122	QLSP-1033-17	Levemir FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
123	VN-18296-14	Lomoh 40	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	Emcure Pharmaceuticals Ltd.
124	QLSP-892-15	Lovenox	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
125	QLSP-893-15	Lovenox	Sanofi-Aventis Singapore Pte. Ltd.	Sanofi Winthrop Industrie
126	QLSP-1052-17	Lucentis	Công ty TNHH Novartis Việt Nam	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Vetter Pharma - Fertigung GmbH & Co. KG Cơ sở đóng gói thứ cấp: Alcon-Couvreur NV
127	VN-17089-13	Lupiparin	Lupin Limited	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd
128	VN-18358-14	Lupiparin	Lupin Limited	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd
129	QLSP-836-15	Masozym	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
130	QLVX-1045-17	Measles , Mumps and Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Serum Institute of India Ltd
131	QLSP-0752-13	Menogon	Ferring Private Ltd	Nhà sản xuất: Ferring GmbH ; Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A.
132	QLSP-0751-13	Menopur	Ferring Private Ltd.	Nhà sản xuất: Ferring GmbH Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A.
133	QLSP-0807-14	Merika fort	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
134	QLSP-0808-14	Merika Probiotics	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT	Công ty TNHH MTV VẮC XIN PASTEUR ĐÀ LẠT
135	QLSP-947-16	MICEZYM 100	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM	Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM
136	QLSP-1055-17	Mixtard 30	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production SAS
137	QLSP-1056-17	Mixtard 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
138	QLSP-888-15	Mixtard 30 Penfill 100IU/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
139	QLVX-995-17	Mrvac	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y
140	QLSP-923-16	Nanokine 4000 IU	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược
141	QLSP-1070-17	Neupogen	Zuellig Pharma Pte. Ltd.	Amgen Manufacturing Limited
142	QLSP-0804-14	NEUTROMAX	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	BIO SIDUS S.A.
143	QLSP-844-15	Norditropin NordiFlex 5 mg/1.5 ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
144	QLSP-0793-14	NovoMix 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
145	QLSP-1028-17	NovoMix 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Producão Farmacêutica do Brasil Ltda.
146	QLSP-1034-17	NovoMix 30 FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S
147	QLSP-1023-17	NovoRapid	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
148	QLSP-0674-13	Novorapid FlexPen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
149	QLSP-963-16	Novorapid Flexpen	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk Production S.A.S.
150	QLSP-1064-17	Paringold injection	JW Pharmaceutical Corporation	JW Pharmaceutical Corporation
151	QLSP-0803-14	PENTAGLOBIN	Công ty cổ phần Thương mại Dược Hoàng Long.	Cơ sở xuất xưởng: Biotest Pharma GmbH/ Cơ sở chịu trách nhiệm sản xuất thành phẩm: Biotest AG
152	QLVX-991-17	Pentaxim	Sanofi Pasteur	Nhà sản xuất: Sanofi Pasteur Cơ sở gia công đóng ống, đông khô vắc xin Hib: Sanofi S.P.A.
153	QLSP-842-15	PRO-ACIDOL PLUS	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang
154	QLSP-0796-14	ProAlb	Công ty TNHH Reliv Pharma	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd
155	QLSP-0737-13	Probio IMP	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM
156	QLSP-1047-17	Probioticslactomin Plus	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
157	QLSP-903-15	PROGERMILA	Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
158	QLSP-0764-13	ProIVIG	Công ty TNHH Reliv Pharma	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd
159	QLVX-987-17	QUIMI-HIB	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Center for Genetic Engineering and

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
160	QLSP-1017-17	Recombinant Human Erythropoietin for	Laboratorios Recalcine S.A	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., Ltd.
161	QLSP-871-15	REGREL 0,01% GEL	Mega Lifesciences Public Company Limited	Virchow Biotech Private Limited
162	QLSP-0811-14	RELIPOREX 2000 IU	L.B.S. Laboratory Ltd. Part.	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd
163	QLSP-0812-14	RELIPOREX 4000 IU	L.B.S. Laboratory Ltd. Part.	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd
164	QLSP-1001-17	REMSIMA	Celltrion Healthcare Co., Ltd	Celltrion, Inc.
165	QLSP-905-15	REPLENINE - VF	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Nhà sản xuất thuốc bột: Bio Products Laboratory Limited; Nhà sản xuất nước cất pha tiêm: Hameln Pharmaceuticals GmbH
166	QLVX-1049-17	Rotarix	GlaxoSmithKline Pte. Ltd.	Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A, ; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A
167	QLVX-1039-17	Rotavin	Trung tâm Nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm Y	Trung tâm Nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm Y
168	QLVX-0651-13	RS.JEV	Công ty cổ phần y tế Đức Minh	Chengdu Institute of Biological Products Co., Ltd.
169	QLSP-929-16	Ryzodeg Flextouch 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
170	QLSP-928-16	Ryzodeg Penfill 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
171	QLSP-0648-13	SCILIN M30 (30/70)	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
172	QLSP-895-15	SCILIN M30 (30/70)	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A.
173	QLSP-0649-13	SCILIN N	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
174	QLSP-850-15	SCILIN N	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A.
175	QLSP-0650-13	SCILIN R	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	Bioton S.A
176	QLSP-953-16	Scitropin A	Scigen Pte Ltd.	Sandoz GmbH
177	QLSP-952-16	Scitropin A 5mg/1.5ml	Scigen Pte Ltd	Sandoz GmbH
178	QLSP-1022-17	Simulect	Novartis Pharma Services AG	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG|cơ sở sản xuất ống dung môi: Takeda Austria GmbH
179	QLVX-1041-17	SPEEDA	Công ty TNHH dược phẩm Biển Loan	LIAONING CHENG DA BIOTECHNOLOGY Co., Ltd

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
180	QLSP-966-16	Superferon	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
181	QLSP-930-16	Tresiba Flextouch 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
182	QLSP-932-16	Tresiba Flextouch 200U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
183	QLSP-931-16	Tresiba Penfill 100U/ml	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
184	QLVX-964-16	Typhim Vi	Sanofi Pasteur	Cơ sở sản xuất: Sanofi Pasteur Cơ sở đóng ống bán thành phẩm cuối (FBP) và kiểm tra test vô trùng thành phẩm đóng ống bổ sung: Sanofi
185	QLVX-965-16	Vắc xin bạch hầu – ho gà – uốn ván hấp phụ (DPT)	Viện vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC)	Viện vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC)
186	QLVX-996-17	Vắc xin phòng lao (BCG)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)
187	QLVX-1047-17	Vắc xin Thương hàn Vi	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt
188	QLVX-1046-17	Vắc xin Varicella sống giảm độc lực-Varicella Vaccine-GCC Inj	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Green Cross Corporation
189	QLVX-1043-17	Vắc xin Viêm gan B tái tổ hợp - Gene-Hbvax	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1
190	QLVX-1044-17	Vắc xin Viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBvax	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1
191	QLVX-909-15	Varivax	Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd.	Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Corp; Cơ sở sản xuất dung môi: Jubilant HollisterStier LLC; Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V
192	QLVX-986-16	Verorab Vắc xin dại (bất hoạt), điều chế trên canh cấy tế bào	Sanofi Pasteur	NSX: Sanofi Pasteur Cơ sở gia công sản xuất dung môi đóng trong ống: HAUPT PHARMA LIVRON
193	QLSP-1024-17	Victoza	Novo Nordisk A/S	Novo Nordisk A/S
194	VN-13913-11	Wosulin 30/70	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Limited
195	VN-13425-11	Wosulin-N	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Ltd.
196	VN-13426-11	Wosulin-R	Wockhardt Ltd.	Wockhardt Ltd.
197	QLSP-1004-17	Xeomin	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Merz Pharma GmbH & Co. KGaA

STT	Số đăng ký	Tên thuốc	Cơ sở đăng ký	Cơ sở sản xuất
198	QLSP-1005-17	Xeomin	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Merz Pharma GmbH & Co. KGaA
199	QLSP-1020-17	Zarzio	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH|Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH|Cơ sở đóng gói thứ cấp: Sandoz GmbH-BP Schaftenau
200	QLSP-1021-17	Zarzio	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Cơ sở sản xuất: IDT Biologika GmbH|Cơ sở xuất xưởng: SANDOZ GmbH|Cơ sở đóng gói thứ cấp: Sandoz GmbH-BP Schaftenau
201	QLSP-910-15	Zentomyces	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
202	QLSP-0745-13	ZENTOZIN	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR-AUSTRAPHARM
203	QLSP-1063-17	Zomacton 4mg	Ferring Private Ltd	Cơ sở sản xuất lọ thuốc bột: Ferring GmbH|Cơ sở sản xuất dung môi: Wasserburger Arzneimittelwerk GmbH|Cơ sở đóng gói: Ferring International Center S.A